

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN
----- 000 -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở
“Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

HẢI PHÒNG, THÁNG 11 NĂM 2024

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

----- o0o -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở
“Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đào Đăng Kiên

HẢI PHÒNG, THÁNG 11 NĂM 2024

MỤC LỤC

Mục lục	1
Danh mục các từ viết tắt	3
Danh mục bảng	4
Danh mục hình	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ Cơ sở	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên Cơ sở	7
1.3. Công suất, công nghệ sản xuất của Cơ sở	10
1.3.1. Công suất của Cơ sở	10
1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở	11
1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở	15
1.4. Nguyên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở	17
1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở	26
1.5.1. Cơ cấu sử dụng đất	26
1.5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở	27
1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất	28
1.5.4. Tổ chức quản lý và vận hành Cơ sở	31
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	32
2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	32
2.2. Sự phù hợp của Cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường	33
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA Cơ sở	36
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	36
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	36
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	39
3.1.3. Xử lý nước thải	42
3.1.4. Thu gom và thoát nước thử kín sản phẩm	45
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	45

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

3.2.1. Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch	45
3.2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ quá trình sơn	49
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	53
3.3.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt.....	53
3.3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động chất thải rắn thông thường.....	54
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	56
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	59
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	59
3.7. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường	64
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	65
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	65
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	66
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	69
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn.....	71
Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	74
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	74
5.1. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:	74
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải	76
5.4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường	80
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH quan trắc môi trường của Cơ sở.....	81
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở.....	81
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	81
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	83
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	84

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCT	: Bộ Công thương
BLĐTBXH	: Bộ lao động thương binh xã hội
BVMT	: Bảo vệ môi trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
BYT	: Bộ Y tế
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
CP	: Chính phủ
KCN	: Khu công nghiệp
KKT	: Khu kinh tế
PCCC&CNCH	: Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	: Tài nguyên môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ khu đất của Cơ sở.....	7
Bảng 1.2. Quy mô công suất của Cơ sở	11
Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên liệu của Cơ sở	18
Bảng 1.4. Thành phần hóa chất sử dụng tại Cơ sở.....	19
Bảng 1.5. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở.....	24
Bảng 1.6. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở.....	25
Bảng 1.7. Cơ cấu sử dụng đất của Cơ sở.....	26
Bảng 1.8. Hạng mục công trình xây dựng.....	27
Bảng 1.9. Danh sách máy móc thiết bị của Cơ sở.....	28
Bảng 2.1. Bảng tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ	34
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của bể phốt	43
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của bể tách dầu mỡ.....	44
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của bể gom	44
Bảng 3.4. Bảng kê khối lượng CTRCTT tại Cơ sở	55
Bảng 3.5. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại tại Cơ sở.....	56
Bảng 3.6. Thống kê các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	64
Bảng 5.1. Kết quả phân tích nước thải định kỳ tại Cơ sở.....	74
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực làm việc định kỳ tại cơ sở	76
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ tại cơ sở	80
Bảng 6.1. Chương trình giám sát môi trường định kỳ tại Cơ sở.....	82

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Định vị khu đất của Cơ sở	8
Hình 1.2. Sơ đồ Mối quan hệ của Cơ sở với các đối tượng xung quanh Cơ sở	9
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ.....	12
Hình 1.4. Hình ảnh sản phẩm của Nhà máy	17
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa	36
Hình 3.2. Hình ảnh thu gom, tiêu thoát nước mưa tại Cơ sở	37
Hình 3.3. Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở.....	38
Hình 3.4. Sơ đồ thu gom nước thải tại Cơ sở	39
Hình 3.5. Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước thải của Cơ sở.....	41
Hình 6.1. Sơ đồ vị trí giám sát môi trường định kỳ	83

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ Cơ sở: Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại: (0225) 2299201/2299202
- Website: www.vhe.com.vn
- Người đại diện pháp luật: Ông **Đào Đăng Kiên**
- + Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Căn cước công dân số: 034074023593
- + Ngày cấp: 31/08/2021
- + Nơi cấp: Cục cảnh sát
- + Địa chỉ thường trú: Số 1 đường 2B, KĐT Waterfront, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- + Chỗ ở hiện tại: Số 1 đường 2B, KĐT Waterfront, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0200811608 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 11 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3812648404, chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 03 năm 2016 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

1.2. Tên Cơ sở

- Tên Cơ sở: Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE.

- Địa điểm thực hiện: Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Vị trí địa lý: Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE ” của Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn được thực hiện trên diện tích 16.543 m² tại Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 413044 ngày 01/12/2016 số vào sổ cấp GCN: CT06458 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp với:

+ Thời gian sử dụng đất: đến ngày 23/6/2058.

+ Mục đích sử dụng đất: Đất công nghiệp (xây dựng nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí).

+ Nguồn gốc sử dụng: Thuê lại đất của Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ.

- Vị trí, ranh giới khu đất được mô tả như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ khu đất của Cơ sở

Ký hiệu	Tọa độ của Cơ sở (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)		Ghi chú
	X	Y	
1	2303048.107	606111.020	
2	2302946.708	606239.889	
3	2302865.011	606208.165	
4	2302865.956	606181.263	
5	2302969.742	606049.360	
6	2303004.413	606076.640	
1	2303048.107	606111.020	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án đầu tư của Cơ sở:

+ Cơ quan phê duyệt Dự án đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Dự án số: 381264404 chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2016.

+ Cơ quan phê duyệt Giấy phép xây dựng: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy phép xây dựng cho Dự án số: 265/GPXD- BQL ngày 24 tháng 01 năm 2017.

- Quyết định số: 2754/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE do Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn làm chủ đầu tư.

- Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE có tổng vốn đầu tư **115.000.000.000** đồng (*Một trăm mười lăm tỷ đồng*) tương đương với dự án nhóm B theo quy định tại mục IV phần B phụ lục I Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công (*tổng mức đầu tư từ 45 đến dưới 800 tỷ đồng*).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Gia công, cơ khí.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại STT2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Căn cứ Khoản 2, Điều 39 và Điểm c, Khoản 3, Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020: Cơ sở Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường, thẩm quyền cấp phép của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

1.3. Công suất, công nghệ sản xuất của Cơ sở

1.3.1. Công suất của Cơ sở

- Công suất Nhà máy năm 2023: 3.368 tấn sản phẩm/năm.

- Công suất Nhà máy năm 2024: 3.814 tấn sản phẩm/năm.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Công suất của cơ sở lớn nhất theo nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt:
- + Quy mô công suất: 5.000 tấn sản phẩm/năm, cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Quy mô công suất của Cơ sở

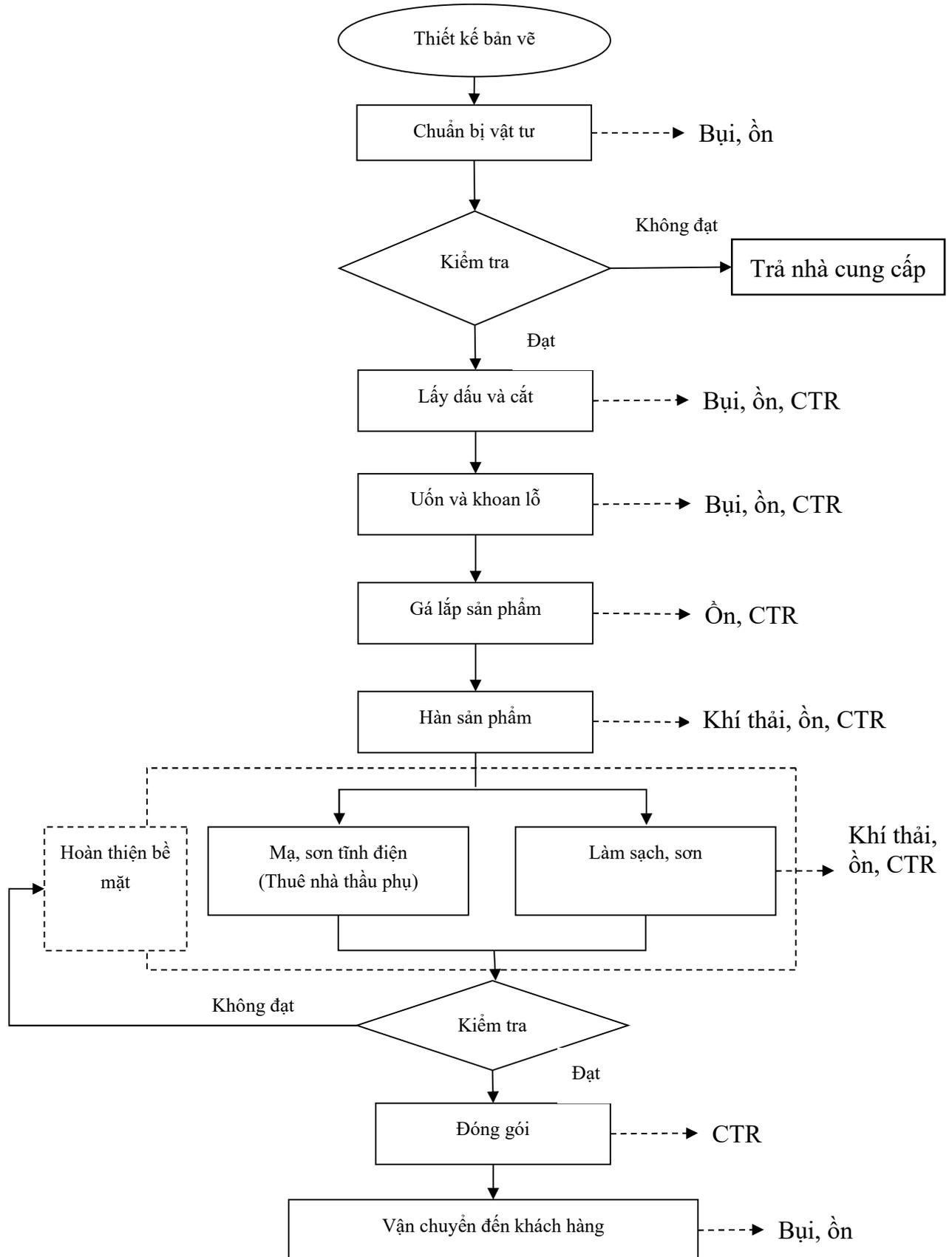
STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Công suất	Ghi chú
1	Kết cấu thép	Tấn/năm	2.000	
2	Hệ thống đường ống	Tấn/năm	2.000	
3	Thiết bị cơ khí	Tấn/năm	1.000	
Tổng		Tấn/năm	5.000	

1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở

Công nghệ sản xuất của Cơ sở không thay đổi so với nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt theo Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND thành phố Hải Phòng, cụ thể:

❖ Sơ đồ quy trình công nghệ:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**



Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ

❖ **Thuyết minh quy trình công nghệ:** Quy trình công nghệ của Cơ sở được thực hiện theo các bước sau:

➤ *Bước 1: Thiết kế bản vẽ*

Sau khi nhận yêu cầu và bản vẽ từ khách hàng hoặc từ Công ty, phòng kỹ thuật sẽ thiết kế bản vẽ chi tiết, bản vẽ chế tạo sau đó sẽ phê duyệt và phát hành bản vẽ chế tạo.

➤ *Bước 2: Chuẩn bị vật tư*

Căn cứ bản vẽ chế tạo và định mức nguyên vật liệu, phòng cung ứng lên kế hoạch mua sắm và nhập vật tư nguyên liệu để chuẩn bị sản xuất. Vật tư - nguyên liệu chính phục vụ sản xuất như: thép tấm, thép hình...; vật tư phụ trợ như: dây hàn, que hàn, đá cắt, đá mài,...

➤ *Bước 3: Kiểm tra vật tư*

Nguyên, phụ liệu sau khi nhập về sẽ được phòng QA.QC kiểm tra chủng loại, kích thước, bề mặt vật tư; kiểm tra chứng chỉ, xuất xứ của vật liệu và lập báo cáo kiểm tra vật tư. Nguyên, phụ liệu đạt yêu cầu sẽ chuyển sang phòng sản xuất; nguyên phụ liệu không đạt trả lại nhà cung cấp.

➤ *Bước 4: Lấy dấu và cắt*

Nguyên liệu: thép tấm, thép hình được kiểm tra chủng loại trước khi cắt. Sau đó đặt nguyên liệu lên sàn phẳng lấy dấu chi tiết theo kích thước bản vẽ. Việc lấy dấu sử dụng biện pháp thủ công hoặc CNC. Sau đó tiến hành cắt nguyên liệu đã lấy dấu theo kích thước bản vẽ bằng phương pháp thủ công hoặc CNC. Bán sản phẩm sau công đoạn cắt sẽ được kiểm tra kích thước theo bản vẽ chế tạo và chỉnh sửa ngay nếu không đạt.

➤ *Bước 5: Uốn và khoan lỗ*

Bán sản phẩm sau cắt sẽ tiến hành uốn và khoan lỗ theo bản vẽ chế tạo. Sau khi uốn và khoan, bán sản phẩm sẽ được kiểm tra kích thước, vị trí theo bản vẽ chế tạo và chỉnh sửa ngay nếu không đạt.

➤ *Bước 6: Gá sản phẩm*

Tiến hành nghiên cứu bản vẽ chế tạo trước khi gá lắp. Chuẩn bị thiết bị và đồ gá sau đó tiến hành gá sản phẩm theo yêu cầu của bản vẽ. Sau khi gá, cụm chi tiết gá sẽ được kiểm tra kích thước, vị trí, vát mép trước khi chuyển sang công đoạn hàn. Cụm chi tiết không đạt yêu cầu sẽ được đưa về các công đoạn tiếp theo để sửa chữa và hoàn thiện lại.

➤ *Bước 7: Hàn sản phẩm*

Cụm chi tiết sau khi gá sẽ được chuyển sang công đoạn hàn để kết nối cụm sản phẩm theo yêu cầu. Các sản phẩm khác nhau sẽ sử dụng công nghệ hàn khác nhau. Đối với các sản phẩm kết cấu thép sử dụng công nghệ hàn mig; sản phẩm hệ thống ống sử dụng công nghệ hàn tig; các sản phẩm thiết bị cơ khí sử dụng công nghệ hàn que và hàn mig. Sau quá trình hàn, các mối hàn sẽ được vệ sinh sạch sẽ sau đó tiến hành kiểm tra không phá hủy mối hàn hoặc kiểm tra thử kín bằng nước đối với các sản phẩm bồn bể.

➤ *Bước 8: Hoàn thiện bề mặt*

Sau công đoạn hàn sản phẩm sẽ đưa sang công đoạn hoàn thiện bề mặt sản phẩm trước khi chuyển sang công đoạn kiểm tra, đóng gói.

- Đối với các sản phẩm có yêu cầu mạ hoặc sơn tĩnh điện được chuyển đến nhà thầu phụ để mạ hoặc sơn tĩnh điện cho sản phẩm. Nhà máy không có khu vực mạ và sơn tĩnh điện.

- Đối với các sản phẩm không yêu cầu mạ và sơn tĩnh điện được sử dụng sơn thường (sơn tay và phun sơn) thì được chuyển qua Phòng làm sạch trước khi sơn.

+ Phòng làm sạch có diện tích 96 m² (dài x rộng: 16x6m) được thiết kế kín hoàn toàn, cấu tạo bằng khung sắt với công suất làm sạch 200 m²/ngày. Sử dụng công nghệ làm sạch bằng cách phun hạt mài trực tiếp vào bề mặt sản phẩm, không sử dụng dầu mỡ, chất làm sạch. Bụi kim loại phát tán trong phòng làm sạch được quạt hút thu vào hệ thống cyclone để tách bụi trước khi xả khí thải ra môi trường. Hạt mài thải vỡ, mặt thép từ quá trình làm sạch sẽ được thu gom cùng với bụi kim loại tại hệ thống cyclone tập kết về kho chất thải nguy hại của Nhà máy.

+ Sau quá trình làm sạch, sản phẩm được chuyển ra khỏi phòng làm sạch bằng hệ thống cầu trục 20T/5T để tiến hành sơn. Nhà máy sử dụng sơn nước và sơn thủ công bằng chổi quét sơn hoặc súng phun sơn.

➤ *Bước 9: Kiểm tra*

Sản phẩm sau khi sơn sẽ tiến hành kiểm tra đảm bảo chiều dày lớp phủ, bề mặt theo yêu cầu. Sản phẩm không đạt sẽ quay lại công đoạn sơn để sửa chữa và khắc phục. Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang công đoạn đóng gói ngay trong xưởng sơn.

➤ *Bước 10. Đóng gói - vận chuyển*

Sản phẩm sau kiểm tra đạt yêu cầu sẽ được đóng gói, đóng kiện, căn kê, dán tem

nhãn sau đó được kiểm tra tình trạng bao gói, an toàn của sản phẩm trong quá trình vận chuyển sau đó được vận chuyển theo kế hoạch giao hàng.

❖ Nguồn thải

- Bụi, Khí thải: Phát sinh từ công đoạn vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm; từ công đoạn cắt, hàn, làm sạch bề mặt và sơn.

- CTNH: Phát sinh từ công đoạn sơn: thùng sơn, cặn sơn, que hàn thải.

- CTCNTT: Phát sinh từ công đoạn cắt, gá, đóng gói: đầu mẫu thép, bao bì nilon, carton thải...

- Tiếng ồn: Phát sinh từ hầu hết các công đoạn sản xuất của Nhà máy.

1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở

Sản phẩm của Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE là kết cấu thép; hệ thống đường ống và thiết bị cơ khí dùng cho các nhà máy công nghiệp nặng như: Nhà máy lọc dầu, nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng...

- Hệ thống quản lý nhà máy đang áp dụng: ISO 9001:2008; ISO 3834-2:2021

- Hình ảnh một số sản phẩm của Nhà máy được thể hiện tại hình sau:



*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”*



Hệ thống làm mát

Kết cấu phụ trợ

Đường thông gió

Sàn thao tác, cầu thang ...

Hệ thống đường ống cỡ nhỏ

Các đường ống thép trắng, thép mạ nhôm nóng (ASTM A106-B, A53-B, JIS STPG370, STK400, SGP...)

Các đường ống hợp kim nhôm (P11, P22, P91...)



Hệ thống ống cỡ lớn

Ống đi ngầm dưới đất, có bọc bảo vệ bên ngoài

Ống dẫn nước tuần hoàn, lót cao su bên trong

Thiết bị áp lực

Đáp ứng theo tiêu chuẩn ASME Section VIII Division 1 & 2





Hình 1.4. Hình ảnh sản phẩm của Nhà máy

1.4. Nguyên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

a. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên liệu của Cơ sở

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng /năm 2023	Số lượng lớn nhất/năm
1.	Thép tấm, thép hình các loại	Tấn	3.387	5.081
2.	Sơn	Kg	7.200	10.800
3.	Dung môi pha sơn	Kg	800	1.200
4.	Khí O ₂ (Bình 135-145 at)	Bình	2.000	3.000
5.	Khí O ₂ lỏng	Bình	2.200	3.300
6.	Khí CO ₂ (Bình 25kg)	Bình	1.200	1.800
7.	Khí Argon (Bình 145-150 at)	Bình	420	630
8.	Khí gas (Bình 45kg)	Bình	195	293
9.	Dây hàn Tig	Kg	320	480
10.	Dây hàn Mig	Kg	12.150	18.225
11.	Dây hàn hồ quang	Kg	350	525
12.	Que hàn điện	Kg	1.522	2.283
13.	Hạt mài	Kg	3.000	4.500

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Thành phần và cảnh báo hóa chất sử dụng tại Cơ sở:

Bảng 1.4. Thành phần hóa chất sử dụng tại Cơ sở

STT	Tên	Khối lượng Kg/năm	Thành phần				Cảnh báo
			Tên	Công thức hóa học	Số cas	Tỷ lệ (%)	
1	Sơn Intergard 475 HS Ral9010 Pure White PT A	2.650	- Bisphenol a diglycidyl ether resin	C ₁₅ H ₁₆ O ₂	25068-39-6	10-25	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ cháy - Gây ngứa da - Có thể gây dị ứng - Gây ngứa mắt - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- Xylen	C ₈ H ₁₀	1330-20-7	2,5-10	
2	Sơn Intergard 475 HS Part B Tropical	1.450	- Fatty acids	-	106906-26-7	10-25	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ cháy - Gây ngứa da - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- Xylen	C ₈ H ₁₀	1330-20-7	2,5-10	
			- Benzyl alcohol	C ₇ H ₈ O	100-51-6	2,5-10	
			- Tris(dimethylaminomethyl)phenol	C ₁₅ H ₂₇ N ₃ O	90-72-2	1-2,5	
			- Triethylenetetramine	C ₆ H ₁₈ N ₄	112-24-3	<1	
			- Pentaazatridecane	C ₈ H ₂₃ N ₅	112-57-2	<1	
3	Sơn Interplate 317 Grey Part A	950	- Kẽm	Zn	7440-66-6	25-<50	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ cháy - Gây ngứa da - Gây tổn thương nghiêm trọng với mắt
			- Toluen	C ₇ H ₈	108-88-3	10-<25	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Tên	Khối lượng Kg/năm	Thành phần				Cảnh báo
			Tên	Công thức hóa học	Số cas	Tỷ lệ (%)	
			- Butanol	C ₄ H ₁₀ O	71-36-3	10-<25	- Ảnh hưởng đến bào thai - Có hại đối với động thực vật dưới nước
4	Son Interplate 317 Part B	2.150	- Isopropyl alcohol	C ₃ H ₈ O	67-63-0	>50	- Dễ cháy - Gây kích ứng da - Gây kích ứng mắt - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- Tetraethyl orthosilicate (Etyl Silicat)	C ₈ H ₂₀ O ₄ Si	78-10-4	2,5-10	
			- Ethanol	C ₂ H ₆ O	64-17-5	1-2,5	
5	Son Interthane 990 Ral 1018 Zinc Yellow PTA	650	- Xylen	C ₈ H ₁₀	1330-20-7	20-<30	- Dễ cháy - Gây kích ứng da - Gây kích ứng mắt - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- Ethyl acetate	C ₄ H ₈ O ₂	141-78-6	5-<10	
			- Ethylbenzene	C ₈ H ₁₀	100-41-4	2,5-<5	
			- 1-Methoxy-2-propyl acetate	C ₆ H ₁₂ O ₃	108-65-6	1-<2,5	
6	Son Intertherm 50 aluminium	350	- Siloxanes and Silicones	-	68037-85-4	20-50	- Dễ cháy - Gây kích ứng da - Có hại nếu hít phải - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- Xylen	C ₈ H ₁₀	1330-20-7	25-50	
			- Aluminum	Al	7429-90-5	10-25	
			- Solvent naphtha	C ₉	64742-94-5	10-25	
			- Poly (titanium butoxide)	C ₄ H ₁₀ OTi	9022-96-2	2,5-10	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Tên	Khối lượng Kg/năm	Thành phần				Cảnh báo
			Tên	Công thức hóa học	Số cas	Tỷ lệ (%)	
			- Toluen	C ₇ H ₈	108-88-3	<1	
7	Sơn Interzinc 2280 Greenish Grey Part A	1.250	- 1-Methoxy-2-propanol	C ₄ H ₁₀ O ₂	107-98-2	10-25	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ cháy - Có hại nếu nuốt phải - Có hại khi tiếp xúc với da - Kích ứng mắt - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- 2-Butoxyethanol	C ₆ H ₁₄ O ₂	111-76-2	10-25	
			- Xylene	C ₈ H ₁₀	1330-20-7	2,5-10	
			- Tetraethyl orthosilicate	C ₈ H ₂₀ O ₄ Si	78-10-4	2,5-10	
			- Ethylbenzene	C ₈ H ₁₀	100-41-4	1-2,5	
			- Axit clohydric	HCl	7647-01-0	<1	
8	Sơn Interzinc 52 Grey Part A	750	- Kẽm	Zn	7440-66-6	>50	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ cháy - Có hại nếu nuốt phải - Có hại khi tiếp xúc với da - Kích ứng mắt - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- Poly(Bisphenol A-co-epichlorohydrin) glycidyl end-capped	C ₃₆ H ₄₀ O ₆	25036-25-3	2,5-10	
			- Xylene	C ₈ H ₁₀	1330-20-7	2,5-10	
			- Solvent naphtha (petroleum), light arom	C ₆ H ₆ -C ₄ H ₁₁	64742-95-6	2,5-10	
			- Butanol	C ₄ H ₁₀ O	71-36-3	1-2,5	
			- 1,2,4-Trimethylbenzene	C ₉ H ₁₂	95-63-6	1-2,5	
9	Sơn Interzinc 52 Part B	600	- Butanol	C ₄ H ₁₀ O	71-36-3	10-25	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ cháy - Có hại nếu nuốt phải
			- Xylene	C ₈ H ₁₀	1330-20-7	10-25	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Tên	Khối lượng Kg/năm	Thành phần				Cảnh báo
			Tên	Công thức hóa học	Số cas	Tỷ lệ (%)	
	Tropical		- Solvent naphtha (petroleum), light arom	C ₆ H ₆ -C ₄ H ₁₁	64742-95-6	10-25	<ul style="list-style-type: none"> - Có hại khi tiếp xúc với da - Kích ứng mắt - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- 1,2,4-Trimethylbenzene	C ₉ H ₁₂	95-63-6	2.5-10	
			- Mesitylene	C ₉ H ₁₂	108-67-8	1-2,5	
10	Dung môi pha sơn Thinner 2	150	- Toluen	C ₇ H ₈	108-88-3	75-100	<ul style="list-style-type: none"> - Kích ứng mắt - Dễ cháy - Độc tính sinh sản - Kích ứng da - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- Methyl Ethyl Ketone	C ₄ H ₈ O	78-93-3	10-<25	
11	Dung môi pha sơn Thinner 10	450	- m- Xylen	C ₈ H ₁₀	108-38-3	25-<50	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ cháy - Kích ứng mắt - Kích ứng da - Gây ung thư - Có hại đối với động thực vật dưới nước
			- p-Xylen	C ₈ H ₁₀	106-42-3	10-<25	
			- Ethylbenzene	C ₈ H ₁₀	100-41-4	10-<25	
			- o - Xylen	C ₈ H ₁₀	95-47-6	10-<25	
			- Toluen	C ₇ H ₈	108-88-3	0,1-<1,0	
12	Dung môi pha sơn International Thinner	250	- Xylen	C ₈ H ₁₀	1330-20-7	>50	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ cháy - Kích ứng da - Kích ứng mắt - Kích ứng đường hô
			- Butyl acetat	C ₆ H ₁₂ O ₂	123-86-4	10-<25	
			- Ethyl Benzene	C ₈ H ₁₀	100-41-4	10-<25	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Tên	Khối lượng Kg/năm	Thành phần				Cảnh báo
			Tên	Công thức hóa học	Số cas	Tỷ lệ (%)	
							hấp - Gây buồn ngủ và chóng mặt
13	Dung môi pha sơn International Thinner-EQPT Cleaner GTA803	200	- Toluen	C ₇ H ₈	108-88-3	25-<50	- Dễ cháy - Gây kích ứng da - Gây kích ứng mắt - Gây hại cho thai nhi - Gây buồn ngủ và chóng mặt - Có hại cho sinh vật dưới nước
			- Isopropy alcol	C ₃ H ₈ O	67-63-0	25-<50	
			- Methyl Ethyl Ketone	C ₄ H ₈ O	78-93-3	25-<50	
14	Dung môi pha sơn International Thinner-EQPT Cleaner GTA220	150	- Xylen	C ₈ H ₁₀	1330-20-7	25-<50	- Dễ cháy - Gây kích ứng da - Gây kích ứng mắt - Gây hại cho thai nhi - Gây buồn ngủ và chóng mặt - Có hại cho sinh vật dưới nước
			- Solvent naphtha	C ₆ H ₆ -C ₄ H ₁₁	64742-95-6	25-<50	
			- 1-Butanol	C ₄ H ₁₀ O	71-36-3	10-<25	
			- 1,2,4-Trimethylbenzene	C ₉ H ₁₂	95-63-6	10-<25	
			- Ethyl Benzene	C ₈ H ₁₀	100-41-4	2,5-<10	
			- 1,3,5-Trimethylbenzene	C ₉ H ₁₂	108-67-8	2,5-<10	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

b. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

❖ *Dầu bôi trơn*

- Mục đích sử dụng: Bôi trơn động cơ dùng trong công đoạn kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị tại Cơ sở.

- Lượng sử dụng: 200-300 lít/năm.

- Nguồn cung cấp: Mua tại Cơ sở cung cấp trên địa bàn quận Hải An.

c. Nhu cầu sử dụng điện:

- Nguồn: Công ty TNHH Năng lượng xanh Deep C (Việt Nam).

- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động chiếu sáng, vận hành máy móc, thiết bị sử dụng điện của Cơ sở.

- Lượng sử dụng: Căn cứ theo hóa đơn điện năm 2023, năm 2024 khi Cơ sở đang hoạt động ổn định, lượng điện tiêu thụ tại Cơ sở khoảng: **36.811,1** kWh/tháng, cụ thể:

Bảng 1.5. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở

Stt	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
		(kWh/tháng)	(kWh/tháng)
1.	Tháng 1	29.116,4	22.336,0
2.	Tháng 2	34.343,0	19.226,0
3.	Tháng 3	27.945,2	35.550,0
4.	Tháng 4	39.475,2	33.213,0
5.	Tháng 5	28.853,6	38.529,6
6.	Tháng 6	45.038,4	54.430,8
7.	Tháng 7	28.575,2	47.772,8
8.	Tháng 8	35.973,2	49.334,8
9.	Tháng 9	27.128,4	38.545,6
10.	Tháng 10	46.874,8	38.912,8
11.	Tháng 11	54.699,4	31.190,4
12.	Tháng 12	46.872,8	29.529,2
Tổng (kWh/năm)		444.895,6	438.571,0
Trung bình theo tháng (kWh/tháng)		37.074,6	36.547,6
Trung bình theo tháng (kWh/tháng)		36.811,1	

(Nguồn: Hóa đơn tiền điện của Cơ sở 2023, 2024)

- Trạm biến áp: Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn có 01 trạm biến áp 22/04KV,

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

công suất 450 KV phục vụ cấp điện cho các hạng mục sản xuất trong Cơ sở.

- Máy phát điện: Cơ sở đầu tư 01 máy phát điện dự phòng công suất 250 KVA.

c. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp: Hệ thống cấp nước sạch chung của KCN Đình Vũ.

- Lượng nước sử dụng: Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng thu tiền nước năm 2022, 2023 giai đoạn vận hành ổn định của Cơ sở, nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở khoảng: 329,8 m³/tháng (tương đương 12,7 m³/ngày), lớn nhất 19 m³/ngày (tháng 12 năm 2023), cụ thể:

Bảng 1.6. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

Stt	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
		(m ³ /tháng)	(m ³ /tháng)
1.	Tháng 1	153,0	342,0
2.	Tháng 2	220,0	288,0
3.	Tháng 3	224,0	302,0
4.	Tháng 4	256,0	326,0
5.	Tháng 5	298,0	393,0
6.	Tháng 6	443,0	354,0
7.	Tháng 7	366,0	441,0
8.	Tháng 8	260,0	420,0
9.	Tháng 9	259,0	371,0
10.	Tháng 10	306,0	364,0
11.	Tháng 11	305,0	344,0
12.	Tháng 12	498,0	381,0
Tổng (m³/năm)		3.588,0	4.326,0
Trung bình theo tháng (m³/tháng)		299,0	360,5
Trung bình theo tháng (m³/tháng)		329,8	

(Nguồn: Hóa đơn tiền nước của cơ sở năm 2023, 2024)

Lượng sử dụng nước sạch tại Cơ sở được phân bổ như sau:

(1) Lượng nước cấp cho sinh hoạt

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Lượng nước cấp cho sinh hoạt của 200 cán bộ, công nhân viên: $200 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người.ca} \times 10^{-3} = 9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \approx 234 \text{ m}^3/\text{tháng}$ (Nhu cầu nước theo TCVN 13606:2023: Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế, định mức 45 l/người/ngày.đêm).

- Lượng cấp cho nhà ăn ca: $200 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người/xuất ăn} \times 10^{-3} = 5,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \approx 130 \text{ m}^3/\text{tháng}$. Theo TCVN 4513:1998 – Tiêu chuẩn cấp nước bên trong, đối với nhà ăn tập thể, tiêu chuẩn dùng nước là 18-25 l/người/xuất ăn.

Như vậy, nhu cầu sử dụng nước cấp sinh hoạt tại Cơ sở : $14 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

(2) Lượng nước cấp cho mục đích làm thử bồn kín

- Mục đích sử dụng: Thử độ kín các sản phẩm bồn, bể.

- Lượng nước cấp: Theo kinh nghiệm sản xuất tại Cơ sở lượng nước này tùy thuộc vào đơn hàng và nhu cầu sử dụng không thường xuyên. Nhu cầu nước cấp khi sử dụng khoảng: $3 \text{ m}^3/\text{lần thử}$.

(3) Lượng nước cấp làm mát máy cắt CNC bằng khí.

Các sản phẩm cần cắt CNC sẽ đưa vào khu vực cắt CNC, bàn cắt CNC có cấu tạo bể chứa nước phía dưới có kích thước Dài x rộng x cao: $13 \times 4 \times 0,3 = 15,6 \text{ m}^3$ với dung tích chứa nước bằng 1/3 thể tích bể tương đương $5,2 \text{ m}^3$. Lượng nước này không xả thải ra môi trường chỉ tiến hành bổ sung do thất thoát do quá trình bay hơi khoảng: 300-500 lít/ngày.

(4) Nước cấp cho mục đích tưới cây

- Mục đích sử dụng: Tưới cây vào những ngày nắng nóng với tần suất 02 lần/ngày và vào những ngày bình thường (không mưa) khoảng 03 lần/tuần.

- Lượng nước cấp: Khoảng $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

(5) Lượng nước cấp cho tập luyện PCCC

Ngoài lượng nước sử dụng thường xuyên là nước cấp cho sinh hoạt và nước cấp cho hoạt động tưới cây thì Công ty còn sử dụng nước cho tập luyện PCCC. Lượng nước này sử dụng không thường xuyên và có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện thời tiết và hoàn cảnh từng thời điểm sử dụng.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

1.5.1. Cơ cấu sử dụng đất

Bảng 1.7. Cơ cấu sử dụng đất của Cơ sở

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Diện tích xây dựng	4.676	28,27

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
2	Diện tích cây xanh	3.488	21,08
3	Diện tích bãi bê tông	4.833	29,21
4	Đường giao thông nội bộ	3.546	21,44
Tổng		16.543	100

1.5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở

Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE do Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn làm chủ có địa chỉ hoạt động tại Lô CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các hạng mục công trình chính của Cơ sở như sau:

Bảng 1.8. Hạng mục công trình xây dựng

STT	Công trình	Diện tích (m ²)		
		Theo GPXD	Theo ĐTM	Hoàn công
1	Nhà làm việc 03 tầng	573,22	450	450
2	Xưởng chính	3058,05	2.880	2.880
3	Xưởng làm sạch và bao gói	921,61	840	840
4	Nhà để dụng cụ	232,32	194	194
5	Nhà vệ sinh	50,91	39	39
6	Nhà để xe máy có mái	219,6	207	207
7	Nhà bảo vệ	20,98	11	12
8	Khu vực trạm biến áp	20	20	20
9	Bể nước PCCC 50 m ³	37,8	34	34
Tổng diện tích xây dựng		5134,49	4675	4676

Như vậy, các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở triển khai theo Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt theo Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Các hạng mục xây dựng có quy mô xây dựng nhỏ hơn Giấy phép xây dựng số 265/GPXD-BQL ngày 24/01/2017 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp.

Bản vẽ mặt bằng tổng thể của Nhà máy đính kèm Phụ lục Báo cáo.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất

Chi tiết các thiết bị chính phục vụ quá trình sản xuất của Cơ sở như sau:

Bảng 1.9. Danh sách máy móc thiết bị của Cơ sở

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ
1.	Máy cắt CNC	Chiếc	01	2016	Trung Quốc
2.	Máy lốc tôn	Chiếc	01	2016	Trung Quốc
3.	Máy chấn kim loại thủy lực	Chiếc	01	2018	Trung Quốc
4.	Máy đột dập liên hợp	Chiếc	01	2017	Trung Quốc
5.	Máy khoan từ Magroach	Chiếc	01	2021	Anh
6.	Máy nén khí làm sạch phun bi	Chiếc	01	2018	Việt Nam
7.	Máy vát mép ống ISY-351	Chiếc	01	2019	Việt Nam
8.	Cầu quay 2 tấn	Chiếc	01	2019	Việt Nam
9.	Bơm thủy lực	Chiếc	01	2021	Hàn Quốc
10.	Máy hàn bán tự động Mig/Mag	Chiếc	06	2021	Trung Quốc
11.	Máy hàn bán tự động có xung Mig/Mag	Chiếc	01	2022	Anh
12.	Máy đột lỗ	Chiếc	01	2022	Nhật Bản
13.	Máy phun sơn	Chiếc	04	2022 - 2024	Hàn Quốc
14.	Máy nén khí	Chiếc	01	2022	Đài Loan
15.	Máy hàn CO ₂ , Mag/Mag	Chiếc	10	2022 - 2024	Nhật Bản Hàn Quốc
16.	Máy hàn tig/que	Chiếc	03	2022 -2024	Trung Quốc Hàn Quốc
17.	Súng khò nhiệt	Chiếc	01	2022	Anh
18.	Máy cắt plasma Inverter	Chiếc	04	2023 -2024	Hàn Quốc
19.	Máy uốn kim loại 180 ⁰	Chiếc	01	2023	Trung Quốc
20.	Máy hàn Mig/Mag	Chiếc	07	2023 -2024	Nhật Bản

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ
21.	Máy gia nhiệt	Chiếc	01	2023	Trung Quốc
22.	Máy hàn CO ₂ /Mathyrristor	Chiếc	09	2023 - 2024	Nhật Bản
23.	Máy sấy khí	Chiếc	01	2023	Thụy Điển
24.	Máy uốn ống	Chiếc	01	2024	Trung Quốc
25.	Máy nén khí	Chiếc	01	2024	Trung Quốc
26.	Máy siết ốc	Chiếc	03	2024	Anh
27.	Củ kích 5 T	Chiếc	01	2024	Trung Quốc
28.	Đầu dò đo độ dày lớp phủ	Chiếc	09	2024	Trung Quốc Anh
29.	Máy mài góc	Chiếc	85	2024	Trung Quốc
30.	Máy mài thẳng	Chiếc	15	2024	Trung Quốc
31.	Kích thủy lực	Chiếc	07	2024	Trung Quốc
32.	Máy cắt dùng khí gas	Chiếc	09	2024	Trung Quốc
33.	Máy bắn đinh dùng hơi	Chiếc	01	2024	Trung Quốc
34.	Máy đo khoảng cách laser	Chiếc	01	2024	Malaysia
35.	Máy doa hơi	Chiếc	06	2024	Trung Quốc
36.	Máy hàn hồ quang	Chiếc	01	2024	Trung Quốc
37.	Máy hàn kim loại Inverter	Chiếc	05	2024	Trung Quốc
38.	Máy hàn que dùng điện	Chiếc	06	2024	Trung Quốc
39.	Máy hàn tig	Chiếc	02	2024	Trung Quốc
40.	Máy hàn tự động	Chiếc	02	2024	Trung Quốc
41.	Máy hút ẩm	Chiếc	02	2024	Canada
42.	Máy khoan cầm tay	Chiếc	03	2024	Nhật Bản
43.	Máy khoan búa	Chiếc	03	2024	Trung Quốc
44.	Máy khoan góc	Chiếc	06	2024	Nhật Bản

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ
45.	Máy khoan	Chiếc	04	2024	Nhật Anh
46.	Máy khuấy sơn	Chiếc	02	2024	Việt Nam
47.	Máy tẩy mối hàn	Chiếc	02	2024	Việt Nam
48.	Máy thủy bình Nikon	Chiếc	03	2024	Nhật Bản
49.	Súng phun sơn	Chiếc	04	2024	Trung Quốc
50.	Rùa hàn	Chiếc	03	2024	Trung Quốc
51.	Thước đo mối hàn	Chiếc	04	2024	Trung Quốc
52.	Xe nâng	Chiếc	01	2024	Trung Quốc
53.	Cầu trục 20T/5T	Chiếc	02	2017	Việt Nam
54.	Bán công trục 20T/5T	Chiếc	01	2017	Việt Nam
55.	Công trục 20T	Chiếc	01	2017	Việt Nam

1.5.4. Tổ chức quản lý và vận hành Cơ sở

Việc quản lý, triển khai Cơ sở cũng như điều hành và quản lý do Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn thực hiện. Tổ chức nhân sự tại Cơ sở như sau:

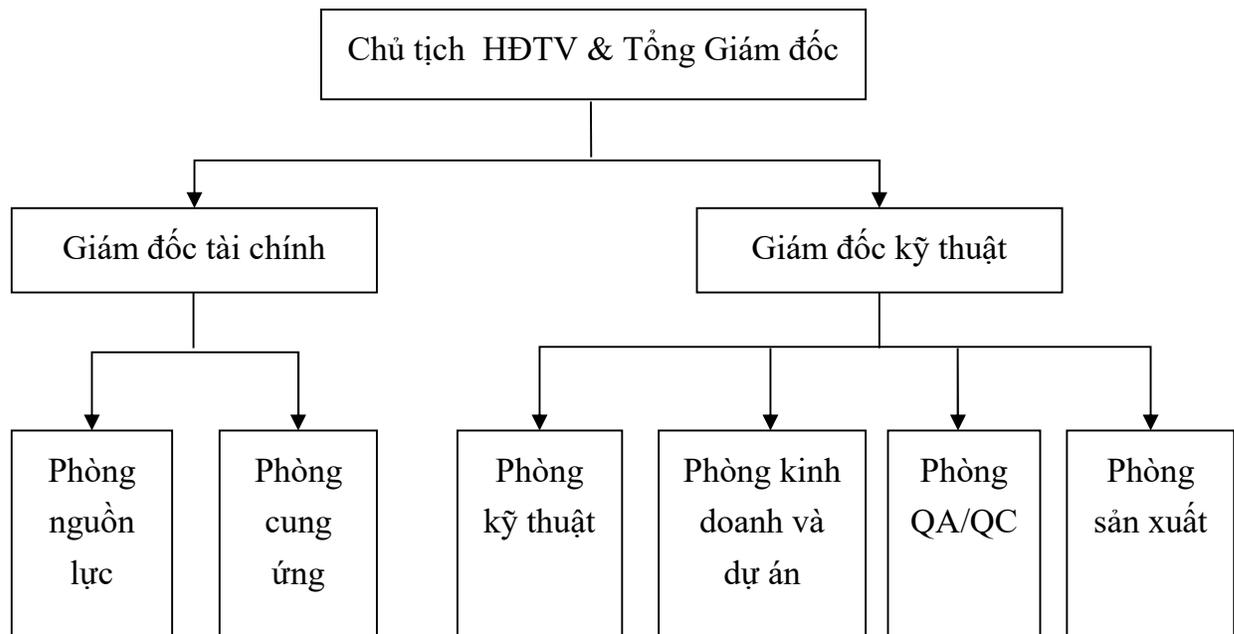
Tổng số lao động lớn nhất: 200 người với chế độ làm việc:

+ Chế độ làm việc: Hành chính

+ Số giờ làm việc trong một ngày: 08 tiếng/ngày

- Công ty bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm phụ trách công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở: Theo dõi, kiểm tra, hệ thống xử lý sơ bộ nước thải, tình hình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở, phối hợp với các đơn vị có chức năng tiến hành quan trắc môi trường định kỳ tại nhà máy và báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhân sự của Cơ sở như sau:



Hình 1.5. Sơ đồ tổ chức quản lý tại Công ty

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Sự phù hợp của Cơ sở so với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường không thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2754/QĐ-UBND ngày 08/11/2016.

Cơ sở phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính Phủ: Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường.

- Thành phố Hải Phòng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; động lực phát triển vùng Bắc Bộ và của cả nước; có công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường hàng không và đường nội địa; trong điểm dịch vụ logistics và du lịch; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế biển.

- Căn cứ theo Quyết định phê duyệt quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 tại phụ lục II phương án phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 kèm theo quyết định phê duyệt số 1516/QĐ-TTg. Khu công nghiệp Đình Vũ là một trong 14 Khu công nghiệp đã thành lập với diện tích quy hoạch 541,46 ha.

Như vậy, Cơ sở triển khai tại Lô đất CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng là phù hợp với quy hoạch của thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh số 3812648404 chứng nhận điều chỉnh lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2016 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Quy hoạch ngành nghề, phân khu chức năng của KCN Đình Vũ đã được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 774/QĐ-BXD ngày 11/5/2006 và đã được đánh giá tại Đề án Bảo vệ môi trường KCN Đình Vũ giai đoạn 1 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 97/QĐ-STNMT ngày 01/9/2009. Theo đó, Khu công nghiệp Đình Vũ là KCN đa ngành, bao gồm các ngành: công nghiệp nặng (sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, lắp ráp cơ khí, chế biến kim loại, công nghiệp hóa chất – hóa dầu); công nghiệp nhẹ (cơ khí chính xác, điện tử, chế biến thực phẩm, dược phẩm và công nghiệp phụ trợ cho công nghiệp nặng); công nghiệp phục vụ nông nghiệp (chế biến thức ăn gia súc, nông sản, thực phẩm, sản xuất cây trồng) và dịch vụ cảng biển. Cơ sở thuộc lô CN 4.4E của KCN Đình Vũ, thuộc phần diện tích dành cho ngành công nghiệp nặng, do vậy loại hình sản xuất hoàn toàn phù hợp với quy hoạch nêu trên.

Trên Cơ sở điều kiện hiện trạng, Khu công nghiệp Đình Vũ đáp ứng được khả năng hoạt động của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”.

2.2. Sự phù hợp của Cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường

Các chất thải có thể phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở bao gồm: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, bụi, khí thải.

Toàn bộ CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTNH được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng đưa đi xử lý.

- Bụi và khí thải của Cơ sở được thu gom và xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT.

- Nước thải tại Cơ sở được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày.đêm của Cơ sở “*Xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN Đình Vũ - Giai đoạn 2*”. Công suất của trạm xử lý nước thải là 6.000 m³/ngày đêm, tuy nhiên công suất thực tế của hệ thống trung bình khoảng 1.200 m³/ngày đêm, và cao nhất là hơn 2.000 m³/ngày đêm, lưu lượng nước thải trung bình chỉ chiếm khoảng 40% so với lượng nước cấp trung bình của KCN Đình Vũ giai đoạn I, giai đoạn II và KCN Deep C 2A, KCN Deep C 2B. Như vậy, nước thải của Cơ sở (phát sinh 17 m³/ngày) phù hợp với khả năng chịu tải của Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ.

* Về cơ sở pháp lý của việc đầu nối nước thải:

- Theo Thỏa thuận nguyên tắc 5 bên gồm: Công ty cổ phần KCN Đình Vũ (chủ đầu tư KCN Đình Vũ), Công ty cổ phần KCN Hải Phòng (Chủ đầu tư KCN Deep C2A),

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

Công ty cổ phần công nghiệp Hồng Đức (Chủ đầu tư KCN Deep C2B), Công ty TNHH Năng lượng xanh Deep C (Việt Nam) và Công ty TNHH Deep C Blue Hải Phòng thì: Công ty TNHH Deep C Blue Hải Phòng là đơn vị quản lý, vận hành hệ thống đường ống và phân phối nước sạch; hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn đã ký Hợp đồng tiện ích nước số IIVN.05/17 với Công ty TNHH Deep C Blue (trước đây là Công ty TNHH Infra Induss Việt Nam) ngày 09/02/2017 là đơn vị hạ tầng cấp thoát nước của KCN Đình Vũ. Theo đó, nước thải phát sinh của Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn sau khi được xử lý đảm bảo Tiêu chuẩn đầu nổi sẽ được đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ để xử lý.

- Bảng tiêu chuẩn nước đầu vào của KCN Đình Vũ:

Bảng 2.1. Bảng tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị nồng độ giới hạn tối đa cho phép đầu nổi
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	5-9
3	Mùi	-	-
4	Độ màu (Co-Pt ở pH = 7)	-	-
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	500
6	COD	mg/l	500
7	Chất rắn lơ lửng	mg/l	500
8	Asen	mg/l	0,1
9	Thủy ngân	mg/l	0,01
10	Chì	mg/l	0,5
11	Cadimi	mg/l	0,1
12	Crom (VI)	mg/l	0,1
13	Crom (III)	mg/l	1
14	Đồng	mg/l	2
15	Kẽm	mg/l	3
16	Niken	mg/l	0,5
17	Mangan	mg/l	1
18	Sắt	mg/l	5
19	Thiếc	mg/l	1
20	Xianua	mg/l	0,1
21	Phenol	mg/l	0,5
22	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

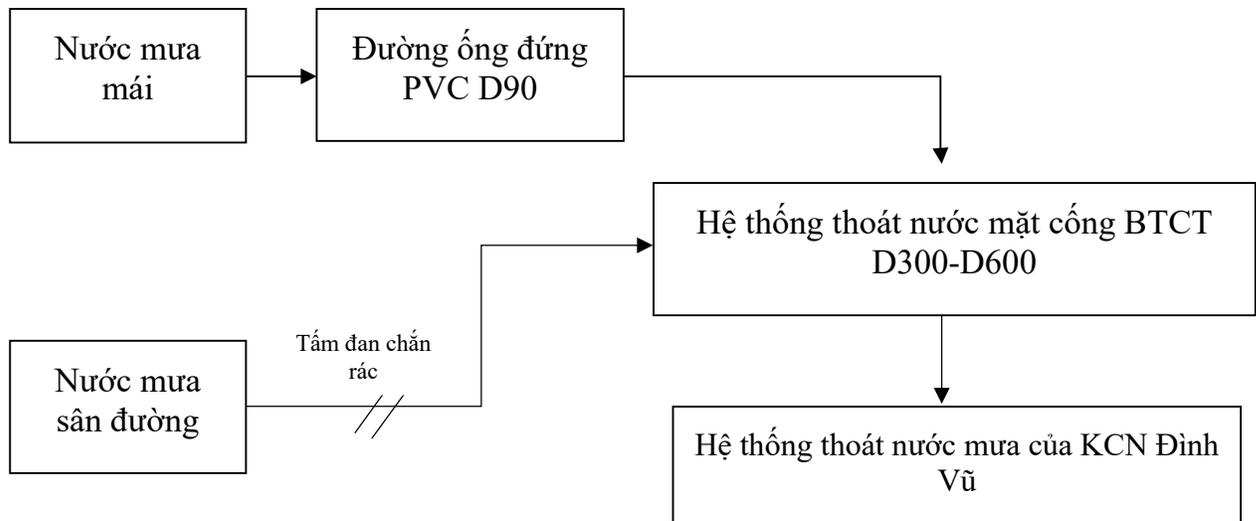
Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị nồng độ giới hạn tối đa cho phép đầu nổi
23	Dầu động thực vật	mg/l	30
24	Clo dư	mg/l	2
25	PCB	mg/l	0,01
26	Hoá chất bảo vệ thực vật lân hữu cơ	mg/l	0,3
27	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,1
28	Sunfua	mg/l	0,5
29	Florua	mg/l	10
30	Clorua	mg/l	1000
31	Amoni (<i>tính theo Nitơ</i>)	mg/l	10
32	Tổng Nitơ	mg/l	40
33	Tổng Phôtpho	mg/l	6
34	Coliform	MPN /100ml	10.000
35	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
36	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

a. Sơ đồ thu gom:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa

b. Thuyết minh sơ đồ thu gom nước mưa:

Khi mưa, nước mưa chảy tràn trên toàn bộ mặt bằng của Cơ sở, nước mưa chảy tràn trên mặt nền sân sẽ cuốn theo các chất bẩn như đất, cát, bụi,... xuống hệ thống rãnh thoát nước mặt và thường tập trung với khối lượng lớn trong thời gian ngắn.

Nước mưa chảy tràn trên mái các công trình văn phòng và các công trình phụ trợ được chảy vào các senô tới phễu thu vào đường ống đứng uPVC D90 vào hệ thống thoát nước mưa chảy tràn bề mặt.

Xung quanh khuôn viên nhà máy đã xây dựng đường ống công BTCT kích thước B300-B600. Trên hệ thống rãnh thoát nước mặt có bố trí tấm đan chắn rác giúp loại bỏ các loại rác có kích thước lớn chảy vào hệ thống thoát nước mặt gây ách tắc hệ thống như: lá cây, củi khô...

Sau đó, nước mưa tràn mặt của Cơ sở được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Đình Vũ.

c. Thông số kỹ thuật của công trình thu gom nước mưa:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Thoát nước mái: Đường ống uPCV D90.
- Thoát nước mặt:
 - + Ống cống BTCT D300 dài 233,4 m.
 - + Ống cống BTCT D400 dài 413 m.
 - + Ống cống BTCT D600 dài 156,4 m.
 - + Độ dốc: $I = 0,2\% - 0,35\%$.
 - + Trên hệ thống thoát nước mặt bố trí 27 hố ga lắng nước mặt.
- Cơ sở có 01 điểm đầu nổi nước mặt vào hệ thống thoát nước mặt của KCN Đình Vũ.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0).

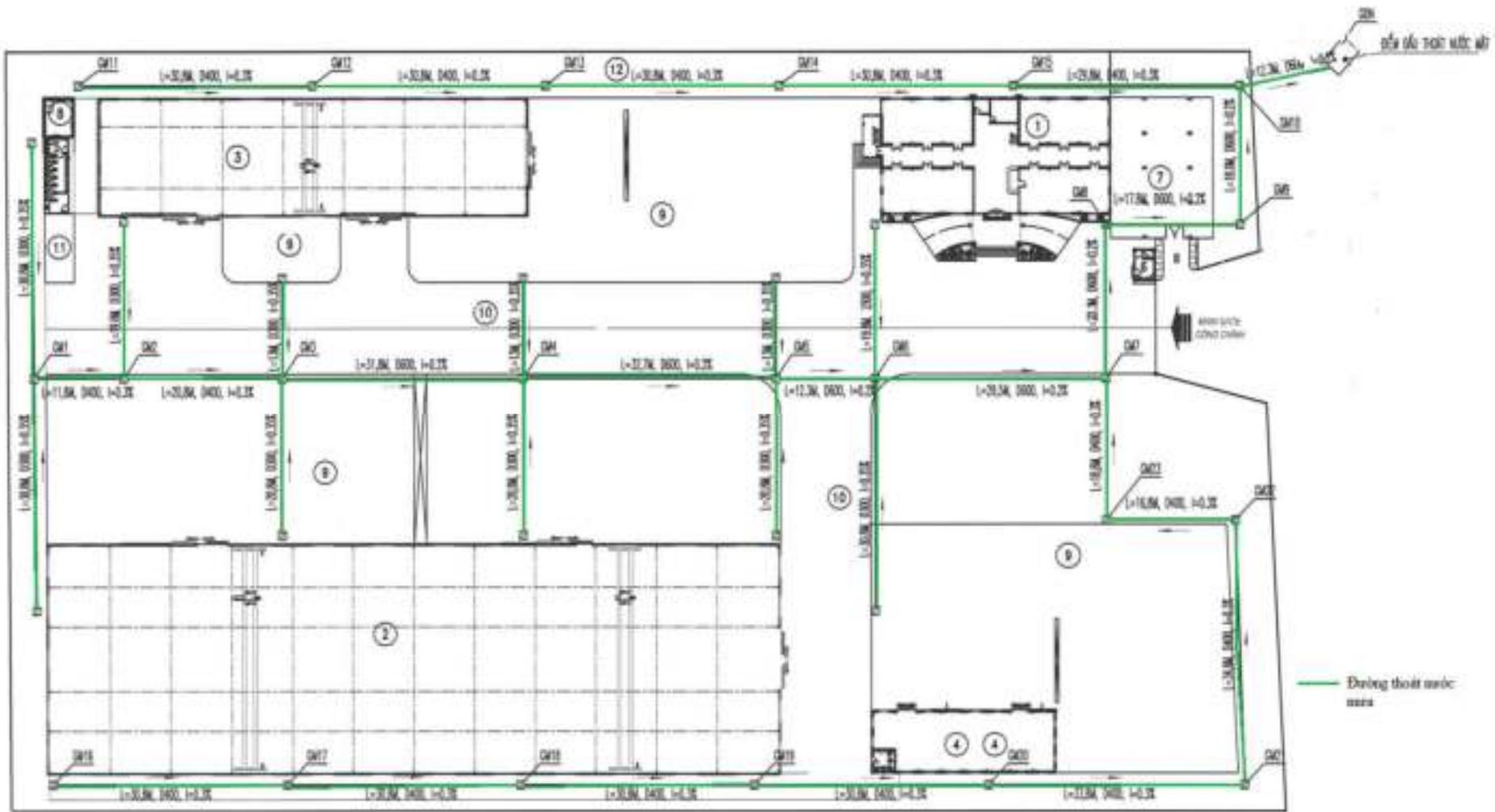
- Hình ảnh hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở:



Hình 3.2. Hình ảnh thu gom, tiêu thoát nước mưa tại Cơ sở

- Mô tả hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**



Hình 3.3. Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

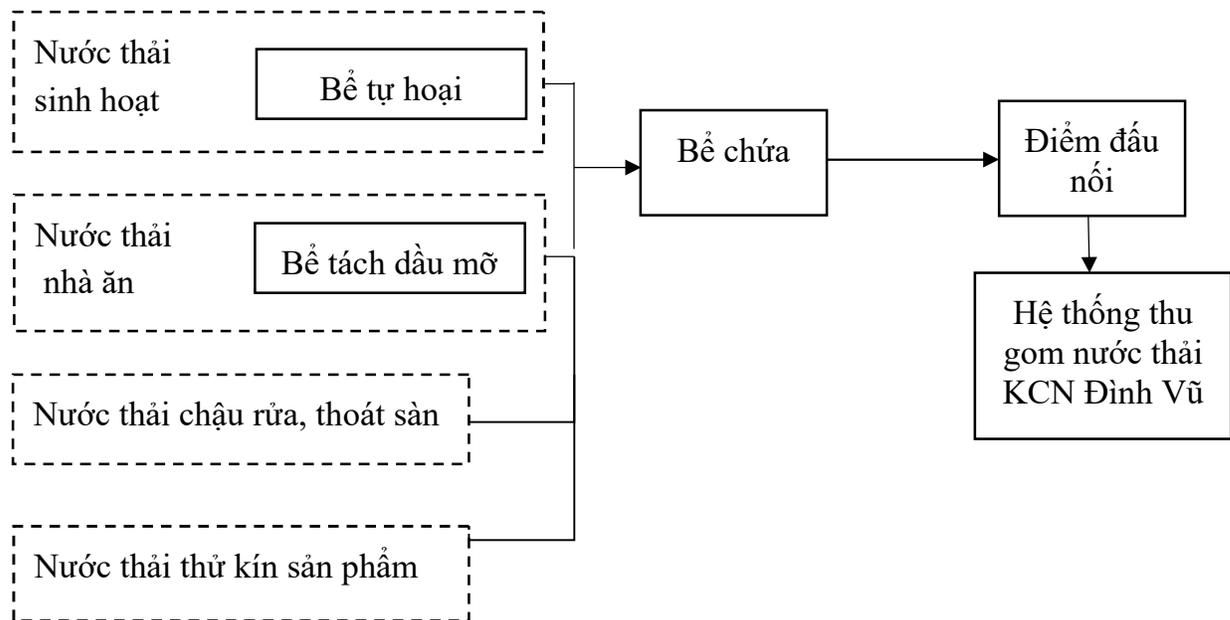
e. Biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước mưa:

Nước mưa chỉ bao gồm nước mưa chảy tràn trên mái công trình và sân đường nội bộ Cơ sở. Thành phần ô nhiễm nước mưa chỉ bao gồm cát, cành cây, lá khô... Vì vậy, Cơ sở có các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước mưa như sau:

- Thường xuyên nạo vét, vệ sinh hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.
- Dọn dẹp vệ sinh sân, đường nội bộ của Cơ sở tần suất 01 lần/ngày.
- Kiểm soát và thu gom các nguồn phát thải, không để rơi vãi, phát tán ra khu vực sân.
- Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho toàn thể hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải thâm nhập vào đường thoát nước mưa.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Sơ đồ thu gom nước thải:



Hình 3.4. Sơ đồ thu gom nước thải tại Cơ sở

b. Thuyết minh sơ đồ thu gom nước thải:

Nước thải đen từ 03 khu nhà vệ sinh (Nhà văn phòng làm việc, nhà để dụng cụ và nhà vệ sinh công nhân) theo đường ống dẫn uPCV D110 vào bể tự hoại 03 ngăn sau đó cùng với nước thải từ chậu rửa, nước thoát sàn; nước thải nhà ăn sau xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ và nước thử kín sản phẩm đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Cơ sở (có bố trí bố trí 13 ga lắng cặn) sau đó đầu nối vào Bể gom nước thải có bố trí bơm chìm bơm nước thải về điểm đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

bằng đường ống nhựa HDPE D100.

c. Thông số kỹ thuật của công trình thoát nước thải:

- Đường thoát nước thải bằng đường ống cống BTCT có đường kính D200-D300 với tổng chiều dài 335 m với độ dốc $i = 0,35-0,4\%$.

- Ga lắng cặn: 13 ga

d. Điểm xả nước thải:

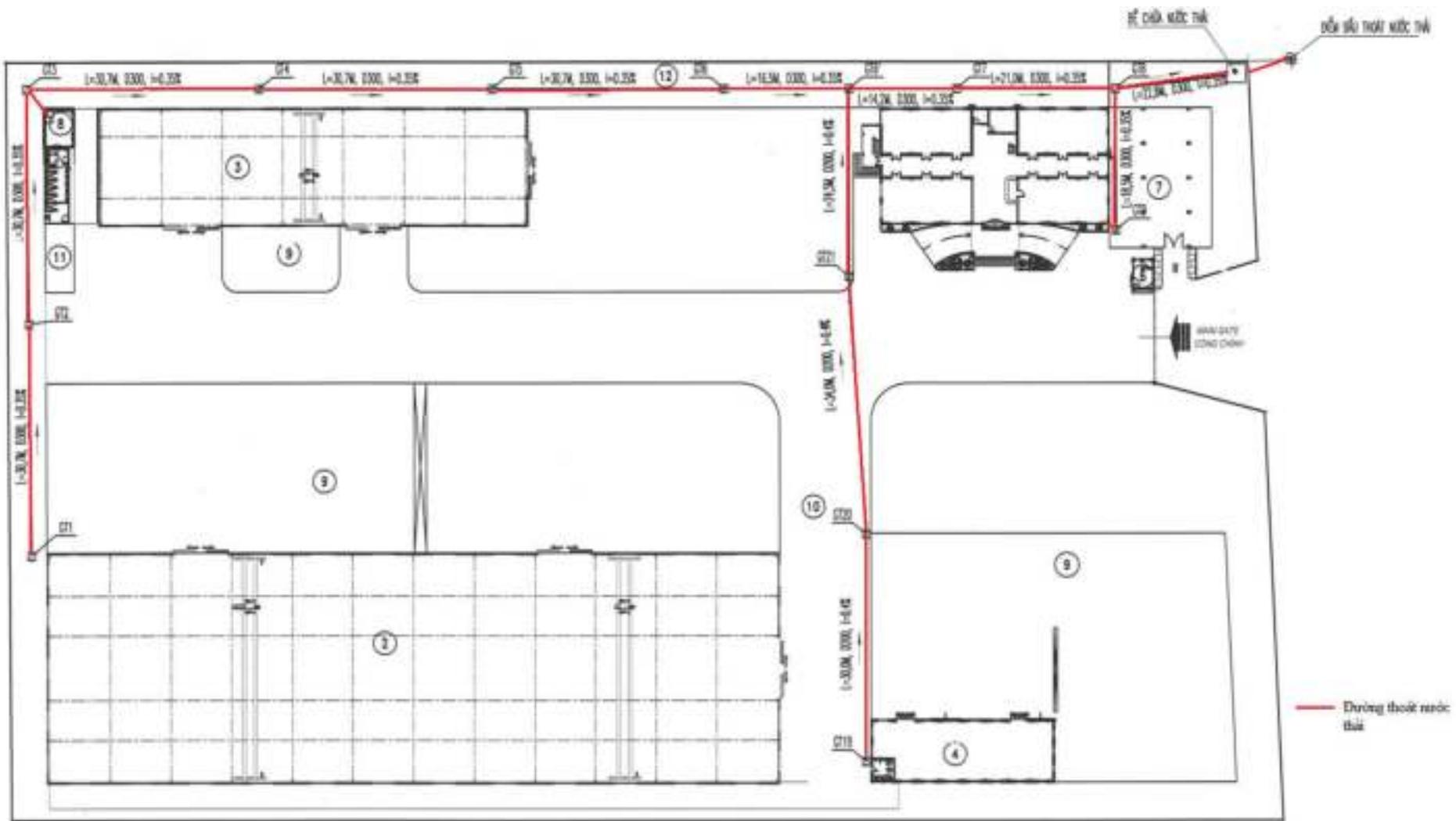
- Cơ sở có 01 điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom thải của KCN Đình Vũ đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải theo môi trường.

- Điểm đầu nối theo phương thức cưỡng bức (bơm) được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ theo đường ống HDPE D100 qua van bướm đến đường ống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ.

- Điểm xả nước thải của Cơ sở là Bể gom nước thải sau xử lý sơ bộ trước khi bơm cưỡng bức đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ có vị trí sau Nhà văn phòng với tọa độ điểm xả nước thải như sau: $X(m) = 2302946.684$; $Y(m) = 606236.467$ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiếu 30).

- Mặt bằng thu gom và đầu nối nước thải sinh hoạt của Cơ sở:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**



Hình 3.5. Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước thải của Cơ sở

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Nguồn phát sinh và lượng nước thải:

- Nguồn phát sinh:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu Nhà làm việc, Nhà dụng cụ và Nhà vệ sinh công nhân.

+ Nước thải nhà ăn.

+ Nước thải từ quá trình thử kín sản phẩm.

- Lượng phát thải: Nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp. Do đó lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở là 17 m³/ngày.đêm, trong đó:

+ Nước thải sinh hoạt: 09 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải nhà ăn: 05 m³/ngày.đêm.

+ Nước thử kín sản phẩm: 03 m³/ngày.

- Thành phần nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, chất vô cơ, vi sinh vật và các vi khuẩn gây hại.

+ Nước thải nhà ăn: Dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học.

+ Nước thử kín sản phẩm: Các sản phẩm dạng bồn sẽ được kiến hành thử kín trước khi chuyển sang công đoạn sơn. Lượng nước thải của quá trình này không thường xuyên, khối lượng không lớn và thông số ô nhiễm của loại nước thải này chủ yếu là cặn, hạt kim loại.

b. Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại (bể phốt):

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở được xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại trước khi đầu nối vào Bể gom nước thải cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ.

- Nguyên lý hoạt động: Nước thải sinh hoạt trước hết được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình xử lý nước nhờ hai quá trình là lắng cặn và phân hủy bằng vi sinh vật. Do tốc độ nước qua bể rất chậm (thời gian lưu lại của dòng chảy trong bể là 1 – 2 ngày) nên quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực bản thân của các hạt cặn (cát, bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể, tại đây các chất hữu cơ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân hủy làm thu hẹp thể tích cặn đồng thời giảm được các tác nhân

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

gây ô nhiễm môi trường. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn.

Quá trình chuyển hóa chất hữu cơ nhờ vi sinh kỵ khí chủ yếu được diễn ra theo nguyên lý lên men qua các bước sau:

+ Vi sinh vật phân hủy các chất hữu cơ phức tạp và lipit thành các chất hữu cơ đơn giản có trọng lượng nhẹ;

+ Vi khuẩn lên men axit, biến đổi các chất hữu cơ đơn giản thành axit hữu cơ;

+ Vi khuẩn lên men metan chuyển hóa hydro và các axit được tạo thành ở giai đoạn trước thành khí metan và cacbonic.

- Thông số kỹ thuật của bể tự hoại (bể phốt):

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của bể phốt

TT	Tên bể	Dung tích (m ³)	Thông số kỹ thuật	Vị trí
1.	Bể tự hoại (Bể phốt) số 1	8,18	Ngăn chứa: Dài x rộng x sâu: 2,27 x 1,78 x 1,0 = 4,05 m ³ Ngăn lắng: Dài x rộng x sâu: 1,4 x 1,78 x 1,0 = 2,49 m ³ Ngăn lọc: Dài x rộng x sâu: 1,28 x 1,28 x 1,0 = 1,64 m ³	Nhà văn phòng
2.	Bể tự hoại (Bể phốt) số 2	4,1	Ngăn chứa: Dài x rộng x sâu: 1,58 x 1,17 x 1,05 = 1,94 m ³ Ngăn lắng: Dài x rộng x sâu: 1,4 x 0,74 x 1,05 = 1,09 m ³ Ngăn lọc: Dài x rộng x sâu: 1,4 x 0,73 x 1,05 = 1,07 m ³	Nhà dụng cụ
3.	Bể tự hoại (Bể phốt) số 3	18,27	Ngăn chứa: Dài x rộng x sâu: 3,27 x 2,78 x 1,05 = 9,55 m ³ Ngăn lắng: Dài x rộng x sâu: 2,725 x 1,525 x 1,05 = 4,36 m ³ Ngăn lọc: Dài x rộng x sâu: 2,725 x 1,525 x 1,05 = 4,36 m ³	Nhà vệ sinh công nhân
Tổng		30,55		

c. Xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn bằng bể tách dầu mỡ:

- Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ là dựa vào tỷ lệ chênh lệch trọng lượng giữa mỡ, nước và một số chất rắn có trong nước thải.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

Đầu tiên, phần nước thải có chứa dầu mỡ sẽ được tách rác để giữ lại chất thải có kích thước lớn, giảm tình trạng tắc nghẽn đường ống nước thải.

Sau đó, dầu mỡ được tách ra khỏi nước thải dựa vào trọng lượng. Dầu mỡ nhẹ nổi lên trên được thu vớt định kỳ đem xử lý theo quy định. Tại mỗi ngăn sẽ có thiết kế hướng dòng nhằm tạo điều kiện để dầu mỡ và nước được phân tách riêng biệt.

Cuối cùng, dầu mỡ được thu gom xử lý theo quy định, phần nước thải sau tách dầu mỡ được thu gom vào Bể gom nước thải sau đó bơm cưỡng bức về hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ.

- Thông số kỹ thuật bể tách dầu mỡ:

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của bể tách dầu mỡ

TT	Tên bể	Dung tích (m ³)	Ghi chú
1.	Bể tách dầu mỡ	3	- 03 ngăn - Vị trí sau nhà văn phòng
Tổng		3	

d. Bể gom nước thải tại Cơ sở:

Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn tại Cơ sở sau khi xử lý sơ bộ được đầu nối vào Bể gom nước thải 01 ngăn có chức năng lắng cặn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ để đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả nước thải ra môi trường theo Hợp đồng tiện ích nước số IIVN.05/17 ngày 09/02/2017 giữa Công ty TNHH Infra Induss Việt Nam (nay là Công ty TNHH Deep C Blue Việt Nam) và Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn.

- Thông số kỹ thuật bể gom:

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của bể gom

TT	Tên bể	Dung tích (m ³)	Thông số kỹ thuật
1.	Bể gom nước thải	6,8	- 01 ngăn - Kích thước: DxRxH: 2,0 x 2,0 x 1,7 - Kết cấu: BTCT, ngầm

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

TT	Tên bể	Dung tích (m ³)	Thông số kỹ thuật
	Tổng	6,8	

e. Các biện pháp giảm thiểu khác:

Để hạn chế ảnh hưởng của nước thải đến nguồn tiếp nhận, Cơ sở đã và sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Thực hiện chính sách tiết kiệm nước trong sinh hoạt nhằm giảm lượng nước thải phát sinh;
- Định kỳ nạo hút bể tự hoại (bể phốt), bể tách dầu mỡ.

d. Hiệu quả của công trình xử lý sơ bộ nước thải tại Cơ sở:

Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý của Cơ sở trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải của KCN Đình Vũ năm 2023 và 2024 đều thấp hơn tiêu chuẩn nước thải đầu vào của KCN Đình Vũ (chi tiết tại Bảng 5.1 và Bảng 5.2, Chương 5 và Phiếu kết quả đính kèm Phụ lục Báo cáo).

3.1.4. Thu gom và thoát nước thử kín sản phẩm

Theo kinh nghiệm sản xuất tại Cơ sở lượng nước này tùy thuộc vào đơn hàng và lượng xả thải không thường xuyên.

Do sử dụng nước máy làm nguồn cung cấp nước cho quá trình thử kín nên lượng nước này chứa hàm lượng các chất ô nhiễm thấp sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải về hố gom cuối để lắng cặn trước khi đầu nối với hệ thống thu gom và xử lý tập trung của KCN Đình Vũ.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Các công trình xử lý khí thải đang áp dụng tại cơ sở như sau:

- + Hệ thống xử lý bụi phát sinh tại công đoạn làm sạch.
- + Hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn.

3.2.1. Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch

Nhà máy đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch bề mặt bằng phương pháp lọc bụi cartridge, cụ thể:

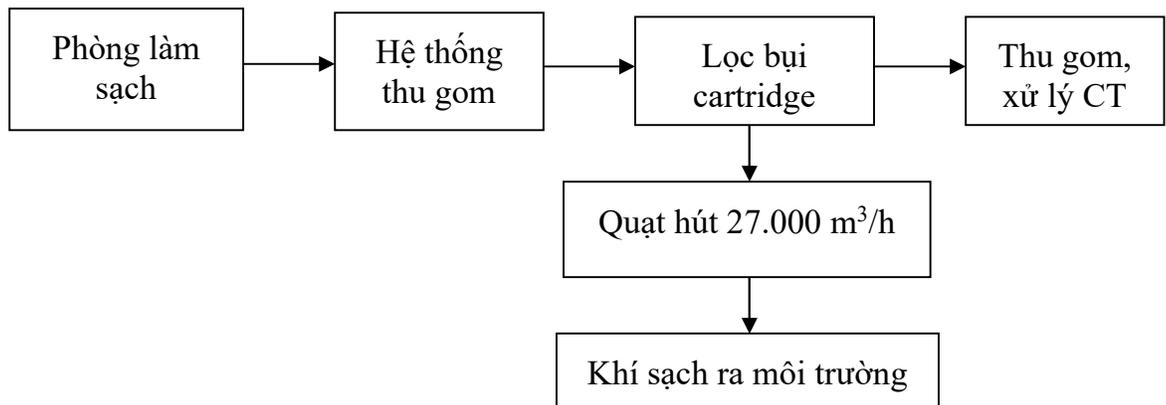
a. Vị trí phát sinh:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

Phòng làm sạch kín có diện tích 96 m² đặt trong Xưởng làm sạch, sơn và bao gói. Phòng có thiết kế hoàn toàn kín, cấu tạo bằng khung sắt. Đối với các sản phẩm yêu cầu mạ và sơn tĩnh điện trước khi chuyển cho nhà thầu phụ thực hiện công đoạn mạ và sơn tĩnh điện hoặc thực hiện sơn thường tại cơ sở phải làm sạch sản phẩm trước khi sơn.

Cơ sở sử dụng công nghệ làm sạch bằng cách phun hạt mài (bi sắt) trực tiếp vào bề mặt cần làm sạch bằng khí nén để làm phẳng bề mặt thô, làm nhám bề mặt nhẵn hoặc loại bỏ chất bẩn trên bề mặt kim loại. Do đó, quá trình làm sạch sẽ phát tán bụi kim loại/mảnh vỡ hạt mài vào nhà xưởng được thu về hệ thống lọc bụi cartridge để tách bụi trước khi thải ra môi trường. Toàn bộ bụi kim loại, mảnh vỡ hạt mài... được thu gom tại hệ thống lọc bụi Cartridge được tập kết vào kho chất thải rắn của Công ty.

b. Sơ đồ quy trình:



Hình 3.6. Sơ đồ thu gom xử lý bụi từ công đoạn làm sạch

c. Thuyết minh quy trình:

- Bụi kim loại phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt được hút vào hệ thống lọc bụi túi cartridge thông qua 04 cửa hút có kích thước 600x350mm bằng đường ống D500. Dòng khí chứa bụi dẫn vào ngăn chứa lõi lọc bụi Cartridge, dòng khí này xuyên qua lớp vật liệu lọc của ống lọc, từ mặt trong của ống lọc khí sạch (sau xử lý) thoát ra ngoài môi trường thông qua quạt và ống thải.

- Bụi được giữ lại phía mặt ngoài ống lọc (trên bề mặt lớp vật liệu lọc) và được thu gom lại dưới đáy thùng lọc bằng cách sử dụng xung khí nén từ hệ van giữ bụi tác động vào mặt trong của ống lọc bụi đẩy bụi tách khỏi bề mặt ngoài vật liệu lọc. Dưới tác dụng của trọng lực và độ dốc của thành thùng lọc, bụi rơi xuống đáy và được thu gom và xử lý.

d. Thông số thiết kế hệ thống:

- Số lượng: 01 hệ thống

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Cửa hút: 04 cửa hút kích thước 600x350 mm
- Đường kính ống gom: D500 mm
- Tháp xử lý: bằng thép CT3 có kích thước LxR xH: 2.320 x 2.190 x 2.500 mm. Thân tháp có bố trí 14 lõi lọc Cartridge kích thước D400.
- Lưu lượng quạt hút max: 27.000 m³/giờ.
- Ống khói: 01 ống thải, cao 5 m, kích thước 900x500mm
- Tọa độ điểm xả thải: X(m)= 2303022.257; Y(m) = 606141.463 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

e. Các thay đổi so với Báo cáo ĐTM: không.

***Hình ảnh hệ thống xử lý:**



Hình 3. 7. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi của Nhà máy

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

f. Đánh giá hiệu quả công trình xử lý khí thải:

Qua kết quả quan trắc môi trường định kỳ, bụi phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn làm sạch thỏa mãn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$).

Tuy nhiên, để đảm bảo lộ trình bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Điều 4, Thông tư 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024, Công ty tiến hành cải tạo hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo Cột A – QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp. Cụ thể

- Bảng thông số so sánh:

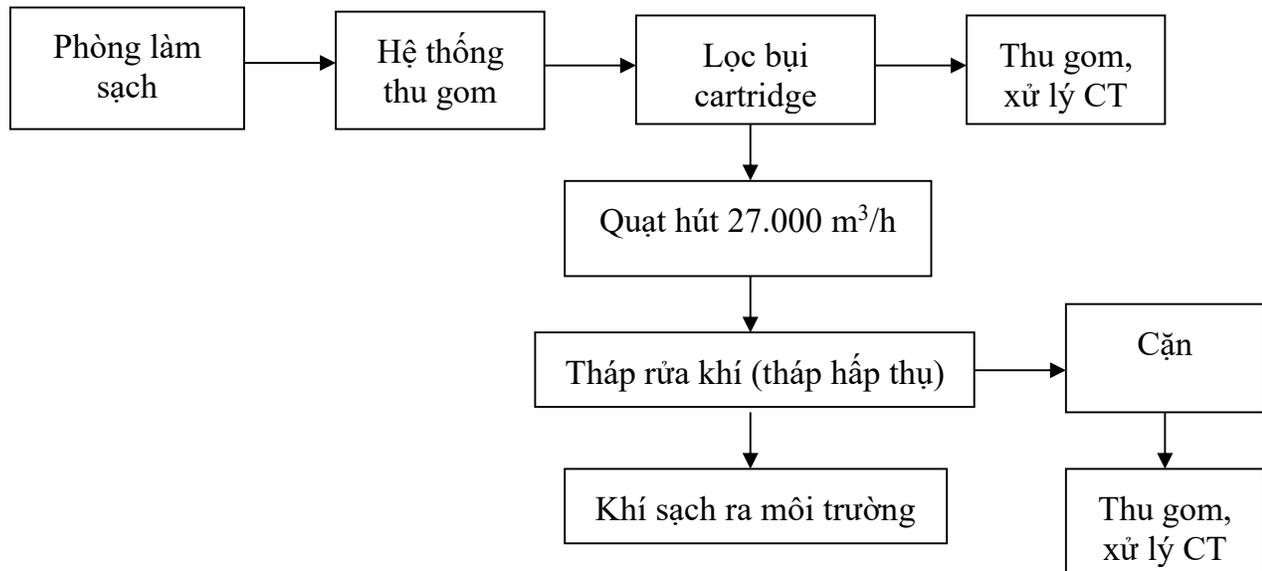
TT	Thông số	Kết quả ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$)	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột A)
1.	Bụi tổng (Bụi PM)	21-32	108	20

(1): Giá trị quan trắc khí thải định kỳ tháng 2023-2024.

Như vậy, để đảm bảo hiệu quả xử lý xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn làm sạch theo QCVN 19:2024 (cột A), Chủ cơ sở tiến hành cải tạo hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn làm sạch như sau:

Thời gian cải tạo: Tháng 6/2025.

- Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi từ quá trình làm sạch bề mặt:



Hình 3.6. Sơ đồ thu gom xử lý bụi từ công đoạn làm sạch sau cải tạo

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

Lắp đặt tháp đập bụi bằng nước sau hệ thống xử lý bụi hiện trạng. Thông số tháp xử lý như sau:

- Số lượng: 01 hệ thống

- Đường kính ống vào tháp: D650 mm

- Tháp xử lý: bằng thép CT3 có kích thước D x H: 1.700 x 2.500 mm bao gồm phần chóp vát côn về D800mm, ra đường kính ống D650mm. Tháp có bố trí 2 giàn pec phun mưa nón đầy và 2 giá chứa vật liệu tiếp xúc. Tháp có bể chứa nước tuần hoàn kích thước L x B x H: 2.500 x 1.700 x 1.000mm, được chia làm 2 ngăn.

- Lưu lượng bơm nước đập bụi: 15 m³/h

- Lưu lượng quạt hút max: 27.000 m³/giờ.

- Ống khói: 01 ống thải, cao 5 m, kích thước D650, có 02 lỗ lấy mẫu và sàn thao tác phù hợp với thông tư 10.

- Định kỳ thu gom cặn 6 tháng/lần và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

3.2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ quá trình sơn

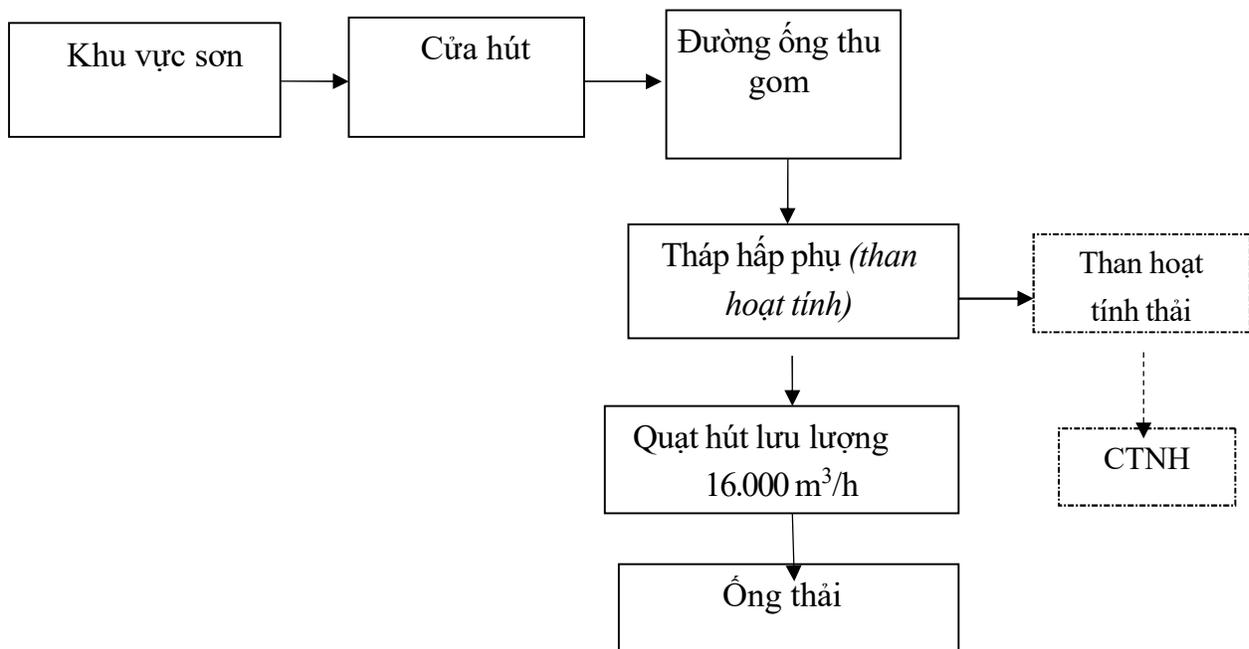
a. Vị trí phát sinh:

Các sản phẩm có yêu cầu sơn nước sau khi làm sạch bề mặt sẽ chuyển sang công đoạn sơn. Khu vực sơn có diện tích khoảng 360 m³ (dài x rộng: 24x15 m) nằm trong Xưởng làm sạch, sơn và bao gói. Công nhân tiến hành sơn thủ công bằng máy và súng phun sơn.

- Thành phần khí thải từ quá trình phun sơn là các hợp chất hữu cơ có trong sơn và dung môi pha sơn như: Butyl axetat; Etyl axetat, Etyl Benzen, Etyl Silicat, butanol, toluen, xylen...

b. Sơ đồ quy trình:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**



Hình 3.8. Sơ đồ thu gom xử lý khí thải từ quá trình sơn

c. Thuyết minh quy trình:

- Công nghệ xử lý: Hệ thống xử lý khí thải của Cơ sở sử dụng phương pháp hấp phụ: Hơi và khí độc phát sinh từ hoạt động sơn tại Nhà xưởng làm sạch được đẩy qua lớp chất hấp phụ, chúng bị giữ lại nhờ hiện tượng hấp phụ xảy ra trên bề mặt tiếp xúc giữa hai pha dị thể (rắn – khí). Những phân tử của cùng một chất nằm trên bề mặt và bên trong than hoạt tính đó có các trạng thái khác nhau dẫn đến các lực tác động không đồng đều có xu hướng kéo vào bên trong khối vật chất làm cho bề mặt khối vật chất có xu hướng co lại (quá trình hấp phụ khí thải vào vật chất).

+ Nguyên lý hoạt động: Tại khu vực sản xuất phát sinh hơi và hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (quá trình sơn) lắp đặt hệ thống chụp hút. Dưới tác động của quạt hút, toàn bộ khí thải phát sinh từ quá trình sơn sẽ được thu gom vào hệ thống cửa hút, theo đường ống dẫn vào tháp hấp phụ. Tại đây, khí thải chứa hơi hữu cơ sẽ được giữ lại tại vật liệu hấp phụ than hoạt tính. Phần khí sạch tiếp tục theo đường ống dẫn ra ngoài môi trường qua ống khói. Than hoạt tính sau hấp phụ được thay thế định kỳ 06 tháng/lần và thu gom, xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động tại Công ty.

c. Thông số kỹ thuật hệ thống:

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Lưu lượng max: 16.000 m³/giờ.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Chụp hút: 03 chụp kích thước 600x600(mm)
- Kích thước ống gom: D150-D300
- Tháp xử lý: Thép CT3, dày 2mm có kích thước LxR xH: 1.500 x 750 x 2.150 mm. Thân tháp có bố trí 8 sần vĩ song song với nhau, trên vĩ chứa lớp than hoạt tính dày 200 mm/vĩ. Thể tích than hoạt tính tại tháp hấp phụ: $1,5 \times 0,75 \times 0,2 \times 8 = 1,8 \text{ m}^3$ than hoạt tính có trọng lượng riêng khoảng $700\text{-}800 \text{ kg/m}^3$, vậy khối lượng than hoạt tính tại tháp hấp phụ là: 1,44 tấn/tháp.
- Ống khói: D400, cao 2,5m.
- Tọa độ điểm xả thải: X(m)= 2302997.712; Y(m) = 606164.417 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).



Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn của cơ sở

d. Tần suất thay thế than hoạt tính:

- Khối lượng than hoạt tính trong tháp: 1,44 tấn/tháp
- Căn cứ Bảng 1.4, Chương 1, Báo cáo, khối lượng chất ô nhiễm cần thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính (áp dụng đối với các thành phần ô nhiễm có trong quy chuẩn) tại khu vực sơn là: 3.522 kg/năm. Theo thông tin về than hoạt tính, chỉ số Iodine của than hoạt tính Cơ sở sử dụng là 850 mg/g, theo kinh nghiệm chỉ số hấp phụ VOC của than hoạt tính bằng 60% chỉ số Iodine. Vậy, lượng than hoạt tính cần để hấp phụ khí thải tại Cơ sở là: $3.522 \text{ kg/năm} : (1 \times 60\%) \text{ kg/kg} = 5.870 \text{ kg/năm}$. Như vậy, tần suất thay thế than hoạt tính yêu cầu là: $5.870 \text{ kg/năm} : 1.440 \text{ kg} = 4,0 \text{ lần/năm}$.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

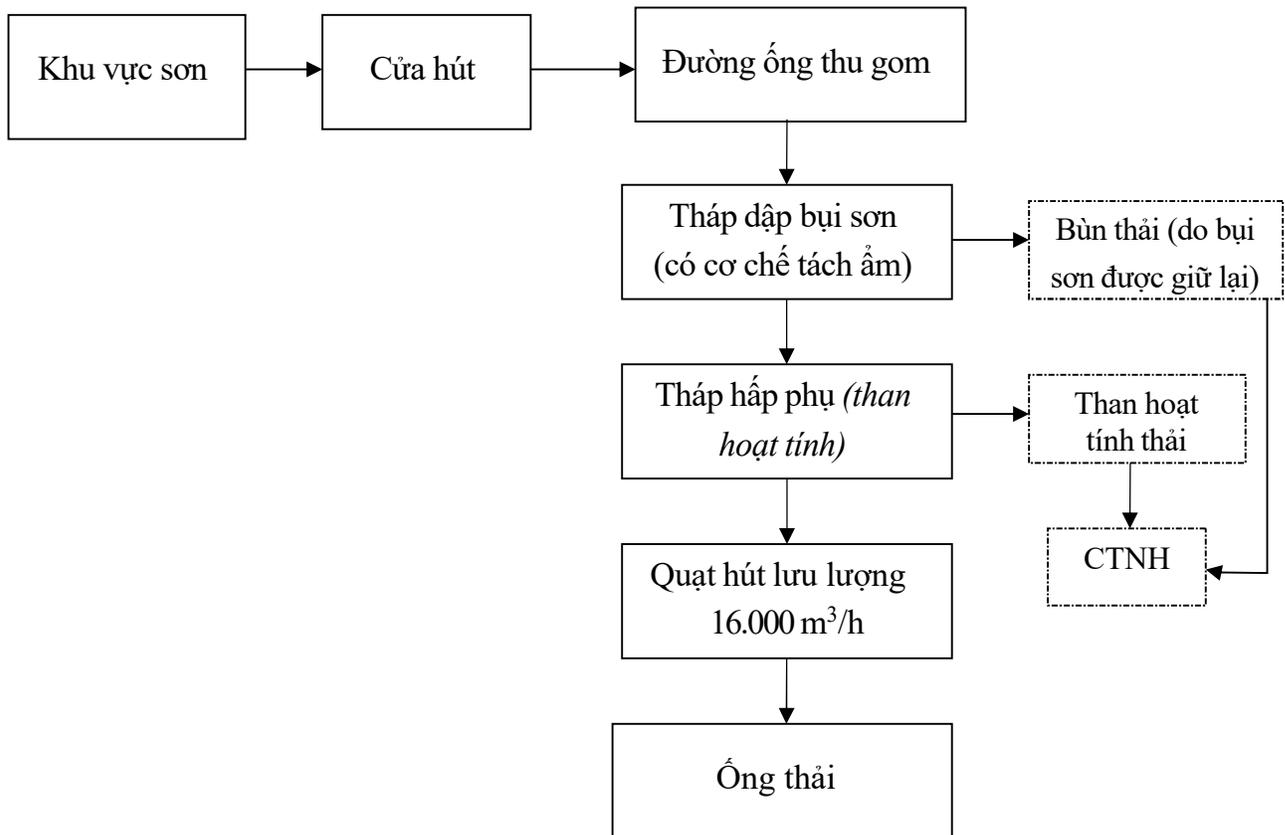
Như vậy, để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn, định kỳ 03 tháng/lần, cơ sở phải tiến hành thay than hoạt tính với khối lượng than hoạt tính thải là: $(1.440 \text{ kg than hoạt tính} \times 4 \text{ lần}) + 3.795 \text{ kg VOC hấp phụ} = 9.555 \text{ kg/năm}$.

f. Cải tạo hệ thống

Tuy nhiên, để đảm bảo lộ trình bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Điều 4, Thông tư 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024, Công ty tiến hành cải tạo hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo Cột A – QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp. Chủ cơ sở tiến hành cải tạo hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn làm sạch như sau:

Thời gian cải tạo: Tháng 6/2025.

- Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi từ quá trình sơn:



Hình 3.6. Sơ đồ thu gom xử lý bụi từ công đoạn sơn sau cải tạo

Lắp đặt tháp dập bụi bằng nước sau hệ thống xử lý bụi hiện trạng. Thông số tháp xử lý như sau:

- Số lượng: 01 hệ thống
- Đường kính ống vào tháp: D400 mm

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Tháp xử lý: bằng thép CT3 có kích thước D x H: 1.000 x 2.000 mm bao gồm phần chóp vát côn về D500mm, ra đường kính ống D400mm. Tháp có bố trí 1 giàn pec phun mưa nón đầy, 1 giá chứa vật liệu tiếp xúc và 1 giá bẫy hơi ẩm. Tháp có bể chứa nước tuần hoàn kích thước L x B x H: 1.700 x 1.000 x 1.000mm, được chia làm 2 ngăn.

- lưu lượng bơm nước dập bụi: 10m³/giờ

- Lưu lượng quạt hút max: 16.000 m³/giờ.

- Ống khói: 01 ống thải, cao 2.5 m, kích thước D400mm, có 02 lỗ lấy mẫu và sàn thao tác phù hợp với thông tư 10.

- Định kỳ 6 tháng/lần thu gom bùn (cặn) sơn và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt

a. Thành phần và khối lượng:

- Nguồn phát sinh:

+ Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

+ Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động nhà ăn.

- Thành phần: Các chất thải hữu cơ (chiếm 50% tổng khối lượng) và các chất thải vô cơ như túi nilong thải, vỏ chai nhựa, vỏ hộp xốp,...

- Khối lượng phát thải: 86 kg/ngày tương đương với 25,8 tấn/năm.

b. Phân loại và lưu giữ:

- Chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực Cơ sở sẽ được thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa thích hợp, cụ thể số lượng thùng chứa như sau:

+ Thùng chứa rác 120l: 03 thùng bố trí tại điểm tập kết phía Đông Nam của Cơ sở sau nhà xe để thực hiện phân loại tại nguồn cho 03 nhóm chất thải sinh hoạt: Rác thải thực phẩm; rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và rác thải sinh hoạt khác.

c. Biện pháp xử lý:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Ký hợp đồng dịch vụ vệ sinh với đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường trên địa bàn là Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo Hợp đồng dịch vụ vệ sinh ngày 12/12/2023 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2024).

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh nội quy giữ gìn vệ sinh môi trường chung, vứt rác đúng nơi quy định.

- Quy định các vị trí đặt thùng rác tại những vị trí dễ thuận tiện, dễ nhìn thấy.

- Phân loại theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố.

3.3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động chất thải rắn thông thường

a. Nguồn phát sinh:

+ Từ quá trình sản xuất.

+ Từ quá trình vệ sinh bề phốt, hệ thống thoát nước mưa (căn cứ Điều 16, Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hải Phòng).

b. Thành phần:

+ Mảnh vụn kim loại, thép vụn, bao bì, dây nilon, mảnh gỗ...

+ Bùn bề phốt, cặn.

c. Lượng thải:

+ Phế liệu: Khối lượng thép phế liệu các loại phát sinh năm 2023 và 2024 của cơ sở như sau:

Bảng 3.4. Bảng kê khối lượng CTRCTT tại Cơ sở năm 2023, 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1	Phế liệu thép các loại	Kg/năm	19.096	209.310

(Chứng từ đính kèm Phụ lục báo cáo)

Năm 2023, Nhà máy đi vào hoạt động với công suất sản phẩm là 3.368 tấn sản phẩm/năm bằng 67% công suất của Nhà máy. Như vậy, khi Nhà máy đi vào hoạt động

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

với công suất lớn nhất lượng phế liệu thép các loại phát sinh khoảng: 28.349 kg/năm. (Dự án không sử dụng số liệu năm 2024 vì do ảnh hưởng của Bão Yagi nên khối lượng phế liệu do bão lớn hơn nên không lấy đại diện để tính toán chất thải).

+ Đối với CTCRNTT khác: Căn cứ chứng từ chuyển giao chất thải rắn thông thường của Nhà máy, khối lượng CTCRNTT của Nhà máy được thống kê như sau:

Bảng 3.4. Bảng kê khối lượng CTCRNTT tại Cơ sở năm 2023, 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Kg/năm	1.100	2.030

(Chứng từ đính kèm Phụ lục báo cáo)

Tính toán tương tự như tính toán khối lượng phế liệu thép các loại phát sinh tại Nhà máy, lượng CTCRNTT khác phát sinh tại nhà máy khi hoạt động với công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm là: 1.633 kg/năm.

+ Đối với bùn bể phốt: Với số lượng công nhân viên của Cơ sở là 200 người, căn cứ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, tại mục 2.11.1 quy định về lưu lượng nước thải phát sinh: “*Khối lượng phân bùn phát sinh được xác định dựa trên mức độ hoàn thiện của hệ thống công trình vệ sinh tại chỗ hoặc theo các tiêu chuẩn được lựa chọn áp dụng nhưng phải $\geq 0,04 \text{ m}^3/\text{người/năm}$* ”. Lựa chọn lượng bùn phát sinh là $0,04 \text{ m}^3/\text{người/năm}$. Như vậy, tổng khối lượng bùn bể tự hoại phát sinh trong vòng 01 năm tối thiểu là $8 \text{ m}^3/\text{năm}$. Tỷ trọng của bùn thải từ 1,4 - 1,5 tấn/ m^3 . Vậy khối lượng bùn thải từ bể phốt là: 12 tấn/năm.

d. Lưu giữ và xử lý:

+ Đối với phế liệu thép không chứa thành phần nguy hại thu gom vào các thùng chứa bằng thép có dung tích 1-2 m^3 đặt tại các vị trí phát sinh khi đầy sẽ tiến hành bán cho đơn vị có chức năng thu mua phế liệu.

+ Đối với CTCRNTT: Kho lưu giữ tại Cơ sở là container 20 feet làm bằng thép hoàn toàn chống thấm nước, kín gió và ánh sáng, không bị biến dạng quá nhiều do va chạm, cửa dễ dàng thao tác đóng mở và đảm bảo các yêu cầu khác theo Quy định tại Khoản 6, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

2022.

+ Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Tại thời điểm lập báo cáo Công ty đã ký Hợp đồng số 01-2024/HĐ-VCXLCT/TTP-KTVH ngày 25/12/2023 về việc “vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường” với Công ty TNHH Tân Thuận Phong.

+ Đối với bùn bể phốt: Lượng bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại (bể phốt), bể chứa nước được Cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển và đưa đi xử lý. Đối với bùn thải, bùn cặn nạo vét tại công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, Cơ sở sẽ thuê đơn vị chức năng đến nạo vét đồng thời, vận chuyển xử lý theo quy định. Do đó, loại chất thải này không tồn chứa trong kho.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Thành phần và khối lượng:

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sản xuất, kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế máy móc, thiết bị tại Cơ sở.

- *Khối lượng phát sinh:* Chất thải nguy hại phát sinh thực tế trong năm 2023-2024 tại Cơ sở phát sinh như sau:

Bảng 3.5. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại tại Cơ sở năm 2023, 2024

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		
			Số đăng ký chủ nguồn	Năm 2023	Năm 2024
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có thành phần nguy hại	07 03 08	218,4	600	430
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	1.500	700	660
3	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	156	500	430
4	Mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 01	5	20	20
5	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 01	100	1000	740
6	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	25	10	10
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	20	10	10

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		
			Số đăng ký chủ nguồn	Năm 2023	Năm 2024
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	50	20	20
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	700	270	415
10	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	150	700	580
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	-	250	300
12	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	07 03 10	-	200	325
13	Phoi từ quá trình gia công có lẫn dầu và nhũ tương	07 03 11	-	250	460
14	Phế liệu kim loại bị nhiễm thành phần nguy hại	11 04 01	-	550	870
Tổng			2.924,40	5.080,00	5.270

Nguồn: Sổ chủ nguồn thải CTNH 31.00112.T cấp lần đầu ngày 26/5/2017 và chứng từ chất thải năm 2023-2024 được đính kèm Phụ lục của Báo cáo.

Tính toán tương tự như tính toán khối lượng phế liệu thép các loại phát sinh tại Nhà máy, lượng CTNH khác phát sinh tại nhà máy khi hoạt động với công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm là: 17.082 kg/năm, cụ thể như sau:

Bảng 3.5. Bảng tổng hợp chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại	07 03 08	891
2	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	07 03 10	297
3	Phoi từ quá trình gia công, tạo hình hoặc vật liệu mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	391
4	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 01	1.039

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
5	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	742
6	Cặn sơn, sơn và vecni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	1.485
7	Mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	30
8	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 04 01	817
9	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	9.555
10	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	15
11	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
12	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	401
13	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 03	371
14	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.039
	Tổng		17.082

b, Phân loại và lưu giữ:

- Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại tại nguồn.
- Mỗi mã CTNH được lưu giữ trong 01 thùng riêng biệt có kích thước 60-120 lít có dán mã CTNH đó và dấu hiệu cảnh báo.
- Đối với CTNH 17 02 03 (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải) dạng lỏng được bố trí vào thùng phi dung tích 500 lít đặt trên khay chống tràn có chức năng hứng chất thải trong trường hợp đổ/tràn.
- Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải (12 01 04) báo với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý khi tiến hành thay thế (không lưu

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

chứa tại kho).

- Phoi từ quá trình gia công có lẫn dầu và nhũ tương (07 03 11) và Phế liệu kim loại bị nhiễm thành phần nguy hại (11 04 01) chứa vào thùng 1 m³ đặt tại Xưởng chính.

- Toàn bộ các thùng chứa CTNH của Cơ sở được lưu giữ trong kho CTNH của cơ sở.

- Kho lưu chứa: Diện tích 14,16 m² (Dài x rộng: 5,9m x 2,4m).

- Kết cấu: Kho lưu giữ tại Cơ sở là container 20 feet làm bằng thép.

c Xử lý chất thải

- Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Tân Thuận Phong theo Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 01-2024/HĐ-VCXLCTNH/TTP-KTVH ngày 25/12/2023. Công ty TNHH Tân Thuận Phong được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 191/GPMT-BTNMT ngày 15/6/2023.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung của Cơ sở phát sinh từ hoạt động sản xuất (hàn, cắt, đột dập, khoan...), máy nén khí, máy phát điện dự phòng và hoạt động của phương tiện vận chuyển ra vào Cơ sở.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Xây dựng nội quy cho phương tiện vận tải ra vào Cơ sở: Tắt máy, dắt bộ khi vào cổng (phương tiện xe máy), quy định tốc độ tối đa của các phương tiện vận tải được phép lưu thông trong phạm vi Nhà máy với tốc độ quy định 5-10 km/h.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và lắp đặt thêm đệm chống ồn, chống rung đối với đối với các máy móc có độ ồn cao.

+ Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên trực tiếp vận hành máy nén khí, máy phát điện như nút bịt tai chống ồn.

+ Trồng cây xanh xung quanh Cơ sở nhằm giảm ô nhiễm tiếng ồn đến môi trường xung quanh.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Về pháp lý:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

+ Cơ sở đã được Cảnh sát PCCC TP Hải Phòng Nghiệm thu về PCCC số 155/NT-CSPCCC- HDPC ngày 06/9/2017.

+ Lập Ban phụ trách về PCCC và ứng phó sự cố hoá chất thường trực cho toàn bộ khu vực Cơ sở. Ban phụ trách phải luôn sẵn sàng 24/24 giờ và kịp thời có mặt tại vị trí của mình khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

+ Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, trang thiết bị PCCC, nguồn nước chữa cháy, đảm bảo hệ thống này trong tình trạng thích hợp và sẵn sàng sử dụng khi có sự cố.

+ Kết hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và CHCN thành phố Hải Phòng tổ chức tập huấn những kiến thức về PCCC, diễn tập các tình huống giả định và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị PCCC tại chỗ.

- *Về công trình, thiết bị PCCC:* Các công trình và thiết bị PCCC chính của Cơ sở bao gồm:

+ Hệ thống báo cháy tự động: Đã lắp đặt tại nhà văn phòng, nhà để dụng cụ, nhà xưởng chính, nhà xưởng làm sạch, sơn và đóng gói với tủ trung tâm báo cháy tự động 05 kênh được đặt tại nhà bảo vệ.

+ Hệ thống chữa cháy bằng nước: Lắp đặt trụ nước chữa cháy kép có 02 họng ra D65 và trụ cho xe chữa cháy tiếp nước. Đã bố trí hộp chữa cháy bao gồm cuộn vòi, lăng B. Bố trí phòng bơm gồm 02 bơm động cơ điện có cùng thông số 22,5Kw, H = 56,2-44 m.c.n, Q = 900-2.400 l/phút (01 bơm chính và 01 bơm dự phòng).

+ 01 Bể nước PCCC kết cấu BTCT với dung tích chứa nước: 54 m³.

+ Ngoài ra còn có các bình chữa cháy cầm tay.

- *Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ:*

+ Khi sự cố cháy nổ xảy ra, bằng nhân lực và các trang thiết bị PCCC tại chỗ, đội PCCC của Cơ sở tự ứng phó theo trách nhiệm đã được phân công và các kỹ năng đã được tập huấn và diễn tập trước đó. Sau khi kết thúc sự cố sẽ họp tổng kết, ghi biên bản cuộc họp về các nội dung: phân tích nguyên nhân, diễn biến quá trình ứng cứu và kết quả ứng cứu từ đó rút kinh nghiệm cho công tác phòng ngừa và ứng cứu lần sau.

+ Trường hợp sự cố cháy nổ vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ: Điện thoại cấp báo về tình hình và diễn biến của sự cố đến Phòng Cảnh sát PCCC&TCCN và đồng thời xin sự trợ giúp nhằm chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kịp thời. Khi đó, các cán bộ, công

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

nhân viên của Cơ sở sẽ tích cực phối hợp và tuân thủ theo mệnh lệnh của Ban chỉ huy PCCC và cứu nạn cứu hộ của Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN.

+ Các biện pháp ứng phó được thực hiện khi có sự cố cháy nổ xảy ra theo Phương án PCCC đã được Cảnh sát PCCC &CHCN thẩm định và phê duyệt.

- *Hiệu quả đạt được:* Kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, Cơ sở chưa có sự cố liên quan đến cháy nổ xảy ra.

3.6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Thuê đơn vị có chức năng hút bùn thải bể phốt định kỳ 6-12 tháng/lần;

- Thực hiện vớt váng dầu mỡ tại bể tách mỡ hàng ngày, vào mùa đông, tăng tần suất để váng mỡ không bị vón cục, khó xử lý.

3.6.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khí thải

- Các dấu hiệu nhận biết sự cố hệ thống xử lý khí thải:

+ Các đường ống thu gom bị móp méo vào trong (do áp lực hút của quạt lớn, cần điều chỉnh biến tần để giảm tốc độ quay của motor)

+ Động cơ quạt hút có tiếng động ở buồng cánh

+ Động cơ bị mất pha, hiện tượng này sẽ báo lỗi trên tủ điện, khi đó cần kiểm tra lại các đầu cos nối của dây dẫn điện

+ Dây curoa của động cơ bị trùng. Cần phải thay thế dây curoa mới; định kỳ thay thế dây curoa.

+ Có tiếng động ở trục nối pully với buồng cánh quạt. Cần kiểm tra, thay thế dầu mỡ bôi trơn.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, xử lý khí thải, kịp thời phát hiện sự cố. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý khí thải.

+ Định kỳ 01 tháng/lần tiến hành bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải để phát hiện các lỗi hỏng hóc và có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

+ Định kỳ thay than hoạt tính cho hệ thống xử lý khí thải; thực hiện thu gom bụi, mặt kim loại tại hệ thống lọc bụi cartridge.

+ Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, tạm dừng hoạt động của dây chuyền sản xuất phát sinh khí thải để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

3.6.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố liên quan đến hóa chất

- Nguồn phát sinh:

Hóa chất của cơ sở chủ yếu là sơn và dung môi pha sơn rất dễ cháy; gây kích ứng đối với mắt; độc khi nuốt phải dung dịch.

Khi làm việc với hóa chất dù là trực tiếp hay gián tiếp đều khó tránh khỏi các trường hợp bị nhiễm độc mạn tính, tức là nhiễm độc sẽ xảy ra từ từ, mỗi ngày một ít, nhưng rồi đến một lúc nào đó, lượng chất độc tích tụ vượt quá khả năng tự đào thải của cơ thể, sẽ sinh bệnh có thể dẫn đến suy giảm chức năng hô hấp, chức năng gan, viêm và thoái hóa da, thậm chí ung thư...

Các tình huống sự cố hóa chất có thể xảy ra trong quá trình sử dụng, tồn trữ của Nhà máy như sau:

- **Sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:** Khu vực có thể xảy ra sự cố là kho hóa chất. Nguyên nhân xảy ra sự cố có thể do bất cẩn của công nhân kho, công nhân tại xưởng sản xuất, công nhân vận chuyển; do bất cẩn trong quá trình vận chuyển, bị va đập dẫn đến đổ vỡ bao bì chứa đựng hóa chất hoặc do có kẻ xấu phá hoại.

- **Sự cố cháy nổ hóa chất:** Sự cố này có thể xảy ra tại khu vực lưu giữ, định lượng hóa chất. Nguyên nhân có thể do Nhà máy gặp sự cố về nguồn điện hoặc sự cố hỏa hoạn.

- **Sự cố va đập:** Sự cố này xảy ra trên tuyến đường vận chuyển hóa chất nội bộ trong Nhà máy do bất cẩn của người lái xe, công nhân lao động hoặc sự cố kỹ thuật từ phương tiện vận chuyển.

- **Tác động tiêu cực:** Ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động tại Cơ sở và cháy nổ khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp giảm thiểu:

+ Thường xuyên kiểm tra các thiết bị, thùng chứa hóa chất đảm bảo không bị thủng làm rò rỉ ra môi trường.

+ Công nhân làm việc trong khu vực đề hoá chất sẽ được trang bị khẩu trang hoạt tính, kính đeo mắt, găng tay, quần áo bảo hộ.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- + Công nhân định kỳ được học nội quy về an toàn lao động, an toàn hoá chất.
- + Kho chứa phải được phân thành các khu, mỗi khu tương ứng với một loại hoá chất, tại mỗi khu đặt biển cảnh báo riêng và cách thao tác sử dụng.
- + Hình ảnh kho sơn tại Nhà máy.



- Ứng phó sự cố hóa chất:

+ Bước 1: Báo động an toàn cho toàn nhà máy: Khi xảy ra sự cố tràn đổ thì nhân viên sẽ đánh keng báo động cho toàn nhà máy.

+ Bước 2: Thông báo cho lãnh đạo Nhà máy.

Thông báo bằng điện thoại hoặc trực tiếp cho giám đốc, giám sát và người chịu trách nhiệm an toàn ở Công ty và báo động toàn đơn vị ứng phó với sự cố.

Giám đốc hoặc người có trách nhiệm được phân công trực tiếp chỉ huy xử lý sự cố tràn đổ hóa chất.

Phụ trách xưởng sẽ báo động sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, nếu có người bị nạn thì sẽ di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển đến cơ sở y tế.

Tập hợp những người được phân công nhiệm vụ và đã được đào tạo về xử lý sự cố hóa chất tại hiện trường tràn đổ, nắm tình hình chung và triển khai hoạt động xử lý.

+ Bước 3: Nhận diện tính chất hóa chất tràn đổ, đánh giá mức độ tràn đổ và khả năng ứng phó sự cố. Nhân viên có trách nhiệm nhận diện hóa chất tràn đổ thuộc nhóm nào (không nguy hiểm, dễ cháy hay độc hại) và vị trí, phạm vi xảy ra sự cố. Nếu mức độ

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

xảy ra trên diện rộng và tràn đổ hóa chất nguy hiểm, không có khả năng tự ứng phó thì thông báo ngay cho cơ quan có chức năng tại địa phương để đơn vị đến hỗ trợ.

+ Bước 4: Sơ tán người.

Khi xảy ra sự cố hóa chất thì lập tức báo động sơ tán những người không phận sự có mặt tại hiện trường tràn đổ và các khu vực có khả năng chịu tác động kế bên. Sơ tán ngay những nguồn có thể gây nguy hiểm hoặc là tác nhân gây ra các sự cố tiếp theo (nguồn lửa, nhiệt, máy cắt hàn, cắt cầu dao điện...). Sau khi sơ tán người và tài sản thì cô lập vùng nguy hiểm, cảnh báo cho người không phận sự không được tập trung tại khu vực sự cố.

+ Bước 5: Khoanh vùng, xử lý tràn đổ/cách ly nguồn gây cháy.

Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

+ Bước 6: Thu dọn hiện trường.

3.7. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường

*Bảng 3.6. Thống kê các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM
đã được phê duyệt*

TT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Nội dung theo QĐ phê duyệt ĐTM số 2754/QĐ-UBND	Phương án đã thực hiện	Lý do thay đổi
2	Kho chứa chất thải thông thường	Kho 50 m ² BTCT phía Tây Nam	Bố trí 01 container 20 feet có diện tích 14,16 m ² lưu chứa chất thải cuối khu đất của Nhà máy về phía Tây Nam	Phù hợp với quy hoạch của Cơ sở
3	Kho chứa chất thải thông thường	01 kho diện tích 20 m ² bằng BTCT	Bố trí 01 container 20 feet có diện tích 14,16 m ² lưu chứa chất thải cuối khu đất của Nhà máy về phía Tây Nam	Phù hợp với quy hoạch của Nhà máy

Các nội dung còn lại không thay đổi so với nội dung báo cáo ĐTM đã được Ủy Ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 08/11/2016.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

A. Nội dung cấp phép

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải do nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống dẫn nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra ngoài môi trường.

- Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn đã ký Hợp đồng tiện ích nước số IIVN.05/17 ngày 09/02/2017 với Công ty TNHH Infra Induss Việt Nam (nay là Công ty TNHH DEEP C Blue) về việc cung cấp nước sạch và xử lý nước thải của Cơ sở (Công ty TNHH DEEP C được Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ ủy quyền chịu trách nhiệm và quản lý cấp nước và tiếp nhận, xử lý nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN Đình Vũ theo quy định).

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ khu nhà vệ sinh và nước thải từ khu nhà bếp. Trong đó, nước thải từ khu nhà vệ sinh theo đường ống nhựa uPVC D110 thu gom vào bể tự hoại dung tích 30,55 m³; nước thải từ khu nhà bếp theo đường ống nhựa uPVC D110 thu gom vào bể tách dầu mỡ dung tích 3 m³. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại và bể tách dầu mỡ tiếp tục được qua bể gom dung tích 6,8 m³ để xử lý bằng đường ống BTCT D200-300. Tại bể gom đặt bơm chìm, bơm cưỡng bức nước thải bằng đường ống nhựa HDPE D60 vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Đình Vũ và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thử kín sản phẩm được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải BTCTD200-300 của Cơ sở trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Đình Vũ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

+ Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh sau xử lý tại bể tự hoại + nước thải sinh hoạt từ khu nhà bếp sau xử lý tại bể tách dầu mỡ → Bể gom → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước thử kín sản phẩm → Hệ thống thu gom nước thải tại Nhà máy → Bể gom nước thải → hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Công suất thiết kế:

+ 03 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 30,55 m³.

+ 01 bể tách dầu mỡ 03 ngăn dung tích 3 m³.

+ 01 Bể gom nước thải dung tích 6,8 m³

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra vệ sinh Bể gom nước thải và bể tách dầu mỡ.

- Định kỳ hút bể phốt để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở.

- Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đấu nối nước thải về hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

A. Nội dung cấp phép xả khí thải

1. Nguồn phát sinh khí thải:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

+ Nguồn số 1: Bụi phát sinh từ tại công đoạn làm sạch trong phòng làm sạch tại Xưởng làm sạch, sơn và bao gói;

+ Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại Xưởng làm sạch, sơn và bao gói.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi số 1 phòng làm sạch tại Xưởng làm sạch, sơn và bao gói. Tọa độ: X(m)= 2303022.257; Y(m) = 606141.463 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45',múi chiều 3⁰).

- Dòng khí thải số 02: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 2 khu vực sơn tại Xưởng làm sạch, sơn và bao gói. Tọa độ: X(m)= 2302997.712; Y(m) = 606164.417 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45',múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 43.000 m³/h

- Dòng khí thải số 01: 27.000 m³/h

- Dòng khí thải số 02: 16.000 m³/h

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải cưỡng bức bằng quạt hút trong quá trình làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về BVMT và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột A), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn so sánh	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ³	30		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại
2	Bụi	mg/Nm ³	30		
4	Etyl Benzen	mg/Nm ³	100		

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn so sánh	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Toluen	mg/Nm ³	30	khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
8	Xylen	mg/Nm ³	50		

(1): QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$).

(2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn thải số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch bề mặt tại Phòng làm sạch thuộc Xưởng làm sạch, sơn và đóng gói được thu gom bằng 04 cửa hút có kích thước 600x350mm thông qua đường ống dẫn đưa về hệ thống xử lý bụi cartridge để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí có kích thước 900x500mm.

- Nguồn thải số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại Xưởng làm sạch, sơn và đóng gói được thu gom bằng 03 chụp hút có kích thước 600x600mm thông qua đường ống dẫn D150-300mm đưa về hệ thống xử lý khí thải hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí đường kính D400, cao 2,5m.

1.2. Công trình xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt công nghệ:

+ Bụi từ nguồn khí thải số 01 → Chụp hút → Đường ống thu gom → Lọc bụi Cartridge → Quạt hút → Ống thoát khí

+ Bụi, khí thải từ nguồn khí thải số 02 → Chụp hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hư hỏng của thiết bị máy móc để giảm thiểu đáng kể lượng khí thải xả thải ra môi trường.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thu gom bụi, than hoạt tính đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống.
- Bố trí cán bộ có chuyên môn, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục sự cố khí thải.
- Dừng hoạt động tại khu vực phát sinh sự cố, tìm nguyên nhân và khắc phục xong mới vận hành lại quy trình sản xuất phát sinh bụi, khí thải.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

A. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

1. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 02: Máy nén khí
- Nguồn số 03: Máy móc thiết bị xưởng sản xuất chính (máy hàn, cắt, đột dập, khoan...).
- Nguồn số 04: Máy móc thiết bị Xưởng làm sạch, sơn, đóng gói (Phun bi, sơn...), quạt hút hệ thống xử lý khí thải số 1
- Nguồn số 05: Hoạt động hệ thống xử lý khí thải số 02

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 2303024.542; Y(m) = 606100.119;
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) = 2303035.018.; Y(m) = 606110.984.;
- Nguồn số 03: Tọa độ: X(m) = 2302958.807; Y(m) = 606105.429;
- Nguồn số 04: Tọa độ: X(m) = 2303018.889; Y(m) = 606134.093;
- Nguồn số 05: Tọa độ: X(m) = 2302997.712; Y(m) = 606164.417.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung của Cơ sở đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Tiếng ồn:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)	Tần suất quan trắc	Ghi chú
------------	--------------------------------------------------------------	---------------------------	----------------

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	định kỳ	
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trên đường giao thông nội bộ, quy định giảm tốc độ của các phương tiện vận tải.

- Đối với các thiết bị có công suất lớn lắp đặt đệm chống rung bằng cao su tại chân máy, không tiếp xúc trực tiếp chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động.

- Tiến hành kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A, Mục 4.3.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

+ Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.

+ Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

+ Lắp đặt, bố trí các thiết bị tại vị trí hợp lý tránh ảnh hưởng nhất tới môi trường xung quanh.

+ Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc nhằm đảm bảo mức ồn được giữ ở mức thiết kế bởi nhà sản xuất.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

4.4.1. Đối với chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sản xuất của Cơ sở
- Chung loại và khối lượng phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại	07 03 08	891
2	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	07 03 10	297
3	Phoi từ quá trình gia công, tạo hình hoặc vật liệu mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	391
4	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 01	1.039
5	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	742
6	Cặn sơn, sơn và vecni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	1.485
7	Mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	30
8	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 04 01	817
9	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	9.555
10	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	15
11	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
12	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	401
13	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	371

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
14	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.039
	Tổng		17.082

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 14,12m²

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ tại Cơ sở là container 20 feet làm bằng thép hoàn toàn chống thấm nước, kín gió và ánh sáng, không bị biến dạng quá nhiều do va chạm, cửa dễ dàng thao tác đóng mở. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Phương án xử lý: Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của Pháp luật.

4.4.2. Chất thải rắn thông thường:

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình sản xuất và vệ sinh bể tách dầu mỡ, bể phốt.

- Thành phần: mảnh vụn kim loại, bao bì, nilon... Bùn bể phốt, cặn, dầu mỡ động thực vật

- Lượng thải:

+ Thép phế liệu 28.349 kg/năm;

+ CTRTT khác 1.633 kg/năm;

+ Bùn thải từ bể phốt 12.000 kg/năm.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Lưu giữ và xử lý:

+ Đối với thép phế liệu: Thùng chứa bằng thép dung tích 1-2 m³ đặt tại các vị trí phát sinh.

+ Đối với CTRTT khác: Kho chứa bằng Container 20 feet có diện tích 14,12 m².

+ Đối với bùn thải: Lưu giữ tại bể xử lý.

- Phương án xử lý: Đối với phế liệu bán cho các đơn vị có chức năng. Đối với chất thải công nghiệp phải xử lý thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của Pháp luật..

4.4.3. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của cán bộ công nhân viên bao gồm thực phẩm thừa, chai nhựa...

- Khối lượng: 86 kg/ngày.

- Thiết bị chứa đựng: 03 thùng chứa 120 lít.

- Phương án xử lý: Phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

a. Hoạt động sản xuất:

- Công suất sản xuất của Cơ sở năm 2024: 3.814 tấn sản phẩm/năm.
- Số lượng công nhân hiện tại: 200 người.
- Lượng điện sử dụng trung bình: 438.571 kWh/năm.
- Lượng nước sử dụng trung bình: 4.320 m³/năm.

b. Hoạt động bảo vệ môi trường

- Công ty đã tiến hành quan trắc môi trường định kỳ như sau:
 - + Khí thải: 4 lần/năm. Kết quả các thông số đều đạt Quy chuẩn cho phép.
 - + Môi trường làm việc: 04 lần/năm. Kết quả các thông số đều đạt Quy chuẩn cho phép.
 - + Nước thải: 4 lần/năm. Kết quả các thông số đều đạt Quy chuẩn cho phép.
- Đã thực hiện lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường cuối năm gửi cơ quan có thẩm quyền là Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Sở Nông nghiệp và Môi trường (định kỳ 1 năm/lần).

5.1. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

- Lưu lượng nước thải phát sinh (tính bằng 80% lượng nước cấp theo Hóa đơn tính phí xử lý nước thải): 11,52 m³/ngày
- Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải: Kết quả quan trắc môi trường nước thải tại bể gom trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Đình Vũ của Cơ sở năm 2023, 2024 được thể hiện ở như sau:
 - + Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần
 - + Vị trí lấy mẫu: Nước thải tại điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ.
 - + Kết quả quan trắc:

Bảng 5.1. Kết quả phân tích nước thải định kỳ tại Cơ sở

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Thông số	Đơn vị tính	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TC KCN Đình Vũ
Năm 2023							
1.	pH	-	7,0	6,8	7,2	6,8	5-9
2.	TSS	mg/l	53	47	40	47	500
3.	TDS	mg/l	650	516	933	575	-
4.	BOD ₅	mg/l	45	48	46	36	500
5.	Nitrat	mg/l	2,66	2,17	13,7	16,04	-
6.	Sunfua	mg/l	0,12	0,09	0,08	0,16	0,5
7.	Phosphat	mg/l	3,18	2,35	3,08	4,40	-
8.	Amoni	mg/l	4,29	2,96	3,66	5,38	5
9.	Chất HDBM	mg/l	0,07	0,09	0,1	0,1	-
10.	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	0,4	<0,3	<3	1,6	30
11.	Coliform	mg/l	2.000	2.300	4.300	4.600	10.000
Năm 2024							
1.	pH	-	7,7	6,9	7,0	7,6	5-9
2.	TSS	mg/l	91	47	64	52	500
3.	TDS	mg/l	311	694	393	747	-
4.	BOD ₅	mg/l	52	42	66	55	500
5.	Nitrat	mg/l	12,75	11,54	2,14	3,36	-
6.	Sunfua	mg/l	0,18	0,09	0,09	0,09	0,5
7.	Phosphat	mg/l	2,89	2,82	2,23	2,79	-
8.	Amoni	mg/l	6,98	4,75	4,49	6,78	5
9.	Chất HDBM	mg/l	0,27	0,42	0,33	0,43	-
10.	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	1,7	1,4	1,7	1,2	30
11.	Coliform	mg/l	4.800	4.300	3.800	3.400	10.000

- Đánh giá hiệu quả của hệ thống: Nồng độ các chất ô nhiễm trong mẫu nước thải tại Cơ sở trước khi xả nước thải ra môi trường trong kỳ quan trắc đều thấp hơn Tiêu chuẩn nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ. Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải của Cơ sở đang hoạt động có hiệu quả, phù hợp và đáp ứng nhu cầu xả nước thải của Cơ sở.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải

5.3.1. Môi trường làm việc

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KK1: Không khí khu vực làm sạch
 - + KK2: Không khí khu vực xưởng chính
- Kết quả quan trắc:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực làm việc định kỳ tại cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị tính	KK1	KK2	QCVN 03:2019/BYT
	Năm 2023 - Đợt 1				
1.	Nhiệt độ	°C	28	29	18-32⁽¹⁾
2.	Độ ẩm	%	65	62	40-80⁽¹⁾
3.	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,3	0,2-1,5⁽¹⁾
4.	Tiếng ồn	dBA	72	81	85⁽²⁾
5.	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,161	0,113	8⁽³⁾
6.	CO	mg/m ³	3,97	4,81	20
7.	SO ₂	mg/m ³	0,44	0,79	5
8.	NO ₂	mg/m ³	0,31	0,50	5
9.	C _x H _y (theo Cyclohexane)	mg/m ³	<0,018	<0,018	-
	Năm 2023 - Đợt 2				
10.	Nhiệt độ	°C	31	31	18-32⁽¹⁾
11.	Độ ẩm	%	64	66	40-80⁽¹⁾
12.	Tốc độ gió	m/s	0,3	0,4	0,2-1,5⁽¹⁾
13.	Tiếng ồn	dBA	73	79	85⁽²⁾
14.	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,06	0,23	8⁽³⁾
15.	CO	mg/m ³	2,672	3,817	20
16.	SO ₂	mg/m ³	0,262	0,349	5
17.	NO ₂	mg/m ³	0,251	0,376	5

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Thông số	Đơn vị tính	KK1	KK2	QCVN 03:2019/BYT
18.	C _x H _y (theo Cyclohexane)	mg/m ³	<0,08	<0,08	-
	Năm 2023 - Đợt 3				
19.	Nhiệt độ	°C	32	31	18-32⁽¹⁾
20.	Độ ẩm	%	71	69	40-80⁽¹⁾
21.	Tốc độ gió	m/s	0,3	0,4	0,2-1,5⁽¹⁾
22.	Tiếng ồn	dBA	72	72	85⁽²⁾
23.	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,37	0,21	8⁽³⁾
24.	CO	mg/m ³	4,963	4,581	20
25.	SO ₂	mg/m ³	0,520	0,698	5
26.	NO ₂	mg/m ³	0,380	0,439	5
27.	C _x H _y (theo Cyclohexane)	mg/m ³	<0,08	<0,08	-
	Năm 2023 - Đợt 4				
28.	Nhiệt độ	°C	29	30	18-32⁽¹⁾
29.	Độ ẩm	%	64	64	40-80⁽¹⁾
30.	Tốc độ gió	m/s	0,3	0,3	0,2-1,5⁽¹⁾
31.	Tiếng ồn	dBA	79	79	85⁽²⁾
32.	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,33	0,19	8⁽³⁾
33.	CO	mg/m ³	3,817	4,600	20
34.	SO ₂	mg/m ³	0,436	0,611	5
35.	NO ₂	mg/m ³	0,314	0,400	5
36.	C _x H _y (theo Cyclohexane)	mg/m ³	<0,08	<0,08	-
	Năm 2024 - Đợt 1				
37.	Nhiệt độ	°C	25	24	18-32⁽¹⁾
38.	Độ ẩm	%	73	70	40-80⁽¹⁾
39.	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,1	0,2-1,5⁽¹⁾
40.	Tiếng ồn	dBA	82	80	85⁽²⁾
41.	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,37	0,41	8⁽³⁾
42.	CO	mg/m ³	4,581	4,593	20
43.	SO ₂	mg/m ³	0,523	0,521	5

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Thông số	Đơn vị tính	KK1	KK2	QCVN 03:2019/BYT
44.	NO ₂	mg/m ³	0,253	0,251	5
45.	C _x H _y (theo Cyclohexane)	mg/m ³	<0,08	<0,08	-
Năm 2024 - Đợt 2					
46.	Nhiệt độ	°C	30	30	18-32 ⁽¹⁾
47.	Độ ẩm	%	66	69	40-80 ⁽¹⁾
48.	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,7	0,2-1,5 ⁽¹⁾
49.	Tiếng ồn	dBA	76	77	85 ⁽²⁾
50.	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,82	0,88	8 ⁽³⁾
51.	CO	mg/m ³	5,344	5,726	20
52.	SO ₂	mg/m ³	0,785	0,960	5
53.	NO ₂	mg/m ³	0,200	0,252	5
54.	C _x H _y (theo Cyclohexane)	mg/m ³	<0,08	<0,08	-
Năm 2024 - Đợt 3					
55.	Nhiệt độ	°C	30	31	18-32 ⁽¹⁾
56.	Độ ẩm	%	68	73	40-80 ⁽¹⁾
57.	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,3	0,2-1,5 ⁽¹⁾
58.	Tiếng ồn	dBA	76	80	85 ⁽²⁾
59.	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,70	0,82	8 ⁽³⁾
60.	CO	mg/m ³	3,057	3,819	20
61.	SO ₂	mg/m ³	0,611	0,435	5
62.	NO ₂	mg/m ³	0,188	<0,188	5
63.	C _x H _y (theo Cyclohexane)	mg/m ³	<0,08	<0,08	-
Năm 2024 - Đợt 4					
64.	Nhiệt độ	°C	30	29	18-32 ⁽¹⁾
65.	Độ ẩm	%	68	67	40-80 ⁽¹⁾
66.	Tốc độ gió	m/s	0,6	0,5	0,2-1,5 ⁽¹⁾
67.	Tiếng ồn	dBA	72	79	85 ⁽²⁾
68.	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,75	0,81	8 ⁽³⁾
69.	CO	mg/m ³	2,290	2,673	20

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

STT	Thông số	Đơn vị tính	KK1	KK2	QCVN 03:2019/BYT
70.	SO ₂	mg/m ³	<0,262	0,262	5
71.	NO ₂	mg/m ³	<0,188	<0,188	5
72.	C _x H _y (Cyclohexane)	mg/m ³	<0,08	<0,08	-

- Quy chuẩn so sánh:

- **QCVN 03:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);

+ ⁽¹⁾**QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;

+ ⁽²⁾**QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ ⁽³⁾**QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

- (-): Không quy định.

Nhân xét: Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực làm việc định kỳ năm 2023 và 2024 của Cơ sở cho thấy:

- Nồng độ bụi tại khu vực sản xuất của Công ty đều nhỏ hơn giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc).

- Nồng độ ô nhiễm không khí tại khu vực sản xuất của Công ty đều nhỏ hơn giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc).

- Tiếng ồn tại khu vực sản xuất của công ty đều nhỏ hơn giới hạn cho phép QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

5.3.2. Môi trường khí thải

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Không khí sau hệ thống lọc bụi

- Kết quả quan trắc:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ tại cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị tính	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	QCVN 19:2009/ BTNMT
Năm 2023							
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	21	28	26	24	108
Năm 2024							
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	31	32	28	23	108

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

Nhận xét: Kết quả quan trắc môi trường khí thải định kỳ năm 2022 và 2023 của Cơ sở cho thấy:

- Nồng độ bụi sau hệ thống lọc bụi thấp hơn QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B với $K_v = 0,6$ và $K_p = 0,9$).

5.4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường

Công ty đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không có giấy phép môi trường theo quy định (Quyết định số 995/QĐ-XPHC ngày 24/3/2025: Xử phạt vi phạm hành chính đồng kèm phụ lục báo cáo).

Ngày 04/04/2025, Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn đã chấp hành xử phạt vi phạm hành chính, cụ như sau:

- Biên lai thu phạt vi phạm hành chính số: 0008659 ngày 04/4/2025.
- Số tiền nộp phạt: 320.00.000 đồng (Có Biên lai đính kèm báo cáo).

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở

Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải và khí thải của cơ sở cụ thể như sau:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình BVMT.

- Tần suất quan trắc lấy mẫu đối với nước thải theo hướng dẫn tại khoản 5, điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT đối với Cơ sở như sau:

+ Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định: 3 lần liên tiếp x 1 ngày/lần.

- Chương trình quan trắc vận hành thử nghiệm như sau:

Đối với nước thải: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo Điều d, Khoản 13, Điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

Đối với khí khí thải:

+ Vị trí lấy mẫu:

Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi số 01. Tọa độ: X(m)= 2303022.257; Y(m) = 606141.463 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°)

Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải số 02. Tọa độ: X(m)= 2302997.712; Y(m) = 606164.417 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°)

+ Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp.

+ Thông số lấy mẫu và tiêu chuẩn so sánh theo Mục 4.2, Chương 4:

- Tổ chức thực hiện quan trắc: Các đơn vị có chức năng quan trắc và phân tích môi trường thực hiện.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

- **Đối với nước thải:** Căn cứ Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Hoạt động của Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường nước thải do nước thải của Cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- **Đối với khí thải:** Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có công suất xả bụi, khí thải tối đa là 43.000 m³/h. Loại hình của Cơ sở và công suất xả bụi, khí thải tối đa của Cơ sở nhỏ không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ và quan trắc tự động liên tục theo quy định tại Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ- CP và theo quy định chi tiết tại Phụ lục XXIX của Nghị định trên.

- Đối với chất thải:

+ *Chất thải rắn thông thường:* Theo dõi, giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường vào nơi chứa; lưu giữ hợp đồng hoặc chứng từ hoặc giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

+ *Chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được phân định, phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; Lưu giữ hợp đồng, liên chứng từ CTNH và quản lý CTNH theo quy định hiện hành.

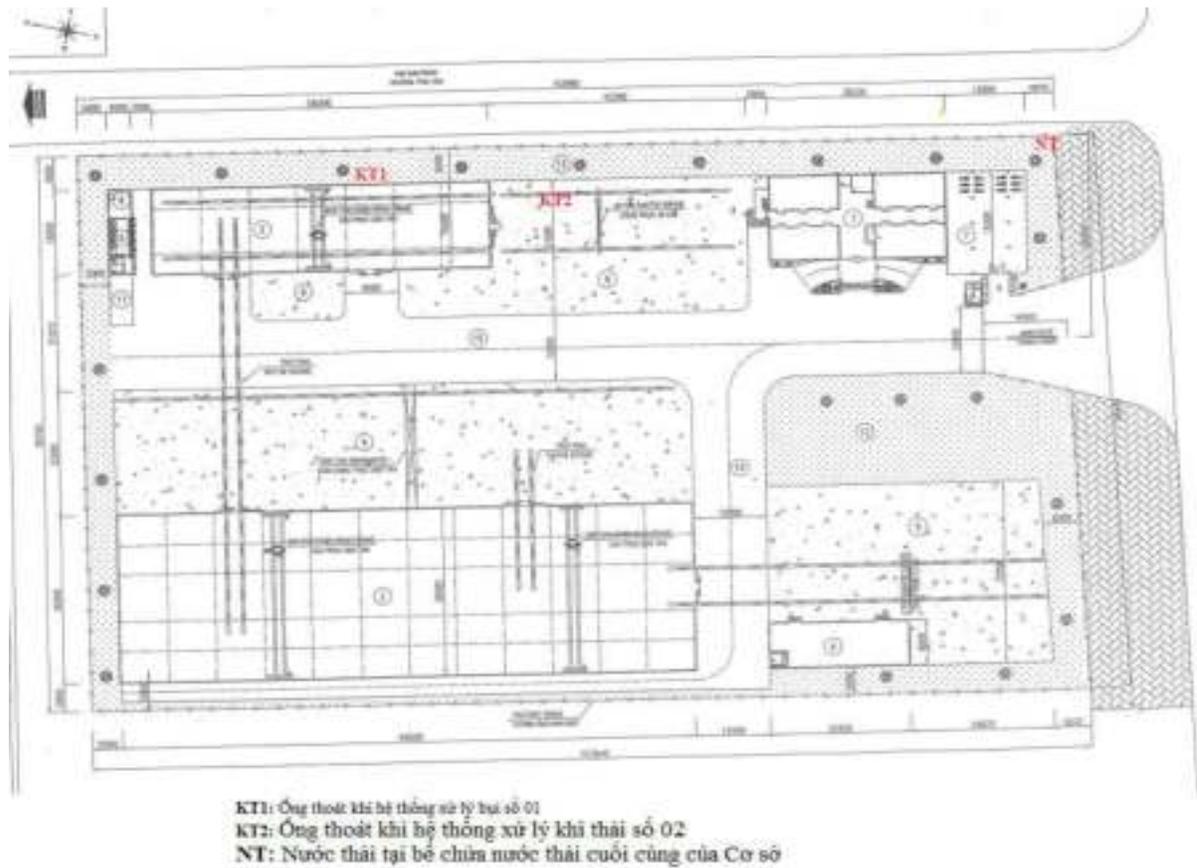
- Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động để đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại Cơ sở: Đánh giá chất lượng môi trường tại Cơ sở; phát hiện và kịp thời khắc phục các thông số ô nhiễm có nguy cơ vượt quy chuẩn cho phép. Trong quá trình hoạt động, Cơ sở xin tự đề xuất chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ tại Cơ sở như sau:

Bảng 6.1. Chương trình giám sát môi trường định kỳ tại Cơ sở

STT	Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Tiêu chuẩn so sánh	Tần suất
<i>I</i>	<i>Khí thải</i>			
1	Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi số 01 (KT1)	Bụi	QCVN 19:2024/BTNMT (cột B)	6 tháng/lần
2	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải số 02 (KT2)	Bụi, Etyl Benzen, Toluene, Xylen		
<i>II</i>	<i>Môi trường nước thải (01 điểm)</i>			
1	Nước thải tại Bể gom nước thải cuối cùng của Cơ sở (NT)	pH, TSS, BOD ₅ , Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform	Tiêu chuẩn KCN Đình Vũ	6 tháng/lần

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở “Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE”**

- Sơ đồ giám sát môi trường định kỳ tại Cơ sở như sau:



Hình 6.1. Sơ đồ vị trí giám sát môi trường định kỳ

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của Cơ sở dự kiến: 30 triệu đồng/năm.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường, nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Cam kết thu gom triệt để nước thải phát sinh của Cơ sở để xử lý trước khi đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ.
- Thu gom, xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột A).
- Thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và các văn bản pháp luật liên quan.
- Cam kết tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện về an toàn, vệ sinh môi trường.
- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của Cơ sở.
- Cam kết khắc phục, chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường./.

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0200811608

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 05 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 30 tháng 11 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET HAN ENGINEERING LIMITED
COMPANY

Tên công ty viết tắt: VHE.

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Điện thoại: 0225.2299201/2299202

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 200.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐÀO DẮNG KIẾN	Số 7/95 đường Lam Sơn, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	180.000.000.000	90,000	031782270	
2	LEE SANG SOO	Số 101-1803HO, toà nhà Hanlim Prugio APT, Sungjudong, Changwon, Gyeongnam 641-941, HÀN QUỐC	20.000.000.000	10,000	GN-05-56643	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐÀO ĐĂNG KIẾN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: *12/10/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *031782270*

Ngày cấp: *20/04/2009*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hải Phòng*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 7/95 đường Lam Sơn, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 7/95 đường Lam Sơn, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Anh Tuấn



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **3812648404**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015
của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của
Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải
Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2118/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm
2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy
định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý khu
kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do
Nhà đầu tư Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn nộp ngày 03/3/2016,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận nhà đầu tư:

Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn; Giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên số 0200811608 do Sở
Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày
06/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/02/2016.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16 lô BS2 khu đô thị PG An Đồng, xã An
Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Đăng Kiên; sinh ngày
12/10/1974; quốc tịch Việt Nam; chứng minh nhân dân số 031782270 do
Công an Hải Phòng cấp ngày 20/4/2009; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện
nay tại: Số 7/95 đường Lam Sơn, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành
phố Hải Phòng, Việt Nam; điện thoại: 031 3719224, email:
ddkien@vhe.com.vn; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng
Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE



2. Mục tiêu dự án:

- Thiết kế máy móc, thiết bị và chi tiết máy, chế tạo máy, thiết bị và các sản phẩm cơ khí; Tư vấn, giám sát lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Hoạt động tư vấn quản lý kỹ thuật.

3. Quy mô dự án:

STT	Sản phẩm	Quy mô (Tấn/năm)
1	Kết cấu thép	2.000
2	Hệ thống đường ống	2.000
3	Thiết bị cơ khí	1.000

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 16.543 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 115.000.000.000 (một trăm mười lăm tỷ) đồng.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 45.000.000.000 (bốn mươi lăm tỷ) đồng, chiếm tỷ lệ 39,1% tổng vốn đầu tư, sẽ được nhà đầu tư góp đủ trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 42 (bốn mươi hai) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tháng 4/2016: Khởi công xây dựng;
- Tháng 9/2017: Hoàn thành công trình xây dựng và lắp đặt;
- Tháng 10/2017: Vận hành thử;
- Tháng 11/2017: Hoạt động chính thức.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% (mười phần trăm) trong 15 (mười lăm) năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo,

Miễn thuế 04 (bốn) năm, giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư;

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;



+ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Khi thực hiện Dự án đầu tư, nhà đầu tư phải tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục về quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ bản, bảo vệ môi trường và các thủ tục liên quan khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

2. Dự án phải được đầu tư đúng tiến độ đã cam kết, nếu sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký; hoặc Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động mà Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư thì Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng sẽ quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Cục Thống kê Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật về báo cáo thống kê.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

TRƯỞNG BAN



Đỗ Trung Thoại

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



311141116000218

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200811608 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/5/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/02/2016.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16 lô BS2 khu đô thị PG An Đông, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

CE 413044

Số: 2754/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 08 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
đầu tư nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE do Công ty TNHH
Kỹ thuật Việt Hàn làm Chủ đầu tư

PHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 4.122
Ngày 07 tháng 11 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Điều 14, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng thẩm định (thành lập tại Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố) họp ngày 21/7/2016 và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE đã được Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến Hội đồng thẩm định tại các Văn bản: số 160930 ngày 30/9/2016, số 160830 ngày 30/8/2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 534/TTr-STNMT ngày 17/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE do Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn làm Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Chủ dự án), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Lô đất CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An.

- Diện tích: 16.543m² theo Hợp đồng thuê lại đất số DVIZJSC.051.2015.LLC. MKG ngày 16/12/2015 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Mục đích: Xây dựng nhà máy sản xuất cầu kiện kim loại, gia công cơ khí.

- Quy mô, công suất:

+ Kết cấu thép: 2.000 tấn/năm;



+ Hệ thống đường ống: 2.000 tấn/năm;

+ Thiết bị cơ khí: 1.000 tấn/năm;

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án.

- Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án theo quy định hiện hành.

- Thực hiện các giải pháp chống ồn, chống rung, xử lý các loại khí thải, bụi đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thi công và vận hành dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; lưu giữ kết quả quan trắc, giám sát để các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra; báo cáo chất lượng môi trường định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Lập, phê duyệt và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án đến Ủy ban nhân dân quận Hải An để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành Dự án theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Báo cáo kết quả việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Dự án để được kiểm tra, xác nhận theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương liên quan.

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chứng thực vào mặt sau của trang phụ bìa báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt gửi tới Chủ dự án một (01) bản, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng một (01) bản, Ủy ban nhân dân quận Hải An (01) bản, lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bản kèm theo một (01) đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu theo quy định;

- Quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định.

- Chủ trì cùng Ủy ban nhân dân quận Hải An và các Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Ủy ban nhân dân quận Hải An có trách nhiệm: căn cứ thẩm quyền theo quy định của pháp luật để hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hải An, Chi Cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường Hải Phòng, Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT Lê Thanh Sơn;
- Như Điều 5;
- CVP, các PCVP;
- Phòng NNTNMT;
- CV: MT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Sơn

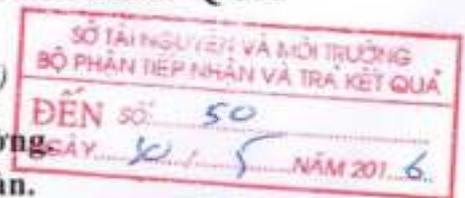
Số: 50 /TNHS

Hải Phòng, ngày 30 tháng 5 năm 2016

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:

(Liên: Lưu/giao khách hàng)



Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường
Tiếp nhận hồ sơ của: **Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn.**
Địa chỉ liên hệ: **Lô CC1, khu dân cư An Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng**
Địa điểm thực hiện dự án: **Số 16 lô BS2, KĐT PG An Đồng, xã An Đồng, huyện An Dương**
Tên dự án đầu tư: **Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE.**
Người nộp hồ sơ: **Nguyễn Thị Xin** Số điện thoại: **9118 310 709**
Nội dung yêu cầu giải quyết: **Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**
1. Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: **45 ngày.**
2. Thời gian nhận hồ sơ: **30/5/2016**
3. Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: **01/8/2016**
4. Đăng ký nhận kết quả tại: **Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.**
Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số *01* Số thứ tự: *50*
5. Thành phần, số lượng hồ sơ nộp gồm:

TT	Tên văn bản (Hoặc trích yếu nội dung)	Số hiệu, thời gian văn bản ban hành	Cơ quan ban hành văn bản	Hình thức và số lượng văn bản	
				Bản chính	Bản sao chứng thực
1	Công văn đề nghị thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Số 30/CV-VH ngày 30/5/2016	Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn.	01	-
2	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Năm 2016	Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn.	08	-
3	Dự án đầu tư xây dựng	Năm 2016	Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn.	01	-

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xin

Nguyễn Thị Xin

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Danh Tùng

Nguyễn Danh Tùng

Số: *24* /2017/SĐK - STNMT

Hải Phòng, ngày *26* tháng *5* năm 2017

**SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 31.00112.T

*Cấp lần đầu ngày *26* tháng *5* năm 2017*

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

Tên: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN.

Trụ sở chính: Số 16 Lô BS2, Khu đô thị PG An Đồng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 02253719224 Fax: 02253719226

Ngành nghề chủ yếu: thiết kế máy móc, thiết bị và chi tiết máy, chế tạo máy, thiết bị và các sản phẩm cơ khí; Tư vấn, giám sát lắp đặt máy móc và thiết bị; sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Hoạt động tư vấn quản lý kỹ thuật.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0200811608, đăng ký lần đầu ngày 06/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3812648404, chứng nhận lần đầu ngày 16/3/2016 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo Danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm và đầy đủ các quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT -BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đặc biệt lưu ý các nội dung sau:

- Bố trí khu vực lưu giữ CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A).

- Chỉ ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép



xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp; Khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH phải tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các CTNH và việc tiêu hủy chúng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định tại Phụ lục 3.

- Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

- Sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 (A) ban hành kèm theo Thông tư này và nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Sổ đăng ký chỉ cấp lại trong trường hợp có thay đổi tên chủ nguồn thải hoặc địa chỉ, số lượng cơ sở phát sinh chất thải nguy hại; thay đổi bổ sung phương án tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại tại cơ sở.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Chủ nguồn thải;
- CCBVMTHP;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Phương

SỔ
NGUY
VÀ
MÔI
TRƯỜNG

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 31.001112.T do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26/5/2017)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại.

Tên cơ sở: Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE.

Địa chỉ cơ sở: Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thành phố Hải Phòng.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại	Rắn	218,4	07 03 08
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	1500	07 04 01
3	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	156	07 04 02
4	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	5	08 02 01
5	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	100	08 01 01
6	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	25	12 01 04
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20	16 01 06
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	700	18 01 02
10	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	150	18 02 01
	Tổng số lượng		2.924,4	

3. Danh sách CTNH đăng ký tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không có.



xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp; Khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH phải tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các CTNH và việc tiêu hủy chúng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định tại Phụ lục 3.

- Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

- Sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12*) theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 (A) ban hành kèm theo Thông tư này và nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Sổ đăng ký chỉ cấp lại trong trường hợp có thay đổi tên chủ nguồn thải hoặc địa chỉ, số lượng cơ sở phát sinh chất thải nguy hại; thay đổi bổ sung phương án tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại tại cơ sở.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Chủ nguồn thải;
- CCBVMTHP;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Phương

SỔ
NGUY
VÀ
MÔI
TRƯỜNG

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 31.001112.T do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26/5/2017)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại.

Tên cơ sở: Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE.

Địa chỉ cơ sở: Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thành phố Hải Phòng.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại	Rắn	218,4	07 03 08
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	1500	07 04 01
3	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	156	07 04 02
4	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	5	08 02 01
5	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	100	08 01 01
6	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	25	12 01 04
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20	16 01 06
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	700	18 01 02
10	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	150	18 02 01
	Tổng số lượng		2.924,4	

3. Danh sách CTNH đăng ký tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không có.

Số: 265 /GPXD-BQL

Hải Phòng, ngày 24 tháng 04 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn.

- Địa chỉ: Lô CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

(Thuộc Dự án Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE)

- Theo thiết kế do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hải Nam lập.

- Đơn vị thẩm định: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Lô CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

+ Cốt nền xây dựng công trình: $\geq +5,00$ m (Cao độ Hải đồ).

+ Mật độ xây dựng: 31,74%. Hệ số sử dụng đất: 0,37 lần.

+ Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới thuê đất, giao đất.

+ Chỉ giới xây dựng (so với chỉ giới đường đỏ):

Lùi tối thiểu 6 m khi tiếp giáp với đường nội bộ Khu công nghiệp Đình Vũ; lùi tối thiểu 5 m khi tiếp giáp với lô đất bên cạnh trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.

+ Diện tích xây dựng, Tổng diện tích sàn, Chiều cao tầng 1, Chiều cao công trình, Số tầng của từng hạng mục công trình: Theo phụ lục đính kèm.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CE 413044 (Số vào sổ cấp GCN: CT06458) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/12/2016.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VP, QHXD.

TRƯỞNG BAN



Đỗ Trung Thoại

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép Xây dựng số 265/GPXD-BQL ngày 24/01/2017)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn.

- Địa chỉ: Lô CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

TT	Hạng mục công trình	DTXD (m ²)	TDTS (m ²)	Số tầng	CCT1 (m)	CCCT (m)
1	Nhà văn phòng làm việc và nhà ăn	573,22	1.519,86	03	4,05	12,65
2	Nhà xưởng chính	3.058,05	3.058,05	01		19,14
3	Nhà xưởng làm sạch và bao gói	921,61	921,61	01		15,54
4	Nhà để dụng cụ	232,32	232,32	01		5,7
5	Nhà vệ sinh	50,91	50,91	01		3,7
6	Nhà để xe	219,6	219,6	01		3,75
7	Nhà bảo vệ	20,98	20,98	01		4
8	Khu vực trạm biến áp	20	20			
9	Bể nước PCCC 50 m ³	37,8	37,8			
10	Tường rào thoáng dài 531 m	116,82	116,82			2,5
11	Cổng rộng 12 m; cổng phụ rộng 2,4 m					

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VỆ SINH

- Căn cứ Bộ luật Dân sự của Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 20/04/2021 của UBND Thành phố Hải Phòng "Về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn Thành phố Hải Phòng".
- Căn cứ Quyết định số 194B/QĐ-MTĐT ngày 29/4/2021 của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hải Phòng "Về việc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn Thành phố Hải Phòng".
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế các các bên trong hợp đồng.

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại Thành phố Hải Phòng chúng tôi gồm có:

1. Bên sử dụng dịch vụ vệ sinh (bên A):

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

Đại diện là Ông (Bà):*Đào Đăng Kiên*.....

Chức vụ:*Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc*.....

Trụ sở: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Email:.....

Mã số thuế: 0200811608 Điện thoại:.....

Tài khoản: Tại:.....

2. Bên cung cấp dịch vụ vệ sinh (bên B):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG.

Đại diện: Bà Phạm Thị Thu An Chức vụ: Phó TGĐ Công ty

Trụ sở: Số 1 Lý Tự Trọng, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng.

Tài khoản số: 2112201022230 Tại: NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200149536 Điện thoại: 02253-747787

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ vệ sinh với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ cho việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải của đơn vị, bao gồm:

1. Rác thải sinh hoạt:

v

2. / :

Điều 2: Khối lượng dịch vụ:

1. Khối lượng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải được lấy đơn vị đo là: m³ (mét khối)

2. Phương pháp xác định khối lượng là dung tích các dụng cụ chứa đựng (thiết bị, phương tiện vận chuyển) mà 2 bên nhất trí sử dụng theo dung tích xác định của nhà sản xuất.

3. Khối lượng dịch vụ thanh toán: Lấy khối lượng chất thải vận chuyển xử lý theo tháng làm khối lượng thanh toán dịch vụ.

Điều 3: Giá trị hợp đồng bao gồm:

1. Chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt:

$$07m^3/\text{tháng} \times 294.000 \text{ đồng}/m^3 = 2.058.000 \text{ đồng}/\text{tháng}.$$

2. Các dịch vụ khác:

..... \

..... \

..... \

Tổng giá trị hợp đồng: 2.058.000 đồng/tháng

(Bằng chữ : Hai triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng trên tháng.)

(Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT)

Điều 4: Phương thức thanh toán:

1. Sau khi nhận được hóa đơn thu tiền hợp lệ do bên B phát hành thì bên A phải thanh toán 100% số tiền trên hóa đơn cho bên B.
2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Điều 5: Quyền hạn và trách nhiệm của các bên:

1. Quyền hạn và trách nhiệm của bên A:

- 1.1. Bên A có quyền cử cán bộ kiểm tra giám sát quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, với điều kiện việc kiểm tra giám sát này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của bên B.
- 1.2. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).
- 1.3. Chứa đựng chất thải vào các dụng cụ chứa đựng hợp vệ sinh.
- 1.4. Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- 1.5. Đảm bảo thành phần chất thải đúng theo chủng loại đã ghi tại Điều 1 của hợp đồng này, khi có thay đổi về loại chất thải thì phải thông báo cho bên B để có phương án xử lý.
- 1.6. Đưa chất thải lên phương tiện vận chuyển của bên B đúng thời gian, địa điểm quy định.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của bên B:

- 2.1. Kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định việc thực hiện các điều khoản hợp đồng này, lập biên bản nếu bên A vi phạm hợp đồng.
- 2.2. Ngừng cung cấp dịch vụ khi bên A vi phạm quy định về vệ sinh môi trường của Thành phố. Việc cung cấp dịch vụ trở lại chỉ được

tiến hành sau khi bên A thanh toán đầy đủ các khoản nợ tiền dịch vụ hoặc thực hiện đầy đủ Quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền và đã trả đủ các chi phí khắc phục vi phạm theo quyết định.

2.3. Đảm bảo cung cấp dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải ổn định cho bên A:

- Về thời gian: Giờ hành chính

- Địa điểm: Lô đất số CN 44E Khu Công Nghiệp Đình Vũ

2.4. Khi ngừng cung cấp dịch vụ vì lý do sự cố, phải thông báo cho bên A trong vòng 24h bằng điện thoại hoặc các phương tiện khác.

2.5. Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên A về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ vệ sinh đã được thỏa thuận tại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.

2.6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Thay đổi, sửa đổi hợp đồng:

1. Nếu một trong hai bên có thông báo hoặc đề nghị bằng văn bản về thay đổi, bổ sung điều khoản có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này thì hai bên thỏa thuận bằng văn bản, phụ lục hợp đồng.

2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng:

1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1.1. Bên A giải thể và đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định hoặc hợp đồng hết hạn.

1.2. Bên B đơn phương hủy bỏ hợp đồng do bên A vi phạm hợp đồng hoặc được xác định là không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ vệ sinh trên thực tế.

2. Khi hợp đồng chấm dứt, bên B ngừng cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường. Nếu bên A có nhu cầu dịch vụ vệ sinh trở lại phải ký kết hợp đồng mới sau khi đã giải quyết xong các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện hợp đồng cũ với bên B.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng:

1. Nếu một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng, yêu cầu bên vi phạm phải chịu bồi thường mọi tổn thất do bên đó gây ra.

2. Khi phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng thương lượng; nếu không thương lượng được thì các bên có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại toà án theo quy định pháp luật.

Điều 9: Sự kiện bất khả kháng:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- + Thông báo ngay cho bên kia trong vòng 3 ngày ngay sau sự kiện xảy ra.
- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 10: Điều khoản chung:

1. Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt này có hiệu lực kể từ ngày: 01/01/2024
2. Các phụ lục kèm theo hợp đồng này có hiệu lực thực hiện như hợp đồng. Nếu trong quá trình thực hiện có các văn bản mang tính thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên hoặc các thông báo để chi tiết, bổ sung, sửa đổi các thông tin liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thì cũng được coi là phụ lục của hợp đồng này.
3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các quy định hiện hành về vệ sinh môi trường đô thị. Nếu một trong hai bên thực hiện không đúng thì được coi là vi phạm hợp đồng.
4. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Đăng Kiên



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu An

HỢP ĐỒNG

V/v: Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
Số:01-2024/HĐ-VCXLCTNH/TTP-KTVH

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự Số:91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 1 tháng 1 năm 2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường Số:72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ vào Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;
- Căn cứ Thông tư Số:02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ vào Giấy phép Môi trường Số:191/GPMT-BTNMT được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Tân Thuận Phong ngày 15/06/2023.
- Căn cứ vào đề nghị của Công ty TNHH kỹ thuật Việt Hàn và khả năng của Công ty TNHH Tân Thuận Phong,

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : 0225 2299202
- Đại diện : Ông **Đào Đăng Kiên** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**
- Mã số thuế : 020011608
- Số tài khoản : 2531109040277 Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Bắc Hải Phòng

BÊN B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG

- Địa chỉ : Km số 8, đường quốc lộ 5, thôn Lương Quán, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại : 02253.589152 - Fax : 02253.770425
- Đại diện : Ông **Bùi Văn Bình** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Mã số thuế : 0200429212
- Số TK:1031000008866 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Nam Hải Phòng

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung sau:

Điều 1. Bên A thuê bên B thực hiện những công việc sau

- Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A. Các loại chất thải cụ thể như sau:

Stt	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt; tro xỉ đem hóa rắn hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01	
3	Các vật liệu mài dạng hạt có các thành phần nguy hại	Rắn	07 03 08	
4	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	
5	Mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	08 02 01	
6	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	08 01 01	
7	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	Rắn	07 03 10	
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Xử lý tại hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang
10	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Xử lý bằng hệ thống xử lý dầu thải, chất thải nhiễm dầu
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa có thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	Súc rửa, tái chế
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại có thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	
13	Phoi từ quá trình gia công có lẫn dầu và nhũ tương	Rắn	07 03 11	Xử lý bằng hệ thống xử lý dầu thải, chất thải nhiễm dầu
14	Phế liệu kim loại bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	11 04 01	

- Vận chuyển và xử lý những chất thải nguy hại này tuân thủ đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường về quản lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

Điều 2. Địa điểm, thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển

2.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ của Công ty bên A: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại Nhà máy của Công ty TNHH Tân Thuận Phong Lô CN4, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

2.3. Thời gian giao nhận: Được thực hiện trong vòng 48 giờ kể từ khi có sự yêu cầu, thông báo của bên A.

2.4. Số lượng hàng hóa: Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng lên xe.

Điều 3. Đơn giá vận chuyển -xử lý và phương thức thanh toán

3.1. Đơn giá vận chuyển-xử lý

- Đơn giá vận chuyển -xử lý cho từng loại chất thải được thể hiện theo bảng giá dưới đây:

Stt	Tên chất thải nguy hại	Đơn vị tính (Kg)	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	01	4.500
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	01	4.000
3	Các vật liệu mài dạng hạt có các thành phần nguy hại	01	4.500
4	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	01	4.500
5	Mực in thải có thành phần nguy hại	01	4.500
6	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	01	5.000
7	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	01	4.500
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	01	4.200
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	01	4.500
10	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	01	3.500

29
NG
HIỆM
KIẾN
G T.1
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

11	Bao bì cứng thái bằng nhựa có thành phần nguy hại	01	4.200
12	Bao bì cứng thái bằng kim loại có thành phần nguy hại	01	4.200
13	Phoi từ quá trình gia công có lẫn dầu và nhũ tương	01	3.300
14	Phế liệu kim loại bị nhiễm thành phần nguy hại	01	3.300

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, đã bao gồm chi phí thu gom và vận chuyển. Đơn giá áp dụng với khối lượng chất thải trong một lần thu gom và vận chuyển xử lý từ 2.000 kg trở lên. Nếu khối lượng nhỏ hơn 2.000 kg thì ngoài khối lượng nhận với đơn giá trên Quý Công ty phải trả thêm là 2.500.000 VND (Hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)

Đơn giá có giá trị trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực.

3.2. Phương thức thanh toán

- Loại hợp đồng: Nguyên tắc
- Hai bên sẽ lập biên bản xác nhận, lập chứng từ CTNH để làm cơ sở cho việc thanh toán và quản lý CTNH.
- Bên A thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho bên B sau khi thực hiện việc thu gom vận chuyển xử lý chất thải, trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được những chứng từ thanh toán hợp lệ từ bên B bao gồm:
 - + Biên bản xác nhận khối lượng chất thải phát sinh có chữ ký của hai bên.

Điều 4. Trách nhiệm của các bên

4.1. Trách nhiệm của bên A

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải, bên A phải thông báo cho bên B trước 48h để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ quản lý chất thải nguy hại vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển phù hợp.
- Hỗ trợ xe nâng hàng giúp bên B bốc chất thải lên xe (nếu là hàng nặng).
- Chuyển giao chất thải cho bên B, lập chứng từ CTNH đối với những chất thải nguy hại theo như quy định của Thông tư Số:02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022. Yêu cầu ghi rõ tên – số lượng CTNH bàn giao, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận, giữ lại liên 1 và bàn giao các liên còn lại cho bên B.
- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của Hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn GTGT hợp lệ do bên B phát hành.
- Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan chức năng về quá trình thực hiện quản lý chất thải theo quy định của Nhà nước.

4.2 Trách nhiệm của bên B

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.
- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn của bên A.
- Chịu trách nhiệm an toàn về người và thiết bị của mình khi đưa vào hoạt động tại bên A.
- Thực hiện nhận bàn giao chất thải từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng.
- Vận chuyển đúng chủng loại CTNH. Đảm bảo vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về Quản lý chất thải nguy hại và Bảo vệ Môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển và trong quá trình xử lý (*Kể từ lúc nhận chất thải nguy hại và khi ra khỏi cổng nhà máy của bên A*).
- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý chất thải.
- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với chất thải của bên A.
- Xác nhận chứng từ CTNH và xuất hóa đơn GTGT hợp lệ cho bên A.
- Gửi cho bên A những giấy phép hoạt động Xử lý chất thải nguy hại (Bản công chứng có giá trị) để bên A giải trình khi có sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương.
- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

Điều 5. Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,.... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì:
 - + Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách để tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.
 - + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
 - + Thông báo kịp thời cho nhau nếu xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

Điều 6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- Hai bên tham gia tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ Hợp đồng. Mọi sự thay đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.

- Trong quá trình thực hiện hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại với Tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp và các thiệt hại kinh tế liên quan do bên có lỗi chịu.

Điều 7. Hiệu lực của Hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Hết thời hạn Hợp đồng nếu hai bên không ký văn bản chấm dứt Hợp đồng thì Hợp đồng tự động được gia hạn thêm 01 năm đến hết 31/12/2025.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Dũng Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

V/v: Vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường
Số:01-2024/HĐ-VCXLCT/TTP-KTVH

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự Số:91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 1 tháng 1 năm 2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường Số:72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ vào Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;
- Căn cứ Thông tư Số:02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ vào Giấy phép Môi trường Số:191/GPMT-BTNMT được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Tân Thuận Phong ngày 15/06/2023.
- Căn cứ vào đề nghị của Công ty TNHH kỹ thuật Việt Hàn và khả năng của Công ty TNHH Tân Thuận Phong,

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : 0225 2299202
- Đại diện : Ông **Đào Đăng Kiên** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**
- Mã số thuế : 020011608
- Số tài khoản : 2531109040277 Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Bắc Hải Phòng

BÊN B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG

- Địa chỉ : Km số 8, đường Quốc lộ 5, thôn Lương Quán, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại : 02253.589152 - Fax : 02253.770425
- Đại diện : Ông **Bùi Văn Bình** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Mã số thuế : 0200429212
- Số TK : 1031000008866 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Nam Hải Phòng

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng Vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường với những nội dung sau:

Điều 1. Bên A thuê bên B thực hiện những công việc sau

- Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A. Chất thải cụ thể như sau:

Stt	Tên chất thải rắn công nghiệp thông thường	Trạng thái tồn tại	Phương pháp xử lý
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (nilon, bao bì, đất cát...) không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	Phân loại, tái chế, thiêu đốt, tro xỉ hóa rắn hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp

- Vận chuyển và xử lý chất thải này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về Quản lý chất thải và Bảo vệ Môi trường của Việt Nam.

Điều 2. Địa điểm, thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển

2.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ của Công ty bên A: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại Nhà máy của Công ty TNHH Tân Thuận Phong – Lô CN4, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

2.3. Thời gian giao nhận: Được thực hiện khi có sự yêu cầu của bên A và sau khi bên B bố trí được nhân lực.

2.4. Số lượng hàng hóa: Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng lên xe.

Điều 3. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và thể thức thanh toán**3.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý:**

- Đơn giá thu gom vận chuyển và xử lý chất thải được thể hiện theo bảng giá dưới đây:

Stt	Tên chất thải rắn công nghiệp thông thường	Số lượng (Kg)	Đơn giá (VND)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (nilon, bao bì, đất cát...) không nhiễm thành phần nguy hại	01	3.500

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

3.2. Phương thức thanh toán

- Loại hợp đồng: Nguyên tắc

- Hai bên sẽ lập biên bản xác nhận CTCN để làm cơ sở cho việc thanh toán và quản lý CTCN.

- Bên A thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho bên B sau khi thực hiện việc thu gom vận chuyển xử lý chất thải, trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được những chứng từ thanh toán hợp lệ từ bên B bao gồm:

+ Biên bản xác nhận khối lượng chất thải phát sinh có chữ ký của hai bên.

Điều 4. Trách nhiệm của các bên

4.1. Trách nhiệm của bên A

- Bên A cam kết chất thải này là chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại theo QCVN:07/2009/BTNMT.

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải, bên A phải thông báo cho bên B trước 72h để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.

- Hỗ trợ xe nâng hàng giúp bên B bốc chất thải lên xe (nếu là hàng nặng).

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của Hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.

- Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan chức năng về quá trình thực hiện quản lý chất thải theo quy định của Nhà nước.

4.2 Trách nhiệm của bên B

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn của bên A.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý chất thải.

- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

Điều 5. Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì:

+ Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách để tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

Điều 6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

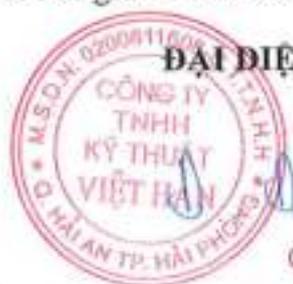
- Hai bên tham gia tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ Hợp đồng. Mọi sự thay đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.

- Trong quá trình thực hiện hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại với Tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp và các thiệt hại kinh tế liên quan do bên có lỗi chịu.

Điều 7. Hiệu lực của Hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Hết thời hạn Hợp đồng nếu hai bên không ký văn bản chấm dứt Hợp đồng thì Hợp đồng tự động được gia hạn thêm 01 năm đến hết 31/12/2025.

- Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Đăng Kiên



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Bình

Ngày 09/02/2017

HỢP ĐỒNG TIỆN ÍCH NƯỚC
Số: IVN.05/17

giữa

CÔNG TY TNHH INFRA INDUS VIỆT NAM
(/V)

và

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

TÀI LIỆU TUYỆT MẬT



MỤC LỤC

ĐIỀU 1	GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	4
ĐIỀU 2.	DIỄN GIẢI	6
ĐIỀU 3.	CAM KẾT CHUNG	7
ĐIỀU 4.	CÁC TIỆN ÍCH NƯỚC DO IIV CUNG CẤP	7
ĐIỀU 5.	CAM KẾT CỦA BÊN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH NƯỚC	9
ĐIỀU 6.	GHI CHỈ SỐ TIÊU THỤ TIỆN ÍCH NƯỚC.....	10
ĐIỀU 7.	TĂNG MỨC TIÊU THỤ TIỆN ÍCH ĐĂNG KÝ	11
ĐIỀU 8:	HẠN CHẾ HOẶC TẠM NGỪNG PHÂN PHỐI TIỆN ÍCH NƯỚC, NGỪNG PHÂN PHỐI TIỆN ÍCH NƯỚC	12
ĐIỀU 9:	PHẠT VÀ BỒI THƯỜNG	14
ĐIỀU 10:	TIỀN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH NƯỚC, DỊCH VỤ, THANH TOÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH TIỀN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH NƯỚC VÀ DỊCH VỤ	15
ĐIỀU 11.	TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	17
ĐIỀU 12.	VÀO KHU ĐẤT THUÊ VÀ CÔNG TRÌNH TRÊN ĐẤT ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ.....	18
ĐIỀU 13.	THAY ĐỔI VỀ PHÂN PHỐI TIỆN ÍCH NƯỚC	19
ĐIỀU 14.	SỬ DỤNG CÁC KHU VỰC DÙNG CHUNG	19
ĐIỀU 15.	HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN	19
ĐIỀU 16.	MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN	20
ĐIỀU 17.	CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.....	20
ĐIỀU 18:	BẤT KHẢ KHÁNG	21
ĐIỀU 19.	LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	21
ĐIỀU 20.	TÍNH ĐỘC LẬP	22
ĐIỀU 21.	BẢO MẬT	22
ĐIỀU 22:	HỦY BỎ QUYỀN.....	23
ĐIỀU 23:	GIAO DỊCH	23
ĐIỀU 24.	MARKETING	24
ĐIỀU 25.	THỰC HIỆN	24

HỢP ĐỒNG TIỆN ÍCH NƯỚC

Số: IIVN.05/17

Hợp đồng tiện ích nước này (Hợp đồng) được ký giữa các bên dưới đây vào ngày ghi ở trang đầu tiên của Hợp đồng tại văn phòng của Công ty TNHH Infra Induss Việt Nam giữa:

1. **CÔNG TY TNHH INFRA INDUSS VIỆT NAM**, thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022 043 000171 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 1/4/2015, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 14/4/2015;

Đại diện: Ông Yves Alain Eduard Georges Vanderstraeten được ủy quyền bởi ông Tim Carlos Lucie Maeyens – Giám đốc theo Giấy ủy quyền số 02/2016/POA ngày 03/11/2016

Địa chỉ: Lô đất KT02 CN 5.6, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 031.3625.168 ; Fax: 031.3625.038

Tài khoản số: 003.1.00.022240.4 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hải Phòng

Mã số doanh nghiệp: 0201631911

Dưới đây gọi là "IIV",

VÀ

2. **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN**, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200811608 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 5 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 17 tháng 01 năm 2012;

Đại diện: Ông Đào Đăng Kiến, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 16 lô BS2 khu đô thị PG An Đồng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 031 3 719 224/225 Fax: 031 3 719 226

Tài khoản số: 0031001116328 Tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế GTGT: 0200811608

Dưới đây gọi là "Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước"

Trong Hợp đồng này, IIV và Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước được gọi riêng là "một Bên" hoặc gọi chung là "các Bên".

XÉT RẰNG:

- A. Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (DVIZJSC) cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước thuê các khu đất (Khu đất) có diện tích 16.543 mét vuông trong Khu công nghiệp Đình Vũ (Khu công nghiệp), có ký hiệu là Khu đất CN4.4E trên bản vẽ tại Phụ lục 1 để xây dựng và vận hành nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE với mục đích được đề cập trong Giấy chứng nhận đầu tư; và
- B. Trong thời hạn thuê đất quy định tại Hợp đồng thuê đất, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước mong muốn sử dụng nước và các dịch vụ thu gom xử lý nước thải đã xử lý sơ bộ, và IIV sẵn sàng cung cấp tiện ích và dịch vụ đó theo điều kiện của Hợp đồng này và các quy định pháp luật hiện hành.

THEO ĐÓ, CÁC BÊN THỐNG NHẤT NHƯ SAU:

ĐIỀU 1 GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Khu đất thuê

là Khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước nêu tại Phụ lục 1;

Điểm đầu nối

là ranh giới của Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước như được định nghĩa trong Nội Quy, là điểm đầu nối của Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước của IIV;

Bể gián đoạn

là bể đệm phục vụ việc cấp nước như được định nghĩa trong Nội Quy;

Van một chiều

là một van được lắp đặt sau Đồng hồ để tránh nước chảy ngược vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước;

Khu vực dùng chung

là tất cả các Tiện ích và/hoặc hạ tầng và/hoặc khu vực trong Khu công nghiệp không thuộc sở hữu hoặc cho thuê của bất cứ khách hàng nào trong Khu công nghiệp;

DVIZJSC

là Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ, một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200116717 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 12/6/2008, điều chỉnh lần 9 ngày 27/4/2016;

Chất gây ô nhiễm môi trường

là các chất hoá học, các yếu tố sinh học hoặc vật lý khi xuất hiện trong môi trường và vượt quá ngưỡng cho phép gây ô nhiễm môi trường;

Trường hợp bất khả kháng

là bất kỳ sự kiện nào vượt quá tầm kiểm soát hợp lý của IIV và/hoặc Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước, ngăn cản hoặc khiến IIV hoặc Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không thể thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn ở thiên tai, tình trạng khẩn cấp của đất nước, chiến tranh, hành động thù địch, bạo loạn, dân biến, hành động phá hoại có chủ định, động đất, lũ lụt, hoả hoạn, dịch bệnh, tình trạng không hợp pháp đột xuất, bất kì hành động hay chỉ thị nào của Cấp thẩm quyền, việc thông qua hoặc bổ sung bất kỳ điều luật nào hoặc việc thi hành điều luật đó, trưng mua hoặc tịch thu tài sản;

Cấp thẩm quyền

bao gồm bất kỳ hoặc tất cả các cơ quan sau: Chính phủ Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bất kể Bộ nào thuộc Chính phủ Việt Nam, cơ quan hoặc cấp có thẩm quyền về tiện ích công cộng, cơ quan cấp tỉnh hoặc thành phố, Ban Quản lý Khu công nghiệp, các Phòng và các cơ quan có thẩm quyền liên quan mà cần tham khảo ý kiến, phê duyệt, cam kết, tham gia hoặc tư vấn đối với bất kể việc gì hoặc nội dung nào được đề cập trong Hợp đồng này;

Chất thải nguy hại

là chất thải chứa một hoặc nhiều yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác;

Nội quy	là nội quy của Khu công nghiệp được quy định tại Phụ lục của Hợp đồng này, bao gồm các nội dung điều chỉnh theo thời gian;
Giấy chứng nhận đầu tư	là Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi) do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, hoặc bất cứ một Cấp thẩm quyền nào khác cấp để cho phép Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước triển khai hoạt động trên Khu đất thuê;
Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp	là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng, hoặc bất cứ một Cấp thẩm quyền nào khác cấp để cho phép Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước triển khai hoạt động trên Khu đất thuê;
Hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng	là Hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng và thuê đất được ký kết giữa Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước và DVIZJSC vào ngày 16/12/2015 liên quan đến việc DVIZJSC cho Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước thuê quyền sử dụng Khu đất và sử dụng cơ sở hạ tầng;
Quy định pháp luật	là hiến pháp, luật, sắc lệnh, nghị định, quyết định, thông tư, quy định, hướng dẫn hay văn bản pháp luật khác, các văn bản điều chỉnh sửa đổi theo thời gian, có hiệu lực thi hành tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, có hiệu lực và ràng buộc trong thời hạn Hợp đồng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng và các nội dung điều chỉnh theo thời gian;
Luật bảo vệ môi trường	là Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014, có hiệu lực từ ngày 1/1/2015, và các nội dung điều chỉnh theo thời gian;
Đồng hồ	là một thiết bị được lắp đặt tại Điểm đầu nối để đo lưu lượng nước;
Hộp Đồng hồ	là hộp đựng Đồng hồ, van điều khiển và nếu có thể thì chứa cả Van một chiều và Bộ giảm tốc;
Nhà máy	là nhà máy xử lý nước thải công nghiệp sinh học tại Khu công nghiệp có công suất xử lý nước thải như quy định trong Nội Quy, theo Quy chuẩn QCVN 40-2011 có thể được điều chỉnh theo thời gian;
Khu đất thuê và công trình trên đất	là Khu đất thuê và bất cứ bộ phận nào của diện tích đất đó cùng với toàn bộ các vật kiến trúc (bao gồm tất cả nền móng), nếu có, đã, đang hoặc sẽ được xây dựng trên diện tích đó, toàn bộ các phần xây thêm, sửa đổi, nâng cấp của các vật kiến trúc đó, nếu có, và mọi đồ đạc, trang thiết bị trong các kiến trúc đó;
Bộ giảm tốc	là một thiết bị được lắp đặt sau Đồng hồ để điều chỉnh lưu lượng nước;

Quy trình đấu nối tiêu chuẩn	là quy trình đấu nối được mô tả trong Nội Quy;
Nhà cung cấp	là bất kỳ bên thứ ba nào có khả năng hợp pháp theo luật pháp hiện hành để cung cấp các dịch vụ cung cấp và/hoặc phân phối tiện ích nước cho IIV;
Nước thải	là nước mà Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đã sử dụng và thải vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp, hoặc thải ra môi trường sau khi đã được xử lý đạt tiêu chuẩn qui định tại Nội quy khu công nghiệp;
Tiêu chuẩn nước thải	là tiêu chuẩn như qui định tại Nội quy khu công nghiệp được cập nhật theo thời gian;
Phí xử lý nước thải	là tiền do IIV yêu cầu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước trả cho việc thu gom Nước thải xả ra từ Khu đất và công trình trên đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước vào hệ thống phân phối tiện ích nước của Khu công nghiệp để thu gom và xử lý nước thải;
Nước	là nước được IIV cung cấp cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước bao gồm nhưng không giới hạn nước sạch và nước thô;
(Các) tiện ích nước	là nước sạch, nước thô, thu gom và xử lý nước thải, và các tiện ích tương tự;
Hệ thống phân phối tiện ích nước	là hệ thống cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị do IIV quản lý để IIV phân phối các Tiện Ích Nước đến Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước, là hệ thống phân phối nước và quản lý nước thải, bao gồm nhưng không giới hạn ở hệ thống nước sạch, hệ thống nước thô, hệ thống nước thải, hệ thống hơi nước, hệ thống nước khử khoáng và (các) nhà máy xử lý nước thải tùy theo từng trường hợp, nhưng không bao gồm hệ thống thu gom và xả nước mưa và hệ thống nước cứu hỏa cung cấp cho Khu đất thuê, được đặt trong, dưới hoặc trên khu đất liền kề hoặc khu đất bên cạnh, hoặc trong, dưới hoặc trên bất kỳ tài sản nào để cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác từ và cho Khu đất thuê dưới sự quản lý của IIV;
(Các) Ngày làm việc	là ngày hoặc các ngày nói chung các ngân hàng ở Việt Nam mở cửa giao dịch, trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ ở Việt Nam.
Hệ thống đấu nối tiện ích nước	là hệ thống lắp đặt của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước như mô tả tại Phụ lục 2.

ĐIỀU 2. DIỄN GIẢI

Hợp đồng này được diễn giải theo nguyên tắc sau:

- (i) Hợp đồng này bao gồm tham chiếu đến các Phụ lục đi kèm;
- (ii) Các từ chỉ số ít cũng bao hàm số nhiều và ngược lại;

- (iii) Khi một bên gồm hai (2) hay nhiều người thì những người này dù là các cá nhân hay công ty đều có trách nhiệm chung và riêng đối với việc thực hiện các nghĩa vụ mà bên đó được quy định phải thực hiện;
- (iv) Những gì đề cập đến cá nhân thì cũng đề cập đến công ty và ngược lại;
- (v) Các tiêu đề trong Hợp đồng này chỉ có ý nghĩa tham khảo và không ảnh hưởng đến cách giải nghĩa và diễn giải Hợp đồng này;
- (vi) Mọi phụ lục kèm theo đều là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này; và
- (vii) Mọi tham chiếu đến *điều khoản*, *một Bên*, *Phụ lục* hoặc *Bảng chứng* nào đều là tham chiếu đến điều khoản, một Bên, Phụ lục hoặc Bảng chứng đó của Hợp đồng này.

ĐIỀU 3. CAM KẾT CHUNG

- 3.1 Trong thời hạn Hợp đồng, tùy theo việc Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước thanh toán cho IIV các khoản phí dịch vụ tiện ích nước theo quy định Hợp đồng này, và căn cứ việc các bên thực hiện đăng ký và chấp nhận đăng ký tiện ích theo mẫu đính kèm tại Phụ lục 3 ("**Bản đăng ký và xác nhận tiện ích nước**");
 - (i) IIV sẽ cung cấp dịch vụ phân phối Tiện Ích Nước và sẽ quản lý, vận hành Hệ thống phân phối Tiện ích nước phù hợp các quy định pháp luật Việt Nam và qui định của Hợp đồng này; và
 - (ii) Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước có quyền sử dụng dịch vụ phân phối tiện ích nước theo qui định Hợp đồng và quy định pháp luật hiện hành.
- 3.2 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đồng ý rằng IIV vào bất cứ thời điểm nào có thể thực hiện các nội dung sau với điều kiện thông báo trước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước mà không cần sự chấp thuận từ Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước:
 - (i) Chuyển nhượng cho bất kỳ bên thứ ba nào ("**Bên thứ ba**") các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đi kèm của IIV theo Hợp đồng này liên quan đến việc phân phối Tiện Ích Nước, việc quản lý và vận hành Hệ thống phân phối tiện ích nước hoặc các Khu vực dùng chung ("**Chuyển nhượng**"); hoặc
 - (ii) Cho thuê lại bất kỳ dịch vụ phân phối Tiện Ích Nước nào, việc quản lý và vận hành bất kỳ Hệ thống phân phối tiện ích nước hoặc Khu vực dùng chung cho Bên thứ ba

phù hợp với qui định pháp luật cho phép vào thời điểm đó.
- 3.3 Trong trường hợp Chuyển nhượng cho Bên thứ ba như qui định tại phần (i) Điều khoản 3.2 nêu trên, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đồng ý ký thoả thuận riêng với Bên thứ ba nếu và khi IIV yêu cầu. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước hiểu rằng việc thực hiện thoả thuận riêng này không phải là điều kiện ràng buộc đối với Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước về hiệu lực thực thi Chuyển nhượng.

PHẦN A **PHÂN PHỐI CÁC TIỆN ÍCH NƯỚC**

ĐIỀU 4. CÁC TIỆN ÍCH NƯỚC DO IIV CUNG CẤP

4.1 Cung cấp nước

- 4.1.1 IIV sẽ phân phối hoặc thu xếp việc phân phối nước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước tại Điểm đấu nối với khối lượng tối đa nêu tại Bản Đăng Ký và Xác Nhận Tiện Ích Nước (“Công suất nước đăng ký”) và với chất lượng được quy định trong Nội Quy, và,
- 4.1.2 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ đảm bảo công suất tiêu thụ nước thực tế luôn đúng theo Công suất nước đăng ký trong thời hạn Hợp đồng này và thông báo cho IIV ngay khi có ý định điều chỉnh Công suất nước đăng ký.
- 4.1.3 IIV sẽ lắp đặt đồng hồ nước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước. Đồng hồ này có thể do Công ty cấp nước Hải Phòng hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào khác thẩm định để đánh giá mức độ phù hợp với các tiêu chuẩn theo Quy định pháp luật và tiêu chuẩn ngành.
- 4.1.4 Các Bên hiểu và thống nhất IIV có thể tự do lựa chọn công ty cấp nước cho Khu công nghiệp và cuối cùng cấp cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước qua IIV.
- 4.1.5 Các Bên xác nhận và đồng ý rằng IIV có thể phân phối nước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước qua hệ thống do IIV hoặc bất kỳ bên thứ ba nào do IIV chỉ định thiết kế và vận hành và Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ không có quyền yêu cầu IIV cung cấp nước qua các phương tiện hoặc hệ thống khác.
- 4.1.6 Các thông số kỹ thuật của nước do IIV cung cấp cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước tại Điểm đấu nối được quy định trong Nội Quy có thể được sửa đổi theo thời gian.
- 4.1.7 Các Bên đồng ý rằng IIV không phải chịu trách nhiệm trước Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước về bất kỳ hậu quả nào do việc vi phạm hay không thực hiện của Nhà Cung Cấp.

4.2 Xử lý nước thải

- 4.2.1 IIV hay bất kỳ bên thứ ba nào do IIV chỉ định sẽ cố gắng hết sức để xử lý Nước thải của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước tuân thủ Tiêu chuẩn nước thải theo khối lượng và định mức tối đa tại Điểm đấu nối như đề cập tại Bản đăng ký và xác nhận tiện ích, được Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước xác nhận (Công suất nước thải đăng ký).
- 4.2.2 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ:
- (i) Đảm bảo Nước thải được xả vào Hệ thống Phân Phối Tiện Ích Nước để thu gom nước thải luôn tuân thủ Công suất nước thải đăng ký và Tiêu chuẩn nước thải;
 - (ii) Trong trường hợp Nước thải không tuân thủ Tiêu chuẩn nước thải, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ xử lý sơ bộ để Nước thải phù hợp với tiêu chuẩn nước thải trước khi xả thải vào Hệ thống Phân Phối Tiện Ích Nước để thu gom nước thải, và;
 - (iii) Tuân thủ tất cả luật pháp liên quan đến Nước thải và Tiêu chuẩn nước thải;
 - (iv) Đảm bảo Việc Đấu nối Tiện ích Nước cho nước thải phải luôn tuân thủ quy định về đấu nối tiện ích nước đề cập tại Nội quy Khu công nghiệp.
- 4.2.3 IIV có quyền điều chỉnh Tiêu chuẩn nước thải tại bất kỳ thời điểm nào mà IIV cho rằng hợp lý để tuân thủ các thay đổi Luật về vận hành và quản lý nước thải và Nhà máy. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ phải tuân thủ các quy định mới này và không có quyền đòi bồi thường.
- 4.2.4 IIV sẽ thu gom và xử lý lượng nước thải tại điểm đấu nối như quy định tại Bản đăng ký và xác nhận tiện ích.

4.3 Quy trình chung

IIV sẽ kiểm tra tất cả hồ sơ ("Hồ sơ") nêu tại Phụ lục .

- 4.3.1 và có thể thực hiện kiểm tra tại chỗ để kiểm tra xem việc thi công lắp đặt của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước có đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quy Trình Đấu Nối Tiêu Chuẩn hay không. Việc kiểm tra sẽ được lập biên bản.
- 4.3.2 Nếu Hồ sơ được lập theo biểu mẫu và đáp ứng các yêu cầu của IIV, và Việc Đấu Nối Tiện Ích Nước của Bên Sử Dụng Tiện Ích nước đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quy Trình Đấu Nối Tiêu Chuẩn thì IIV sẽ thực hiện đấu nối hệ thống của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước của Khu công nghiệp trong vòng hai (02) tuần kể từ khi nhận được Hồ sơ.
- 4.3.3 IIV có quyền sửa đổi Quy Trình Đấu Nối Tiêu Chuẩn theo những thay đổi của Pháp luật theo cách thức mà IIV cho là phù hợp. Trong thời gian sớm nhất có thể, IIV sẽ yêu cầu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước hoặc cung cấp các thông tin bổ sung hay thông số kỹ thuật, hoặc lắp đặt thêm thiết bị theo yêu cầu của Pháp luật.
- 4.3.4 Trường hợp Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước vi phạm nghĩa vụ của mình nêu tại các mục từ (iv) đến (viii) Điều 5 liên quan đến Hệ Thống Đấu Nối Tiện Ích Nước của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước, thì IIV có quyền ngay lập tức ngắt đấu nối với hệ thống của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước khỏi Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích nước của Khu Công nghiệp và ngừng phân phối các tiện ích nước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước trong suốt thời gian vi phạm.
- 4.3.5 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không được gây thiệt hại và phải chịu trách nhiệm bồi thường cho IIV khi gây ra thiệt hại do việc vi phạm như nêu tại Điều 4.3.4.

ĐIỀU 5. CAM KẾT CỦA BÊN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH NƯỚC

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước cam kết với IIV rằng:

- (i) Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ chỉ sử dụng các Tiện ích nước cho mục đích sinh hoạt và mục đích của dự án theo qui định tại Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp được phê duyệt và tuân thủ Nội Quy và Bản đăng ký và chấp nhận tiện ích;
- (ii) Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ thanh toán ngay cho IIV khoản bồi thường cho toàn bộ các khoản phạt, thiệt hại, phí hành chính và các phí khác mà IIV phải trả do Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không tuân thủ các nghĩa vụ nêu trong phần (i) nêu trên;
- (iii) Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ giám ngay việc tiêu thụ Các tiện ích nước khi IIV có yêu cầu hợp lý hoặc có yêu cầu từ Cấp thẩm quyền hoặc Nhà cung cấp tiện ích nước;
- (iv) Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ thông báo ngay cho IIV khi nghi ngờ thiết bị đo đếm của bất kỳ Tiện ích nước nào bị hỏng;
- (v) Trong Thời hạn hợp đồng, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ thiết kế, lắp đặt và duy trì việc đấu nối tiện ích nước theo quy định pháp luật, thông lệ phù hợp, quy định Hợp đồng và Nội quy để, đặc biệt và không giới hạn, đảm bảo an toàn cho các cá nhân và bảo vệ môi trường;
- (vi) Những thay đổi đối với việc đấu nối tiện ích nước sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật, quy định ngành, điều khoản điều kiện của Hợp đồng này và Nội Quy;

- (vii) Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước sẽ thực hiện kiểm định hàng năm hệ thống tiềm ích nước của mình và gửi ngay một bản sao báo cáo cho IIV. Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước hiểu rằng IIV tại bất kỳ thời điểm nào có quyền tự mình hoặc qua một chuyên gia do IIV chỉ định kiểm định hệ thống tiềm ích của Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước. Các yêu cầu kiểm định tối thiểu hàng năm được quy định tại Nội Quy;
- (viii) Nếu có báo cáo của bất cứ bên kiểm định nào nêu tại đoạn văn trên cho thấy bất cứ phần nào của hệ thống tiềm ích nước của Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước không tuân thủ quy định pháp luật, quy định ngành hay Nội quy thì Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước sẽ hoàn thành thi công để đảm bảo hệ thống tiềm ích của Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước tuân thủ các quy định liên quan bằng chi phí của Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày IIV yêu cầu hoặc trong thời hạn do hai bên thống nhất;
- (ix) Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước sẽ không vi phạm và đảm bảo các bên đại lý, nhân viên và nhà thầu của Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước không vi phạm bất kỳ hành vi hối lộ hoặc tham nhũng nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc cung cấp, đề nghị hay hứa hẹn (dù là tự mình hay qua nhân viên, cán bộ quản lý và các bên thứ ba) bất kỳ khoản lợi nhuận hay quyền lợi nào (ví dụ như tiền mặt, quà có giá trị hoặc thư mời không vì mục đích kinh doanh, vv) cho nhân viên hoặc cán bộ quản lý của IIV hoặc của Cấp thẩm quyền, vợ chồng, người thân hoặc bất kỳ ai khác có quan hệ với những người này theo bất kỳ mức độ nào;
- (x) Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước sẽ cung cấp cho IIV các Hồ sơ nêu trong Quy trình đấu nối tiêu chuẩn càng sớm càng tốt sau Ngày Hiệu Lực.
- (xi) Tại Lô đất thuê, Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước phải lắp đặt và sử dụng một bể gián đoạn như nêu trong Nội Quy để tránh hậu quả không tốt do việc gián đoạn phân phối nước.
- (xii) Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước không được sử dụng các nguồn tiềm ích nước khác của IIV ngoài những nguồn cung cấp nêu trong Hợp đồng này.
- (xiii) Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước không được thu gom nước mưa hay nước mặt mà không được sự thống nhất và đồng ý trước bằng văn bản của IIV do đại diện có thẩm quyền của IIV ký;
- (xiv) Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước không được sử dụng nguồn cung cấp Tiềm Ích Nước từ các bên thứ ba mà không có sự đồng ý và thỏa thuận bằng văn bản của IIV do đại diện có thẩm quyền của IIV ký xác nhận;
- (xv) Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước không được phân phối hay bán các Tiềm Ích Nước, hoặc sử dụng chung Điểm đấu nối với các tổ chức hoặc cá nhân khác thông qua Hệ Thống Đấu Nối Tiềm Ích Nước mà không có sự đồng ý và thỏa thuận bằng văn bản của IIV do đại diện có thẩm quyền của IIV ký xác nhận.

ĐIỀU 6. GHI CHỈ SỐ TIÊU THỤ TIỀM ÍCH NƯỚC

- 6.1. IIV đọc chỉ số công tơ đo đếm tiềm ích theo lịch sau, lịch ghi chỉ số công tơ có thể thay đổi theo từng thời kỳ theo quyết định của IIV:

Tiềm ích Nước	Thời gian ghi chỉ số công tơ
Nước	ngày 25 hàng tháng
Nước thải	ngày 25 hàng tháng

IIV có thể ghi chỉ số công tơ vào bất kỳ lúc nào khi đã gửi thông báo cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước ít nhất hai (02) ngày trước khi tiến hành ghi chỉ số.

Trường hợp lịch ghi chỉ số công tơ ấn định không vào Ngày làm việc thì IIV sẽ ghi chỉ số công tơ hai ngày làm việc trước hoặc sau đó.

Nếu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không thanh toán đúng hạn theo Hợp đồng này, IIV có thể tăng tần suất ghi chỉ số công tơ.

- 6.2 Hàng tháng, IIV, thông qua đại diện được ủy quyền, sẽ ghi chỉ số khối lượng tiện ích nước ("**Lượng tiêu thụ tiện ích nước**") của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước trên cơ sở các chỉ số công tơ được đồng hồ ghi chép lại và sẽ ký Biên bản đọc chỉ số tiện ích nước ("**Biên bản**"). Đại diện ủy quyền của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ được mời tham gia đọc chỉ số và ký Biên bản. Nếu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không cử người đại diện được ủy quyền để ký Biên bản vào ngày ghi chỉ số công tơ theo lịch, IIV có quyền đọc Công tơ tiện ích một mình. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ chấp nhận chỉ số của IIV và chỉ số này được sử dụng làm cơ sở phát hành hóa đơn và không có tranh chấp phát sinh.
- Đối với Nước Thái, Lượng Tiêu Thụ Tiện Ích Nước bằng tám mươi phần trăm (80%) tổng lượng nước sạch đầu vào được cung cấp cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước từ bất kỳ nguồn nào bao gồm nhưng không giới hạn ở IIV;
- 6.3 Trường hợp Công tơ tiện ích và/hoặc thiết bị đo đếm bị mất, hư hỏng hoặc ngừng hoạt động do bất kỳ lý do gì, hai Bên sẽ lập biên bản về tình trạng đó, nêu cụ thể nguyên nhân và trách nhiệm của các Bên liên quan. Khi đó, tiền Tiện ích sẽ được tạm tính bằng mức tiêu thụ tiện ích trung bình ngày, trên cơ sở 3 kỳ ghi chỉ số công tơ tiện ích liên tục gần nhất nhân với số ngày tiêu thụ thực tế, với điều kiện Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không tăng (hoặc giảm) mức tiêu thụ, không thay đổi quy trình hay vì một nguyên nhân nào khác theo quyết định của IIV.
- 6.4 Nếu Bên Sử Dụng Tiện ích có thay đổi về mức tiêu thụ, thay đổi quy trình hay đưa ra một lý do không đồng thuận cách tính toán nêu trên thì sẽ phải đưa ra các bằng chứng cho việc đó. Nếu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không đưa được ra bằng chứng thì có nghĩa là chấp nhận để IIV phát hành hóa đơn cho Tiện ích này theo công suất đầu nối trong thời gian trao đổi giữa các Bên.
- 6.5 Nếu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước khiếu nại về tính không chính xác của Công tơ tiện ích và việc kiểm tra cho thấy khiếu nại đó là không có cơ sở thì Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải thanh toán cho IIV các chi phí phát sinh liên quan đến việc kiểm tra với số tiền gia tăng là hai mươi (20)% tổng chi phí.

ĐIỀU 7. TĂNG MỨC TIÊU THỤ TIỆN ÍCH ĐĂNG KÝ

- 7.1 Trong thời hạn Hợp đồng, nếu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước muốn tăng nhu cầu Tiện ích nước ("**Công suất bổ sung**") thì Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho IIV ít nhất sáu (6) tháng trước ngày dự kiến đầu nối Công suất bổ sung.

Tùy vào khả năng cung cấp Công suất bổ sung của IIV, hai Bên sẽ bàn bạc để cùng thống nhất các điều khoản cần thiết cho việc cung cấp Công suất bổ sung cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước. IIV có quyền giới hạn Công suất bổ sung trong phạm vi mà IIV cho là hợp lý.

- 7.2 Trường hợp trong ba (3) tháng liên tiếp hoặc sáu (6) tháng trong khoảng thời gian mười hai (12) tháng, khối lượng sử dụng Tiện ích nước của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước vượt quá từ 20% trở lên Công suất Tiện ích nước đã đăng ký và/hoặc công suất nước thải đã đăng ký mà Bên Sử Dụng Tiện

Ích Nước không thông báo đăng ký sử dụng Tiện ích với IIV, IIV sẽ mặc định coi Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đăng ký tăng sử dụng Tiện ích, căn cứ số liệu tiêu thụ tối đa trong khoảng thời gian ba (3) tháng hoặc sáu (6) tháng đã đề cập trên.

- 7.3 Các Bên ký Bản bổ sung Hợp đồng này qui định các điều khoản cần thiết liên quan đến Công suất bổ sung trước khi thực hiện đấu nối Công suất bổ sung.

Trường hợp các Bên không ký kết Bản bổ sung hợp đồng trong vòng một (1) tháng kể từ ngày IIV xác nhận sẽ cung cấp Công suất bổ sung, IIV có thể hạn chế cung cấp Tiện ích nước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước chỉ theo Bản đăng ký và xác nhận tiện ích như nêu tại Phụ lục 3 kèm theo Hợp đồng này. Trong trường hợp này, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không có quyền khiếu nại hoặc đòi tiền phạt.

ĐIỀU 8: HẠN CHẾ HOẶC TẠM NGỪNG PHÂN PHỐI TIỆN ÍCH NƯỚC, NGỪNG PHÂN PHỐI TIỆN ÍCH NƯỚC

8.1 Hạn chế hoặc tạm ngừng phân phối Tiện ích nước

8.1.1 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đồng ý rằng việc cung cấp tiện ích nước có thể bị hạn chế hoặc tạm ngừng trong một khoảng thời gian nhất định trong các trường hợp sau:

- (i) Nhà cung cấp ngừng hoặc hạn chế việc cung cấp hoặc phân phối một phần hoặc toàn bộ các Tiện ích nước;
- (ii) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hoặc áp đặt việc ngừng hoặc hạn chế các Tiện ích;
- (iii) IIV, theo quyết định của mình, cho rằng việc hạn chế hoặc tạm ngừng cung cấp Tiện ích là cần thiết để thi công, thay thế, sửa chữa và/hoặc bảo dưỡng Hợp đồng hồ, thiết bị Tiện ích nước, Hệ thống phân phối tiện ích hoặc Khu vực dùng chung cho khách hàng trong Khu công nghiệp Đình Vũ với điều kiện IIV thông báo bằng văn bản cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước về việc hạn chế hoặc tạm ngừng cấp Tiện ích trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ; và
- (iv) IIV, theo quyết định của mình, xác định có vấn đề liên quan đến an toàn, hoặc nguy hiểm mất an toàn, sự cố trong thi công, Hợp đồng hồ công tơ, Thiết bị tiện ích nước, Hệ thống phân phối tiện ích nước hoặc Khu vực dùng chung cho khách hàng trong Khu công nghiệp, với điều kiện IIV thông báo trước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước càng sớm càng tốt về việc hạn chế hoặc tạm ngừng cung cấp Tiện ích.

8.1.2 IIV có thể ngay lập tức hạn chế hoặc ngừng phân phối bất kỳ Dịch vụ hoặc Tiện ích nào mà không cần thông báo trước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước nếu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước:

- (i) không thanh toán toàn bộ hoặc một phần số tiền như quy định trong Hợp đồng này trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán;
- (ii) không thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào như quy định trong Hợp đồng, không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn phải trả theo Hợp đồng thuê đất, và bất kỳ hợp đồng cung cấp tiện ích nào giữa Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước và DVIZJSC trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán của khoản tiền đó, miễn là có thông báo trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi hạn chế hoặc ngừng phân phối Tiện Ích Nước cho Người Sử Dụng Tiện Ích Nước.
- (iii) xả thải nước thải đã qua xử lý sơ bộ nhưng không đáp ứng Tiêu chuẩn nước thải như quy định trong Nội quy khu công nghiệp hoặc gây ảnh hưởng đến môi trường mà không thể

khắc phục hoàn toàn trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày IIV hoặc Cấp thẩm quyền thông báo cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước về việc gây ô nhiễm môi trường này;

- (iv) vi phạm nghiêm trọng, bao gồm nhưng không giới hạn việc thay đổi đồng hồ hoặc chỉ số, hoặc có bất cứ hành động nào làm sai lệch hệ thống đo đếm Tiện ích nước hoặc làm thay đổi hạ tầng phân phối Tiện ích của IIV;
- (v) có bất cứ hành động nào ngăn cản và cản trở IIV, nhân viên IIV, đại diện, người làm, công cụ, thiết bị của IIV hoặc bên thứ ba do IIV ủy quyền thực hiện quyền cung cấp hoặc hành động nào nhằm triển khai quy định của Hợp đồng này và kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng của Bên Sử Dụng Tiện ích;
- (vi) sử dụng bất cứ Tiện ích hoặc thiết bị trong Khu đất thuê và công trình trên đất gây nguy cơ mất an toàn, có thể đe dọa an toàn tính mạng của con người hoặc gây hư hại đến thiết bị trong, hoặc xung quanh Khu đất thuê, Khu đất thuê và công trình trên đất hoặc Khu vực chung, tài sản của Nhà nước, hoặc gây ô nhiễm môi trường, hoặc có thể gây sự cố nghiêm trọng đến hệ thống phân phối tiện ích nước;
- (vii) trong ba (3) tháng liên tục, mức tiêu thụ Tiện ích thực tế vượt quá 20% so với đăng ký trong Bản Đăng Ký Công suất Nước và Công suất nước thải Và Xác Nhận Sử Dụng Tiện Ích;
- (viii) sử dụng Tiện ích một cách không hợp pháp và có hành vi gian lận;
- (ix) không thông báo IIV về việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần cổ phần, hoặc góp vốn của Bên Sử Dụng Tiện Ích;

8.1.3 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không có quyền khiếu nại hoặc đòi bồi thường cho mọi thiệt hại trong trường hợp IIV hạn chế hoặc tạm ngừng cung cấp Tiện ích theo Điều 8.1.1 và 8.1.2 như trên, hoặc nếu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không tuân thủ các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng này.

8.2 Kiểm tra Nước thải xả thải

Nhằm mục đích bảo vệ môi trường, IIV có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào, kiểm tra và lấy mẫu Nước thải Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước xả thải từ Khu đất thuê và công trình trên đất hoặc Khu đất thuê và IIV sẽ nỗ lực hết sức tránh gây ảnh hưởng tới hoạt động của các thiết bị xử lý nước thải sơ bộ và các thiết bị khác của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước.

8.3 Hạn chế, tạm ngừng Thu gom và xử lý nước thải

8.3.1 Nếu kết quả kiểm tra như đề cập trong Điều 8.2 nêu trên về chất lượng Nước thải xả từ Khu đất thuê và công trình trên đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước của Khu công nghiệp không tuân thủ theo Tiêu chuẩn nước thải của Khu công nghiệp nêu tại Nội quy hoặc bất cứ tiêu chuẩn chất lượng môi trường nào theo Quy định pháp luật, Bên Sử Dụng Tiện Ích sẽ ngay lập tức:

- (i) ngừng xả thải Nước thải;
- (ii) thông báo ngay cho IIV về tình hình, biện pháp khắc phục và tiến độ thực hiện các biện pháp này cho đến khi khắc phục hoàn toàn sự cố;
- (iii) áp dụng mọi biện pháp cần thiết và thích hợp để khắc phục chất lượng Nước thải đáp ứng Tiêu chuẩn nước thải của Khu công nghiệp và/hoặc hoặc tiêu chuẩn môi trường áp dụng theo Quy định pháp luật;

- (iv) bồi thường cho IIV các chi phí liên quan đến Nước thải hoặc việc lấy mẫu và thí nghiệm nước thải;
 - (v) thanh toán cho IIV tiền phạt xử lý nước thải cho lượng nước đã xả thải như sau:
 - Chi phí cố định: 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng Việt Nam) (chưa bao gồm thuế GTGT);
 - Lượng nước tiêu thụ trong ba mươi (30) ngày gần nhất (tính theo giá trị bình quân của khoảng thời gian gần nhất) nhân với hai trăm năm mươi phần trăm (250%) nhân với Tiền xử lý nước thải áp dụng với mức tối thiểu là 45.000 đồng/m³ (Bốn mươi năm nghìn đồng cho một mét khối) (chưa bao gồm thuế GTGT). Lượng nước thải này tính trên cơ sở chỉ số đo Tiện ích gần nhất;
 - (vi) thanh toán khoản tiền phạt do Cấp thẩm quyền áp dụng cho IIV hoặc Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước và bồi hoàn các tổn thất trực tiếp và gián tiếp cho IIV hoặc bên thứ ba.
- 8.3.2 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước chỉ được xả thải lại sau khi (i) Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước hoặc chuyên gia độc lập do IIV chỉ định hoặc phê duyệt chứng minh Nước thải đáp ứng Tiêu chuẩn nước thải và (ii) xác nhận của IIV sau khi Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đã thanh toán đầy đủ số tiền đề cập tại Điều khoản 8.3.1(v) nêu trên.
- 8.3.3 Khi nhận được thông báo của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước, nếu IIV có khả năng xử lý Nước thải không đạt tiêu chuẩn, IIV có thể, theo quyết định của mình, đồng ý cung cấp dịch vụ xử lý nước thải không đạt chuẩn. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ thanh toán cho IIV phí xử lý quy định tại Phụ lục 5 Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: PHẠT VÀ BỒI THƯỜNG

- 9.1 Một Bên có trách nhiệm bồi thường và đảm bảo bồi thường cho Bên kia về mọi mất mát, chi phí và tổn thất đối với Bên kia do việc vi phạm, không thực hiện hoặc không tuân thủ các cam kết và điều kiện được quy định trong Hợp đồng này cũng như mọi công việc, khiếu nại và trách nhiệm phát sinh từ đó. Việc bồi thường này không ảnh hưởng đến bất cứ quyền hoặc những khoản bồi thường khác mà bên kia được hưởng theo Hợp đồng này.

Bên vi phạm sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ tiền phạt và bồi thường trong vòng mười (10) ngày kể từ:

- ngày các Bên thỏa thuận xong về việc bồi thường;
- hoặc ngày có kết luận của "Hội đồng giải quyết các vi phạm trong phân phối và sử dụng tiện ích" do Sở Công Thương Hải Phòng quản lý đưa ra kết luận
- hoặc ngày Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua phán quyết về nghĩa vụ phạt hoặc bồi thường.

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước, trong mọi trường hợp, có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho IIV mọi khoản Tiền tiện ích phát sinh hàng tháng theo hóa đơn đã phát hành (nếu có).

- 9.2 IIV không chịu trách nhiệm đối với mọi bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra do việc ngừng cung cấp Dịch vụ và Tiện ích cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước theo quy định tại Điều 8, hoặc do bất kỳ vi phạm nghiêm trọng, với điều kiện Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước được báo trước hai mươi tư (24) giờ. Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải có trách nhiệm về hoạt động và nhà máy của mình. Việc ngừng phân phối Dịch vụ và Tiện ích

không giảm quyền của IIV hay giảm nghĩa vụ của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đối với IIV hay bên thứ ba theo quy định của Hợp đồng này và Quy định pháp luật Việt Nam.

PHẦN B:

TIỀN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH NƯỚC, THANH TOÁN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH

ĐIỀU 10: TIỀN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH NƯỚC, DỊCH VỤ, THANH TOÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH TIỀN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH NƯỚC VÀ DỊCH VỤ

10.1 Tiền sử dụng Tiện ích nước

Trong thời hạn Hợp đồng này, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước thanh toán cho IIV các khoản phí sử dụng Tiện ích nước (Tiền sử dụng tiện ích) do IIV cung cấp như sau:

10.1.1 Tiền nước sạch tiêu thụ

Bên Sử Dụng Tiện Ích nước thanh toán cho IIV tiền nước tiêu thụ là 20.200 đồng/m³ (Hai mươi nghìn hai trăm đồng một mét khối) nước sạch (chưa bao gồm thuế GTGT). Tiền nước sạch do IIV quy định.

10.1.2 Phí xử lý nước thải

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước trả cho IIV Phí xử lý nước thải theo mức 18.945 đồng/m³ (Mười tám nghìn chín trăm bốn mươi năm đồng trên một mét khối) (chưa bao gồm thuế GTGT).

Trường hợp Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước, bằng bất cứ biện pháp nào, sử dụng nguồn nước không phải do IIV cung cấp ("Nguồn nước bên ngoài") nhưng có thải vào hệ thống thu gom nước thải, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải thông báo ngay cho IIV. Việc không thông báo được coi là lỗi vi phạm nghiêm trọng của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước theo Hợp đồng này.

Nếu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không thông báo IIV về việc sử dụng Nguồn nước bên ngoài:

- (i) Nguồn nước bên ngoài sẽ được tính bằng hai trăm phần trăm (200%) lượng nước đầu vào và được coi là một trăm phần trăm (100%) nước thải xả vào hệ thống thu gom nước thải và sẽ tính Tiền xử lý nước thải tương ứng; và
- (ii) IIV, theo quyết định của mình, sẽ tự xác định khoảng thời gian và khối lượng Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sử dụng Nguồn nước bên ngoài này.

10.2 Tiền đặt cọc sử dụng Tiện ích nước

10.2.1 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước thanh toán cho IIV khoản tiền đặt cọc là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm đồng Việt Nam), tương đương với TiềnTiện ích nước trung bình trong 14 ngày của Công suất nước sạch đăng ký, Công suất nước thô đăng ký và Công suất nước thải đăng ký ("Tiền đặt cọc"). Việc thanh toán Tiền đặt cọc được thực hiện bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của IIV trước khi thực hiện đấu nối tiện ích. Tiền đặt cọc sẽ được IIV hoàn trả lại cho Bên Sử Dụng Tiện Ích khi Hợp đồng hết hiệu lực và không tính lãi trừ khi Hợp đồng này bị chấm dứt do Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước vi phạm các điều khoản điều kiện của Hợp đồng này.

10.2.2 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ điều chỉnh Tiền đặt cọc cho IIV cho các trường hợp sau:

- (i) ngay lập tức khi giá Tiện ích nước tăng;
- (ii) khi IIV yêu cầu, theo quyết định của IIV; và
- (iii) trong mọi trường hợp, theo yêu cầu của IIV mỗi mười hai (12) tháng.

10.3 Khối lượng nước và nước thải bị tính phí

Tiền Tiện Ích Nước được tính theo tháng trên cơ sở xác định Lượng Tiện Ích Nước tiêu thụ của nước sạch và lượng nước thải. Tuy nhiên, nếu tiền nước sạch tiêu thụ thực tế hàng tháng ít hơn 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) (chưa bao gồm VAT) ("Tiền nước sạch tối thiểu"), số tiền Người Sử Dụng Tiện Ích Nước phải trả là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) (chưa bao gồm VAT). Nếu tiền xử lý nước thải thực tế hàng tháng thấp hơn 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) ("Tiền xử lý nước thải tối thiểu"), số tiền Người Sử Dụng Tiện Ích Nước phải trả là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) (chưa bao gồm VAT)..

10.4 Điều khoản thanh toán

10.4.1 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước thanh toán mọi khoản tiền và phí quy định trong Hợp đồng trong vòng bảy (07) Ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn GTGT (Ngày hết hạn thanh toán).

10.4.2 Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước thực hiện việc thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của IIV như đề cập tại Hợp đồng.

10.5 Thanh toán chậm

Nếu bất cứ khoản tiền nào Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải trả cho IIV theo quy định Hợp đồng không được thanh toán trong vòng bảy (07) ngày kể từ Ngày hết hạn thanh toán, không phương hại đến bất cứ quyền hoặc biện pháp khắc phục IIV được hưởng theo quy định tại Hợp đồng này, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước có trách nhiệm phải trả cho IIV tiền lãi cho khoản tiền chậm trả đó. Tiền lãi quy định tại điều khoản này được tính từ ngay sau Ngày hết hạn thanh toán cho đến ngày thực hiện thanh toán với mức lãi suất bằng 150% (Một trăm năm mươi phần trăm) mức lãi suất LIBOR kỳ hạn 6 tháng công bố vào ngày thanh toán.

10.6 Điều chỉnh Tiền và Phí

Các Bên thống nhất Tiền sử dụng Tiện ích sẽ được điều chỉnh do giá đầu vào thay đổi theo quyết định của Cấp thẩm quyền, thay đổi thuế hoặc phí, giá nhân công, quy định pháp luật liên quan của Việt Nam thay đổi, cũng như thay đổi của Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và/hoặc các yếu tố quyết định khác.

"Phí A" bao gồm tất cả các loại phí phải trả theo Hợp đồng này trừ các loại phí nêu là Phí B dưới đây:

"Phí B" bao gồm:

- Tiền nước sạch tiêu thụ

Phí A và Phí B sau đây được gọi chung là Phí.

10.6.1. Thay đổi Phí A

Trong tháng đầu tiên của mỗi năm dương lịch, IIV sẽ thông báo Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước về biến động của chỉ số giá tiêu dùng CPI của năm dương lịch trước đó do Tổng cục thống kê Việt Nam hoặc bất kỳ đơn vị thừa nhiệm nào công bố (Thông báo điều chỉnh A)

Hai Bên thỏa thuận Phí A được tự động điều chỉnh hàng năm theo công thức sau:

$$\text{Phí mới} = \text{Phí đang áp dụng} \times (\text{CPI}_0 + 1)$$

CPI_0 = là mức biến động Chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam trong năm dương lịch trước đó được thể hiện dưới dạng tỷ lệ phần trăm từng giai đoạn trong năm theo thời hạn của Hợp đồng này.

Thông báo điều chỉnh A không được diễn giải là bản bổ sung của Hợp đồng này cần hai Bên thống nhất, Thông báo điều chỉnh A có hiệu lực và ràng buộc đối với các Bên ngay sau khi được IIV ban hành. Thông báo điều chỉnh A là một phần không tách rời của Hợp đồng. Các Bên thống nhất không cần ký bản bổ sung hợp đồng liên quan đến việc điều chỉnh Phí A này.

10.6.2. Thay đổi Phí B

IIV sẽ thông báo Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước bằng văn bản về việc thay đổi Phí B do quyết định của Nhà cung cấp (Thông báo điều chỉnh B). Mức phí mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày của Thông báo điều chỉnh B.

Thông báo điều chỉnh B không được diễn giải là bản bổ sung Hợp đồng này cần có sự thống nhất của hai bên, Thông báo điều chỉnh B có hiệu lực và ràng buộc đối với các Bên ngay sau khi được IIV ban hành. Thông báo điều chỉnh B là một phần không tách rời của Hợp đồng. Các Bên thống nhất không cần ký bản bổ sung hợp đồng liên quan đến việc điều chỉnh Phí B này.

10.6.3 Thay đổi Phí

Ngoại trừ quyền của IIV như quy định trong Điều 10.6.1 và 10.6.2, trong trường hợp ban hành luật mới hoặc quyết định của cơ quan chính phủ yêu cầu IIV tuân thủ dẫn đến việc tăng một trong các loại sau:

- (i) chi phí của IIV trong việc cung cấp dịch vụ hoặc cung cấp tiện ích nước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước theo Hợp Đồng Tiện Ích Nước; hoặc
- (ii) Chi phí IIV mua dịch vụ hoặc tiện ích nước cần thiết để cung cấp dịch vụ hoặc cung cấp tiện ích nước cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước theo Hợp Đồng Tiện Ích Nước,

IIV có quyền tăng Phí dịch vụ cung cấp hoặc tiện ích nước cung cấp đối với Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước theo Hợp Đồng Tiện Ích Nước tương ứng với tỉ lệ tăng chi phí của IIV nêu trong mục (i) hoặc (ii), gọi là ("Thay Đổi Phí"). IIV phải thông báo bằng văn bản cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước về bất kỳ trường hợp Thay Đổi Phí nào, có tham chiếu đến Luật hoặc Quy định liên quan dẫn đến việc Thay Đổi Phí. Các Bên thống nhất là việc Thay Đổi Phí sẽ được tính và áp dụng cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước kể từ ngày IIV thông báo.

10.6.4 Ngoài các quyền của IIV nêu tại các Điều 10.6.01, 10.6.2 và 10.6.3, IIV có quyền tăng Phí ("Phí Điều Chỉnh"), căn cứ vào:

- (i) Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước nhận được thông báo nêu rõ lý do của Phí Điều Chỉnh, tỉ lệ Phí Điều Chỉnh và ngày hiệu lực của Phí Điều Chỉnh ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày hiệu lực của Phí Điều Chỉnh ("Thông Báo Điều Chỉnh D"); và
- (ii) thỏa thuận giữa các Bên về việc Phí điều chỉnh, các bên hiểu rằng nếu các Bên không đạt được thỏa thuận trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước nhận được Thông báo điều chỉnh D, Phí điều chỉnh đề cập tại Thông báo điều chỉnh D sẽ tự động được áp dụng.

ĐIỀU 11. TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

11.1. Quy định chung về môi trường, phí bảo vệ môi trường và phí khác

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành và sau này về bảo vệ môi trường, Nội quy, bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ quy định về tiếng ồn và khí thải công nghiệp.

11.2 Nghĩa vụ chung của Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước liên quan đến bảo vệ môi trường

- 11.2.1 Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước đảm bảo IIV không bị phương hại và thanh toán bất kỳ và tất cả các khoản phí liên quan đến khí thải, bảo vệ môi trường và các phí khác, nếu có, theo Quy định pháp luật hiện hành và bất kỳ quy định pháp luật nào khác sau này. Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước sẽ trả cho IIV bất kỳ chi phí phát sinh đối với IIV để can thiệp và hỗ trợ trong việc bảo vệ môi trường nhằm tuân thủ các Quy định pháp luật.
- 11.2.2 Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước có trách nhiệm xin cấp các giấy phép cần thiết, các văn bản, thông tin như quy định tại Phụ lục 7 và nộp những văn bản và chứng nhận này cho IIV càng sớm càng tốt sau Ngày hiệu lực và trước khi được cung cấp bất cứ Tiềm ích nước nào theo Hợp đồng này.
- 12.2.3 Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc:
- (i) đăng ký Chất thải nguy hại với Cấp thẩm quyền và gửi cho IIV một (01) bản sao Bản đăng ký.
 - (ii) tuân thủ Quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về lưu chứa chất thải, Chất gây ô nhiễm, Chất thải nguy hại và xử lý Chất thải nguy hại.
 - (iii) xin xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng hoặc bất kỳ cơ quan chuyên trách nào về Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại.
 - (iv) thực hiện quan trắc môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường (AEI) hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường (CEP) được duyệt và nộp cho IIV một (01) bản sao kết quả quan trắc môi trường và kết quả kiểm tra nước thải ít nhất sáu (06) tháng một lần hoặc theo Quy định pháp luật hoặc đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt, tùy theo khung thời gian nào ngắn nhất.
- 11.3 Trong thời hạn của Hợp đồng này, IIV hoặc cơ quan được chỉ định có quyền vào Khu đất thuê và công trình trên đất của Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước để kiểm tra việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường vào bất kỳ lúc nào. Các Bên hiểu rằng quy định này không làm giảm nghĩa vụ của Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước.
- 11.3.1 Không phương hại và ngoài các quy định về các quyền khác của IIV theo Hợp đồng này hay cách khác khi Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước:
- (i) hoạt động vận hành trong Khu công nghiệp gây hư hại hoặc ô nhiễm môi trường trên Khu đất thuê hoặc khu đất của Bên thứ ba; hoặc
 - (ii) nhận bất kỳ phàn nàn về môi trường từ Cấp thẩm quyền, IIV, hoặc bất kỳ Bên thứ ba nào thì Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước phải có giải pháp xử lý khắc phục kịp thời trong vòng tối đa là sáu mươi (60) ngày kể từ khi nhận được yêu cầu từ IIV và/hoặc bất kỳ Cấp thẩm quyền nào.
- Nếu Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước không thực hiện biện pháp khắc phục trong thời hạn đã định, IIV có thể ngay lập tức chấm dứt Hợp đồng này và bất cứ hợp đồng nào khác với Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước.

ĐIỀU 12. VÀO KHU ĐẤT THUÊ VÀ CÔNG TRÌNH TRÊN ĐẤT ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- 12.1 IIV có quyền được vào Khu đất và/hoặc công trình trên đất vào bất kỳ thời điểm nào mà IIV cho là phù hợp để:
- (i) thực hiện tất cả và bất kỳ việc gì để IIV hay một Nhà cung cấp khác có thể cung cấp Tiềm Ích Nước cho Bên Sử Dụng Tiềm Ích Nước hay bất kỳ bên thứ ba nào khác (Công việc);

- (ii) kiểm tra sự an toàn của Đẩu nối Tiệp Ích Nước theo quy định của Hợp đồng này, Quy định pháp luật hiện hành và Nội quy.
- 12.2 Trong trường hợp khẩn cấp, IIV có quyền vào Khu đất thuê và/hoặc công trình trên đất vào bất kỳ thời điểm nào IIV cho là thích hợp. Những trường hợp khẩn cấp bao gồm nhưng không giới hạn: vỡ đường ống, theo yêu cầu của Cấp thẩm quyền, cháy, lụt, bão, ... và/hoặc những sự cố này sẽ ảnh hưởng ngay lập tức tới an toàn của người và hạ tầng cơ sở.
- 12.3 Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước đồng ý cho IIV đưa nhân lực, đại diện, trang thiết bị, vật tư cần thiết và bất cứ bên thứ ba nào được ủy quyền theo Hợp đồng này vào Khu đất và Công trình trên đất để thực hiện Công việc. IIV sẽ thông báo trước cho Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước về kế hoạch và mục đích của Công việc cần thực hiện.
- 12.4 IIV cam kết với Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước trong quá trình thực hiện Công việc:
 - (i) IIV sẽ luôn tuân thủ theo hướng dẫn của Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước với điều kiện Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước hướng dẫn trước cho IIV và các hướng dẫn này hợp lý, thực tế và phù hợp với thông lệ ngành tại Việt Nam; và
 - (ii) IIV sẽ bồi thường thiệt hại cho Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước do IIV vi phạm nghiêm trọng.

ĐIỀU 13. THAY ĐỔI VỀ PHÂN PHỐI TIỆP ÍCH NƯỚC

IIV có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào và theo quyết định của mình, thay đổi việc phân phối Tiệp Ích Nước hoặc thay thế bất kỳ Nhà cung cấp nào mà IIV thấy là hợp lý (**Thay đổi**), với điều kiện:

- (i) sự Thay đổi đó không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc phân phối Tiệp Ích Nước cũng như hoạt động của Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước; và
- (ii) trong trường hợp Thay đổi đó gây gián đoạn hoặc giảm chất lượng Dịch vụ cung cấp cho Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước, IIV sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước về thời gian, nội dung và ảnh hưởng của Thay đổi trước ít nhất mười (10) ngày.

ĐIỀU 14. SỬ DỤNG CÁC KHU VỰC DÙNG CHUNG

Trong Thời hạn Hợp đồng, Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước cam kết không không khi nào, trực tiếp hay gián tiếp:

- (i) gây hư hỏng hoặc để xảy ra hư hỏng hoặc cản trở đối với Hệ Thống Phân Phối Tiệp Ích Nước mà chưa có được sự thoả thuận trước của IIV; và
- (ii) gây ra hoặc để xảy ra tình trạng quá tải hoặc sử dụng vượt quá công suất thiết kế đường cống, rãnh, đường ống, ống dẫn và các phương tiện truyền dẫn khác cung cấp Tiệp ích đến Khu đất hoặc trong phạm vi Khu đất, hay làm hạn chế mức độ phân phối Tiệp Ích Nước đến các khách hàng khác trong Khu công nghiệp.

ĐIỀU 15. HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN

- 15.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày các Bên cùng thực thi (**Ngày hiệu lực**).
- 15.2 Hợp đồng này bắt đầu có hiệu lực từ Ngày hiệu lực đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê đất (**Thời hạn**).

- 15.3 Bất kỳ sửa đổi đối với Hợp đồng này sẽ chỉ có giá trị nếu được hai Bên thống nhất bằng văn bản, ngoại trừ sửa đổi Hợp đồng được quy định trong Hợp đồng là không cần các Bên ký bản bổ sung. Bất kỳ sửa đổi được thể hiện tại Bản bổ sung của Hợp đồng này và được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

ĐIỀU 16. MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các Bên thỏa thuận bất kỳ các trường hợp nào sau đây xảy ra sẽ được coi là mất khả năng thanh toán (**Mất khả năng thanh toán**):

- (i) Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không thanh toán trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, hoặc theo khung thời gian khác quy định trong Hợp đồng này.
- (ii) Bất cứ Bên nào vi phạm hoặc không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này và không khắc phục được vi phạm trên trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ nhận được thông báo của Bên kia về việc vi phạm hoặc không thực hiện trên, hoặc trong khung thời gian cụ thể khác quy định trong Hợp đồng này;
- (iii) Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán hoặc tuyên bố phá sản.

ĐIỀU 17. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

17.1 Hợp đồng này được chấm dứt:

- (i) khi hết Thời hạn quy định tại điều 15.2 trừ khi các Bên thỏa thuận gia hạn Thời hạn;
- (ii) ngay khi Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục (v) Điều 5;
- (iii) khi hết thời hạn hoạt động của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước như quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp được điều chỉnh theo từng thời điểm hoặc khi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp bị thu hồi;
- (iv) khi bất cứ giấy phép, ủy quyền hoặc chứng chỉ của IIV do Cấp thẩm quyền cấp cần thiết cho việc cung cấp Dịch vụ, quản lý và vận hành Tiện ích dùng chung, Hệ thống phân phối tiện ích hoặc Khu vực chung hết hiệu lực hoặc bị thu hồi;
- (v) trong trường hợp Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước vi phạm nghĩa vụ về bảo vệ môi trường như quy định tại Điều 11.3.1;
- (vi) trường hợp Bất khả kháng theo quy định tại Điều 18.4;
- (vi) trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn quy định tại Điều 17.2; hoặc
- (viii) theo thỏa thuận giữa các Bên.

17.2 Trường hợp một bên vi phạm quy định Hợp đồng (**Bên vi phạm**), Bên kia (**Bên chấm dứt**) có thể chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.

17.3 Trường hợp Bên vi phạm là Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ thanh toán cho IIV khoản bồi thường là khoản lớn hơn giữa 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền tương đương với thực tế thiệt hại phát sinh (**Tiền bồi thường**).

- 17.4 Ngoài Tiền bồi thường, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ thanh toán một khoản tiền phạt là 5% Tiền bồi thường (Tiền phạt).

ĐIỀU 18: BẤT KHẢ KHÁNG

- 18.1 Không Bên nào bị coi là vi phạm Hợp đồng, hoặc chịu trách nhiệm trước bên kia vì lý do chậm trễ trong việc thực hiện hoặc không thực hiện bất kể nghĩa vụ nào trong Hợp đồng do Bất khả kháng gây ra với điều kiện:
- (i) Bất khả kháng là nguyên nhân chính cản trở hoặc gây chậm trễ cho một trong hai Bên thực hiện Hợp đồng; và
 - (ii) Bên Bị ảnh hưởng do Bất khả kháng (Bên Bị ảnh hưởng) sẽ:
 - thông báo ngay cho Bên kia về tình trạng Bất khả kháng nói trên trong vòng hai mươi tư (24) giờ hoặc khoảng thời gian hợp lý phù hợp với tình hình thực tế;
 - cung cấp cho Bên kia mô tả chi tiết về Bất khả kháng, đánh giá sơ bộ về ảnh hưởng của Bất khả kháng đối với việc thực hiện nghĩa vụ của mình, và dự tính khoảng thời gian Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình; và
 - trong vòng bảy (07) ngày hoặc khoảng thời gian dài hơn phù hợp với tình hình thực tế, thông báo bằng văn bản cho Bên kia về những biện pháp khắc phục Bất khả kháng đã thực hiện và nêu chi tiết của tình trạng xảy ra đã ngăn cản việc Bên bị ảnh hưởng thực hiện Hợp đồng.
- 18.2 Các Bên thỏa thuận rằng khi Bất khả kháng xảy ra, Bên Bị ảnh hưởng sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để tránh và hạn chế tổn thất, thiệt hại cho cả hai Bên do Bất khả kháng gây ra.
- 18.3 Không phương hại đến quyền của các Bên chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại điều 18.4, Bên Bị ảnh hưởng chỉ được miễn thực hiện nghĩa vụ theo quy định Hợp đồng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng; và :
- (i) tình trạng Bất khả kháng ngăn không cho Bên Bị ảnh hưởng thực hiện nghĩa vụ của mình; và
 - (ii) Bên Bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp phòng ngừa hợp lý có thể nhưng không mang lại kết quả.
- 18.4 Nếu Bất khả kháng xảy ra và tiếp tục trong thời gian sáu mươi (60) liên tiếp hoặc hơn, Bên không bị ảnh hưởng có quyền ngay lập tức chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi một thông báo bằng văn bản cho Bên bị ảnh hưởng.
- 18.5 Thiếu vốn, sơ suất hoặc lỗi cố ý, thiết sót, vi phạm hoặc mất khả năng thanh toán đối với Hợp đồng này, mà nguyên nhân không phải do Bất khả kháng, sẽ không được coi là trường hợp Bất khả kháng.

ĐIỀU 19. LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 19.1 Hợp đồng này được hiểu, giải thích và chịu sự điều chỉnh theo luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 19.2 Trong trường hợp có tranh chấp (Tranh chấp) liên quan đến hiệu lực, việc diễn giải hoặc thực hiện Hợp đồng này, trước hết các Bên cố gắng giải quyết tranh chấp đó trên tinh thần hoà giải. Nếu tranh chấp không được giải quyết bằng hòa giải trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày một Bên thông báo cho bên kia biết về tranh chấp và yêu cầu bên kia cùng trao đổi giải quyết tranh chấp

một cách thiện chí, hai Bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore (SIAC) theo quy tắc của SIAC (Quy tắc). SIAC có thẩm quyền đối với bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này, bao gồm các vấn đề liên quan đến tồn tại, hiệu lực hoặc chấm dứt của Hợp đồng. Ba (03) Trọng tài viên sẽ được chỉ định theo Quy tắc. Địa điểm thực hiện trọng tài tại Singapore, ngôn ngữ sử dụng là tiếng Anh. Phán quyết của trọng tài là phán quyết cuối cùng và ràng buộc các Bên. Bên thua sẽ chịu mọi phí trọng tài theo phán quyết của trọng tài.

ĐIỀU 20. TÍNH ĐỘC LẬP

Nếu một hoặc các điều khoản của Hợp đồng này bị Cấp thẩm quyền tuyên bố là không hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không thể thi hành (Điều khoản không hợp lệ) theo pháp luật hiện hành:

- (i) Điều khoản không hợp lệ được coi là tách khỏi tất cả các điều khoản khác của Hợp đồng xét về mặt khía cạnh, tất cả những điều khoản còn lại này tiếp tục có hiệu lực một cách bình thường, không bị ảnh hưởng bởi Điều khoản không hợp lệ; và
- (ii) trong trường hợp này, Hợp đồng được thực hiện (tùy thuộc và không gây phương hại đến bất kể việc kiến nghị nào lên cấp cao hơn về tính pháp lý của Điều khoản không hợp lệ) không bao gồm Điều khoản không hợp lệ ảnh hưởng căn bản hoặc làm thay đổi cơ sở thương mại của Hợp đồng này thì hai Bên sẽ cùng nhau thiện chí thỏa thuận và đưa ra một điều khoản mới hợp lệ, có hiệu lực thay thế Điều khoản không hợp lệ mà điều khoản này có khả năng thực hiện được mục tiêu đặt ra cho Điều khoản không hợp lệ.

ĐIỀU 21. BẢO MẬT

- 21.1 Thông tin bảo mật là tất cả các thông tin trên các phương tiện thông tin bao gồm, như không phương hại đến nguyên tắc chung nói trên, tất cả các bản dịch, bản thảo, bản vẽ, thiết kế, bí quyết, công thức, quy trình, các chương trình phần mềm, hình ảnh và các tư liệu liên quan đến Hợp đồng này, và Hợp đồng này nếu được đánh dấu là 'Mật' (Thông tin mật) do mỗi Bên cung cấp cho Bên kia theo từng thời kỳ.
- 21.2 Theo nội dung của điều khoản này, "Bên cung cấp thông tin" là Bên cung cấp Thông tin bảo mật cho Bên kia. "Bên tiếp nhận thông tin" là bên nhận được Thông tin bảo mật từ Bên cung cấp thông tin.
- 21.3 Thông tin bảo mật được cung cấp dưới hình thức hữu hình sẽ được Bên cung cấp thông tin đánh dấu để chỉ rõ tính chất bí mật của thông tin.
- 21.4 Thông tin bảo mật được cung cấp dưới hình thức vô hình sẽ được xác định là thông tin bảo mật trước khi hoặc tại thời điểm cung cấp và phải được nén vào một tài liệu với dấu hiệu chỉ rõ tính chất bí mật và được gửi cho Bên tiếp nhận thông tin bằng văn bản trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày cung cấp thông tin.
- 21.5 Bất kỳ thông tin, dữ liệu kỹ thuật hay bí quyết nào mà chưa được thể hiện bảo mật dưới dạng văn bản hoặc chưa được đánh dấu bảo mật sẽ không được coi là bí mật hoặc sẽ không phải chịu trách nhiệm như được nêu ở đây.
- 21.6 Mặc dù đã quy định như trên, bất kỳ thông tin nào cũng sẽ không được coi là Thông tin bảo mật nếu:
 - (i) thông tin đó là hoặc trở thành kiến thức phổ biến chứ không phải do Bên tiếp nhận thông tin ủy quyền cung cấp;

- (ii) thông tin đó đã được Bên tiếp nhận thông tin biết trước thời điểm cung cấp mà Bên tiếp nhận thông tin có thể chứng minh bằng văn bản;
- (iii) thông tin đó được Bên tiếp nhận thông tin tiếp nhận một cách đúng đắn từ bên thứ ba là bên có quyền tiết lộ thông tin; hoặc
- (iv) Bên tiếp nhận thông tin có thể chỉ ra một cách hợp lý rằng thông tin này được Bên tiếp nhận thông tin phát triển hoặc tạo ra mà không sử dụng Thông tin bảo mật.

21.7 Trong thời hạn của Hợp đồng này, Bên tiếp nhận thông tin sẽ quản lý Thông tin bảo mật một cách bí mật và do đó sẽ không chuyển thông tin hoặc tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào Thông tin bảo mật được Bên cung cấp thông tin cung cấp cho Bên tiếp nhận mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên cung cấp thông tin.

21.8 Bên tiếp nhận thông tin sẽ không sử dụng Thông tin bảo mật cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc thực hiện Hợp đồng này mà không có sự đồng ý trước văn bản của Bên cung cấp thông tin.

ĐIỀU 22: HỦY BỎ QUYỀN

Việc một Bên không thực hiện, hoặc trì hoãn, dù là về thời gian hay số lần, các quyền, quyền hạn và biện pháp khắc phục theo Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật không được coi là việc bên đó từ bỏ các quyền này. Việc từ bỏ một hay một phần các quyền, quyền hạn hay biện pháp khắc phục cũng không cản trở việc thi hành hơn nữa các quyền, quyền hạn hay biện pháp khắc phục đó hay việc thực hiện các quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục khác

ĐIỀU 23: GIAO DỊCH

23.1 Tất cả mọi giao dịch liên quan đến Hợp đồng ngày gửi đến địa chỉ:

Công ty TNHH Infra Induss Việt Nam

Người nhận:

Giám đốc

Công ty TNHH Infra Induss Việt Nam

Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn

Đối với hóa đơn, gửi tới địa chỉ sau:

Ông Đào Đăng Kiến, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn

Số 16 lô BS2 khu đô thị PG An Đồng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

23.2 Bất kỳ thay đổi gì về địa chỉ giao dịch hoặc thay đổi chi tiết, một Bên phải thông báo cho Bên kia trước một (1) tuần.

23.3 Mọi thông báo hoặc giao dịch theo Hợp đồng này phải được thể hiện bằng văn bản và được chuyển tận tay, gửi theo đường công văn hoặc gửi fax đến địa chỉ đã đề cập trong Hợp đồng này hoặc địa chỉ khác được thông báo bằng văn bản. Thông báo hoặc giao dịch sẽ được coi là đã được chuyển đến một bên :

- (i) vào thời gian ghi trong phiếu chuyển tài liệu nếu được chuyển tận tay ;
- (ii) vào ngày nhận nếu trong phiếu phát tài liệu của nhà cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh nếu được chuyển phát nhanh;

- (iii) nếu gửi bằng fax, thì khi kết quả chuyển fax xác nhận là việc chuyển fax đã được thực hiện không sai sót hoặc xác nhận khác về việc chuyển fax thành công, tuy nhiên, nếu fax được gửi sau 15:00 giờ Việt Nam, thì fax sẽ được coi là chuyển vào ngày làm việc tiếp theo.

Nếu gửi bằng dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc bằng fax, ngày nhận thông báo sẽ được tính là ngày quy định tại mục (ii) hoặc tại mục (iii) điều này, tùy thuộc thời gian nào sớm hơn.

ĐIỀU 24. MARKETING

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước theo đây cho phép IIV có quyền miễn phí đặt tên và logo của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước trên website và tài liệu marketing của IIV với mục đích marketing việc Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của IIV tại Khu công nghiệp.

ĐIỀU 25. THỰC HIỆN

Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt và hai (02) bản bằng tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trường hợp có khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên sử dụng. Mỗi bên giữ một (01) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh.

Hai bên ký Hợp đồng này vào ngày tháng năm đề cập tại phần đầu của Hợp đồng.

CÔNG TY TNHH INFRA INDUSS VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN *h*



Alain Eduard
Georges Vanderstraeten



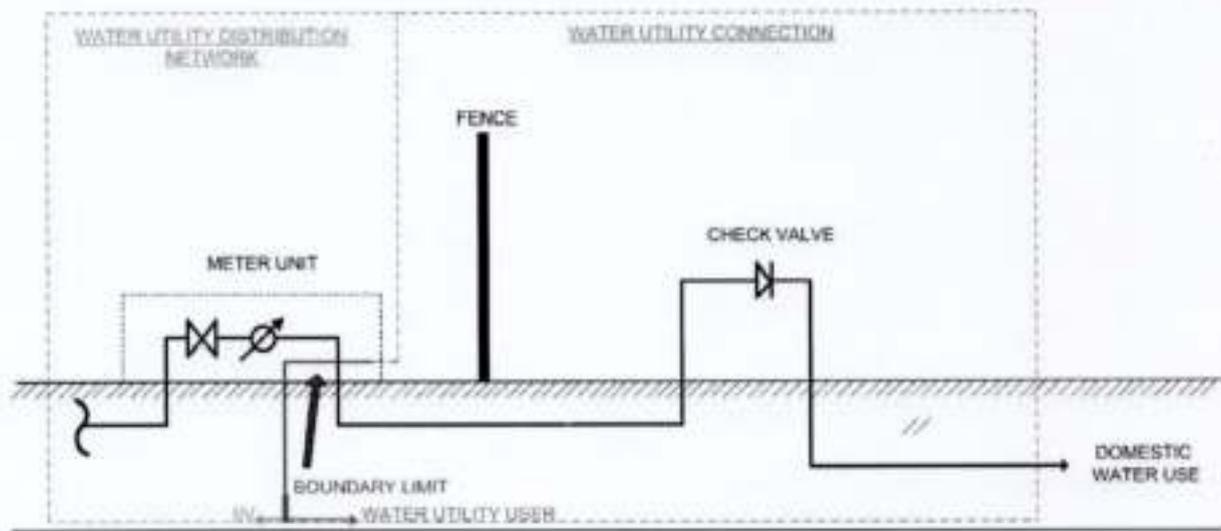
Đào Đăng Kiến

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

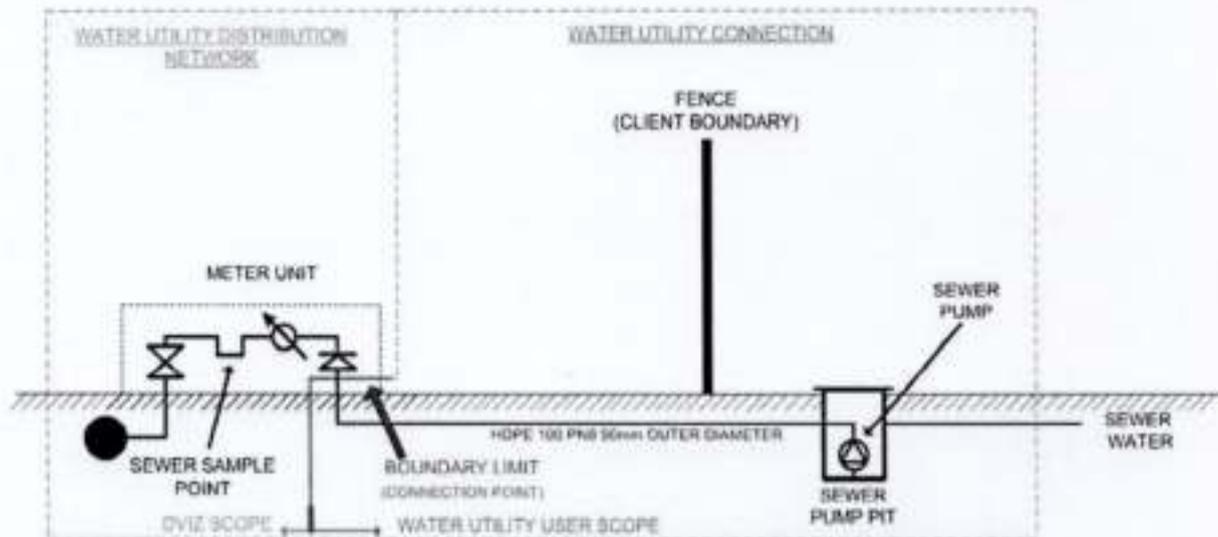
Phụ lục 1: Sơ đồ Lô đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước



Phụ lục 2: Đầu nối tiện ích nước



Hình 1: Đầu nối tiện ích nước cho nước sinh hoạt



- The sewer pump needs to have a pressure head equal to our bar
- The sewer pump needs to have sufficient capacity to pump the daily volume of wastewater within 8 hours
- The sewer pump needs to be equipped with a non-return valve
- The sewer pump pit needs to have a minimum storage capacity equal to 6 hour discharge

Hình 2: Đầu nối tiện ích nước cho nước thải

Phụ lục 3: Bản đăng ký và xác nhận sử dụng tiện ích nước

Nội dung	MỨC CHẤP NHẬN CỦA IIV	MỨC VƯỢT QUÁ TỐI ĐA
1. Nước		
1.1 Công suất nước sạch	5 m ³ /ngày	
1.2 Ngày đấu nối	30 ngày kể từ ngày IIV nhận được tiền đặt cọc và DVIZ nhận được tiền đấu nối	
1.3 Điểm đấu nối nước sạch	Thể hiện trong bản vẽ tại Phụ lục 4: Bản vẽ thể hiện Điểm đấu nối Tiện ích nước của Hợp đồng này	
2. Nước thải		
3.1 Công suất nước thải	4 m ³ /ngày	
3.2 Ngày đấu nối	30 ngày kể từ ngày IIV nhận được tiền đặt cọc và DVIZ nhận được tiền đấu nối	
3.3 Điểm đấu nối nước thải	Thể hiện trong bản vẽ tại Phụ lục 4: Bản vẽ thể hiện Điểm đấu nối Tiện ích nước của Hợp đồng này	

IIV



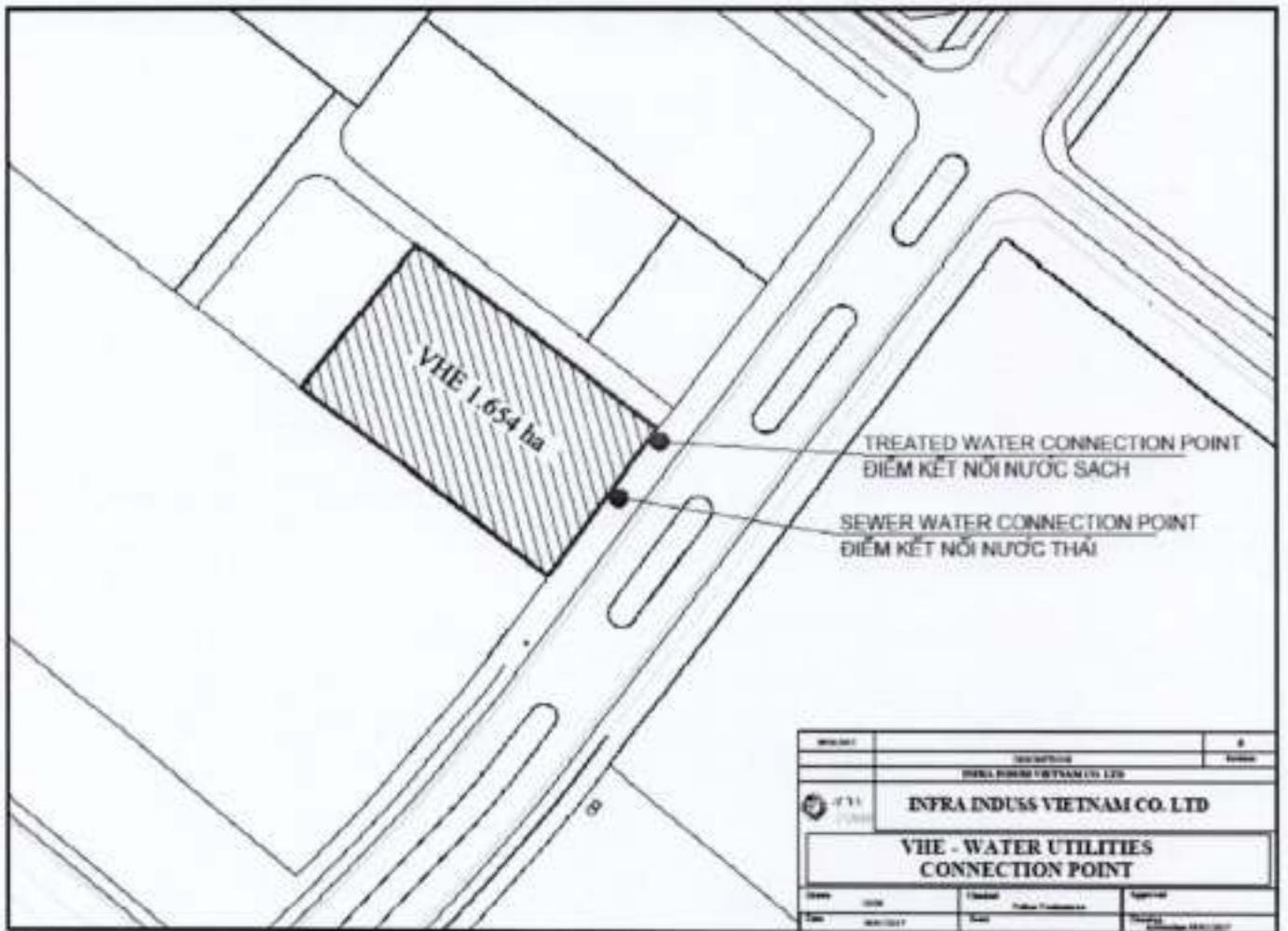
Yves Alain Eduard
Georges Vanderstracten

Bản Sử Dụng Tiện Ích Nước



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Đăng Hiến

Phụ lục 4: Bản vẽ thể hiện điểm đấu nối của Tiện Ích Nước



Phụ lục 5: Phí xử lý nước thải vượt quá ngưỡng cho phép

Thông số	Nước thải tiêu chuẩn	Nồng độ tối đa cho phép	Khối lượng tối đa cho phép (m ³ /ngày)	Phí xử lý nước thải vượt quá nồng độ cho phép (đồng/m ³) (chưa gồm VAT)
COD (mg/l)	500	800	2500	27.205
		1000	2000	45.342
		1200	1500	63.479
		1400	1200	81.615
BOD ₅ ²⁰ (mg/l)	500	800	2500	45.342
		1000	2000	68.013
NH ₄ ⁺ as N (mg/l)	10	25	1500	48.969
		50	1250	56.678
		75	1000	68.013
Total Nitrogen (mg/l)	40	50	2000	13.603
		110	1500	13.603
Phosphorous (mg/l)	6	8	2000	9.069
		10	1500	13.603
		15	1200	18.137
		20	1000	22.671
		50	500	63.479
TSS (mg/l)	500	800	1500	17.004
		1000	1500	20.404
		1200	1500	24.938
		1400	1500	29.473
		1600	1500	32.937
Sulfide (mg/l)	0,5	1	2500	4.535
		1,5	2500	18.137
		2	2500	27.205
		2,5	2500	31.740
Chlorides (mg/l)	1000	1200	3000	4.535
		1400	2500	4.535
pH	5-9	5,5 - 9	NA	0
		4 < x < 5,5	500	6.802
		3 < x < 4	500	34.007
		9 < x < 10,5	500	6.802
		10,5 < x < 12	500	34.007
Nhiệt độ (°C)	45	50	2500	9.069

- Phí quản lý cố định là 34,270,830 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT) sẽ được tính trong thời gian xả nước thải vượt ngưỡng cho phép trong vòng hơn 3 tháng.

- Đối với các sự cố được cách ly thì phí quản lý là 5,711,805 đồng/lần xả thải (chưa bao gồm VAT) sẽ được tính theo hệ số ngày. Đối với hệ số ban đêm (từ 6h tối đến 6h sáng hôm sau) vào các ngày thứ bảy và chủ nhật thì phí quản lý là 11,423,610 đồng/lần xả thải (chưa bao gồm VAT).
- Nếu có hơn 1 thông số vượt tiêu chuẩn nước thải cho phép thì chi phí xử lý bổ sung là tổng chi phí của các đầu mục phí xử lý bổ sung cho từng thông số.
- Đối với các thông số nêu trong Tiêu chuẩn nước thải không được đề cập ở bảng trên thì không được phép có nồng độ cao hơn.

Phụ lục 6: Tài liệu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải cung cấp cho IIV

Các bản sao của giấy phép, tài liệu và thông tin cần thiết mà Bên sử dụng tiện ích cần nộp cho IIV trước khi nhà máy đi vào hoạt động bao gồm, nhưng không giới hạn, các nội dung sau; bộ hồ sơ này có thể được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm tùy thuộc vào sự thay đổi của pháp luật Việt Nam và các quy định hoặc bất kỳ yếu tố khác có liên quan:

- (i) Một (01) bản sao có công chứng Báo cáo đánh giá tác động môi trường (AEI) kèm theo quyết định phê duyệt, hoặc một (01) bản sao có công chứng đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường (CEP);
- (ii) Một (01) bản sao công chứng Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (nếu có);
- (iii) Một (01) bản sao công chứng Sổ đăng ký chất thải nguy hại (nếu có);
- (iv) Một (01) bản sao công chứng Hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có);
- (v) Bất kỳ tài liệu nào khác mà Bên sử dụng tiện ích cần nộp cho IIV theo yêu cầu của pháp luật; và
- (vi) Bản xác nhận cho lưu trữ các chất thải, chất gây ô nhiễm môi trường, chất thải nguy hại, vv, theo quy định tại Điều 13.2.3 (iii).
- (vii) Chứng từ thanh toán chứng minh đã đặt cọc
- (viii) Bất kỳ tài liệu nào khác mà Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải cung cấp cho IIV theo Nội Quy bao gồm các tài liệu nêu trong Quy trình Đấu nối tiêu chuẩn bên cạnh các tài liệu khác

Nếu không có tài liệu như đã đề cập ở mục (iv), (v) và (vi), Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ gửi thông báo chính thức bằng văn bản cho IIV.

Phụ lục 7: Nội quy

| Nội qui

1	Qui định chung.....	3
2	Thông tin liên lạc.....	4
3	Quy trình đấu nối tiêu chuẩn.....	5
3.1	Hồ sơ giấy tờ cần chuẩn bị trước khi tiến hành thi công.....	5
3.2	Trong thời gian thi công công trình.....	5
3.3	Khi hoàn thành thi công công trình.....	5
4	Kiểm tra.....	7
4.1	Việc kiểm tra do Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước thực hiện.....	7
4.2	Việc kiểm tra do IV thực hiện:.....	7
5	THAY ĐỔI HỆ THỐNG ĐẤU NỐI TIỆN ÍCH NƯỚC.....	8
6	YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐẤU NỐI TIỆN ÍCH NƯỚC.....	9
6.1	Đấu nối tiện ích nước sạch.....	9
6.2	Đấu nối Tiện ích nước thô.....	12
7	YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐẤU NỐI TIỆN ÍCH NƯỚC CỦA NƯỚC THẢI.....	14
7.1	Hệ thống thu gom nước thải trong lô đất.....	14
7.2	Nước - nước mưa - ô nhiễm.....	15
7.3	Xử lý nước thải.....	15
7.4	Đấu nối tiện ích nước cho nước thải.....	15

1 Qui định chung

Đây là Nội qui trong Khu công nghiệp Đình Vũ (DVIZ hoặc Khu công nghiệp) được nêu trong Hợp đồng Tiệp ích nước. Tất cả các Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước trong Khu công nghiệp Đình Vũ phải tuân thủ các quy định nêu tại Nội qui này.

Thông qua Hệ Thống Phân Phối Tiệp Ích Nước được lắp đặt trong KCN Đình Vũ, Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước được cung cấp tất cả các tiệp ích nước và nước thải cần thiết trong Khu công nghiệp. Nội qui này giúp hiểu rõ về nghĩa vụ và quyền lợi của Bên Sử Dụng Tiệp Ích Nước.

Việc giải thích các từ ngữ trong tài liệu này được nêu trong Hợp đồng Tiệp Ích Nước.

2 Thông tin liên lạc

Công ty TNHH Infra Induss Việt Nam (IIV)
Khu Công nghiệp Đình Vũ
Tầng 4, Khu văn phòng Harbour View
12 Trần Phú, Hải Phòng
Điện thoại: +84 31 3625 168; Email: info@infrainduss.com

3 Quy trình đấu nối tiêu chuẩn

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải đăng ký với IIV để chấp nhận Hệ thống Tiện ích nước của mình trước khi thực hiện đấu nối. Quy trình đấu nối tiêu chuẩn mô tả các bước cần thực hiện trước khi thực hiện đấu nối và trước khi tiện ích nước được phân phối đến Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước.

3.1 Hồ sơ giấy tờ cần chuẩn bị trước khi tiến hành thi công

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải trình IIV các tài liệu sau:

- Bản Đăng ký và xác nhận sử dụng tiện ích có chữ ký của đại diện được ủy quyền của cả hai bên;
- Sơ đồ phụ tải (Phụ lục 2) khi nhà máy đi vào hoạt động;
- Bản vẽ điểm đấu nối tiện ích nước được đại diện ủy quyền của cả hai bên ký;
- Bản vẽ sơ đồ đấu nối tiện ích nước của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước như được xác định trong các Hình 1, Hình 2, Hình 3, Hình 4, Hình 5, Hình 6, Hình 7 và Hình 8 gồm:
 - Vật liệu và kích thước đường ống
 - Kích thước bể gián đoạn
 - Tất cả các trang thiết bị đấu nối vào Hệ thống đấu nối tiện ích nước
- Sơ đồ Đấu nối tiện ích nước tại khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước;
- Bảng tiên lượng tất cả các trang thiết bị (van đóng, các loại van, máy đo áp suất, đồng hồ nước, v.v...) đấu nối tiện ích nước. Bảng tiên lượng nêu cụ thể nhãn hiệu, loại, số serial, số giấy chứng nhận v.v...

Bộ phận Tiện ích nước DVIZ sẽ xem xét hồ sơ và có ý kiến với Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước trong vòng 5 ngày làm việc.

Bộ phận Tiện ích nước DVIZ sẽ hết sức cố gắng để đấu nối với Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước trong vòng mười hai (12) tuần kể từ khi phê duyệt hồ sơ nêu trên để chuẩn bị Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước và đấu nối vào Hệ Thống Tiện Ích Nước của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước.

Khi nhận được chấp nhận của Bộ phận Tiện Ích Nước DVIZ, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước có thể bắt đầu thi công đấu nối tiện ích nước

3.2 Trong thời gian thi công công trình

- Khi triển khai các công việc ngoài ranh giới Lô đất, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải tuân thủ theo các nội quy và quy định của Khu công nghiệp Đình Vũ.

3.3 Khi hoàn thành thi công công trình

Khi hoàn thành việc Đấu nối tiện ích nước, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải trình Bộ phận Tiện ích nước DVIZ xem xét và phê duyệt các tài liệu sau

- Bản vẽ hệ thống hoàn công và bản vẽ hình chiếu bằng của hệ thống đấu nối tiện ích nước

- Một file ảnh hoàn công của tất cả hệ thống đường ống. Đường ống ngầm phải được chụp ảnh lại trước khi lấp đất vào hào ống.
- Một Bảng tiên lượng tất cả các thiết bị (van đóng, các loại van, máy đo áp suất, đồng hồ đo nước, v.v...) đầu nối tiện ích nước. Bảng tiên lượng nêu cụ thể nhãn hiệu, loại, số serial, số giấy chứng nhận v.v...
- Lịch bảo trì hệ thống đầu nối tiện ích nước
- Giấy nộp tiền đặt cọc và phí đầu nối (nếu có)

IIVsẽ kiểm tra những giấy tờ này và kiểm tra ngoài hiện trường để xem hệ thống đầu nối tiện ích nước có đáp ứng các yêu cầu trước khi tiến hành đầu nối vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước

Nếu hệ thống đầu nối tiện ích nước và các hồ sơ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì sẽ lập biên bản xác nhận và hệ thống đầu nối tiện ích nước sẽ được đầu nối

Nếu hệ thống đầu nối tiện ích nước và các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, IIVsẽ thông báo cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước và sẽ yêu cầu Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước điều chỉnh những điểm cần thiết

Các điều kiện nêu trong Nội qui này chủ yếu dựa trên các quy định pháp luật được áp dụng tại thời điểm đầu nối. Khi pháp luật có sự thay đổi, IIVsẽ yêu cầu khách hàng bổ sung thông tin hay chi tiết, hoặc lắp đặt thêm thiết bị mới (bổ sung) theo yêu cầu của pháp luật. IIVcó quyền thay đổi nội dung danh mục nêu trên và chỉ thực hiện đầu nối cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước kể từ thời điểm nhận được các thông tin và xác nhận về việc lắp đặt các thiết bị đó.

4 Kiểm tra

4.1 Việc kiểm tra do Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước thực hiện

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ thực hiện kiểm tra định kỳ hàng năm toàn bộ hệ thống đầu nổi tiện ích nước. Việc kiểm tra này là việc xem xét lại chi tiết Hệ thống đầu nổi tiện ích nước. Mọi trang thiết bị và đường ống nổi phải được kiểm tra. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ cung cấp cho IIV một bản báo cáo kiểm tra. Bản báo cáo này gồm các nội dung sau:

- Bản vẽ sơ đồ cập nhật của hệ thống đầu nổi tiện ích nước
- Bản vẽ hình chiếu bằng của Hệ thống đầu nổi tiện ích nước trên khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước
- Các bức ảnh của đường ống nổi
- Danh mục các trang thiết bị (van đóng, các loại van, máy đo áp suất, đồng hồ, v.v...) đầu nổi tiện ích nước. Danh sách này phải nêu rõ nhãn hiệu, chủng loại, số serial và hình ảnh của các thiết bị.
- Một nhật ký tổng hợp tất cả những tác động đến Hệ thống đầu nổi tiện ích nước.

4.2 Việc kiểm tra do IIV thực hiện:

IIV có thể tự ý kiểm tra hệ thống đầu nổi tiện ích nước. Việc kiểm tra này là việc xem xét chi tiết và so sánh giữa hệ thống đầu nổi tiện ích nước thực tế với hệ thống đầu nổi tiện ích nước đã đăng ký. Mọi thiết bị và đường ống nổi phải được kiểm tra. Nếu IIV nghi ngờ về vị trí và việc thi công của đường ống ngầm thì IIV có quyền thực hiện đào đường ống tại khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước để xác định đúng vị trí và/hoặc việc thi công đường ống ngầm.

IIV sẽ gửi báo cáo kiểm tra cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước. Báo cáo này gồm các nội dung sau:

- So sánh giữa hệ thống đầu nổi tiện ích nước hiện tại với hệ thống đầu nổi tiện ích nước đã đăng ký
- Liệt kê tất cả các trang thiết (van đóng, các loại van, máy đo áp suất, đồng hồ, v.v...) đầu nổi tiện ích nước. Danh sách này phải nêu rõ nhãn hiệu, chủng loại, số serial và hình ảnh của các thiết bị.
- Kết luận của IIV và nếu cần thiết thì có một danh mục các việc mà Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải thực hiện để tuân thủ theo các quy định.

5 THAY ĐỔI HỆ THỐNG ĐẦU NỐI TIỆN ÍCH NƯỚC

Trước khi tiến hành thay đổi hệ thống đầu nối tiện ích nước, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải trình IIV phê duyệt thiết kế thay đổi. Hồ sơ thiết kế phải có các nội dung sau:

- Bản vẽ sơ đồ đầu nối tiện ích nước của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước như Hình 1
Hình 2:
 - Vật liệu và kích thước đường ống
 - Kích thước bể gián đoạn
 - Tất cả các thiết bị đầu nối vào hệ thống đầu nối tiện ích nước
- Hình chiếu bằng của hệ thống đầu nối tiện ích nước tại khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước
- Bảng tiên lượng tất cả các thiết bị (van đóng, các loại van, máy đo áp suất, đồng hồ, v.v...) đầu nối tiện ích nước. Danh sách này phải nêu rõ nhãn hiệu, chủng loại, số serial và hình ảnh của các thiết bị

Khi thực hiện các công việc ngoài ranh giới khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước, phải tuân thủ các nội quy và quy định của KCN Đình Vũ.

Sau khi được IIV phê duyệt, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước có thể triển khai các công việc trên hệ thống đầu nối tiện ích nước. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải trình IIV phê duyệt báo cáo hoàn công của việc đầu nối tiện ích. Báo cáo hoàn công gồm:

- Bản vẽ sơ đồ hoàn công của hệ thống đầu nối tiện ích nước
- Hình chiếu bằng hoàn công của Hệ thống đầu nối tiện ích nước trên khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước
- Một file ảnh hoàn công của toàn bộ đường ống. Các bức ảnh của đường ống ngầm phải được chụp trước khi lấp lại đất.
- Một bản liệt kê hoàn công tất cả các thiết bị (van đóng, các loại van, máy đo áp suất, công tơ nước...) đầu nối tiện ích. Bảng liệt kê này cũng thể hiện các nội dung nhãn hiệu, chủng loại, số serial và hình ảnh của thiết bị.

Nếu hệ thống đầu nối tiện ích nước và hồ sơ giấy tờ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì sẽ lập biên bản xác nhận và hệ thống đầu nối tiện ích nước sẽ được đầu nối.

Nếu hệ thống đầu nối tiện ích nước và hồ sơ giấy tờ không đáp ứng yêu cầu, IIV sẽ thông báo cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước và yêu cầu thực hiện các sửa đổi cần thiết

6 YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐẦU NỒI TIỆN ÍCH NƯỚC

Để đảm bảo chất lượng và tránh gây ô nhiễm nước phân phối trong Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước cần phải thiết kế, thi công và bảo trì hệ thống đầu nối tiện ích theo Nội qui của Bộ phận Tiện Ích Nước của DVIZ.

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước bằng chi phí của mình có thể thỏa thuận thiết kế hệ thống đầu nối tiện ích nước sau các thiết bị bảo vệ do IIVấn định. Hiện nay, IIV cung cấp nước sạch, nước thô, thu gom và xử lý tất cả nước thải trong Khu công nghiệp Đình Vũ. Thiết kế an toàn của hệ thống đầu nối tiện ích nước phụ thuộc vào việc sử dụng nước, Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không được phép đào giếng hoặc thi công các công trình tương tự để lấy nước từ nguồn nước ngầm hoặc nước mặt trong phạm vi hàng rào khu đất.

6.1 Đầu nối tiện ích nước sạch

IIV cung cấp nước sạch phân phối trong Khu công nghiệp Đình Vũ từ nhà cung cấp trong nước. Thông qua một trạm bơm độc lập, IIV phân phối nước sạch đến Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước qua mạng lưới phân phối sử dụng ống HDPE.

Các thông số kỹ thuật của nước sạch tuân thủ theo QCVN 01: 2009/BYT; Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước uống

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải thiết kế, xây dựng và bảo trì Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước theo các quy định và yêu cầu nêu trong các nội qui này.

6.1.1 Đầu nối tiện ích nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt:

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sử dụng nước sạch trong sản xuất và sinh hoạt phải thiết kế Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước như trình bày dưới đây. Vì mục đích cung cấp nước sạch ổn định tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, hệ thống đầu nối nước tới các Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế. Hình 1 và Hình 2 thể hiện các yêu cầu tối thiểu của Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Điểm đầu nối giữa Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước và Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước ở vị trí ngay dưới Hộp đồng hồ.

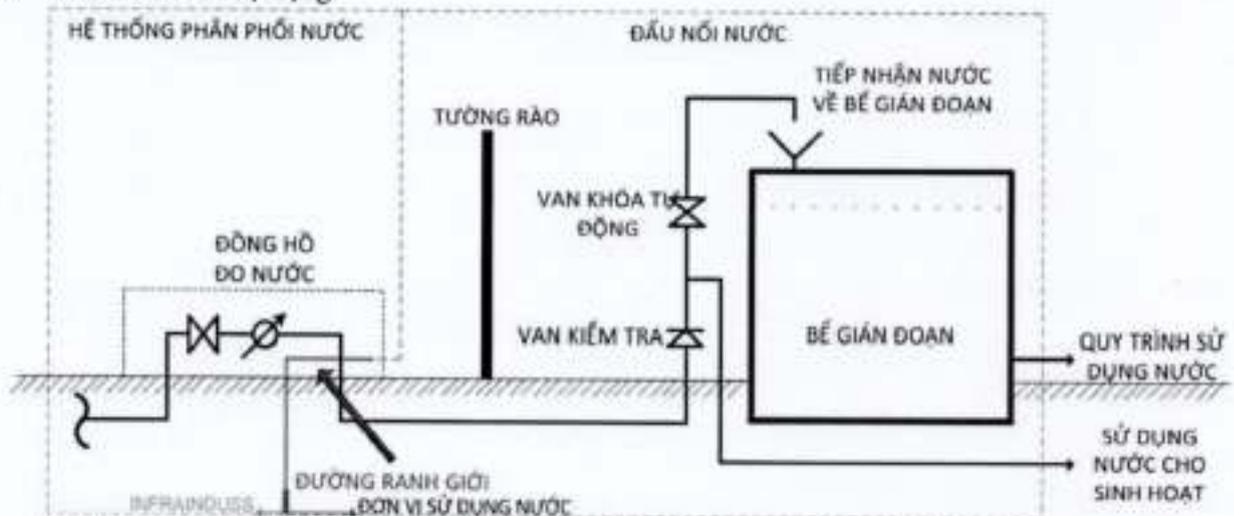
Thiết bị an toàn tối thiểu cho nước sản xuất và sinh hoạt:

- **Nước sinh hoạt:** van một chiều.
- **Nước phục vụ sản xuất:** van một chiều và bể gián đoạn.

Các yêu cầu tối thiểu của Hệ Thống Tiện Ích Nước Sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt gồm:

- Đường ống ngầm từ Điểm Đầu Nối đến khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước
- Đường ống nổi và ngầm từ hàng rào khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đến bể gián đoạn

- Bể gián đoạn có công suất đệm ước tính có thể sử dụng trong 48 giờ đối với các hoạt động công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau:
 - Có công tắc báo mức
 - Hệ thống làm đầy bể gián đoạn như được mô tả trong Hình 2
 - Đầu nối với nhà máy
 - Mái che
- Van một chiều
- Van điều khiển tự động

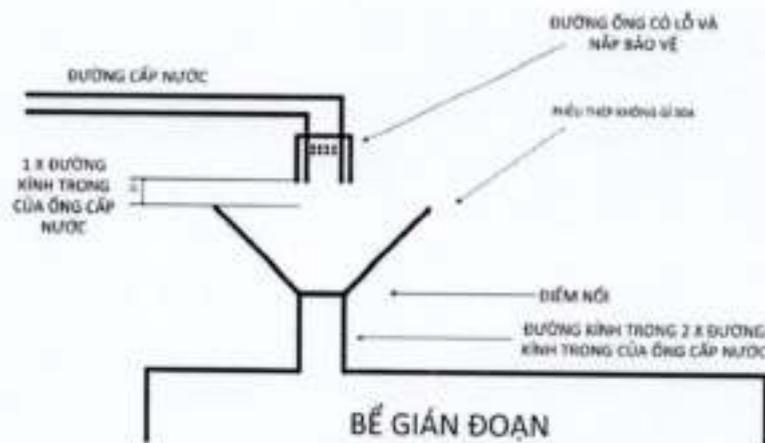


Hình 1: Các yêu cầu tối thiểu đối với Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt

Bể gián đoạn được làm đầy nhờ van điều khiển tự động đóng mở tùy thuộc mực nước trong bể gián đoạn. Bể gián đoạn có hai chức năng: Đảm bảo không để xảy ra hiện tượng nước bắn chảy ngược từ quy trình sản xuất vào hệ thống phân phối tiện ích và đảm bảo cho Bồn Sử Dụng Tiện Ích Nước có nguồn cấp nước dự phòng phục vụ sản xuất.

Đầu vào của bể gián đoạn được thiết kế theo nguyên tắc nêu trong Hình 2

ĐẦU VÀO CỦA BỂ



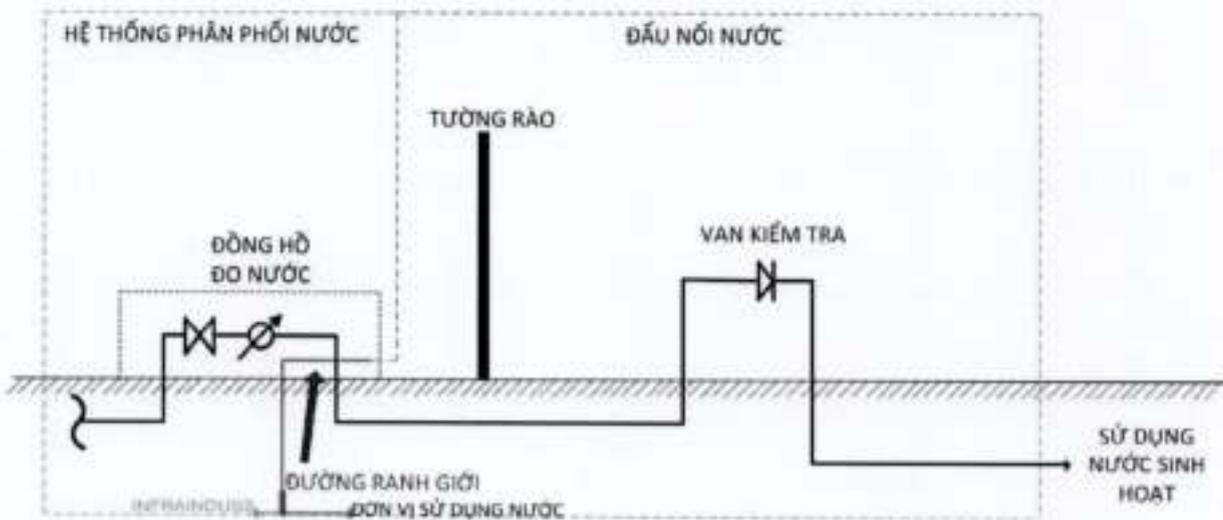
Hình 2: Đầu vào của bể gián đoạn

6.1.2 Đầu nối Tiện Ích Nước Sạch chỉ cho mục đích sinh hoạt:

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt phải thiết kế Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước như mô tả dưới đây. Vì mục đích cung cấp nước sạch ổn định tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, hệ thống đầu nối nước tới các Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế. Hình 3 thể hiện các yêu cầu tối thiểu của hệ thống đầu nối tiện ích nước cho mục đích sinh hoạt. Điểm đầu nối giữa “Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước” và “Hệ Thống Tiện Ích Nước” ở ngay dưới Hộp Đồng hồ công tơ. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước được tự do lắp đặt một bể đệm sau van một chiều tùy thuộc vào nhu cầu.

Các thiết bị bảo vệ tối thiểu đối với đầu nối nước sinh hoạt

- **Nước sinh hoạt:** một van một chiều.



Hình 3: Các yêu cầu tối thiểu của Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước phục vụ mục đích sinh hoạt

Các yêu cầu tối thiểu đối với Hệ Thống Tiện Ích Nước Sạch sinh hoạt gồm:

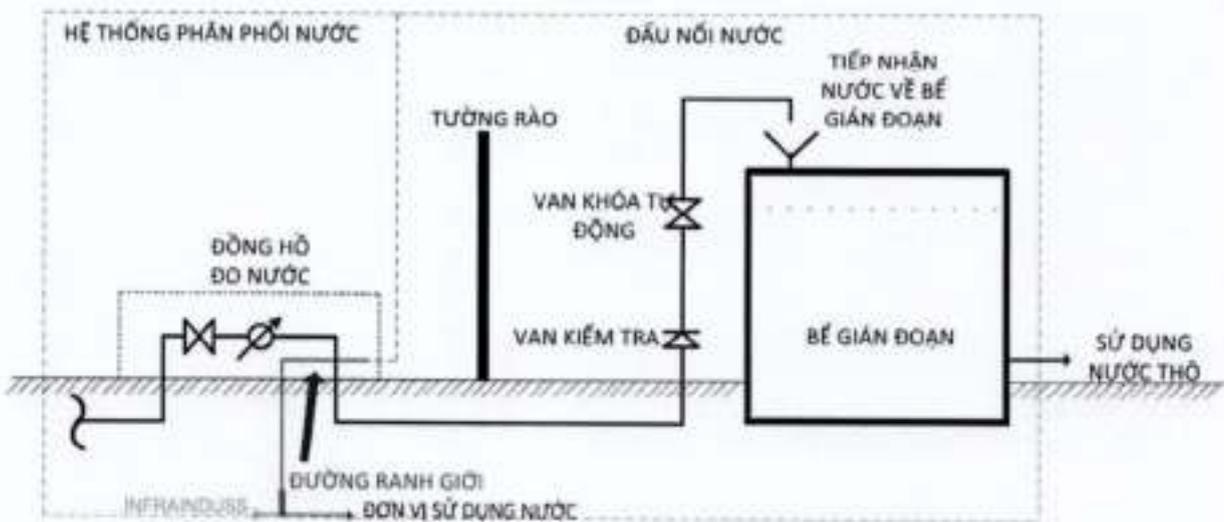
- Đường ống ngầm từ Điểm đầu nối đến khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước
- Van một chiều trước khi đầu nối vào nguồn nước sinh hoạt

6.2 Đầu nối Tiện ích nước thô

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sử dụng nước thô phải thiết kế Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước như mô tả dưới đây. Vì mục đích cung cấp nước thô ổn định tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, hệ thống đầu nối nước tới các Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế. Hình 4 và Hình 5 thể hiện các yêu cầu tối thiểu của Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước của nước thô. Điểm đầu nối giữa “Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước” và “Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước” ở ngay sau Hộp đồng hồ công tơ.

Các thiết bị an toàn tối thiểu cho nước thô:

- Nước thô: một van một chiều và bể gián đoạn



Hình 4: Các yêu cầu tối thiểu của Hệ thống đầu nối tiện ích nước của nước thô

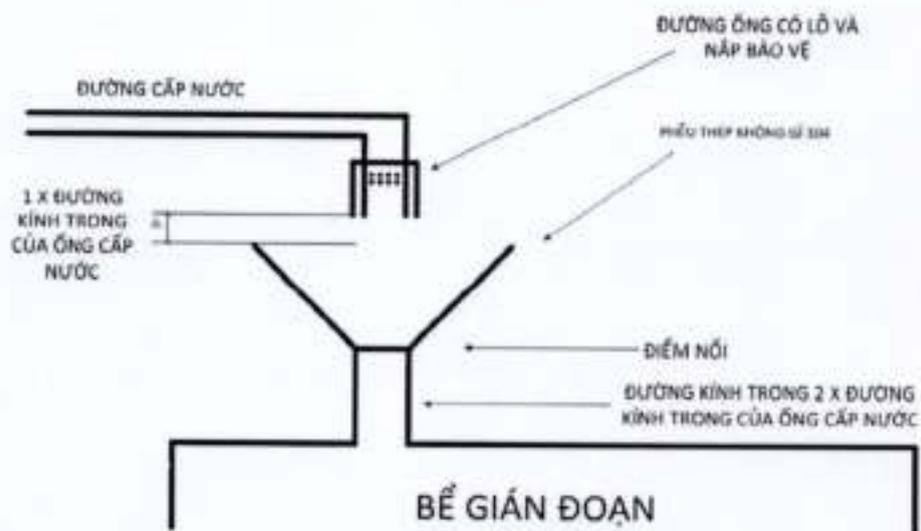
Các yêu cầu tối thiểu của Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước Thô dùng trong sản xuất gồm:

- Đường ống ngầm từ Điểm đầu nối đến lỗ đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước
- Đường ống ngầm và nổi từ hàng rào lỗ đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đến bể gián đoạn
- Bể gián đoạn có công suất đệm ước tính có thể sử dụng trong 48 giờ đối với các hoạt động công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau:
 - Có công tắc báo mức
 - Hệ thống làm đầy bể gián đoạn như được mô tả trong Hình 2
 - Đầu nối với nhà máy
 - Mãi che
- Van một chiều
- Van điều khiển tự động

Bể gián đoạn được làm đầy nhờ van điều khiển tự động đóng mở tùy thuộc mực nước trong bể gián đoạn. Với nguyên tắc hoạt động này bể gián đoạn có hai chức năng: Đảm bảo không để xảy ra hiện tượng nước bắn cháy ngược từ quy trình sản xuất vào hệ thống phân phối tiện ích và đảm bảo cho Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước có nguồn cấp nước thô dự phòng phục vụ sản xuất.

Đầu vào của bể gián đoạn được thiết kế theo nguyên tắc nêu trong Hình 5

ĐẦU VÀO CỦA BỂ



Hình 5: đầu nối nước bể gián đoạn

7 YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐẤU NỔI TIỆN ÍCH NƯỚC CỦA NƯỚC THẢI

7.1 Hệ thống thu gom nước thải trong lô đất

Hệ thống thu gom nước thải phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hệ thống thu gom nước thải nội bộ sẽ được đấu nối vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước dành cho nước thải trong Khu công nghiệp thông qua một hố lấy mẫu nước thải là một phần của hệ thống nội bộ. Chỉ duy nhất điểm đấu nối này được sử dụng để xả thải.
- Hệ thống thu gom nước thải nội bộ phải được thi công sao cho có thể ngăn ngừa ô nhiễm đất, nước ngầm và nước mặt.
- Hố lấy mẫu nước thải được thiết kế và đặt ở vị trí sao cho dễ tiếp cận để kiểm tra chất lượng nước thải. Hố này phải có một cửa cống phù hợp tại đầu ra trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung.
- IIV có quyền đến và lấy mẫu phân tích tại bất kỳ thời điểm nào.
- Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước cần có hệ thống chắn rác thải rắn vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước.
- Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải tuân thủ các điều khoản và điều kiện trong Hợp Đồng Tiện Ích Nước này và các giới hạn xả thải của Nước Thải Công Nghiệp Đã Xử lý Sơ Bộ nêu tại Phụ lục 1. Nếu cần thiết thì nước thải từ hoạt động công nghiệp của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải được xử lý sơ bộ trước khi thải vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước để đảm bảo nước thải đáp ứng các tiêu chuẩn nêu tại Phụ lục 1. Việc xử lý sơ bộ này là trách nhiệm của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước.
- Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước không được phép xả nước thải có chứa các chất sau đây:
 - Cặn lắng hay bùn
 - Vật liệu rắn
 - Các chất dễ cháy hay dễ nổ
 - Các chất không thể phân hủy bằng sinh vật (Synthetic polymers, MEG, surfactants,...)
 - Thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm
 - Chất tạo màu
 - Chất tạo mùi như: mercaptants, p-cresols, hydrogen sulfate, etc.
 - Các yếu tố có thể gây hư hỏng hệ thống ống nước thải hoặc tổn hại đến hệ vi sinh vật
 - Danh mục này mang tính chất trình bày và không giới hạn
- Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước có trách nhiệm thông báo cho IIV nếu nước thải không đáp ứng các tiêu chuẩn nêu tại Phụ lục 1 và ngay lập tức ngừng xả thải vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải chấp nhận kết quả phân tích tại phòng thí nghiệm của Việt Nam đã được cấp phép của bên thứ ba trong trường hợp nước thải không đạt tiêu chuẩn. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước có quyền lựa chọn bên thứ ba này. Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước chịu toàn bộ chi phí (trực tiếp và gián tiếp) liên quan đến việc xả nước thải không đạt tiêu chuẩn và phải thanh toán các loại phí nêu trong Hợp Đồng Tiện Ích Nước.

- Hồ lấy mẫu nước thải sẽ do Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước xây dựng trước khi đấu nối vào Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước. Thiết kế của hồ lấy mẫu nước thải được thể hiện trong các Hình 6, Hình 7 và Hình 8
- Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ bảo trì và làm vệ sinh Hồ lấy mẫu nước thải và Van Nước thải ít nhất 4 lần trong một năm và gửi thông báo bảo trì và vệ sinh này cho Bộ phận Tiện Ích Nước của DVIZ.
- Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước sẽ nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và các quy định liên quan đến nước thải, nước sạch và hành lang an toàn hệ thống thoát nước mưa. Hành lang an toàn hệ thống ống ngầm giữa nước thải, nước sạch và thoát nước mưa là 1 m.
- Nghiêm cấm xây dựng bể tự hoại có đầu ra xả ra khu vực đất dành cho thu gom nước thải
- Nghiêm cấm xả nước bị ô nhiễm, nước thải, rác thải rắn hoặc bất kỳ loại nước nào khác ngoại trừ nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa.

7.2 Nước - nước mưa - ô nhiễm

Nước mưa được thu gom trong hệ thống nước mưa được đưa thẳng ra sông hồ mà không qua xử lý.

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải đảm bảo rằng nước mưa được thu gom sao cho không có chất gây ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống thu gom nước mưa chung của Khu công nghiệp. Nước xả thải phải tuân thủ các yêu cầu về xả thải trực tiếp ra nguồn nước mặt mà không qua xử lý. Phải có các biện pháp phù hợp để tránh ô nhiễm dòng nước mưa trong khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước.

7.3 Xử lý nước thải

Khu công nghiệp đã xây dựng và vận hành Nhà Máy Xử Lý Nước Thải ứng dụng công nghệ xử lý hóa học và vi sinh. Tất cả nước thải được thu gom bên trong khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước được dẫn qua hệ thống thoát nước thải ngầm đến nhà máy để xử lý. Nước thải sau thu gom được xử lý trước khi xả ra nguồn nước mặt.

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước cần phải bảo trì hệ thống thu gom nước thải nội bộ tới Điểm đấu nối như mô tả trong Hình 7 để tránh bị tắc và không được xả nước thải cho bất kỳ bên thứ ba nào xử lý hoặc xả thải.

7.4 Đấu nối tiện ích nước cho nước thải

Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước phải thiết kế Hệ Thống Đấu Nối Tiện Ích Nước để thu gom nước thải như được mô tả dưới đây. Để đảm bảo xử lý nước thải an toàn và ổn định tại KCN Đình Vũ, hệ thống đấu nối nước thải với Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế. Hình 6, Hình 7, và Hình 8 thể hiện các yêu cầu tối thiểu của Hệ Thống Đấu Nối Tiện Ích Nước để thu gom nước thải. Điểm đấu nối giữa “Hệ Thống Phân Phối Tiện Ích Nước” và “Hệ Thống Đấu Nối Tiện Ích Nước” ở ngay sau Hồ lấy mẫu nước thải.

Các thiết bị an toàn tối thiểu đối với nước thải:

- Nước thải: van đóng xả nước thải
- Nước thải: Điểm lấy mẫu nước thải



Hình 6: Yêu cầu tối thiểu đối với Hệ thống đầu nối tiện ích nước của nước thải

Yêu cầu tối thiểu đối với Hệ thống đầu nối tiện ích nước của nước thải

- Đường ống ngầm từ khu đất của Bên Sử Dụng Tiện Ích Nước đến Điểm đầu nối
- Van đóng xả nước thải theo hình 7
- Điểm lấy mẫu nước thải để tạo thuận lợi cho việc lấy mẫu nước thải

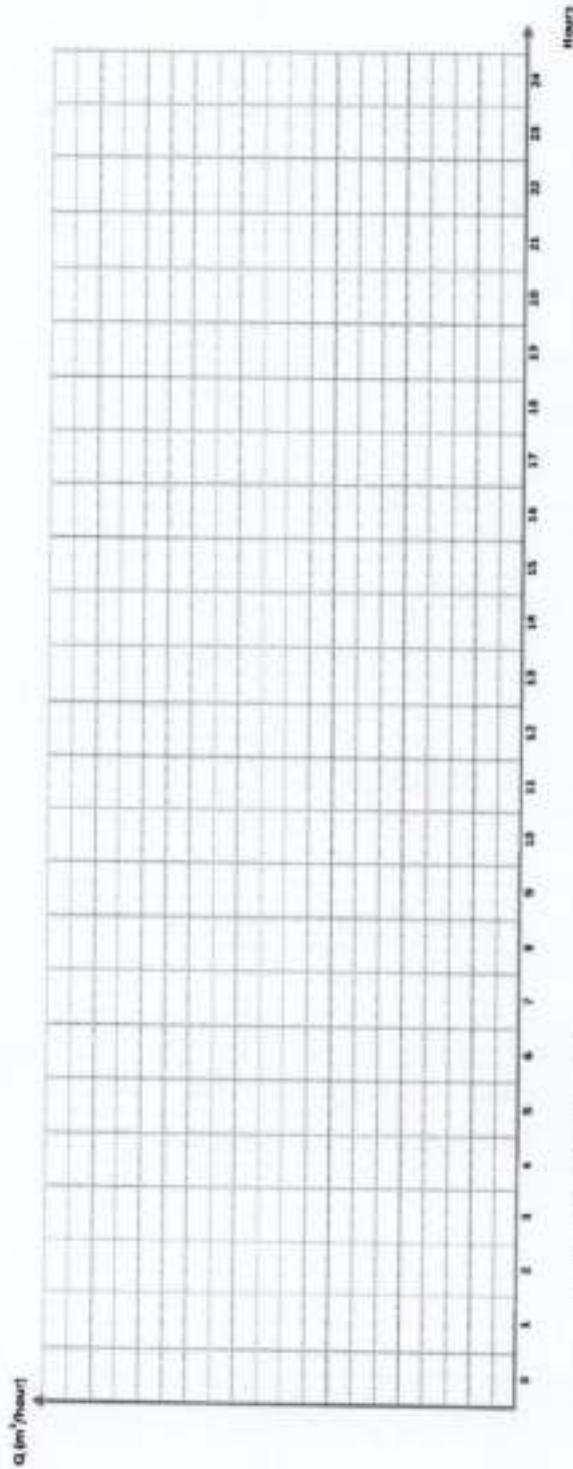
Phụ lục 1: Các giới hạn xả thải của nước thải đã qua xử lý sơ bộ trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của Hệ Thống Phân Phối Tiệp Ích Nước

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	Temperature	oC	45
2	pH	-	5-9
3	Smell	-	-
4	Colour (Co – Pt at pH = 7)	-	-
5	BOD5 (20oC)	mg/l	500
6	COD	mg/l	500
7	Suspended solid (TSS)	mg/l	500
8	Arsenic (As)	mg/l	0.1
9	Mercury (Hg)	mg/l	0.01
10	Lead (Pb)	mg/l	0.5
11	Cadmium (Cd)	mg/l	0.1
12	Chrome (VI) (Cr VI)	mg/l	0.1
13	Chrome (III) (Cr III)	mg/l	1
14	Copper (Cu)	mg/l	2
15	Zinc (Zn)	mg/l	3
16	Nikel (Ni)	mg/l	0.5
17	Manganese (Mn)	mg/l	1
18	Iron (Fe)	mg/l	5
19	Tin (Sn)	mg/l	1
20	Cyanide (CN)	mg/l	0.1
21	Phenol	mg/l	0.5
22	Mineral Oil and Grease (Petrolatum)	mg/l	10
23	Vegetable Oil and Grease	mg/l	30
24	Residual Chlorine	mg/l	2
25	PCB	mg/l	0.01
26	Organophosphorus Pesticides	mg/l	0.3
27	Organochlorinated Pesticides	mg/l	0.1
28	Sulfide ion	mg/l	0.5
29	Fluoride (F)	mg/l	10
30	Chloride (Cl)	mg/l	1000
31	Ammonium (NH4) (as N)	mg/l	10
32	Total Nitrogen (N)	mg/l	40
33	Total Phosphorus (P)	mg/l	6
34	Coliform	MPN/100ml	10,000
35	Total α – ray Activity	Bq/l	0.1
36	Total β – ray Activity	Bq/l	1

Phụ lục 2: Biểu đồ phụ tải tiện ích nước

Water Utilities Load Chart

Customer: _____
 From: Day _____ Month _____ Year _____
 To: Day _____ Month _____ Year _____



Signature Representative Seller

Signature Representative Buyer

IN PRINCIPLE AGREEMENT

Whereas:

- In principle agreement signed on 30/8/2017 between Dinh Vu Industrial Zone Joint Stock Company and Hai Phong Industrial Park Joint Stock Company on connection and use of utilities;
- In principle agreement signed on 30/8/2017 between Dinh Vu Industrial Zone Joint Stock Company and Hong Duc Industry Joint Stock Company on connection and use of utilities;
- Power business transfer agreement signed on 17/11/2017 between Dinh Vu Industrial Zone Joint Stock Company and Deep C green Energy (Vietnam) Company Limited;
- Cooperation agreement on management, operation and use of Wastewater treatment plant at land plot KT02/CN 5.6 and water supply, wastewater collection and treatment network and facilities within Dinh Vu Industrial Zone which was signed on 10/2/2015 between Dinh Vu Industrial Zone Joint Stock Company and Infra Induss (Hong Kong) Limited – that transferred internally to its 100% foreign owned subsidiary in Vietnam, being Infra Induss Vietnam Company Limited (now named as "Deep C Blue Hai Phong Company Limited");

This agreement is signed on 21st May, 2018, by and between:

1. DINH VU INDUSTRIAL ZONE JOINT STOCK COMPANY

Representatives: Mr. Frank Wouters, General Director and Mr. Nguyen Ba Dau, First Deputy General Director

Address: 5th Floor, Harbour View Tower, 12 Tran Phu, May To ward, Ngo Quyen district, Hai Phong.

Tax code: 0200116717

Hereinafter referred as "DVIZ".

2. HAI PHONG INDUSTRIAL PARK JOINT STOCK COMPANY

Represented by: Ms. Nguyen Thi Hoa, under the POA of the General Director

Address: 4th Floor, Harbour View Office Tower, No. 12 Tran Phu, May To ward, Ngo Quyen district, Hai Phong.

THỎA THUẬN NGUYÊN TẮC

Xét vì:

- Thỏa thuận nguyên tắc ký ngày 30/8/2017 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng về việc đấu nối và sử dụng các hệ thống tiện ích;
- Thỏa thuận nguyên tắc ký ngày 30/8/2017 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ và Công ty Cổ phần Công nghiệp Hồng Đức về việc đấu nối và sử dụng các hệ thống tiện ích;
- Hợp đồng chuyển nhượng việc kinh doanh điện ký ngày 17/11/2017 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ và Công ty TNHH Năng lượng xanh Deep C (Việt Nam);
- Thỏa thuận hợp tác về việc quản lý, vận hành và sử dụng Nhà máy xử lý nước thải tại khu đất KT02/CN 5.6 cùng với hệ thống và trang thiết bị cấp nước, thu gom và xử lý nước thải trong Khu công nghiệp Đình Vũ ký ngày 10/2/2015 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ và Công ty TNHH Infra Induss (Hong Kong) – đã chuyển nhượng nội bộ cho công ty con với 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam là Công ty TNHH Infra Induss Việt Nam (nay gọi là "Công ty TNHH Deep C Blue Hải Phòng");

Thỏa thuận này được ký ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các bên:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ

Đại diện: Ông Frank Wouters, Tổng giám đốc và Ông Nguyễn Bá Dâu, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà văn phòng Harbour View, 12 Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200116717

Dưới đây gọi tắt là "DVIZ".

2. CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Hoa, thừa ủy quyền của Tổng giám đốc

Địa chỉ: Tầng 4, Khu văn phòng Harbour View, Số 12 Trần Phú, Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Tax code: 0200788973

Hereinafter referred as "HPIP".

3. HONG DUC INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

Represented by: Mr. Ruben Baeckelandt under the POA of the General Director No.06/2018/PoA dated 16/5/2018

Address: 4th Floor, Harbour View Office Tower, No. 12 Tran Phu, May To ward, Ngo Quyen district, Hai Phong.

Tax code: 0201123192

Hereinafter referred as "HDIZ".

4. DEEP C GREEN ENERGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED

Representatives: Mr. Hans Kersten under the POA of the General Director

Address: 9th Floor, Harbour View Tower, 12 Tran Phu, May To ward, Ngo Quyen district, Hai Phong.

Tax code: 0201813710

Hereinafter referred as "DEEP C GREEN".

5. DEEP C BLUE HAI PHONG COMPANY LIMITED

Represented by: Mr. Niels Hubert, Director

Address: Land plot No.KT02 in Dinh Vu Industrial Zone, Dinh Vu – Cat Hai Economic Zone, Dong Hai 2 ward, Hai An district, Hai Phong city

Tax code: 0201631911

Hereinafter referred as "DEEP C BLUE".

Parties agree to sign this In-principle agreement on the flowing terms and conditions:

1. In the first phase of Deep C 2A and Deep C 2B Industrial Zone development (hereinafter referred to as "Deep C2"), HPIP and HDIZ signed an agreement with DVIZ on the temporary connection and use of utilities

Mã số thuế: 0200788973

Dưới đây gọi tắt là "HPIP".

3. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HỒNG ĐỨC

Đại diện: Ông Ruben Baeckelandt, thừa ủy quyền của Tổng giám đốc theo Giấy ủy quyền số 06/2018/PoA ngày 16/5/2018

Địa chỉ: Tầng 4, Khu văn phòng Harbour View, Số 12 Trần Phú, Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0201123192

Dưới đây gọi tắt là "HDIZ".

4. CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG XANH DEEP C (VIỆT NAM)

Đại diện: Ông Hans Kerstens, thừa ủy quyền của Tổng giám đốc

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà văn phòng Harbour View, 12 Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Mã số thuế: 0201813710

Dưới đây gọi tắt là "DEEP C GREEN".

5. CÔNG TY TNHH DEEP C BLUE HẢI PHÒNG

Đại diện: Ông Niels Hubert, Giám đốc

Địa chỉ: Lô đất KT 02 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0201631911

Dưới đây gọi tắt là "DEEP C BLUE".

Các bên cùng thống nhất ký kết Thỏa thuận nguyên tắc này với những điều, khoản sau:

1. Trong giai đoạn đầu triển khai dự án Khu công nghiệp (KCN) Deep C 2A và KCN Deep C 2B (sau đây gọi chung là KCN "Deep C2"), HPIP và HDIZ đã có thỏa thuận với DVIZ tạm thời đầu nối và sử dụng hệ thống tiện ích từ

from Dinh Vu Industrial Zone (“**Deep C1**”) including: water supply, wastewater collection and treatment, power supply. For the utilities connection, DVIZ shall invest into “Utilities pipelines connecting to HDIZ/HPIP (Deep C2)” construction project comprising of utilities pipelines from Deep C1 crossing the box culvert on Tan Vu – Lach Huyen road at Km3+360 to the land boundary of Deep C2 and related equipment (“**Project**”).

2. Investment and construction for the Project and relevant legal procedures for utilities connection shall be temporarily executed by DVIZ.

3. Upon the construction completion, water facilities including: pipelines and equipment for water supply, wastewater collection and treatment (“**Water infrastructure**”) shall be handed over to Deep C Blue.

Operations, maintenance and repair of Water infrastructure shall be carried out by Deep C Blue.

Costs for investment and construction of Water infrastructure shall be reimbursed to DVIZ by Deep C Blue.

4. Power facilities including: power supply pipelines and equipment (“**Power infrastructure**”) shall be handed over to Deep C Green.

Operations, maintenance and repair of Power infrastructure shall be carried out by Deep C Green.

Costs for investment and construction of Power infrastructure shall be reimbursed to DVIZ by Deep C Green.

5. Other construction costs shall be reimbursed to DVIZ by HPIP and HDIZ with the ratio of 70% (HPIP) and 30% (HDIZ) respectively.

6. HPIP and HDIZ shall sign the utility contract on water with Deep C Blue and utility contract on power with Deep C Green. Contractual terms, connection fee and service fee will be specific in the Utilities contract.

KCN Đình Vũ (“**KCN Deep C1**”) gồm: cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, cấp điện. Để kết nối hệ thống các đường ống tiện ích kỹ thuật giữa các KCN, DVIZ sẽ tiến hành đầu tư, xây dựng dự án “Đường tiện ích kết nối HDIZ/HPIP (Deep C2)” gồm tuyến ống tiện ích kỹ thuật từ KCN Deep C1 qua cống hộp kỹ thuật trên đường Tân Vũ – Lạch Huyện tại lý trình Km3+360 đến ranh giới biên đất KCN Deep C2 và các thiết bị liên quan (“**Dự án**”).

2. Các chi phí đầu tư xây dựng Dự án và các thủ tục pháp lý đầu nối liên quan trước mắt sẽ do DVIZ thực hiện.

3. Sau khi hoàn thiện thi công, DVIZ sẽ tiến hành bàn giao hệ thống hạ tầng nước gồm: hệ thống đường ống và các thiết bị cung cấp và phân phối nước sạch, thu gom và xử lý nước thải (“**Hệ thống nước**”) cho Deep C Blue.

Việc vận hành, bảo trì, duy tu và sửa chữa Hệ thống nước sẽ do Deep C Blue thực hiện.

Deep C Blue sẽ hoàn trả lại cho DVIZ các chi phí liên quan đến việc đầu tư xây dựng hệ thống trên.

4. DVIZ cũng sẽ bàn giao hạ tầng điện gồm: hệ thống đường ống và các thiết bị phục vụ cung cấp và phân phối điện (“**Hệ thống điện**”) cho Deep C Green.

Việc vận hành, bảo trì, duy tu và sửa chữa Hệ thống điện trên sẽ do Deep C Green thực hiện.

Deep C Green sẽ hoàn trả lại cho DVIZ các chi phí liên quan đến việc đầu tư xây dựng hệ thống trên.

5. Các chi phí xây dựng còn lại sẽ do HPIP và HDIZ hoàn trả lại cho DVIZ theo tỷ lệ lần lượt là 70% (HPIP) và 30% (HDIZ).

6. HPIP và HDIZ sẽ ký Hợp đồng tiện ích nước với Deep C Blue và Hợp đồng tiện ích điện với Deep C Green. Các điều khoản, chi phí đầu nối và đơn giá tiện ích sẽ được xác định cụ thể khi các bên ký kết Hợp đồng tiện ích.

- This Agreement may not be amended or modified except by a written instrument executed by the Parties.

- Parties commit to implement provisions stated in this agreement.

- This Agreement shall come into force as from the date of signing.

- This Agreement is made in 05 originals in English and Vietnamese of equal legal value, each party shall keep 01 original to implement.

- Thỏa thuận này sẽ không được điều chỉnh hay sửa đổi trừ khi việc điều chỉnh hay sửa đổi này được thể hiện bằng văn bản được ký bởi Các Bên.

- Các bên cam kết thực hiện các điều đã nêu trong thỏa thuận này.

- Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Thỏa thuận này được làm thành 05 bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

For and on behalf of Dinh Vu Industrial Zone JSC
Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ



Ông Frank Wouters Ông Nguyễn Bá Dầu

For and on behalf of Deep C Green Energy
Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Năng lượng xanh Deep C (Việt Nam)



Ông Hans Kerstens

For and on behalf of Hai Phong Industrial Park JSC
Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng



Bà Nguyễn Thị Hoa

For and on behalf of Deep C Blue Hai Phong Co., Ltd.
Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Deep C Blue Hải Phòng



Ông Niels Hubert

For and on behalf of Hong Duc Industry JSC
Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Hồng Đức



Ông Ruben Baeckelandt



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

Mã số thuế: 0200811608

Địa chỉ: Lô Đất Số CN4.4E, Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02252299201

Website: vhe.com.vn

Số tài khoản:

tại



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: IC23TVH

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Số: 29

Ngày 24 tháng 03 năm 2023

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHH

Mã số thuế: 0202176461

Địa chỉ: Thôn Kiêu Đông (tại nhà bà Nguyễn Thị Thuần), xã Hồng Thái, huyện An Dương, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Thép phế liệu các loại	Kg	19.095,95	9.272	177.057.648
Cộng tiền hàng:					177.057.648
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	17.705.765
Tổng cộng tiền thanh toán:					194.763.413

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm chín bốn triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm mười ba đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid

KỶ HAI CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

Ký ngày 24/03/2023

Kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MNE: 0100109100

Trụ sở của hóa đơn điện tử tại Hà Nội: <https://viettel.com.vn/infocenter/monet-service>, Mã số M

số: 214GD3EQDXUQAAR, Mã số cơ quan thuế: 034FF02598A7FD4288B3FB8667185B31F7

BIÊN BẢN GIAO NHẬN PHÉ LIỆU THANH LÝ

Hôm nay, ngày 24/03/2023, tại văn phòng công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn, chúng tôi gồm có:

Bên A: **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN (Bên giao)**

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải phòng

Điện thoại: 0225-2299-202

Đại diện: Nguyễn Thị Ngọc Lan

Chức vụ: Nhân viên mua bán

Bên B: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHH (Bên nhận)**

Địa chỉ: Thôn Kiều Đông (tại nhà bà Nguyễn Thị Thuận), xã Hồng Thái, huyện An Dương, Hải Phòng

Điện thoại:

Đại diện:

Chức vụ:

Hai bên cùng nhau thống nhất thanh lý phế liệu như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thanh lý phế liệu	Kg	19,095.95	9,272	177,057,648	
Tổng cộng						177,057,648
VAT (10%)						17,705,765
Tổng tiền						194,763,413

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHH



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Cường

TỈNH/THÀNH PHỐ **HẢI PHÒNG** BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT
 Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HẠN**
 Địa chỉ văn phòng: Lô CN 4. 4E KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng.
 Địa chỉ cơ sở: Lô CN 4. 4E KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng.

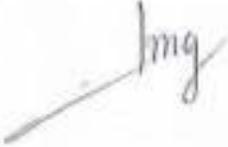
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG**
 Địa chỉ văn phòng: Số 49, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
 Địa chỉ cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân, Khu đầm Ao La, Xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	Khối lượng chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp thông thường	1100	
2	Chất thải sinh hoạt		
3			

4. Biên kiểm soát: 155... 081.29

5. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

<p>Hải Phòng, ngày 14 tháng 12 năm 2023</p> <p>BÊN GIAO</p> <p>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p> <p></p> <p>Duong Thi Minh Nguyen</p>	<p>Hải Phòng, ngày 14 tháng 12 năm 2023</p> <p>BÊN NHẬN</p> <p>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p> <p></p> <p>Tran Van Trung</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỬ CHẤT THÁI NGUY HẠI
Số : 2767 /2024/191/GPMT-BTNMT

1. Chủ CSDV XL CTNH 1: Công ty TNHH Tân Thuận Phong Số GPMT: 191/GPMT-BTNMT
 Địa chỉ văn phòng: Km8, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Tp Hải Phòng ĐT: 0225 3589 152
 Địa chỉ cơ sở: Lô CN4, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, Tp Hải Phòng ĐT: 0225 3589 152

2. Chủ CSDV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng: ĐT:
 Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn Mã số QLCTNH: 31.00112.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô đất số CN4.3E KCN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng ĐT: 0225 2299202
 Địa chỉ cơ sở: Lô đất số CN4.3E KCN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng ĐT: 0225 2299202

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [*]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	330	TĐ
2	Que hàn thái có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01	370	TĐ
3	Các vật liệu mài dạng hạt có các thành phần nguy hại	x			07 03 08	270	TĐ
4	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02	230	TĐ
5	Mực in thái có thành phần nguy hại	x			08 02 01	10	TĐ
6	Cặn sơn, sơn và véc ni thái có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	x			08 01 01	450	TĐ
7	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	x			07 03 10	180	TĐ
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thái	x			12 01 04	5	TĐ
9	Bóng đèn huỳnh quang thái	x			16 01 06	5	Phá dỡ, HR
10	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thái		x		17 02 03	10	PT, TC
11	Bao bì cứng thái bằng nhựa có thành phần nguy hại	x			18 01 03	150	Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng thái bằng kim loại có thành phần nguy hại	x			18 01 02	220	Súc rửa, TC
13	Phoi từ quá trình gia công có lẫn dầu và nhũ tương	x			07 03 11	260	PT, TC
14	Phế liệu kim loại bị nhiễm thành phần nguy hại	x			11 04 01	520	PT, TC

^{*} Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C - 34232	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ CSDV XLCTNH 1: Đào Phú Kế		Ký: <i>ki</i>	Ngày: 10 / 10 / 2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ CSDVXLCTNH 2:		Ký:	Ngày:
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2024 <i>huy</i>  CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC <i>Đào Đăng Kiên</i> (Ký, Ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)		8. Chủ CSDV XLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2024  PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Bùi Đức Huy</i> (Ký, Ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)	
Liên số: 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input checked="" type="checkbox"/>			

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số : 3304 /2024/191/GPMT-BTNMT

1. Chủ CSDV XL CTNH 1: Công ty TNHH Tân Thuận Phong Số GPMT: 191/GPMT-BTNMT
 Địa chỉ văn phòng: Km8, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Tp Hải Phòng ĐT: 0225 3589 152
 Địa chỉ cơ sở: Lô CN4, KCN Nam Cầu Kiển, xã Kiển Bái, huyện Thủy Nguyên, Tp Hải Phòng ĐT: 0225 3589 152

2. Chủ CSDV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng: ĐT:
 Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn Mã số QLCTNH: 31.00112.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô đất số CN4.3E KCN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng ĐT: 0225 2299202
 Địa chỉ cơ sở: Lô đất số CN4.3E KCN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng ĐT: 0225 2299202

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	250	TĐ
2	Que hàn thái có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01	290	TĐ
3	Các vật liệu mài dạng hạt có các thành phần nguy hại	x			07 03 08	160	TĐ
4	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02	200	TĐ
5	Mực in thái có thành phần nguy hại	x			08 02 01	10	TĐ
6	Cặn sơn, sơn và véc ni thái có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	x			08 01 01	290	TĐ
7	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	x			07 03 10	145	TĐ
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thái	x			12 01 04	5	TĐ
9	Bóng đèn huỳnh quang thái	x			16 01 06	5	Phá dỡ, HR
10	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thái		x		17 02 03	10	PT, TC
11	Bao bì cứng thái bằng nhựa có thành phần nguy hại	x			18 01 03	150	Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng thái bằng kim loại có thành phần nguy hại	x			18 01 02	195	Súc rửa, TC
13	Phoi từ quá trình gia công có lẫn dầu và nhũ tương	x			07 03 11	200	PT, TC
14	Phế liệu kim loại bị nhiễm thành phần nguy hại	x			11 04 01	350	PT, TC

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (so chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 16N - 3792	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ CSDV XLCTNH 1: Nguyễn Xuân Hiếu Ký:..... Ngày: 23 / 11 /2024	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ CSDVXLCTNH 2 :.....Ký:.....Ngày:	
<p>6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)</p> <p>Hải Phòng, ngày 23 tháng 11 năm 2024</p>  <p>CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Đào Đăng Kiên</i></p> <p>(Ký, Ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)</p>	<p>8. Chủ CSDV XLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4</p> <p>Hải Phòng, ngày 23 tháng 11 năm 2024</p>  <p>PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Bùi Đào Huy</i></p> <p>(Ký, Ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)</p>
Liên số: 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input checked="" type="checkbox"/>	

Số: 995 /QĐ-XPHC

Hải Phòng, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-GQXP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 26/BB-VPHC ngày 27 tháng 02 năm 2025 do Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường lập;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 31/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu đất CN 4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mã số doanh nghiệp 0200811608, đăng ký lần đầu ngày 06/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Số GCN đăng ký đầu tư số 3812648404; ngày cấp 16/3/2016; nơi cấp: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Đăng Kiên; Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc.



2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường theo quy định (trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Cụ thể: Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí VHE (tại lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An) của Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn đã đi vào hoạt động chính thức từ tháng 11/2017, nhưng không có giấy phép môi trường theo quy định.

3. Quy định tại: điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Cụ thể: Phạt tiền với mức phạt **320.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

b) Hình thức phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn trong thời hạn 4,5 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này (theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ).

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

Không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: “Buộc di dời dự án đầu tư, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp vi phạm không có giấy phép môi trường được cấp theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án đầu tư, cơ sở không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được phê duyệt theo quy định” quy định tại điểm d Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định.

Lý do: không đủ căn cứ xác định địa điểm đang hoạt động của Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Đào Đăng Kiển là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng (nay là Kho bạc Nhà nước khu vực III) hoặc tại các Ngân hàng Thương mại nơi Kho bạc Nhà nước nhận khoản thu phạt theo thông tin nộp ngân sách nhà nước như sau:

Tài khoản số 7111, mã số ĐVQHNS: 1048998; Mã chương 426; Mã nội dung kinh tế (mã tiểu mục): 4261 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Sau khi chấp hành nộp tiền phạt, Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn gửi chứng từ về Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

b) Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định xử phạt vi phạm này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước khu vực III để theo dõi, tổng hợp tiền phạt.

3. Gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để chủ trì tổ chức thực hiện đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải do không có giấy phép môi trường của cơ sở theo Điều 69, Điều 70 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

5. Gửi cho Ủy ban nhân dân quận Hải An để biết và phối hợp đơn đốc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch;
- PCT Hoàng Minh Cường;
- Các Sở: NN&MT, TP;
- CVP, PCVP P.A. Tuấn;
- Các phòng NNINMT, NCKTGS;
- Lưu: VT, MT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Quyết định đã giao trực tiếp cho ông Đào Đăng Kiên đại diện của Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn bị xử phạt vào hồi... giờ....phút, ngày/.../2025.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)



Vietcombank - CHI NHÁNH HỒNG BANG - HỒI SỐ 16698
Địa chỉ: SỐ 90 TRẦN QUANG KHAI, P HOANG VAN THU, Q HONG BANG, TP HAI PHONG

BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Áp dụng đối với trường hợp nộp thuế, lệ phí, phí và thu phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật)

Mẫu số: 01C
Ngày ban hành: 01/10/2018
Số Serial: HPH012425
Số biên lai: 0008629



Thu phạt [] Nội dung phạt:
Thu phí, lệ phí [] Tên loại phí, lệ phí:
Thu thuế []
Người nộp: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT Mã số thuế/ số CMND/HC: 0200811608
Địa chỉ: KHU DÁT CH, KẾ KON DƯM VU DONG HAI 2 Q. HAI AN HAI PHONG, Huyện: Tỉnh:
Theo Quyết định/Thông báo số: 995/QĐ-XPHC, ngày 24/03/2025 của cơ quan 1045359-VBND, thành phố Hải Phòng
Đơn vị nhận tiền:

STT	Nội dung các khoản nộp NS/Phí định danh hồ sơ (ID)	Số tiền
1	Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khác QĐ số 995/QĐ-XPHC mã DVQHNS 1048999 Chương 428 TM 4251	320,000,000VND
Tổng cộng:		320,000,000VND

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng

Người nộp tiền
(Ký tên)

Ngày 04 tháng 04 năm 2025
Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)
Giao dịch viên Kiểm soát viên

(Handwritten signatures)

LE THI THU TRANG PHAM VIET HUNG



Phần ngân hàng in:
Số tham chiếu: 166025405H4820ET 14
31TTT-Thành phố Hải Phòng-TP HAI PHONG 16698-CHI NHÁNH HỒNG BANG - HỒI SỐ
trangtt5.hung.phamviet 04/04/2025 15:22:12 Thu Ngân sách Nhà nước
Phần Ngân hàng: 0VND VAT:10.00% 0VND T_Phí: 0VND



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ...11... giờ ...32... ngày ...8... tháng ...8... năm 2022.

Tại (1) Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: (1)

Ông (Bà): Nguyễn Văn Trọng Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): Nguyễn Thị Thúy Hằng Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

..... Tối nắng, không mưa

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

..... Hoạt động bình thường (>50% công suất)

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1	KK1	Không khí tại khu vực xưởng làm sạch	2302992	606163	
2	KK2	Không khí tại khu vực xưởng chính	2302985	606063	
3	KT	Khí thải sau hệ thống lọc bụi cyclone	2303009	606165	



Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X (m)	Y (m)	
4	NT	Nước thải tại hố ga cuối trước khi xả thải	230 2349	606 237	

Thông tin khác:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi 7 giờ 45 phút và kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút cùng ngày.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành hai (0.2) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Nguyễn Văn Trọng

ĐẠI DIỆN

.....

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**

Nguyễn Thị Thúy Hằng

ĐẠI DIỆN

.....

ĐẠI DIỆN

.....

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.234/20.03.2023_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 08/03/2023
- Thời gian phân tích : 08/03/2023 đến ngày 20/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	28	29	18-32 ⁽¹⁾
2.	Độ ẩm	%		65	62	40-80 ⁽¹⁾
3.	Tốc độ gió	m/s		0,2	0,3	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	72	81	85 ⁽²⁾
5.	Bụi lơ lửng	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL3)	0,161	0,113	8 ⁽³⁾
6.	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019 /BYT (PL50)	3,97	4,81	20
7.	SO ₂	mg/m ³		0,44	0,79	5
8.	NO ₂	mg/m ³		0,31	0,50	5
9.	C ₆ H ₁₂ (tính theo Cyclohexane)	mg/m ³	NIOSH 1500	<0,018	<0,018	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + KK1: Không khí khu vực xưởng làm sạch. Tọa độ: X(m)=2302997; Y(m)=606163
- + KK2: Không khí khu vực xưởng chính. Tọa độ: X(m)=2302981; Y(m)=606063

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2023



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Không Minh Thành

-/-: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT.235/20.03.2023_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
2. Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ,
phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
3. Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
4. Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
6. Ngày lấy mẫu : 08/03/2022
7. Thời gian phân tích : 08/03/2022 đến ngày 20/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT	
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA method 5	21	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Không khí sau hệ thống lọc bụi cyclone. Tọa độ: X(m)=2303009; Y(m)=606135

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Không Minh Thanh

HAI VIET

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.236/20.03.2023_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 08/03/2023
- Thời gian phân tích : 08/03/2023 đến ngày 20/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	TC KCN Đình Vũ
				NT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	5-9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	53	500
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	650	-
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	45	500
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	2,66	-
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,12	0,5
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,18	-
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,29	5
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6626-1:2009	0,07	-
10.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,4	30
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2000	10.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải tại hồ ga cuối trước khi xả thải. Tọa độ: X(m)=2302949; Y(m)=606237

- Quy chuẩn so sánh:

TC KCN Đình Vũ: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2023



GIÁM ĐỐC
Không Minh Chánh

-.-: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ...17... giờ ...00... ngày ...09... tháng ...06... năm 20.23

Tại ⁽¹⁾: Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU:⁽¹⁾

Ông (Bà): ...*Nguyễn Văn Tỷ*... Chức vụ: ...*Đ. Viên*...

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): ...*Hồng Văn An*... Chức vụ: ...*Nhân Viên*...

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....*Đã kiểm tra*.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....*Hoạt động bình thường*.....

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1	KK1	Mẫu khí tại Khu vực xưởng làm sạch	<i>2302997</i>	<i>606163</i>	
2	KK2	Mẫu khí tại Khu vực xưởng chính	<i>2302981</i>	<i>606063</i>	
3	NT	Nước thải tại hố ga cuối trước khi xả thải	<i>2302999</i>	<i>606237</i>	



Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
4	KT	Khí thải sau hệ thống lọc bụi cyclone	2303079	606135	

Thông tin khác:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi 13 giờ 28 phút và kết thúc vào hồi 17 giờ 02 phút cùng ngày.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành hai (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Nguyễn Văn Dũng

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU

Nguyễn Văn An

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.974/21.06.2023_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 09/06/2023
- Thời gian phân tích : 09/06/2023 đến ngày 21/06/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/ BYT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	31	31	18-32 ⁽³⁾
2.	Độ ẩm	%		64	66	40-80 ⁽³⁾
3.	Tốc độ gió	m/s		0,3	0,4	0,2 – 1,5 ⁽³⁾
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	73	79	85 ⁽²⁾
5.	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL3)	0,06	0,23	8 ⁽¹⁾
6.	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019 /BYT (PL50)	2,672	3,817	20
7.	SO ₂	mg/m ³		0,262	0,349	5
8.	NO ₂	mg/m ³		0,251	0,376	5
9.	Xyclohexan	mg/m ³	NIOSH 1500	<0,08	<0,08	500 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KK1: Mẫu khí tại khu vực xưởng làm sạch. Tọa độ: X(m)=2302997; Y(m)= 606163

+ KK2: Mẫu khí tại khu vực xưởng chính. Tọa độ: X(m)=2302981; Y(m)=606063

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc theo ca làm việc);

+ ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;

+ ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ ⁽³⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ ⁽⁴⁾ 3733/2002/BYT: Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 5 nguyên tắc, 7 thông số vệ sinh lao động (Trung bình 8 giờ).

Hải Phòng, ngày 21 tháng 06 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Không Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



HAI VIET

VIMCERTS 312

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT
 Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Dương, Hải Phòng
 Điện thoại: (0225) 3737499 Email: haiviet.hp88@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.976/21.06.2023_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
 2. Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
 3. Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
 4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 6. Ngày lấy mẫu : 09/06/2023
 7. Thời gian phân tích : 09/06/2023 đến ngày 21/06/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	TC KCN Đình Vũ
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	5-9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	47	500
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	516	-
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	48	500
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	2,17	-
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,09	0,5
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,35	-
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	2,96	5
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6626-1:2009	0,09	-
10.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	30
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.300	10.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải tại hố ga cuối trước khi xả thải. Tọa độ: X(m)=2302949; Y(m)=606237

- Quy chuẩn so sánh:

TC KCN Đình Vũ: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Không Minh Thành

- "-: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thí nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT-VS-2024-001

1. Tên đơn vị: Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Nam
 2. Địa chỉ: 123 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
 3. Ngày phân tích: 15/10/2024
 4. Người phân tích: Nguyễn Văn A
 5. Thời gian phân tích: 02 ngày

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Giá trị phân tích	Giá trị chuẩn (T)	Đánh giá
1	PH	mg/l	10.5	10	Đạt
2	TS	mg/l	15	15	Đạt
3	SS	mg/l	20	20	Đạt
4	BOD ₅	mg/l	120	120	Đạt
5	COD	mg/l	250	250	Đạt
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	0.5	0.5	Đạt
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	10	10	Đạt
8	NO ₂ ⁻ -N	mg/l	0.2	0.2	Đạt
9	Cl ⁻	mg/l	100	100	Đạt
10	Độ đục (NTU)	mg/l	10	10	Đạt
11	Coliform	CFU/100ml	100	100	Đạt

Chữ ký:

Nguyễn Văn A

1.7. Nếu cần thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ: 090 123 4567 (Số điện thoại)
 - Địa chỉ: 123 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
 Đơn vị phân tích: Công ty Cổ phần Công nghệ Số Đào tạo và Tư vấn

Ngày phân tích: 15/10/2024

CHỖ CHỮ KÝ

(Khu vực để chữ ký và đóng dấu)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT.975/21.06.2023_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 09/06/2023
- Thời gian phân tích : 09/06/2023 đến ngày 21/06/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KT)	QCVN 19:2009/ BTNMT
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	28	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KT: Khí thải sau hệ thống lọc bụi cyclone. Tọa độ: X(m)=2303009; Y(m)=606135.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. (Cột B với giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_v$ trong đó $K_q = 1,0$ và $K_v = 1,0$).

Hải Phòng, ngày 21 tháng 06 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi 17 giờ 25, ngày 21 tháng 8 năm 2023.

Tại Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hai An, Thành phố Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU:

Ông (Bà): Nguyễn Văn Thuý Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): Hoàng Văn An Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Thời tiết

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1	KK1	Khu vực xưởng làm sạch	2302987	606095	
2	KK2	Khu vực xưởng chính	2302964	606135	
3	NT	Nước thải tại hố ga cuối trước khi xả thải	2302993	606239	



Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
4	KT	Khí thải sau hệ thống lọc bụi cyclone	2403009	600435	

Thông tin khác:

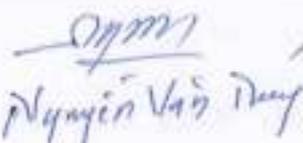
Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi 09 giờ 00 phút và kết thúc vào hồi 09 giờ 25 phút cùng ngày.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**

ĐẠI DIỆN


Nguyễn Văn Dũng


Hoàng Văn Dũng

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.1620/05.09.2023_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 21/08/2023
- Thời gian phân tích : 21/08/2023 đến ngày 05/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	32	31	18-32 ⁽³⁾
2.	Độ ẩm	%		71	69	40-80 ⁽³⁾
3.	Tốc độ gió	m/s		0,3	0,4	0,2-1,5 ⁽³⁾
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	72	72	85 ⁽²⁾
5.	Bụi lơ lửng	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL3)	0,37	0,21	8 ⁽¹⁾
6.	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019 /BYT (PL50)	4,963	4,581	20
7.	SO ₂	mg/m ³		0,520	0,698	5
8.	NO ₂	mg/m ³		0,380	0,439	5
9.	C _x H _y (tính theo Cyclohexane)	mg/m ³	NIOSH Method 1500	<0,08	<0,08	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + KK1: Không khí khu vực xưởng làm sạch. Tọa độ: X(m)=2302987; Y(m)=606095
- + KK2: Không khí khu vực xưởng chính. Tọa độ: X(m)=2302964; Y(m)=606135

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- + ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 09 năm 2023



GIAM ĐỐC
Thị Kính Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: *KT.1621/05.09.2023_KQ*

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 21/08/2022
- Thời gian phân tích : 21/08/2022 đến ngày 05/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KT)	QCVN 19:2009/ BTNMT
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA method 5	26	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KT: Không khí sau hệ thống lọc bụi cyclone. Tọa độ: X(m)=2303009; Y(m)=606135

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với. Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 09 năm 2023



GIÁM ĐỐC
Không Bình Thành

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



VIMCERTS 312

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT
 Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Dương, Hải Phòng
 Điện thoại: (0225) 3737499 Email: haiviet.hp88@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1622/05.09.2023_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
 2. Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
 3. Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
 4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 6. Ngày lấy mẫu : 21/08/2023
 7. Thời gian phân tích : 21/08/2023 đến ngày 05/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	TC KCN Đình Vũ
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5-9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	40	500
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	933	-
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	46	500
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	13,7	-
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,08	-
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,08	-
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,66	10
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6626-1:2009	0,1	-
10.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<3	30
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4.300	10.000

Ghi chú:**- Vị trí lấy mẫu:**

NT: Nước thải tại hồ ga cuối trước khi xả thải. Tọa độ: X(m)=2302943; Y(m)=606234

- Quy chuẩn so sánh:

TC KCN Đình Vũ: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 09 năm 2023

GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT
 CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

GIÁM ĐỐC
 Hoàng Minh Thành

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thí nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

STATEMENT OF RECEIPTS

FOR THE YEAR ENDING DECEMBER 31, 1921

The following is a statement of the receipts of the State of California for the year ending December 31, 1921, as reported by the several departments and agencies thereof, and as certified by the Controller of the State.

CLASSIFICATION	AMOUNT	DESCRIPTION	AMOUNT	PERCENTAGE
1	100,000,000	General Fund	100,000,000	100.00
2	50,000,000	State Lands	50,000,000	50.00
3	20,000,000	State Buildings	20,000,000	20.00
4	10,000,000	State Printing	10,000,000	10.00
5	5,000,000	State Railways	5,000,000	5.00
6	2,500,000	State Highways	2,500,000	2.50
7	1,250,000	State Parks	1,250,000	1.25
8	625,000	State Fisheries	625,000	0.625
9	312,500	State Forestry	312,500	0.3125
10	156,250	State Game	156,250	0.15625
11	78,125	State Mines	78,125	0.078125
12	39,062.50	State Oil	39,062.50	0.0390625
13	19,531.25	State Gas	19,531.25	0.01953125
14	9,765.625	State Electric	9,765.625	0.009765625
15	4,882.8125	State Telephone	4,882.8125	0.0048828125
16	2,441.40625	State Post Office	2,441.40625	0.00244140625
17	1,220.703125	State Telegraph	1,220.703125	0.001220703125
18	610.3515625	State Cable	610.3515625	0.0006103515625
19	305.17578125	State Radio	305.17578125	0.00030517578125
20	152.587890625	State Other	152.587890625	0.000152587890625
21	76.2939453125	State Miscellaneous	76.2939453125	0.0000762939453125
22	38.14697265625	State Unassigned	38.14697265625	0.00003814697265625
23	19.073486328125	State Reserve	19.073486328125	0.000019073486328125
24	9.5367431640625	State Contingent	9.5367431640625	0.0000095367431640625
25	4.76837158203125	State Other	4.76837158203125	0.00000476837158203125
26	2.384185791015625	State Reserve	2.384185791015625	0.000002384185791015625
27	1.1920928955078125	State Contingent	1.1920928955078125	0.0000011920928955078125
28	0.59604644775390625	State Other	0.59604644775390625	0.00000059604644775390625
29	0.298023223876953125	State Reserve	0.298023223876953125	0.000000298023223876953125
30	0.1490116119384765625	State Contingent	0.1490116119384765625	0.0000001490116119384765625
31	0.07450580596923828125	State Other	0.07450580596923828125	0.00000007450580596923828125
32	0.037252902984619140625	State Reserve	0.037252902984619140625	0.000000037252902984619140625
33	0.0186264514923095703125	State Contingent	0.0186264514923095703125	0.0000000186264514923095703125
34	0.00931322574615478515625	State Other	0.00931322574615478515625	0.00000000931322574615478515625
35	0.004656612873077392578125	State Reserve	0.004656612873077392578125	0.000000004656612873077392578125
36	0.0023283064365386962890625	State Contingent	0.0023283064365386962890625	0.0000000023283064365386962890625
37	0.00116415321826934814453125	State Other	0.00116415321826934814453125	0.00000000116415321826934814453125
38	0.000582076609134674072265625	State Reserve	0.000582076609134674072265625	0.000000000582076609134674072265625
39	0.0002910383045673370361328125	State Contingent	0.0002910383045673370361328125	0.0000000002910383045673370361328125
40	0.00014551915228366851806640625	State Other	0.00014551915228366851806640625	0.00000000014551915228366851806640625
41	0.000072759576141834259033203125	State Reserve	0.000072759576141834259033203125	0.000000000072759576141834259033203125
42	0.0000363797880709171295166015625	State Contingent	0.0000363797880709171295166015625	0.0000000000363797880709171295166015625
43	0.00001818989403545856475830078125	State Other	0.00001818989403545856475830078125	0.00000000001818989403545856475830078125
44	0.000009094947017729282379150390625	State Reserve	0.000009094947017729282379150390625	0.000000000009094947017729282379150390625
45	0.0000045474735088646411895751953125	State Contingent	0.0000045474735088646411895751953125	0.0000000000045474735088646411895751953125
46	0.00000227373675443232059478759765625	State Other	0.00000227373675443232059478759765625	0.00000000000227373675443232059478759765625
47	0.000001136868377216160297393798828125	State Reserve	0.000001136868377216160297393798828125	0.000000000001136868377216160297393798828125
48	0.0000005684341886080801486968994140625	State Contingent	0.0000005684341886080801486968994140625	0.0000000000005684341886080801486968994140625
49	0.00000028421709430404007434844970703125	State Other	0.00000028421709430404007434844970703125	0.00000000000028421709430404007434844970703125
50	0.000000142108547152020037174224853515625	State Reserve	0.000000142108547152020037174224853515625	0.000000000000142108547152020037174224853515625
51	0.0000000710542735760100185871124267578125	State Contingent	0.0000000710542735760100185871124267578125	0.0000000000000710542735760100185871124267578125
52	0.00000003552713678800500929355621337890625	State Other	0.00000003552713678800500929355621337890625	0.00000000000003552713678800500929355621337890625
53	0.000000017763568394002504646778106689453125	State Reserve	0.000000017763568394002504646778106689453125	0.000000000000017763568394002504646778106689453125
54	0.0000000088817841970012523233890533447265625	State Contingent	0.0000000088817841970012523233890533447265625	0.0000000000000088817841970012523233890533447265625
55	0.00000000444089209850062616169452667236328125	State Other	0.00000000444089209850062616169452667236328125	0.00000000000000444089209850062616169452667236328125
56	0.000000002220446049250313080847263336181640625	State Reserve	0.000000002220446049250313080847263336181640625	0.000000000000002220446049250313080847263336181640625
57	0.0000000011102230246251565404236316680808203125	State Contingent	0.0000000011102230246251565404236316680808203125	0.0000000000000011102230246251565404236316680808203125
58	0.0000000005551115123125782702118158334044015625	State Other	0.0000000005551115123125782702118158334044015625	0.0000000000000005551115123125782702118158334044015625
59	0.000000000277555756156289135105907916702203125	State Reserve	0.000000000277555756156289135105907916702203125	0.000000000000000277555756156289135105907916702203125
60	0.0000000001387778780781445675529539583511015625	State Contingent	0.0000000001387778780781445675529539583511015625	0.0000000000000001387778780781445675529539583511015625
61	0.00000000006938893903907228377647697917555078125	State Other	0.00000000006938893903907228377647697917555078125	0.00000000000000006938893903907228377647697917555078125
62	0.0000000000346944695195361418882384895877750390625	State Reserve	0.0000000000346944695195361418882384895877750390625	0.0000000000000000346944695195361418882384895877750390625
63	0.00000000001734723475976807094411924479388750390625	State Contingent	0.00000000001734723475976807094411924479388750390625	0.00000000000000001734723475976807094411924479388750390625
64	0.000000000008673617379884035472059622396943750390625	State Other	0.000000000008673617379884035472059622396943750390625	0.000000000000000008673617379884035472059622396943750390625
65	0.0000000000043368086899420177360298111984718750390625	State Reserve	0.0000000000043368086899420177360298111984718750390625	0.0000000000000000043368086899420177360298111984718750390625
66	0.00000000000216840434497100886801490559923593750390625	State Contingent	0.00000000000216840434497100886801490559923593750390625	0.00000000000000000216840434497100886801490559923593750390625
67	0.000000000001084202172485504434007452799617968750390625	State Other	0.000000000001084202172485504434007452799617968750390625	0.000000000000000001084202172485504434007452799617968750390625
68	0.000000000000542101086242752217003726399809843750390625	State Reserve	0.000000000000542101086242752217003726399809843750390625	0.000000000000000000542101086242752217003726399809843750390625
69	0.000000000000271050543121376108501863199904718750390625	State Contingent	0.000000000000271050543121376108501863199904718750390625	0.000000000000000000271050543121376108501863199904718750390625
70	0.0000000000001355252715606880542509315999518750390625	State Other	0.0000000000001355252715606880542509315999518750390625	0.0000000000000000001355252715606880542509315999518750390625
71	0.0000000000000677626357803440271254659997593750390625	State Reserve	0.0000000000000677626357803440271254659997593750390625	0.0000000000000000000677626357803440271254659997593750390625
72	0.00000000000003388131789017201356273299987968750390625	State Contingent	0.00000000000003388131789017201356273299987968750390625	0.00000000000000000003388131789017201356273299987968750390625
73	0.000000000000016940658945101006781366486948750390625	State Other	0.000000000000016940658945101006781366486948750390625	0.000000000000000000016940658945101006781366486948750390625
74	0.0000000000000084703294725505033906832434718750390625	State Reserve	0.0000000000000084703294725505033906832434718750390625	0.0000000000000000000084703294725505033906832434718750390625
75	0.00000000000000423516473627525169534162173593750390625	State Contingent	0.00000000000000423516473627525169534162173593750390625	0.00000000000000000000423516473627525169534162173593750390625
76	0.00000000000000211758236813762579767081086968750390625	State Other	0.00000000000000211758236813762579767081086968750390625	0.00000000000000000000211758236813762579767081086968750390625
77	0.000000000000001058791184068812898835405434843750390625	State Reserve	0.000000000000001058791184068812898835405434843750390625	0.000000000000000000001058791184068812898835405434843750390625
78	0.000000000000000529395592034406449417712721718750390625	State Contingent	0.000000000000000529395592034406449417712721718750390625	0.000000000000000000000529395592034406449417712721718750390625
79	0.000000000000000264697796017203224708856360893750390625	State Other	0.000000000000000264697796017203224708856360893750390625	0.000000000000000000000264697796017203224708856360893750390625
80	0.0000000000000001323488980086016123544281804468750390625	State Reserve	0.0000000000000001323488980086016123544281804468750390625	0.0000000000000000000001323488980086016123544281804468750390625
81	0.00000000000000006617444900430080617721409022343750390625	State Contingent	0.00000000000000006617444900430080617721409022343750390625	0.00000000000000000000006617444900430080617721409022343750390625
82	0.00000000000000003308722450215040308860704511718750390625	State Other	0.00000000000000003308722450215040308860704511718750390625	0.00000000000000000000003308722450215040308860704511718750390625
83	0.00000000000000001654361225107520154430352255893750390625	State Reserve	0.00000000000000001654361225107520154430352255893750390625	0.00000000000000000000001654361225107520154430352255893750390625
84	0.000000000000000008271806125537			



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ....., ngày ..29.. tháng ..11.. năm 2023.

Tại Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU:⁽¹⁾

Ông (Bà): Đường Thị Minh Nguyễn Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): Hương Văn An Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Không mưa

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X (m)	Y (m)	
1	KK1	Khu vực xưởng làm sạch	2302987	606095	
2	KK2	Khu vực xưởng chính	2302964	606135	
3	NT	Nước thải tại hố ga cuối trước khi xả thải	2302943	606234	



Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X (m)	Y (m)	
4	KT	Khí thải sau hệ thống lọc bụi cyclone	2303009	606175	

Thông tin khác:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi ... giờ ... phút và kết thúc vào hồi ... giờ ... phút cùng ngày.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**

ĐẠI DIỆN


Hoàng Thị Minh Nguyễn


Hoàng Văn An

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.2513/12.12.2023_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 29/11/2023
- Thời gian phân tích : 29/11/2023 đến ngày 12/12/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	29	30	18-32 ⁽³⁾
2.	Độ ẩm	%		64	64	40-80 ⁽³⁾
3.	Tốc độ gió	m/s		0,3	0,3	0,2-1,5 ⁽³⁾
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	79	79	85 ⁽²⁾
5.	Bụi lơ lửng	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL3)	0,33	0,19	8 ⁽¹⁾
6.	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019 /BYT (PL50)	3,817	4,600	20
7.	SO ₂	mg/m ³		0,436	0,611	5
8.	NO ₂	mg/m ³		0,314	0,400	5
9.	C _x H _y (Cyclohexane)	mg/m ³	NIOSH Method 1500	<0,08	<0,08	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

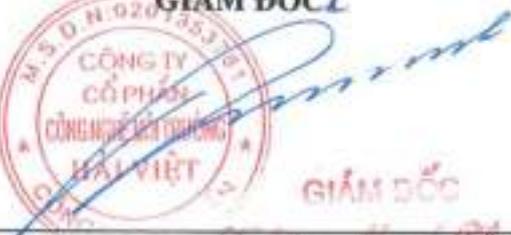
- + KK1: Không khí khu vực xưởng làm sạch. Tọa độ: X(m)=2302987; Y(m)=606095
- + KK2: Không khí khu vực xưởng chính. Tọa độ: X(m)=2302964; Y(m)=606135

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- + ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2023

GIÁM ĐỐC


GIÁM ĐỐC


- "-": Không quy định
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.2514/12.12.2023_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 29/11/2023
- Thời gian phân tích : 29/11/2023 đến ngày 12/12/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	TC KCN Đình Vũ
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	5-9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	47	500
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	575	-
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	36	500
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	16,04	-
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,16	-
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,40	-
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	5,38	10
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6626-1:2009	0,1	-
10.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,6	30
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4.600	10.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải tại hồ ga cuối trước khi xả thải. Tọa độ: X(m)=2302943; Y(m)=606234

- Quy chuẩn so sánh:

TC KCN Đình Vũ: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2023



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Không Minh Thảo

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



THE UNIVERSITY OF CHICAGO

LIBRARY

1100 East 58th Street
Chicago, Illinois 60637
Tel: 773-936-3000
Fax: 773-936-3000

Year	Volume	Issue	Title	Author	Editor
1971	1	1
1972	2	2
1973	3	3
1974	4	4
1975	5	5
1976	6	6
1977	7	7
1978	8	8
1979	9	9
1980	10	10
1981	11	11
1982	12	12
1983	13	13
1984	14	14
1985	15	15
1986	16	16
1987	17	17
1988	18	18
1989	19	19
1990	20	20
1991	21	21
1992	22	22
1993	23	23
1994	24	24
1995	25	25
1996	26	26
1997	27	27
1998	28	28
1999	29	29
2000	30	30
2001	31	31
2002	32	32
2003	33	33
2004	34	34
2005	35	35
2006	36	36
2007	37	37
2008	38	38
2009	39	39
2010	40	40
2011	41	41
2012	42	42
2013	43	43
2014	44	44
2015	45	45
2016	46	46
2017	47	47
2018	48	48
2019	49	49
2020	50	50
2021	51	51
2022	52	52
2023	53	53
2024	54	54
2025	55	55

...

...

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT.2515/12.12.2023_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 29/11/2023
- Thời gian phân tích : 29/11/2023 đến ngày 12/12/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KT)	QCVN 19:2009/ BTNMT
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA method 5	24	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KT: Không khí sau hệ thống lọc bụi cyclone. Tọa độ: X(m)=2303009; Y(m)=606135

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2023



GIÁM ĐỐC
Hồng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ...*11*... giờ ...*20*... ngày ...*7*... tháng ...*3*... năm 202*2*...

Tại ⁽¹⁾: Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU:⁽¹⁾

Ông (Bà): *Nguyễn Văn Thủy* Chức vụ: *Ch. an toàn*

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): *Hoàng Văn An* Chức vụ: *Nhân viên*

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Trời mát, gió nhẹ

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

LĐ BT

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1	KK1	Khu vực xưởng làm sạch	2302997	606163	
2	KK2	Khu vực xưởng chính	2302981	606063	
3	NT	Nước thải tại hồ ga cuối trước khi xả thải	2302949	606237	



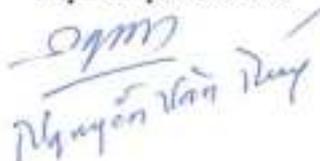
Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
4	KT	Khí thải sau hệ thống lọc bụi cyclone	2303009	606135	

Thông tin khác:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 5.1.3. /2024 và kết thúc vào hồi 11 giờ 10 phút ngày 5.1.5. /2024

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành hai (0..2) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Nguyễn Văn Dũng

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**


Hoàng Văn An

ĐẠI DIỆN
.....

ĐẠI DIỆN
.....

ĐẠI DIỆN
.....

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.316/16.03.2024_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 05/03/2024
- Thời gian phân tích : 05/03/2024 đến ngày 16/03/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	25	24	18-32 ⁽³⁾
2.	Độ ẩm	%		73	70	40-80 ⁽³⁾
3.	Tốc độ gió	m/s		0,2	0,1	0,2-1,5 ⁽³⁾
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	82	80	85 ⁽²⁾
5.	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL3)	0,37	0,41	8 ⁽¹⁾
6.	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019 /BYT (PL50)	4,581	4,593	20
7.	SO ₂	mg/m ³		0,523	0,521	5
8.	NO ₂	mg/m ³		0,253	0,251	5
9.	C ₆ H ₁₂ (Cyclohexane)	mg/m ³	NIOSH Method 1500	<0,08	<0,08	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KK1: Không khí khu vực xưởng làm sạch. Tọa độ: X(m)=2302997; Y(m)=606163

+ KK2: Không khí khu vực xưởng chính. Tọa độ: X(m)=2302981; Y(m)=606063

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);

+ ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;

+ ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ ⁽³⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Không Minh Thành

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT.317/16.03.2024_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 05/03/2024
- Thời gian phân tích : 05/03/2024 đến ngày 16/03/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KT)	QCVN 19:2009/ BTNMT
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA method 5	31	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KT: Không khí sau hệ thống lọc bụi cyclone. Tọa độ: X(m)=2303009; Y(m)=606135

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Không Minh Thanh

- Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giữ quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.318/16.03.2024_QO

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
2. Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
3. Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
6. Ngày lấy mẫu : 05/03/2024
7. Thời gian phân tích : 05/03/2024 đến ngày 16/03/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	TC KCN Đình Vũ
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,7	5-9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	91	500
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	311	-
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	52	500
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	12,75	-
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,18	-
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,89	-
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,98	10
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,27	-
10.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,7	30
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4.800	10.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải tại hồ ga cuối trước khi xả thải. Tọa độ: X(m)=2302949; Y(m)=606237

- Quy chuẩn so sánh:

TC KCN Đình Vũ: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2024



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Khổng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



HAI VIET

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT
Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Dương, Hải Phòng
Điện thoại: (0225) 3737499; Email: haiviet.hp88@gmail.com



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi 7h45 giờ ĐG, ngày 12 tháng 6 năm 2022.

Tại (1): **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN**

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU:⁽¹⁾

Ông (Bà): Nguyễn Văn Dũng Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): Bùi Văn Kiên Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Tốt nhất

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1	KK1	Khu vực xưởng làm sạch	<u>2802987</u>	<u>606095</u>	
2	KK2	Khu vực xưởng chính	<u>2802964</u>	<u>606155</u>	
3	NT	Nước thải tại hố ga cuối trước khi xả thải	<u>2802943</u>	<u>606234</u>	



Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
4	KT	Khí thải sau hệ thống lọc bụi cyclone	2503009	606135	

Thông tin khác:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi 13 giờ 00 phút ngày 12/6/2024 và kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút ngày 12/6/2024

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành *hai* (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

ĐẠI DIỆN

gmm
Nguyễn Văn Dũng

B
Bùi Văn Hiến

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.1248/26.06.2024_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
- Thời gian phân tích : 12/06/2024 đến ngày 26/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	30	30	18-32 ⁽³⁾
2.	Độ ẩm	%		66	69	40-80 ⁽³⁾
3.	Tốc độ gió	m/s		0,4	0,7	0,2-1,5 ⁽³⁾
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	76	77	85 ⁽²⁾
5.	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL3)	0,82	0,88	8 ⁽¹⁾
6.	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019 /BYT (PL50)	5,344	5,726	20
7.	SO ₂	mg/m ³		0,785	0,960	5
8.	NO ₂	mg/m ³		0,200	0,252	5
9.	C ₆ H ₁₂ (Cyclohexane)	mg/m ³	NIOSH Method 1500	<0,08	<0,08	500 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + KK1: Không khí khu vực xưởng làm sạch. Tọa độ: X(m)=2302987; Y(m)=606095
- + KK2: Không khí khu vực xưởng chính. Tọa độ: X(m)=2302964; Y(m)=606135

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- + ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- + ⁽⁴⁾QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động do Bộ trưởng Bộ y tế ban hành (Hoá chất – giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc – trung bình 8 giờ).

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2024



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

-/-/ Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT.1247/26.06.2024_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
- Thời gian phân tích : 12/06/2024 đến ngày 26/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KT)	QCVN 19:2009/BTNMT
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA method 5	32	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KT: Không khí sau hệ thống lọc bụi cyclone. Tọa độ: X(m)=2303009; Y(m)=606135

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Không Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian giữ mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



VIMCERTS 312

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT
Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đông, An Dương, Hải Phòng
Điện thoại: (0225) 3737499 Email: haiviet.hp88@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1249/26.06.2024_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
2. Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
3. Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
5. Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
6. Thời gian phân tích : 12/06/2024 đến ngày 26/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	TC KCN Đình Vũ
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	5-9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	47	500
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	694	-
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	42	500
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	11,54	-
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,09	-
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,82	-
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,75	10
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,42	-
10.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,4	30
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4.300	10.000

Ghi chú:**- Vị trí lấy mẫu:**

NT: Nước thải tại hồ ga cuối trước khi xả thải. Tọa độ: X(m)=2302943; Y(m)=606234

- Quy chuẩn so sánh:

TC KCN Đình Vũ: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2024



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Hồng Minh Cảnh

-/-: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ...17... giờ ...10..., ngày ...1... tháng ...10... năm 20...24...

Tại: Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU:⁽¹⁾

Ông (Bà): ...*Nguyễn Văn Dũng*... Chức vụ: ...*Giám đốc*...

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): ...*Biên Văn Kiên*... Chức vụ: ...*Chủ tịch*...

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....*Tốt*.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....*Hoạt*.....

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1	KK1	Khu vực xưởng làm sạch	<i>2302997</i>	<i>606163</i>	
2	KK2	Khu vực xưởng chính	<i>2302981</i>	<i>606063</i>	
3	NT	Nước thải tại hồ ga cuối trước khi xả thải	<i>2302979</i>	<i>606237</i>	



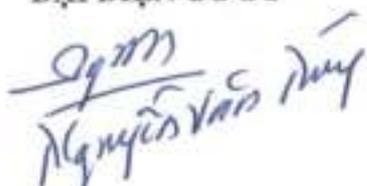
Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
4	KT	Khí thải sau hệ thống lọc bụi cyclone	2303009	606135	

Thông tin khác:

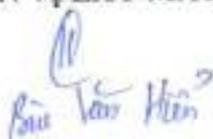
Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi 14 giờ 10 phút và kết thúc vào hồi 16 giờ 10 phút cùng ngày.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành hai (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Nguyễn Văn Dũng

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU


Bùi Văn Hiền

ĐẠI DIỆN

.....

ĐẠI DIỆN

.....

ĐẠI DIỆN

.....



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ...14... giờ ...17..., ngày ...1... tháng ...10... năm 20...24...

Tại Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Hàn

Địa chỉ: Lô đất số CN4.4E, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU:⁽¹⁾

Ông (Bà): ...*Nguyễn Văn Dũng*... Chức vụ: ...*Giám đốc*...

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOẠN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): ...*Biên Văn Kiên*... Chức vụ: ...*Nhân viên*...

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....*Trời mát*.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....*Hoạt*.....

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1	KK1	Khu vực xưởng làm sạch	<i>2302997</i>	<i>606163</i>	
2	KK2	Khu vực xưởng chính	<i>2302981</i>	<i>606063</i>	
3	NT	Nước thải tại hố ga cuối trước khi xả thải	<i>2302999</i>	<i>606237</i>	



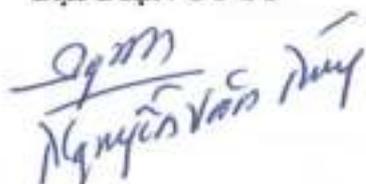
Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
4	KT	Khí thải sau hệ thống lọc bụi cyclone	2303009	606135	

Thông tin khác:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi 14 giờ 10 phút và kết thúc vào hồi 16 giờ 10 phút cùng ngày.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành 02 (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Nguyễn Văn Dũng

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**


Bùi Văn Kiên

ĐẠI DIỆN

.....

ĐẠI DIỆN

.....

ĐẠI DIỆN

.....



VIMCERTS 312

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT
 Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Dương, Hải Phòng
 Điện thoại: (0225) 3737499 Email: haiviet.hp88@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCHSố phiếu: *KK.2153/14.10.2024_KQ*

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 01/10/2024
- Thời gian phân tích : 01/10/2024 đến ngày 14/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	30	31	18-32 ⁽³⁾
2.	Độ ẩm	%		68	73	40-80 ⁽³⁾
3.	Tốc độ gió	m/s		0,4	0,3	0,2-1,5 ⁽³⁾
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	76	80	85 ⁽²⁾
5.	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL3)	0,70	0,82	8 ⁽¹⁾
6.	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019 /BYT (PL50)	3,057	3,819	20
7.	SO ₂	mg/m ³		0,611	0,435	5
8.	NO ₂	mg/m ³		0,188	<0,188	5
9.	C _x H _y (Cyclohexane)	mg/m ³	NIOSH Method 1500	<0,08	<0,08	500 ⁽⁴⁾

Ghi chú:**- Vị trí lấy mẫu:**

+ KK1: Không khí khu vực xưởng làm sạch. Tọa độ: X(m)=2302997; Y(m)=606163

+ KK2: Không khí khu vực xưởng chính. Tọa độ: X(m)=2302981; Y(m)=606063

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);

+ ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;+ ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;+ ⁽³⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.+ ⁽⁴⁾QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động do Bộ trưởng Bộ y tế ban hành (Hoá chất – giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc – trung bình 8 giờ).

Hải Phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2024

GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
 HẢI VIỆT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành

- - - Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gạt mẫu từ phòng thí nghiệm

- Thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT.2154/14.10.2024_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 01/10/2024
- Thời gian phân tích : 01/10/2024 đến ngày 14/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KT)	QCVN 19:2009/ BTNMT
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA method 5	28	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KT: Không khí sau hệ thống lọc bụi cyclone. Tọa độ: X(m)-2303009; Y(m)-606135

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Không Minh Sơn

-/-: Không quy định

- Tất cả mẫu và dữ liệu khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



VIMCERTS 312

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT
 Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Dương, Hải Phòng
 Điện thoại: (0225) 3737499 Email: haiviet.hp88@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.2155/14.10.2024_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt Hàn
- Địa chỉ : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Địa điểm quan trắc : Lô đất số CN4.4E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 01/10/2024
- Thời gian phân tích : 01/10/2024 đến ngày 14/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	TC KCN Đình Vũ
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	5-9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	64	500
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	393	-
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	66	500
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	2,14	-
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ -B&D:2017	0,09	-
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,23	-
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,49	10
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,33	-
10.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,7	30
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3.800	10.000

Ghi chú:**- Vị trí lấy mẫu:**

NT: Nước thải tại hồ ga cuối trước khi xả thải. Tọa độ: X(m)=2302949; Y(m)=606237

- Quy chuẩn so sánh:

TC KCN Đình Vũ: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2024

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
 Hoàng Minh Thành

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thí nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



1999

TABLE NO. 1

Secondary Education - Aleppo

1. Total number of students in secondary education in Aleppo: 100,000

2. Total number of teachers in secondary education in Aleppo: 10,000

3. Total number of schools in secondary education in Aleppo: 1,000

4. Total number of classrooms in secondary education in Aleppo: 10,000

5. Total number of laboratories in secondary education in Aleppo: 100

6. Total number of libraries in secondary education in Aleppo: 100

7. Total number of sports fields in secondary education in Aleppo: 100

8. Total number of computer rooms in secondary education in Aleppo: 100

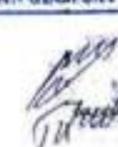
Year	Students	Teachers	Schools	Classrooms	Laboratories	Libraries	Sports Fields	Computer Rooms
1998	95,000	9,500	950	9,500	100	100	100	100
1999	100,000	10,000	1,000	10,000	100	100	100	100
2000	105,000	10,500	1,050	10,500	100	100	100	100
2001	110,000	11,000	1,100	11,000	100	100	100	100
2002	115,000	11,500	1,150	11,500	100	100	100	100
2003	120,000	12,000	1,200	12,000	100	100	100	100
2004	125,000	12,500	1,250	12,500	100	100	100	100
2005	130,000	13,000	1,300	13,000	100	100	100	100
2006	135,000	13,500	1,350	13,500	100	100	100	100
2007	140,000	14,000	1,400	14,000	100	100	100	100
2008	145,000	14,500	1,450	14,500	100	100	100	100
2009	150,000	15,000	1,500	15,000	100	100	100	100
2010	155,000	15,500	1,550	15,500	100	100	100	100
2011	160,000	16,000	1,600	16,000	100	100	100	100
2012	165,000	16,500	1,650	16,500	100	100	100	100
2013	170,000	17,000	1,700	17,000	100	100	100	100
2014	175,000	17,500	1,750	17,500	100	100	100	100
2015	180,000	18,000	1,800	18,000	100	100	100	100
2016	185,000	18,500	1,850	18,500	100	100	100	100
2017	190,000	19,000	1,900	19,000	100	100	100	100
2018	195,000	19,500	1,950	19,500	100	100	100	100
2019	200,000	20,000	2,000	20,000	100	100	100	100
2020	205,000	20,500	2,050	20,500	100	100	100	100
2021	210,000	21,000	2,100	21,000	100	100	100	100
2022	215,000	21,500	2,150	21,500	100	100	100	100
2023	220,000	22,000	2,200	22,000	100	100	100	100
2024	225,000	22,500	2,250	22,500	100	100	100	100
2025	230,000	23,000	2,300	23,000	100	100	100	100
2026	235,000	23,500	2,350	23,500	100	100	100	100
2027	240,000	24,000	2,400	24,000	100	100	100	100
2028	245,000	24,500	2,450	24,500	100	100	100	100
2029	250,000	25,000	2,500	25,000	100	100	100	100
2030	255,000	25,500	2,550	25,500	100	100	100	100

Directorate of Secondary Education - Aleppo

1999





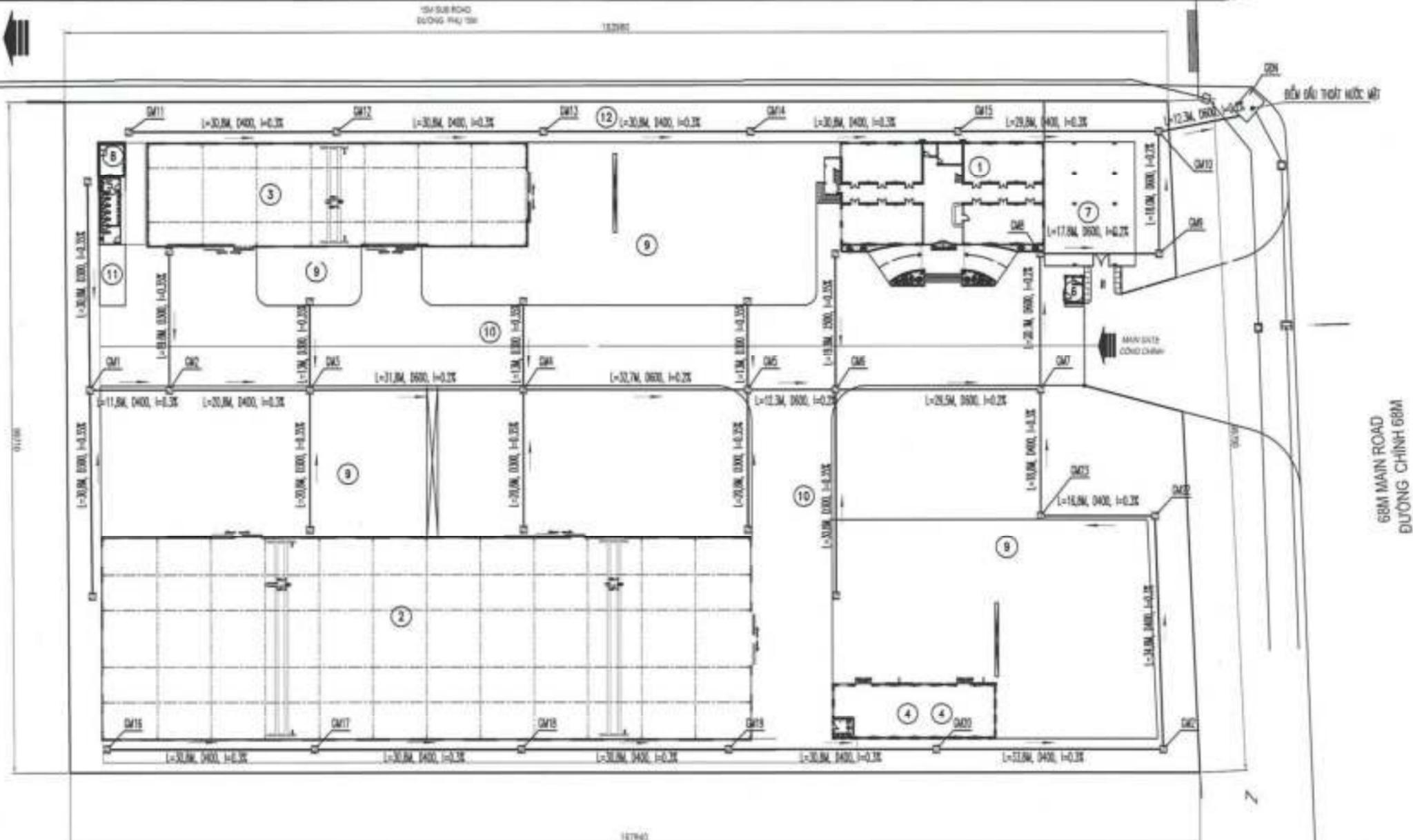
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm		
NGƯỜI LẬP	NGƯỜI TRƯỞNG THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
		
GIÁM ĐỐC Nguyễn Phú Cường		

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

HẠNG MỤC

: THOÁT NƯỚC MẶT VÀ THOÁT NƯỚC THẢI

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MẶT



SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER): **VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÙNG**

ĐỊA CHỈ (ADD): **H. M.S.D. 200/10 Đ. NGUYỄN VĂN HÙNG, P. HẢI PHONG, Q. HẢI AN - TP. HẢI PHÒNG**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNER): **CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM**

ĐỊA CHỈ (ADD): **THỊA TRẠI ĐẢNG LÂM - 2 Đ. Đ. LÂM - Q. HẢI AN - HP**
 TEL: (84) 031 3804322 FAX: (84) 031 3804322
 EMAIL: HAINAMUS@GMAIL.COM HAINAMUS@HOTMAIL.COM

GIÁM ĐỐC: K.S. ĐÀO VĂN NAM

CHỦ TRƯỞNG: K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG

CHỦ TRƯỞNG KT: K.T.S. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

THIẾT KẾ + VẼ: K.S. NGUYỄN KHẮC BÌNH

KIỂM TRA: K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC

TÊN DỰ ÁN (PROJECT): **NIỆM MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): **LO 01A 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VĨ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM**

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): **TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MẶT**

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE): **/ / 2016**

TY LỆ (SCALE): **BẢN VẼ (DRAWING NO): 1200-17-MB-01**

LEGEND/ BIỂU TÊN CÔNG TRÌNH

NO.	ITEMS NAME CÔNG TRÌNH	NO.	ITEMS NAME CÔNG TRÌNH
1	OFFICE 3 FLOOR NHÀ LÀM VIỆC 3 TẦNG	7	MOTORING PARKING NHÀ ĐÈ BÈ MÁY CỎ BAY
2	WORK SHOP KHOẢNG CHẾ	8	SUBSTATION AND KVA TRẠM ĐIỆN 10 (20) KVA
3	BLASTING & PACKING SHOP KHOẢNG LẬP SẠCH VÀ BAO ĐỒI	9	CONCRETE AREA BÊ TÔNG
4	EQUIPMENT STORAGE NHÀ ĐÈ DỤNG CỤ	10	PAVER ROAD ĐƯỜNG BAO THÙNG HỘ BƠ
5	TOILET NHÀ VỆ SINH	11	FIRE WATER TANK BỂ NƯỚC
6	SECURITY HOUSE NHÀ BẢO VỆ	12	WATER PIPE DÂY DẪN

GHI CHÚ:

- CÔNG THOÁT NƯỚC BỀ TÔNG CỨT HÉP
- TẢI TRỌNG KHU VỰC CÔNG DƯỚI HẸN BẬC
- TẢI TRỌNG KHU VỰC CÔNG DI TÊN VÍA HỆ
- GA THU NƯỚC MẶT
- GA XÂY VỚI CÔNG DI TÊN VÍA HỆ
- GA BỊCH VỚI CÔNG DI DƯỚI HẸN BẬC
- HƯỚNG NƯỚC CHẢY
- L=30M, Ø400, H=0.2%
- BỘ ĐỐC
- BUỒNG KÍNH CÔNG NH
- CHÉU DÀI CÔNG M

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

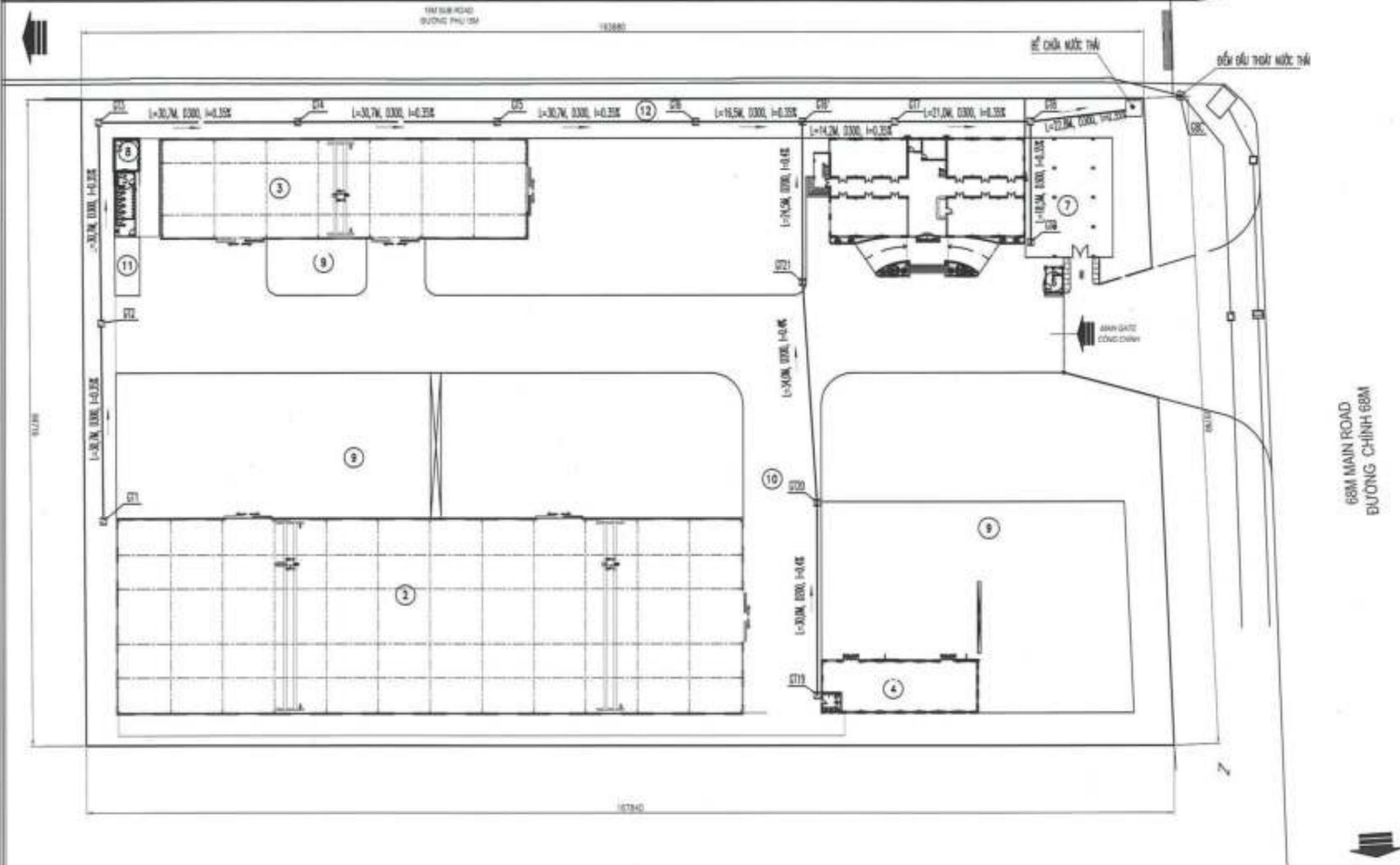
Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP: **NGUYỄN VĂN HÙNG** (Kỹ sư trưởng thi công)

TƯ VẤN GIÁM SÁT: **ĐÀO VĂN NAM**

GIÁM ĐỐC: **ĐÀO VĂN NAM**

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI



SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER)
VHỆ CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÙNG
 ĐỊA CHỈ (ADD):



CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM

Địa chỉ (ADD):
 THỜI 2/51 CƯỜNG TẤN, QUẬN HẢI AN - TP. HẢI AN - HP
 TEL: (84) 03 254 422 (22) (24) (21) 394 322
 EMAIL: HAINAM@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
 KS. ĐÀO VĂN HAI

CHỦ TRÌ KC
 KS. NGUYỄN GIANG TÙNG

CHỦ TRÌ KT
 KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

THIẾT KẾ + VẼ
 KS. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH

KIỂM TRA
 KS. NGUYỄN GIANG TÙNG

TÊN DỰ ÁN (PROJECT):
 NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KỸ VIỆN

Địa điểm xây dựng (LOCATION):
 LÔ CN4.4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VĨ
 ĐỒNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE): / 2016

TỶ LỆ (SCALE): BẢN VẼ (DRAWING NO): 1200-17-NB-02

LEGEND/ BIỂU TÊN CÔNG TRÌNH

NO	ITEMS NAME CÔNG TRÌNH
1	OFFICE 2/FLOOR NHÀ LẬP NIỆC GI THỜI
2	WASH ROOM KƯƠNG CHINH
3	BLAZING & PAINTING SHOP KƯƠNG LAM BACH VA BAO COI
4	EQUIPMENT STORAGE NHÀ ĐỀ DUNG CU
5	TOILET NHÀ VỆ SINH
6	SECURITY HOUSE NHÀ BẢO VỆ

NO	ITEMS NAME CÔNG TRÌNH
7	MOTORBIKE PARKING NHÀ ĐỀ BƠ MÁY CỎ MỸ
8	SUBSTATION HỒ FUNK TRẠM BẾN KẾ (KẾ MẮC)
9	CONCRETE AREA BÀN BÊ TÔNG
10	KITCHEN KITCHEN BẾ TÔNG THÔNG NÓ BƠ
11	FIRE WATER TANK BỂ NƯỚC
12	WASH ROOM CẮT XANH

GHI CHÚ:

- CỐNG THOÁT NƯỚC Ø100-Ø400, TẢI TRỌNG H18
- ☑ GA THỦ NƯỚC MẶT, XÂY GẠCH CHÉ
- HƯỚNG NƯỚC CHẢY
- ↳ ĐỘ ĐỐC
- ↳ BƯỜNG KHẸP CÔNG MM
- ↳ CHIỀU DÀI CÔNG M

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI CHẤU TRÚC	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>

GIÁM ĐỐC: *(Signature)*

TRẮC DỌC THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC THẢI TUYẾN GT1-BC

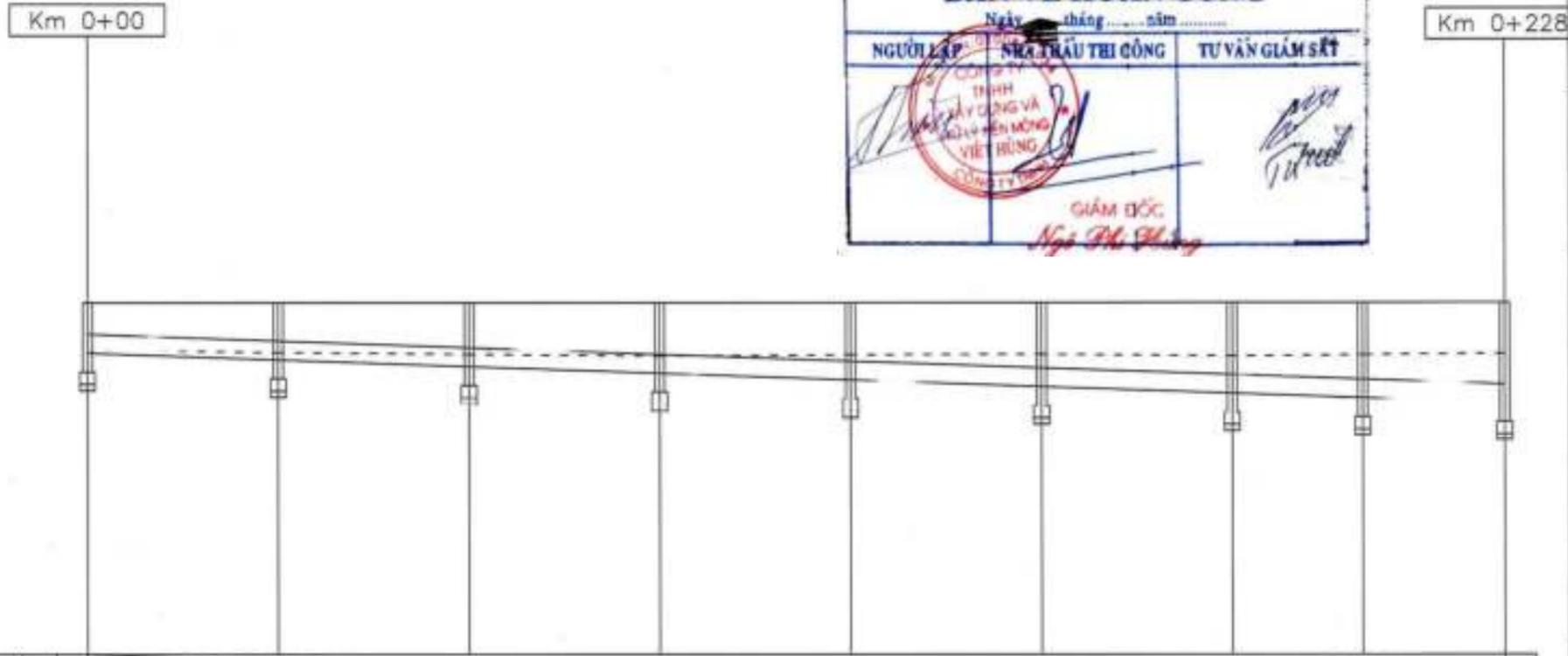
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP: *[Signature]* NGƯỜI TRÁU THI CÔNG: *[Signature]* TƯ VẤN GIÁM SÁT: *[Signature]*

GIÁM ĐỐC: *[Signature]*



ĐỘ DỐC CỐNG	ĐƯỜNG KÍNH CỐNG									
	0.35%									
CAO ĐỘ ĐỈNH GA THIẾT KẾ	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65
CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG	4.90	4.86	4.83	4.80	4.82	4.83	4.80	4.82	4.84	4.84
CAO ĐỘ ĐÁY DÒNG CHẢY	4.85	4.74	4.64	4.53	4.42	4.31	4.21	4.13	4.05	4.05
CAO ĐỘ ĐÁY GA	4.55	4.44	4.34	4.13	4.12	4.01	3.91	3.83	3.75	3.75
KHOẢNG CÁCH GA		30.70	30.70	30.70	30.70	30.70	30.70	21.00	22.00	
CỤ LY DÒNG DỔN	0.00	30.70	61.40	92.10	122.80	153.50	184.20	205.20	228.00	228.00
TÊN GA	GT1	GT2	GT3	GT4	GT5	GT6	GT7	GT8	BC	

SỬA ĐỔI - REVISION

SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHICHỮ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER): **VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HẠN**

ĐỊA CHỈ (ADDRESS): **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HẠN**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNER): **CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM**

GIÁM ĐỐC: **KS. ĐÀO VĂN NAM**

CHỦ TRƯỞNG: **KS. NGUYỄN GIANG TÙNG**

CHỦ TRƯỞNG KT: **KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG**

THIẾT KẾ + VẼ: **KS. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH**

KIỂM TRA: **KS. NGUYỄN GIANG TÙNG**

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC

TÊN DỰ ÁN (PROJECT): **NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): **LÔ CH4 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VỖ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM**

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): **TRẮC DỌC THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC**

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE): **/ 2016**

TỶ LỆ (SCALE): **BẢN VẼ (DRAWING NO): 1:300-17-10/14-01**

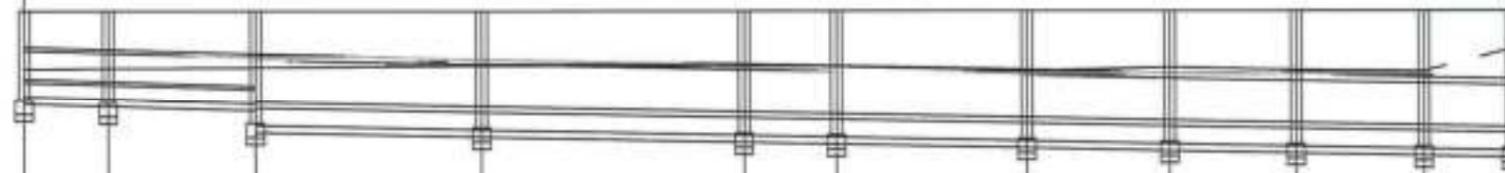
TRẮC DỌC THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC MẶT TUYẾN GM1-GĐN

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP	SỬA TRÁU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Hùng		

Km 0+00

Km 0+209.30



ĐỘ DỐC CỐNG	ĐƯỜNG KÍNH CỐNG										
	D400		D400		0.2%		D600		D600		
	0.3%	0.3%	0.3%	0.3%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%
CAO ĐỘ ĐỈNH GA THIẾT KẾ	5.68	5.68	5.68	5.68	5.68	5.68	5.68	5.68	5.68	5.68	5.68
CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG	4.87	4.88	4.89	4.89	4.92	4.91	4.91	4.85	4.90	4.86	5.15
CAO ĐỘ ĐÁY DÒNG CHÁY	4.73	4.69	4.63	4.63	4.34	4.26	4.24	4.19	4.14	4.11	4.05
CAO ĐỘ ĐÁY GA	4.43	4.39	4.10	4.10	4.04	3.96	3.94	3.89	3.84	3.81	3.75
KHOẢNG CÁCH GA	11.80	20.80	31.80	31.80	36.90	13.00	26.80	20.10	17.80	18.00	12.30
CỤ LY CỘNG ĐÓN	0.00	11.80	32.60	32.60	64.40	101.30	114.30	141.10	161.20	179.00	209.30
TÊN GA	GM1	GM2	GM3	GM3	GM4	GM5	GM6	GM7	GM8	GM9	GM10 GĐN

SỬA ĐỔI - REVISION

SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER):
VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN
 ĐỊA CHỈ (ADD):

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNER):
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM
 ĐỊA CHỈ (ADD):

THÀNH VIÊN (MEMBERS):

GIÁM ĐỐC K.S. ĐÀO VĂN KHAN	
CHỦ TRƯỞNG K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG	
CHỦ TRƯỞNG KT K.T.S. NGUYỄN THỊ KIM DUNG	
THIẾT KẾ + VẼ K.S. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH	
KIỂM TRA K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG	

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTG

TÊN DỰ ÁN (PROJECT):
NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION):
 LÔ CN4 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VÀ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):
TRẮC DỌC THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):
 / / 2016

TỶ LỆ (SCALE):
 BẢN VẼ (DRAWING NO):
 1205-17-1010-03

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

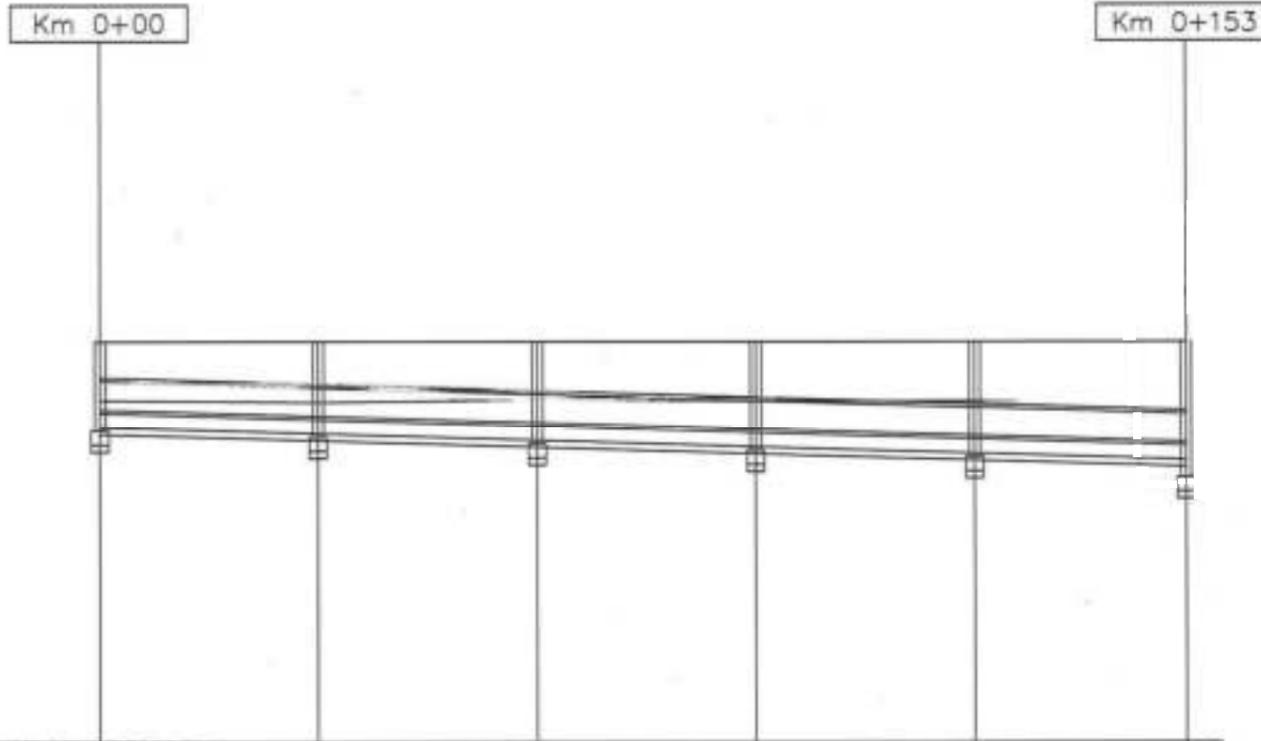
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI TRƯỞNG THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT

GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Hằng

TRẮC DỌC THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC MẶT TUYẾN GM11-GM10



ĐỘ DỐC CỐNG	ĐƯỜNG KÍNH CỐNG					
	0.3%					
CAO ĐỘ ĐỈNH GA THIẾT KẾ	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.68
CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG	4.83	4.80	4.84	4.82	4.82	4.84
CAO ĐỘ ĐÁY DÒNG CHÁY	4.70	4.61	4.52	4.42	4.33	4.24
CAO ĐỘ ĐÁY GA	4.40	4.31	4.22	4.12	4.03	3.77
KHOẢNG CÁCH GA		30.80	30.80	30.80	30.80	29.80
CỰ LY CỘNG ĐƠN	0.00	30.80	61.60	92.40	123.20	153.00
TÊN GA	GM11	GM12	GM13	GM14	GM15	GM10

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER): VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN		
ĐỊA CHỈ (ADDRESS): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÀN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNER): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM		
ĐỊA CHỈ (ADDRESS): D. N. 0200840177 THƯA 2/51 KẾ HOẠCH CÔNG NGHIỆP HẢI AN - HP TEL / (84) 031 3804322 (84) 031 3804322 EMAIL: HAI.NAM.SCV@GMAIL.COM; HAI.NAM@GMAIL.COM		
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM K.S. ĐÀO VĂN NAM		
CHỦ TRƯỞNG ANH KHOA HẢI NAM K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG		
CHỦ TRÌ KT K.T.S. NGUYỄN THỊ KIM DUNG		
THIẾT KẾ + VẼ K.S. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH		
KIỂM TRA K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG		
HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTG		
TÊN DỰ ÁN (PROJECT): NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): LÔ CNA 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VỖ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): TRẮC DỌC THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC		
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):		/ 2016
TỶ LỆ (SCALE):		BẢN VẼ (DRAWING NO): 1300-17-101M-04

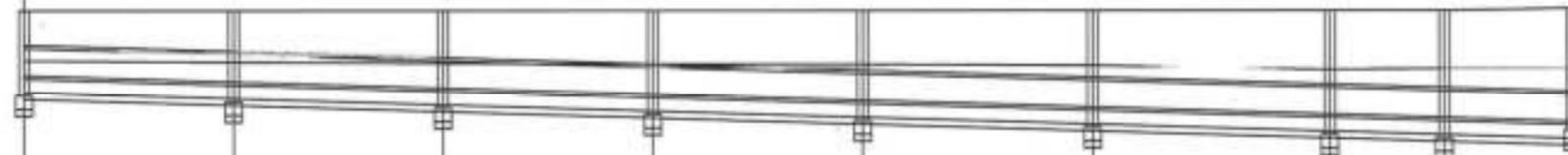
TRẮC DỌC THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC MẶT TUYẾN GM16-GM7

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP	NHÀ TRÁU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
GIÁM ĐỐC: <i>Ngô Thị Hằng</i>		

Km 0+00

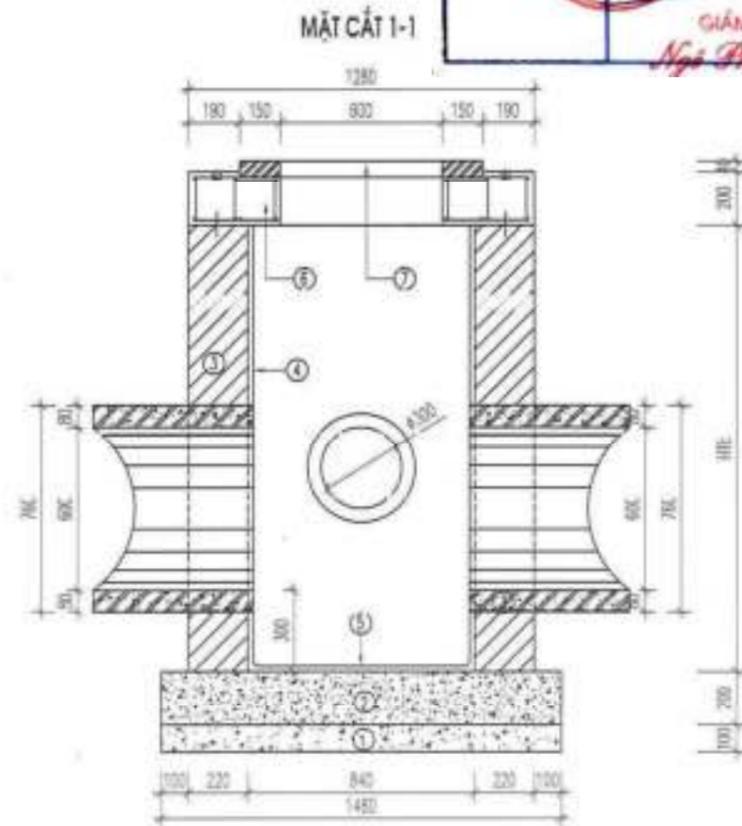
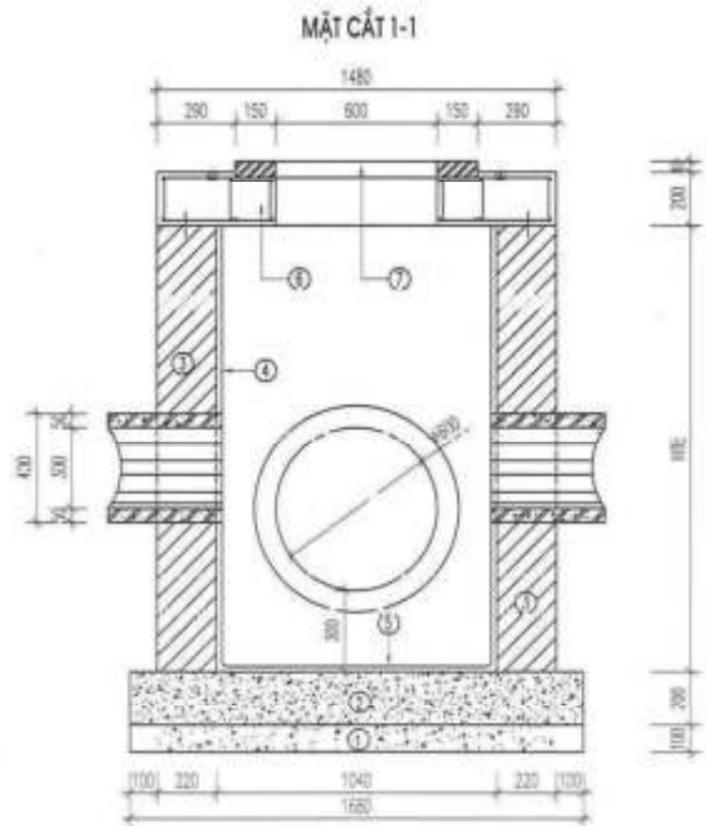
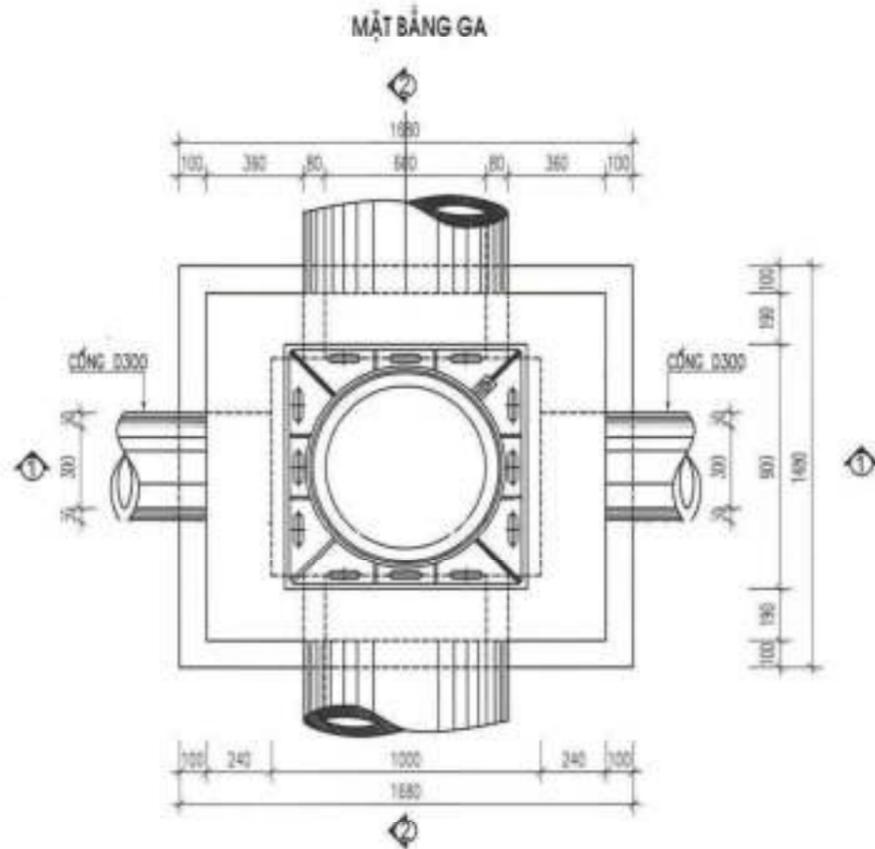
Km 0+227.40



ĐỘ ĐỐC CỐNG	ĐƯỜNG KÍNH CỐNG									
	0.3%									
CAO ĐỘ ĐỈNH GA THIẾT KẾ	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.65	5.68
CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG	4.92	4.90	4.88	4.87	4.87	4.85	4.85	4.79	4.80	4.80
CAO ĐỘ ĐÁY DÒNG CHÁY	4.70	4.61	4.52	4.42	4.33	4.23	4.12	4.07	4.02	4.02
CAO ĐỘ ĐÁY GA	4.40	4.31	4.22	4.12	4.03	3.93	3.82	3.77	3.39	3.39
KHOẢNG CÁCH GA		30.80	30.80	30.80	30.80	33.80	34.80	16.80	18.80	
CỤ LY DÒNG DỒN	0.00	30.80	61.60	92.40	123.20	157.00	191.80	208.60	227.40	
TÊN GA	GM16	GM17	GM18	GM19	GM20	GM21	GM22	GM23	GM7	

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER): VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÂN ĐỊA CHỈ (ADD):		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (DESIGNER): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN ĐỊA CHỈ (ADD):		
GIÁM ĐỐC: KS. ĐÀO VĂN NHƯ		
CHỦ TRÌ KC: KS. NGUYỄN GIANG TÙNG		
CHỦ TRÌ KT: KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG		
THIẾT KẾ + VẼ: KS. NGUYỄN KHẮC ĐỊNH		
KIỂM TRA: KS. NGUYỄN GIANG TÙNG		
HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTG		
TÊN DỰ ÁN (PROJECT):		
NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): LÔ CN4/4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VÀ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):		
TRẮC DỌC THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC		
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	/ 2016	
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO):	
	L200-17-TDN-08	

CHI TIẾT GA THU CỐNG THOÁT NƯỚC MẶT D600 DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG (GA LOẠI 1)



KÝ HIỆU:

- 1: BỐM LỖY M100, ĐÁ 4X6
- 2: BÊ TÔNG M200, ĐÁ 2X4
- 3: XÂY GẠCH CHỈ ĐẶC VHM M75
- 4: TRÁT VHM M75, DÂY 2 CM
- 5: LÁNG VHM M75, DÂY 2 CM
- 6: BÊ TÔNG TẦM ĐAN M250, ĐÁ 1X2
- 7: MẬP GA CH

GH CHÚ:

- CÁC GA CÓ CHIỀU CAO H THAY ĐỔI, XEM TRẮC ĐỌC CỐNG THOÁT NƯỚC MẶT

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP	SẴN TRỮ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

GIÁM ĐỐC
[Signature]

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GH CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER):
VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

ĐỊA CHỈ (ADDRESS):
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÀN



CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM

ĐỊA CHỈ (ADDRESS):
THƯA 2/61 ĐƯỜNG 6A PHƯỜNG 11 QUẬN 11 TP. HỒ CHÍ MINH - TP. HCM
TEL: (84) 031 382 2222 FAX: (84) 031 382 2222
EMAIL: HAINAM@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC (SUPERVISOR):
KS. ĐÀO VĂN NAM

CHỦ TRƯỞNG (OWNER):
KS. NGUYỄN GIANG TÙNG

CHỦ TRƯỞNG (OWNER):
KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

THIẾT KẾ + VẼ (DESIGNER):
KS. NGUYỄN KHẮC BÌNH

KIỂM TRA (CHECKER):
KS. NGUYỄN GIANG TÙNG

I HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC

TÊN DỰ ÁN (PROJECT):
NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION):
LÔ C4M 4E, KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH VŨ
ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):
CHI TIẾT GA THU

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):
/ 2016

TỶ LỆ (SCALE):
BẢN VẼ (DRAWING NO):
1200-17-01-01

CHI TIẾT TẤM ĐAN GA THU (GA LOẠI 1)

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

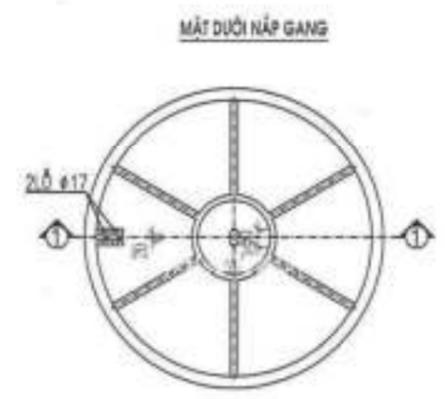
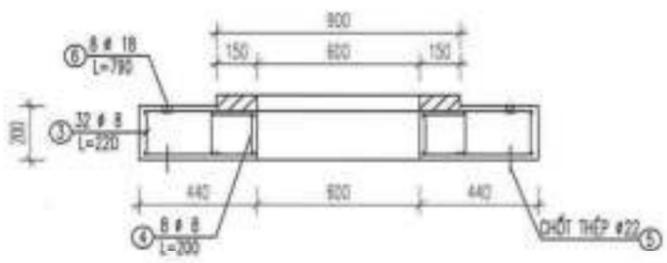
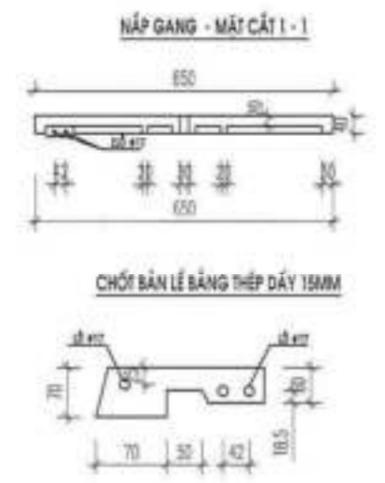
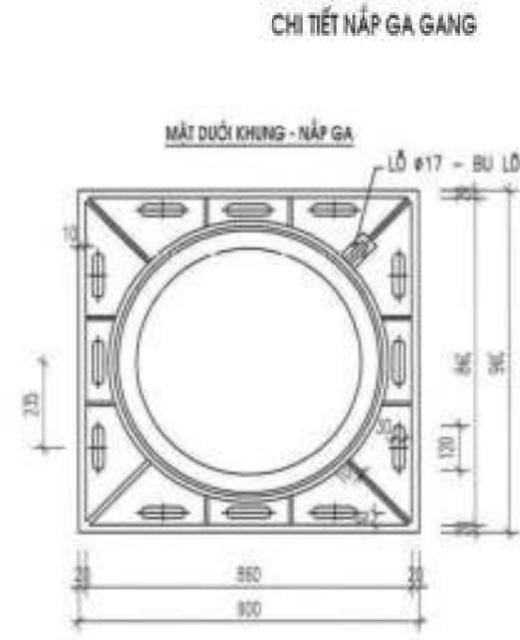
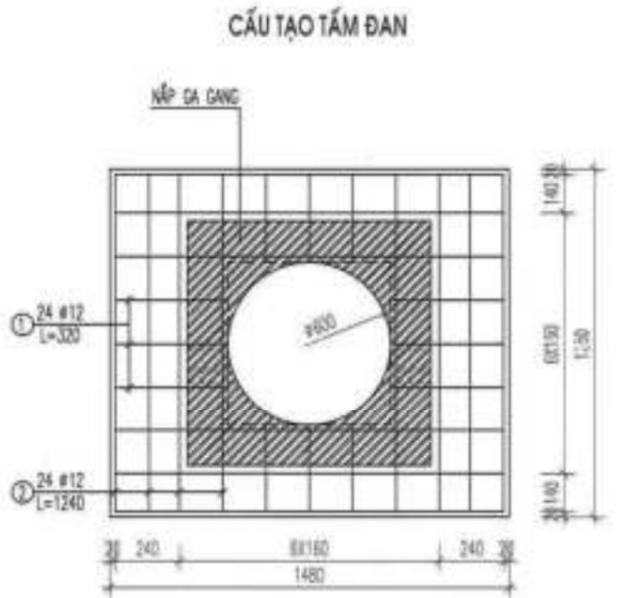
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP: *[Signature]* NHÀ TRƯU THỊ CÔNG: *[Signature]* TƯ VẤN GIÁM SÁT: *[Signature]*

GIÁM ĐỐC: *[Signature]*

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION



BẢNG THÔNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1 TẤM ĐAN

TÊN C.KIỆN	BỘ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG T. LƯỢNG (KG)
					1 C.KIỆN	T. BỐ		
TẤM ĐAN NẮP GA SỐ MANG 1	1	320	12	320	24	24	7.68	6.62
	2	1240	12	1240	24	24	29.76	26.42
	3	150 180 30	8	360	32	32	8.32	5.28
	4	150 140 15	8	240	8	8	1.92	0.76
	5	300	22	300	4	4	0.8	2.39
	6	200 40 200	18	690	8	8	4.72	9.43

- Trọng lượng thép có đường kính <= 10: 4.04 kg
 - Trọng lượng thép có đường kính <= 18: 42.67 kg
 - Trọng lượng thép có đường kính > 18: 2.39 kg
 - Bê tông M250, đá 1 x 2: 0.271 m3
 - Ván khuôn: 1.40 m2

YÊU CẦU:
 + VẬT LIỆU NẮP GA: GANG XAM
 + CHỮ VÀ BIỂU TƯỢNG:
 + CHỮ VÀ RANH CHỈM SMM

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER): **VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HẠN**

ĐỊA CHỈ (ADDRESS): **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HẠN**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNER): **CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM**

ĐỊA CHỈ (ADDRESS): **THỊA 2/51 ĐƯỜNG PHẠM VĂN ĐÓN - QUẬN HẢI AN - TP. HẢI AN - HP**

TELEPHONE: (84) 031 3804322 FAX: (84) 031 3804322 EMAIL: HAN@VHE.COM.VN

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG: **KS. ĐÀO VĂN NAM**

CHỦ TRƯỞNG: **KS. NGUYỄN GIANG TÙNG**

CHỦ TRƯỞNG KT: **KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG**

THIẾT KẾ + VẼ: **KS. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH**

KIỂM TRA: **KS. NGUYỄN GIANG TÙNG**

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC

TÊN DỰ ÁN (PROJECT): **NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE**

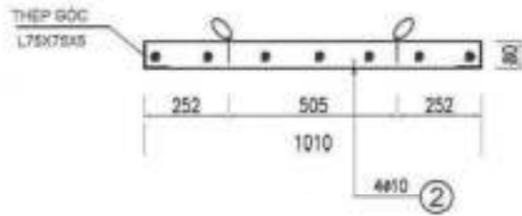
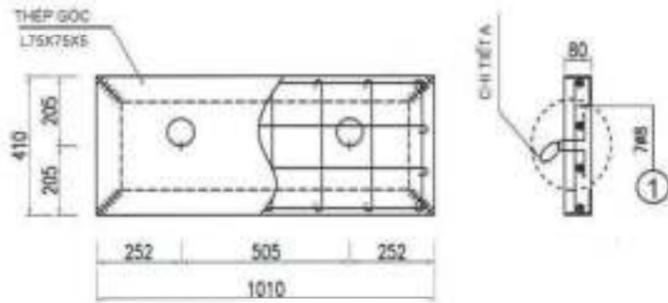
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): **LÔ CH4.4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VỎ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM**

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): **CHI TIẾT GA THU**

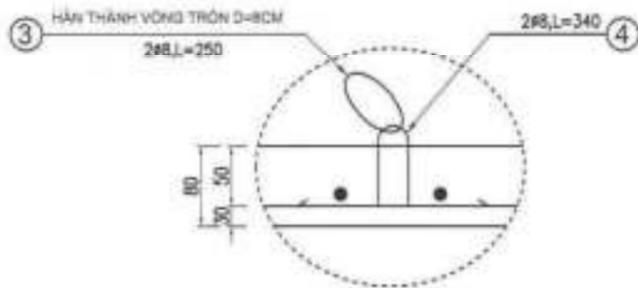
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE): **/ 2016**

TỶ LỆ (SCALE): **BẢN VẼ (DRAWING NO): 1300-17-GT-02**

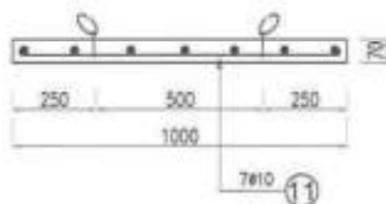
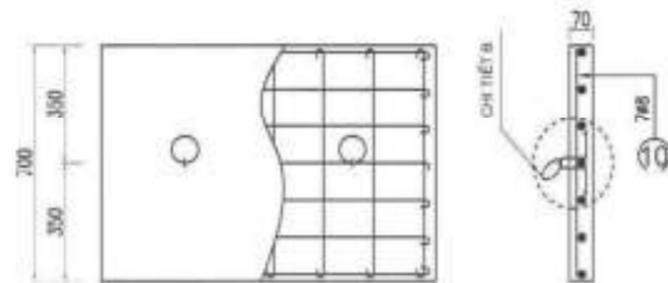
TẤM ĐẠN A



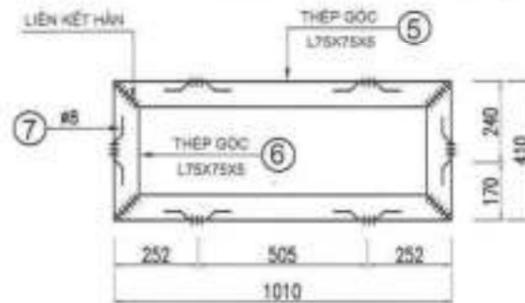
CHI TIẾT A



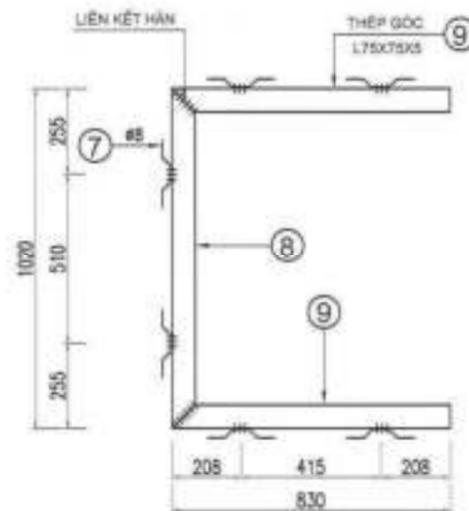
TẤM ĐẠN B



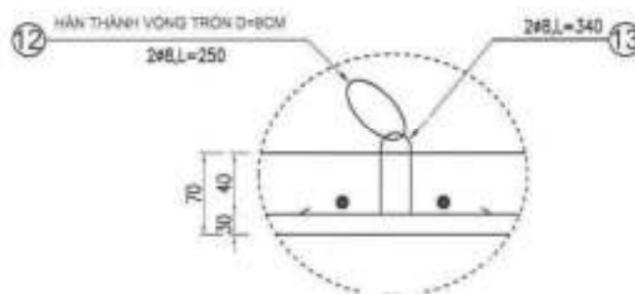
CHI TIẾT TẤM ĐẠN GA THU LOẠI 2 KHUNG THÉP HÌNH TẤM ĐẠN A



KHUNG THÉP HÌNH MIỆNG GA K1



CHI TIẾT B

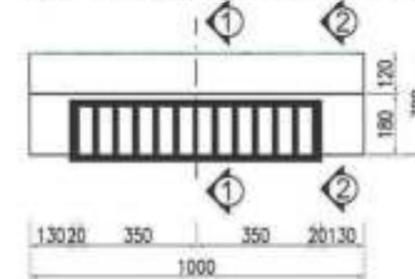


GHI CHÚ:

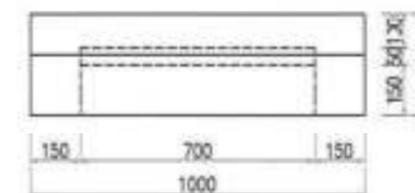
- BÊ TÔNG TẤM ĐẠN, BÓ VÍA M200, ĐÁ 1X2
- LIÊN KẾT CÁC CỐT THÉP BẰNG HÀN, HOẶC BƯỚC.
- LIÊN KẾT ĐẦU NHỮNG THANH CỐT THÉP BẰNG HÀN HOẶC BƯỚC.
- CHI TIẾT MỐC CẤU SAU KHI ĐỔ BÊ TÔNG XONG PHẢI ẮN CHÌM XUỐNG.

BÓ VÍA HÀM ÉCH

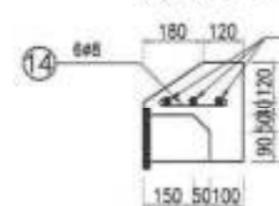
MẶT ĐÚNG (NHÌN TỪ TIM ĐƯỜNG)



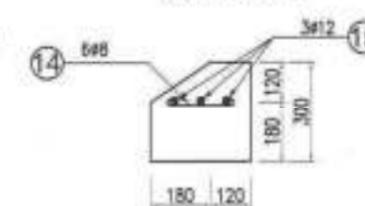
MẶT BẰNG



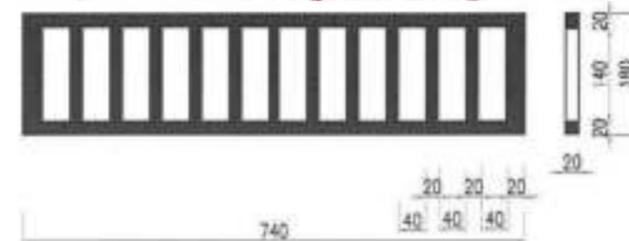
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm
 NGƯỜI LẬP: [Signature] NHÀ ĐẦU THỊ CÔNG: [Signature] TƯ VẤN GIÁM SÁT: [Signature]
 GIÁM ĐỐC: [Signature]



- DIỆN TÍCH LƯỚI CHẮN RÁC: 0.1332M²
- TRỌNG LƯỢNG LƯỚI CHẮN RÁC: 10.20KG
- KHỐI LƯỢNG BÊ TÔNG BÓ VÍA HÀM ÉCH: 0.081M³
- DIỆN TÍCH VÁN KHUÔN BÓ VÍA HÀM ÉCH: 1.836M²

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER): **VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HẠN CÔNG TY**
 ĐỊA CHỈ (ADD): **TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HẠN**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNER): **CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM**



CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM

ĐỊA CHỈ (ADD): **THỜ 2/51 ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG HẢI AN - TP. HẢI PHÒNG - QU. HẢI AN - TP. HẢI PHÒNG - VIỆT NAM**

GIÁM ĐỐC + TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG: **KS. ĐÀO VĂN NAM**
 CHỦ TRÌ KỸ THUẬT: **KS. NGUYỄN GIANG TÙNG**

CHỦ TRÌ KT: **KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG**
 THIẾT KẾ + VẼ: **KS. NGUYỄN KHẮC ĐỊNH**
 KIỂM TRA: **KS. NGUYỄN GIANG TÙNG**

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC

TÊN DỰ ÁN (PROJECT): **NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): **LÔ CN 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM**

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): **CHI TIẾT GA THU**

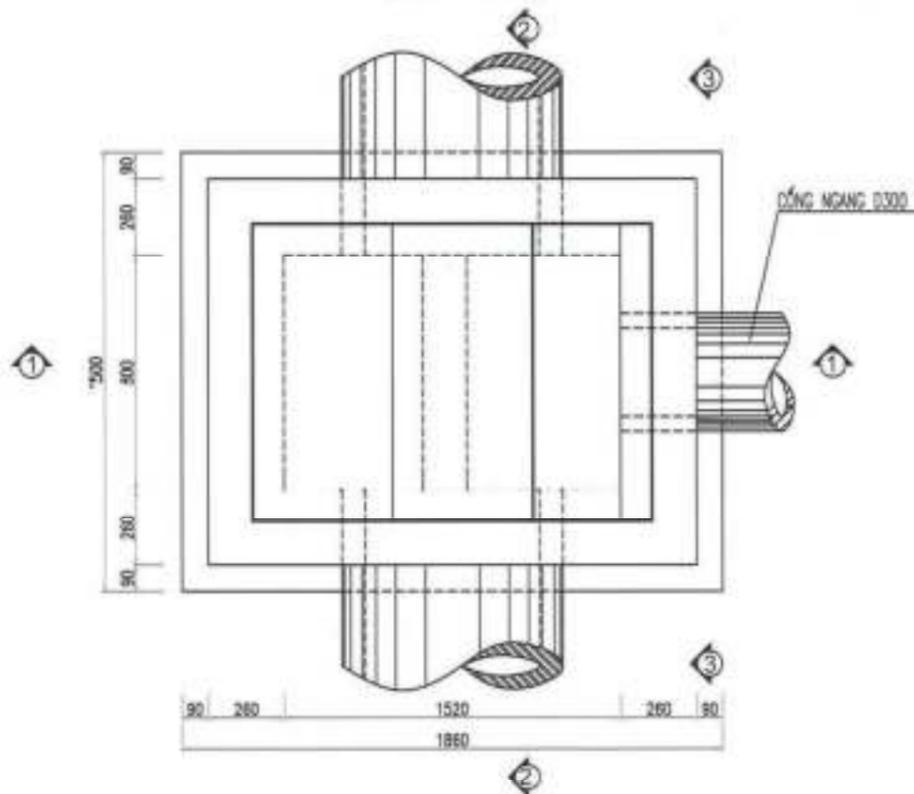
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE): **/ 2016**

TỶ LỆ (SCALE): **BẢN VẼ (DRAWING NO):**

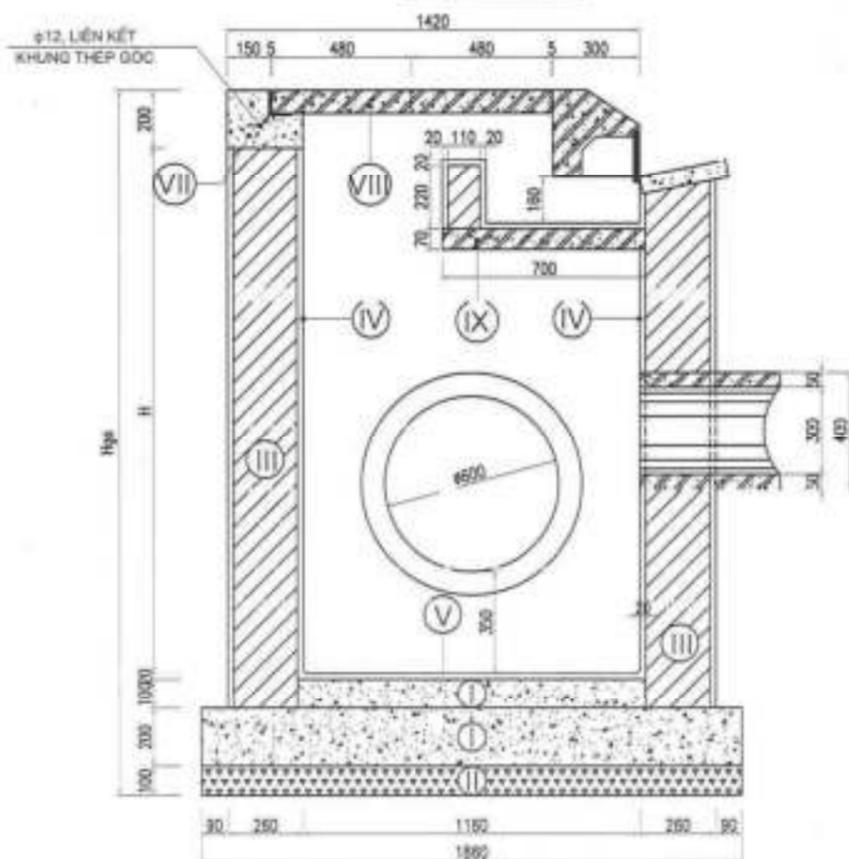
CHI TIẾT GA THU CỐNG DỌC D600, CỐNG NGANG D300 TRÊN VỈA HÈ

(GA LOẠI 3)

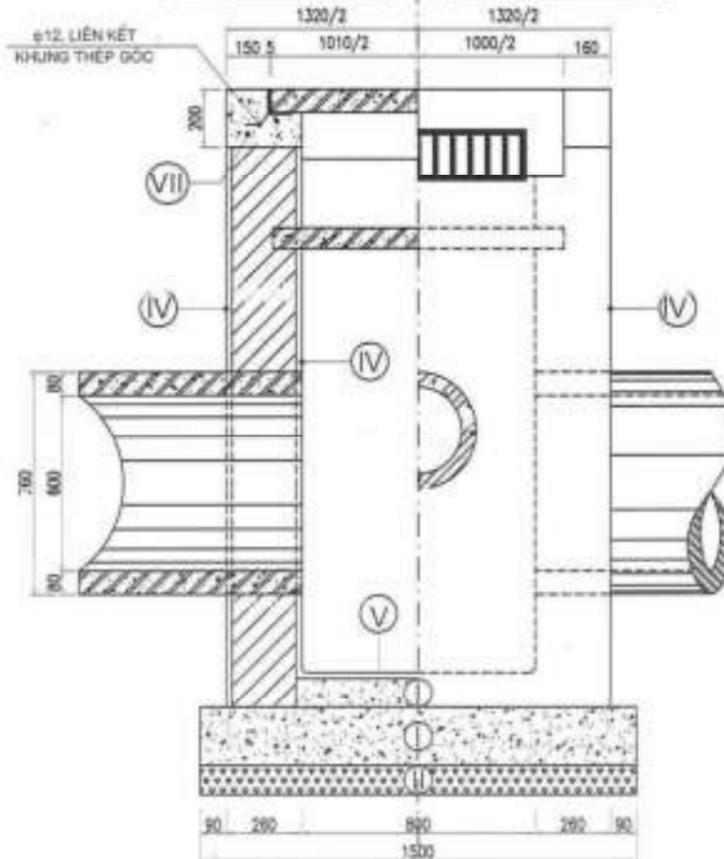
MẶT BẰNG



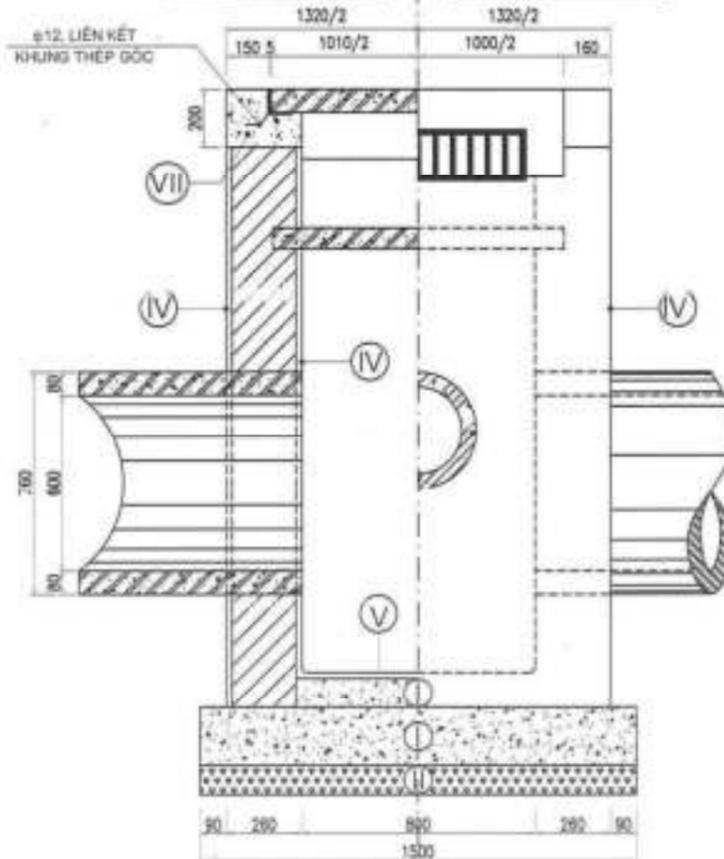
MẶT CẮT 1-1



1/2 MẶT CẮT 2-2



1/2 MẶT CẮT 3-3



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI THẨM ĐỊNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

GIÁM ĐỐC
[Signature]

KÝ HIỆU:

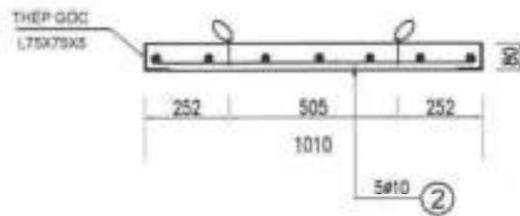
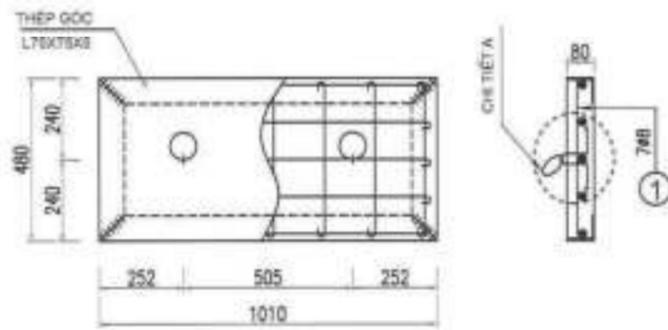
- I: BÊ TÔNG M200, ĐÁ 1X2
- II: ĐÁ 4X6 LỚT MÓNG DÂY 10 CM
- III: XÂY GẠCH CHỈ ĐẶC VXM M75
- IV: TRÁT VXM M75, DÂY 2 CM
- V: LĂNG VXM M75, DÂY 2 CM
- VI: BÊ TÔNG M250, ĐÁ 1X2 ĐỔ TẠI CHỖ
- VII: BÊ TÔNG M200, ĐÁ 1X2 ĐỔ TẠI CHỖ
- VIII: TẤM ĐAN A
- IX: TẤM ĐAN B
- XI: KHUNG THÉP HÌNH 175X75X5
- DI: TẤM ĐAN GA GI
- H: ĐƯỜNG HẸN

GHI CHÚ:

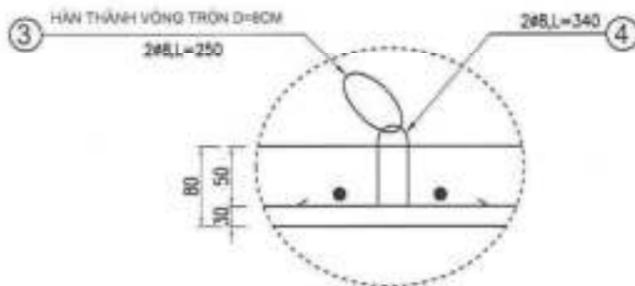
- CÁC GA CÓ CHIỀU CAO H THAY ĐỔI, XEM TRẮC ĐỌC CỐNG THOÁT NƯỚC MẶT

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER) VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÙNG		
ĐỊA CHỈ (ADD): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÙNG		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGN UNIT) CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM		
ĐỊA CHỈ (ADD): THƯỜNG KIỆT ĐƯỜNG SỐ 10, QUẬN HẢI AN - TP. HỒ CHÍ MINH TEL: (84) 03 13804322 FAX: (84) 03 13804322 EMAIL: HAINAM@GMAIL.COM		
GIÁM ĐỐC KS. ĐÀO VĂN NAM	CỔ PHẦN TU VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM	
CHỦ TRƯỞNG KS. NGUYỄN GIANG TÙNG	<i>[Signature]</i>	
CHỦ TRƯỞNG KT KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG	<i>[Signature]</i>	
THIẾT KẾ + VẼ KS. NGUYỄN KIỆC ĐÌNH	<i>[Signature]</i>	
KIỂM TRA KS. NGUYỄN GIANG TÙNG	<i>[Signature]</i>	
HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTG		
TÊN DỰ ÁN (PROJECT): NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE		
VỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): 1 Ô CNA 4F, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): CHI TIẾT GA THU		
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	/ 2016	
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO): 1200-17-GT-06	

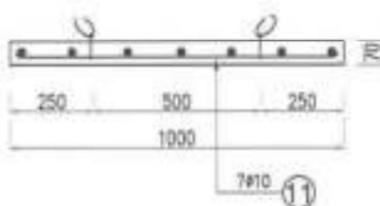
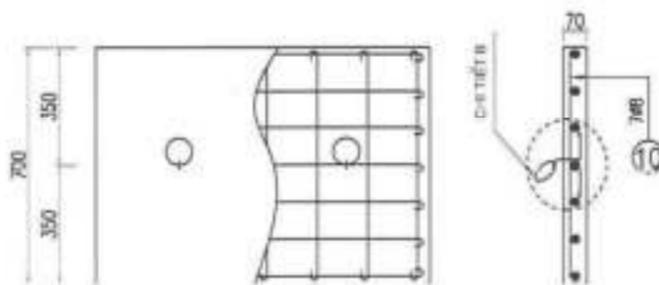
TẤM ĐẠN A



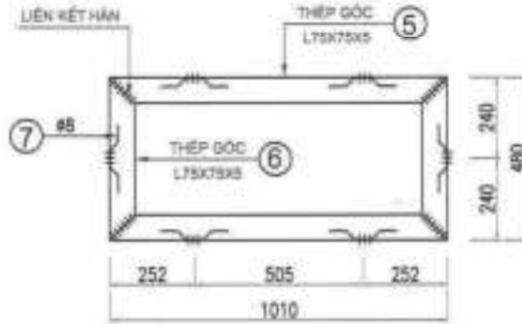
CHI TIẾT A



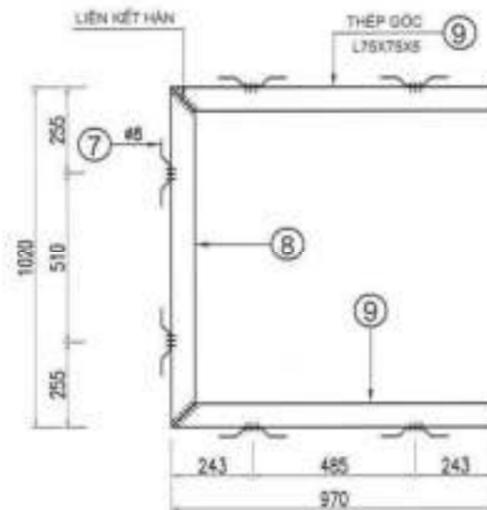
TẤM ĐẠN B



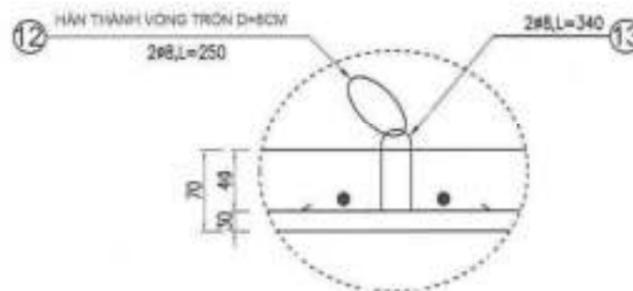
CHI TIẾT TẤM ĐẠN GA THU LOẠI 3 KHUNG THÉP HÌNH TẤM ĐẠN A



KHUNG THÉP HÌNH MIỆNG GA K1



CHI TIẾT B

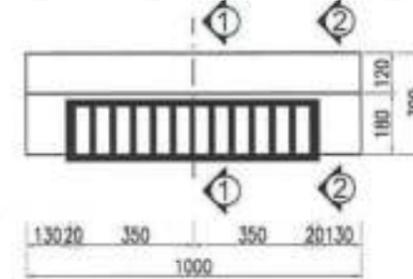


GHI CHÚ:

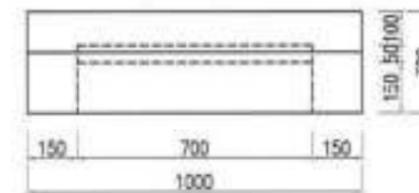
- BÊ TÔNG TẤM ĐẠN, BÓ VÍA M200, ĐÁ 1X2
- LIÊN KẾT CÁC CỐT THÉP BẰNG HÀN, HOẶC BƯỚC.
- LIÊN KẾT ĐẦU NHỮNG THANH CỐT THÉP BẰNG HÀN HOẶC BƯỚC.
- CHI TIẾT MỐC CẦU SAU KHI ĐỔ BÊ TÔNG XONG PHẢI ẮN CHÌM XUỐNG.

BÓ VÍA HÀM ÉCH

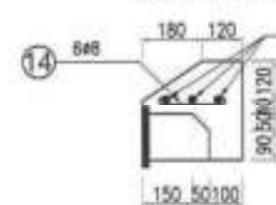
MẶT ĐỪNG (NHÌN TỪ TIM ĐƯỜNG)



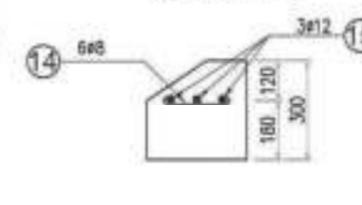
MẶT BẰNG



MẶT CẮT 1-1



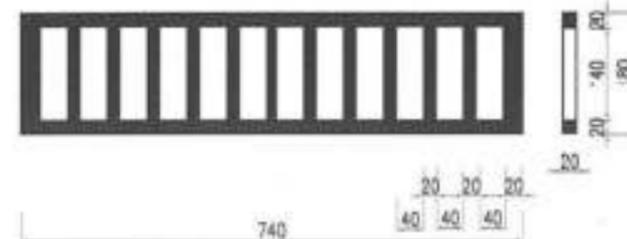
MẶT CẮT 2-2



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI CHẤU THỰC CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Ngày tháng năm GIÁM ĐỐC <i>[Signature]</i>		



- DIỆN TÍCH LƯỚI CHẮN RÁC: 0.1332M²
- TRỌNG LƯỢNG LƯỚI CHẮN RÁC: 10.20KG
- KHỐI LƯỢNG BÊ TÔNG BÓ VÍA HÀM ÉCH: 0.051M³
- DIỆN TÍCH VÁN KHUÔN BÓ VÍA HÀM ÉCH: 1.636M²

SỬA ĐỔI - REVISION

SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER)
VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÀN
 ĐỊA CHỈ (ADDRESS):

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGN UNIT)



CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM

ĐỊA CHỈ (ADDRESS):
 THỜA 2/51 CÁN CẤP 2, CÔNG TY TNHH AN - HẢI
 TEL: (84) 031.380.2323 FAX: (84) 031.380.2323
 EMAIL: HANAM@CVTHAIHAI.COM.VN

GIÁM ĐỐC
 K.S. ĐÀO VĂN NAM

CHỦ TRƯỞNG
 K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG

CHỦ TRƯỞNG KT
 K.T.S. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

THIẾT KẾ + VẼ
 K.S. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH

KIỂM TRA
 K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTČ

TÊN DỰ ÁN (PROJECT):

NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION):
 LÔ CHA 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ
 ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM

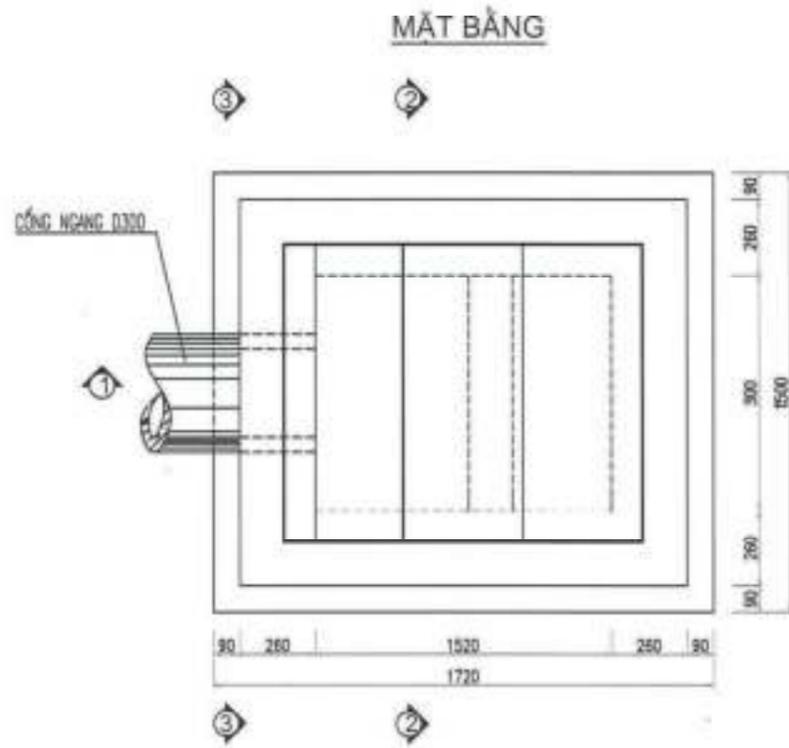
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):

CHI TIẾT GA THU

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE): / 2016

TỶ LỆ (SCALE): BẢN VẼ (DRAWING NO):
 1:200-17-01-06

CHI TIẾT GA THU CỐNG NGANG D300 TRÊN VỈA HÈ (GA LOẠI 4)



KÝ HIỆU:

- I: BÊ TÔNG M200, ĐÁ 1X2
- II: ĐÁ 4X6 LỚT MÓNG DÂY 10 CM
- III: XÂY GẠCH CHÉ ĐẶC VXM M75
- IV: TRÁT VXM M75, DÂY 2 CM
- V: LĂNG VXM M75, DÂY 2 CM
- VI: BÊ TÔNG M250, ĐÁ 1X2 ĐỔ TẠI CHỖ
- VII: BÊ TÔNG M200, ĐÁ 1X2 ĐỔ TẠI CHỖ
- VIII: TẤM ĐAN A
- IX: TẤM ĐAN B
- K1: KHUNG THÉP HÌNH 175X75X5
- D1: TẤM ĐAN GA G1
- H: ĐƯỜNG HẸN

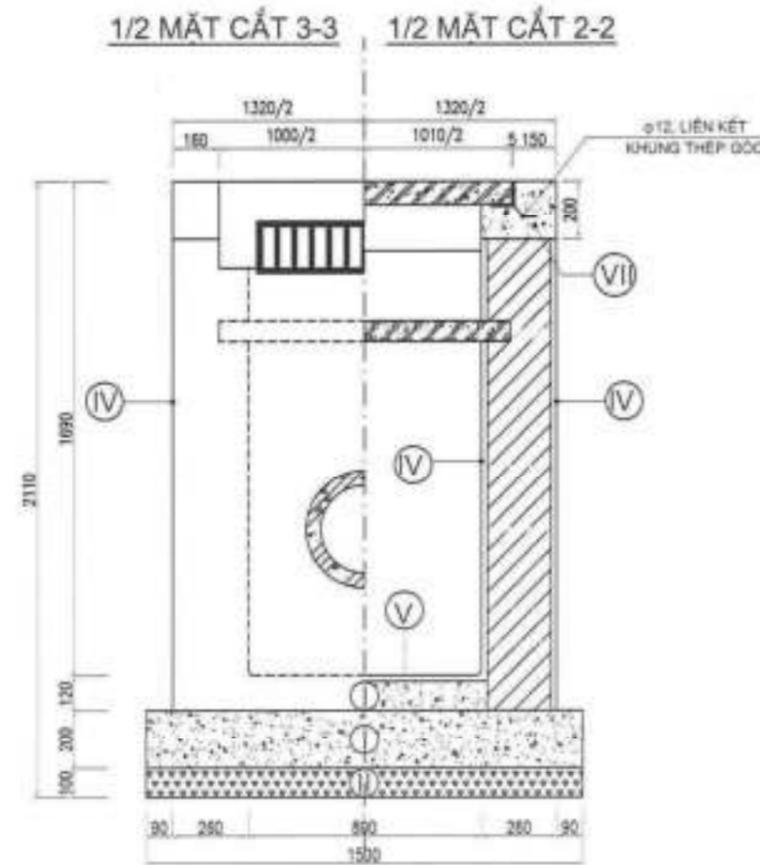
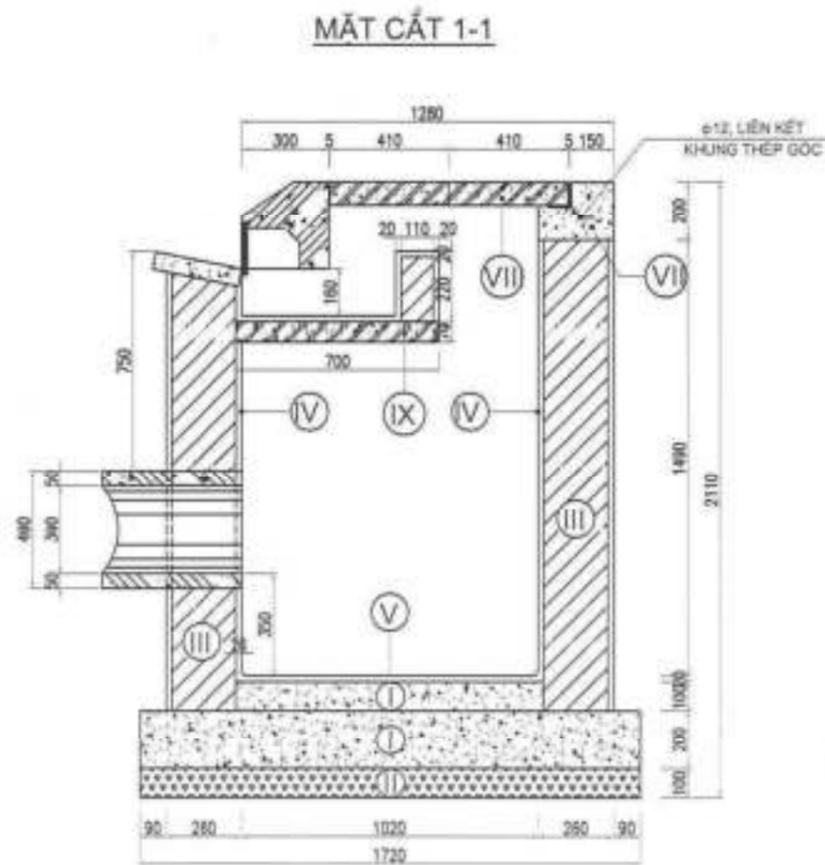
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

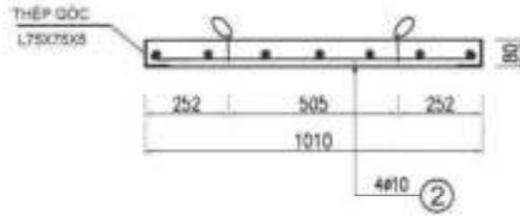
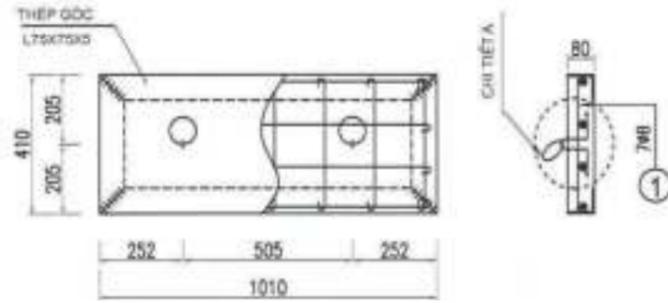
NGƯỜI LẬP	SẴN THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

GIÁM ĐỐC
[Signature]

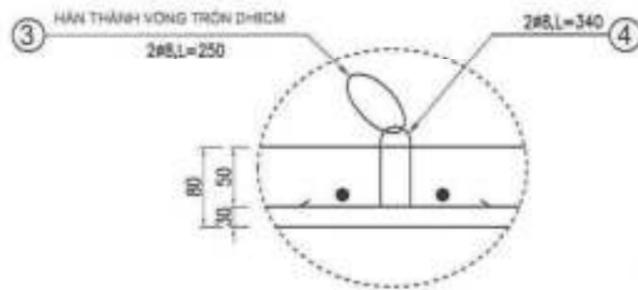


SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER) VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HẠN ĐỊA CHỈ (ADD):		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNER) CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM ĐỊA CHỈ (ADD):		
THỬA 2/51 ĐƯỜNG 30/4 - P. ĐÔNG TÂY - Q. HẢI AN - TP. HẢI PHÒNG TEL: (84) 031.3504372 FAX: (84) 031.3504322 EMAIL: HAINAM@VTC.VN VTC@HAINAM.VN		
GIÁM ĐỐC KS. ĐÀO VĂN NAM		
CHỦ TRÌ KC KS. NGUYỄN GIANG TÙNG		
CHỦ TRÌ KT KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG		
THIẾT KẾ + VẼ KS. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH		
KIỂM TRA KS. NGUYỄN GIANG TÙNG		
I HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTG		
TÊN DỰ ÁN (PROJECT):		
NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): LÔ CN4.4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):		
CHI TIẾT GA THU		
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):		/ 2016
TỶ LỆ (SCALE):		BẢN VẼ (DRAWING NO): 1300-17-GT-07

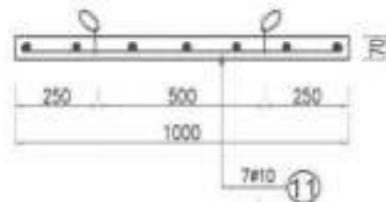
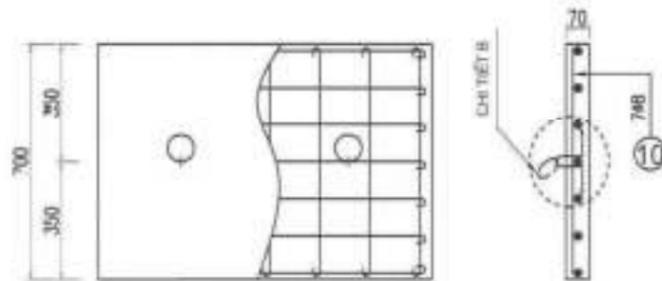
TẤM ĐẠN A



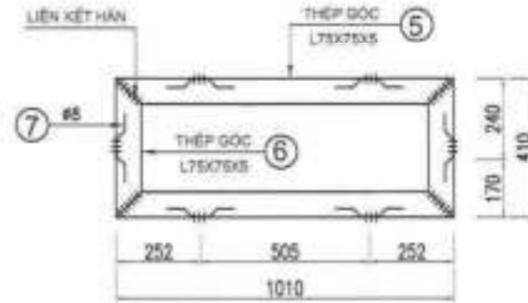
CHI TIẾT A



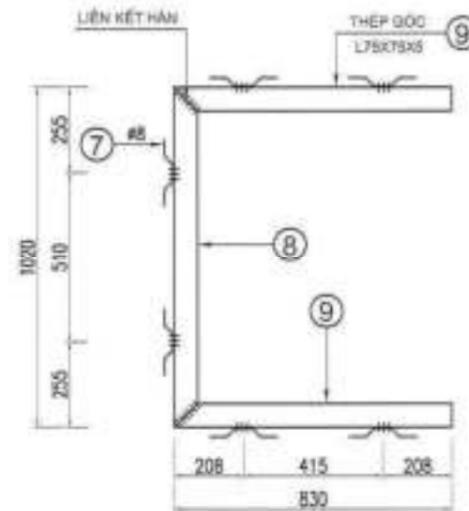
TẤM ĐẠN B



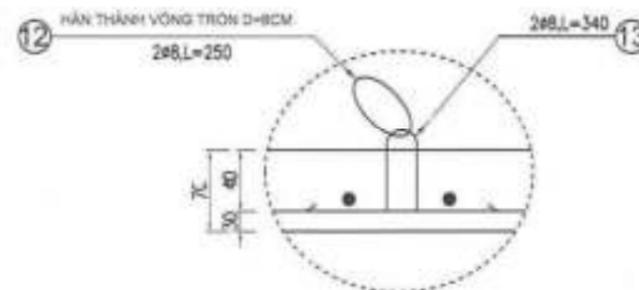
CHI TIẾT TẤM ĐẠN GA THU LOẠI 4 KHUNG THÉP HÌNH TẤM ĐẠN A



KHUNG THÉP HÌNH MIỆNG GA K1



CHI TIẾT B

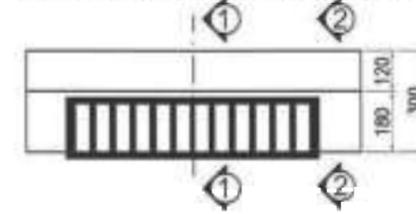


GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG TẤM ĐẠN, BỐ VÍA M200, ĐÁ 1X2
- LIÊN KẾT CÁC CỐT THÉP BẰNG HÀN, HOẶC BUỘC.
- LIÊN KẾT ĐẦU NHỮNG THANH CỐT THÉP BẰNG HÀN HOẶC BUỘC.
- CHI TIẾT MỐC CẦU SAU KHI ĐỔ BÊ TÔNG XONG PHẢI ẮN CHÌM XUỐNG.

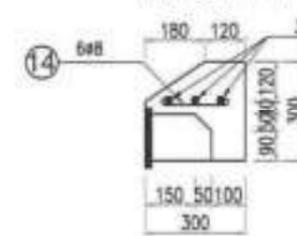
BỐ VÍA HÀM ÉCH

MẶT ĐỪNG (NHÌN TỨ TÌM ĐƯƠNG)

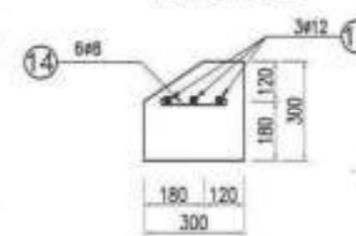


CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm
 NGƯỜI LẬP: SỬA CHỮA THI CÔNG TU VẤN GIÁM SÁT
 GIÁM ĐỐC: Nguyễn Phú Cường

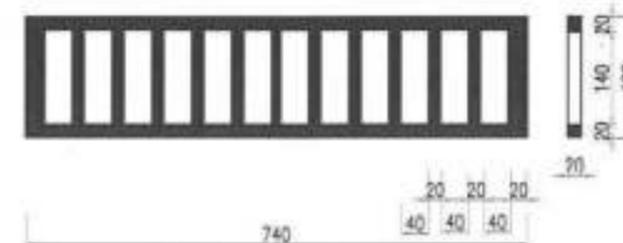
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG

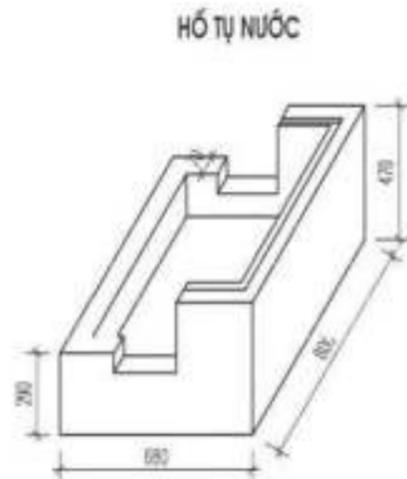


- DIỆN TÍCH LƯỚI CHẮN RÁC: 0.1332M²
- TRỌNG LƯỢNG LƯỚI CHẮN RÁC: 10.20KG
- KHỐI LƯỢNG BÊ TÔNG BỐ VÍA HÀM ÉCH: 0.051M³
- DIỆN TÍCH VÁN KHUÔN BỐ VÍA HÀM ÉCH: 1.636M²

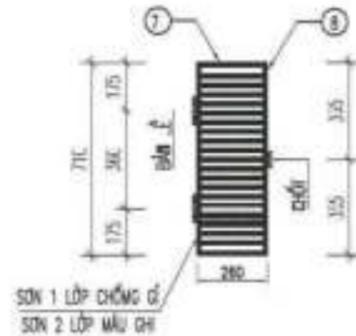
SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ: VHF CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÂN ĐỊA CHỈ: HAI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM		
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM		
ĐỊA CHỈ (ADD): THỊA 2/51 ĐƯỜNG 10/11 - QUẬN HẢI AN - TP. HẢI PHÒNG - VIỆT NAM TEL: (84) 031 3804382 FAX: (84) 031 3804382 EMAIL: HAINAM@GMAIL.COM		
GIÁM ĐỐC: KS. ĐÀO VĂN NAM	CHỦ TRƯỞNG: KS. NGUYỄN GIANG TÙNG	CHỦ TRƯỞNG KT: KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG
THIẾT KẾ + VẼ: KS. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH	KIỂM TRA: KS. NGUYỄN GIANG TÙNG	(Signatures)
I HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTG		
TÊN DỰ ÁN (PROJECT): NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHF		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): LÔ C/N 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH YÚ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): CHI TIẾT GA THU		
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	/ 2016	
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO): 1200-17-01-08	

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm
 NGƯỜI LẬP: *[Signature]* NHÀ TRƯU THI CÔNG: *[Signature]* TƯ VẤN GIÁM SÁT: *[Signature]*
 GIÁM ĐỐC: *[Signature]*
 Ngày 26/08/2016

CHI TIẾT HỒ TỤ NƯỚC, GHI CHẮN RẮC GA THU LOẠI 5



CHI TIẾT GHI CHẮN RẮC
(THÉP VUÔNG ĐẶC 14X14)



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CHO 1 HỒ TỤ NƯỚC

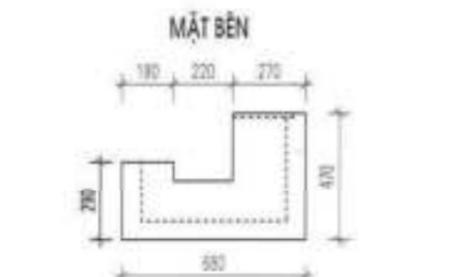
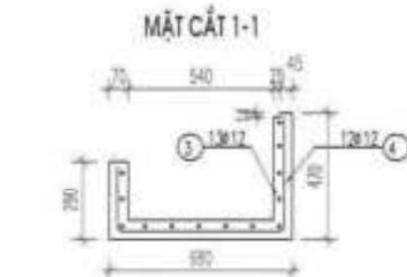
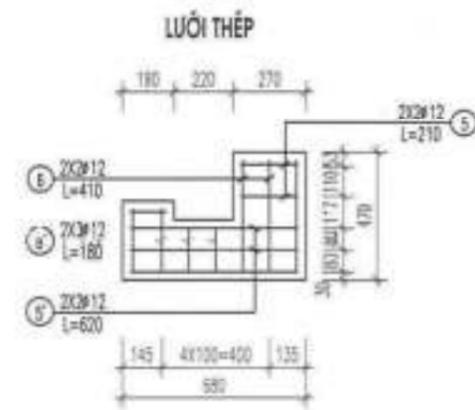
TÊN C KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG TƯỜNG (KG)
					CÁC KIỆN	T.ĐO		
HỒ TỤ NƯỚC SỐ LƯỢNG: 1	3	380 150 200	10	1100	15	15	14.95	13.27
	4	240 320 400	10	1280	12	12	10.36	13.64
	5	320	10	210	2	4	0.84	0.74
	6	400	10	620	2	4	2.48	2.20
	7	420	10	410	2	4	1.64	1.46
	8	180	10	180	8	8	1.08	0.96

- TRỌNG LƯỢNG THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH: 12 = 32.27 KG

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CHO 1 GHI CHẮN RẮC

TÊN C KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG TƯỜNG (KG)
					CÁC KIỆN	T.ĐO		
GHI CHẮN RẮC SỐ LƯỢNG: 1	7	—	14X14	230	21	21	4.83	7.90
	8	—	14X14	710	2	2	1.42	0.20

- TRỌNG LƯỢNG THÉP VUÔNG ĐẶC: 9.70 KG



- GHI CHÚ:**
- VẤN KHUÔN HỒ TỤ NƯỚC: 1.72M2
 - BỂ TÔNG HỒ TỤ NƯỚC: 0.082M3
 - LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP CÁC TẦM ĐẠM SẠY TỐI THIỂU 2.5 CM.
 - LÊN KẾT CÁC CỐT THÉP BẰNG HÀM, HOẶC ĐUỘC.
 - HỒ TỤ NƯỚC ĐÓNG BÊ TÔNG CỐT THÉP M250, ĐÁ 1X2

SỬA ĐỔI - REVISION

SỐ NO	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER): **VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÙNG**
 ĐỊA CHỈ (ADD): **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÙNG**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNER): **AN CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM**
 ĐỊA CHỈ (ADD): **THƯỜNG KIỆT - HẢI AN - HP**
 TEL: (84) 031 8804322
 EMAIL: HAINAM@LETUYENVANTHIEUKETHE.COM

GIÁM ĐỐC XÂY DỰNG HẢI NAM
 K.S. ĐÀO VĂN NAM

CHỦ TRÌ KC
 K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG

CHỦ TRÌ KT
 K.T.S. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

THIẾT KẾ + VẼ
 K.S. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH

KIỂM TRA
 K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTG

TÊN DỰ ÁN (PROJECT): **NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE**

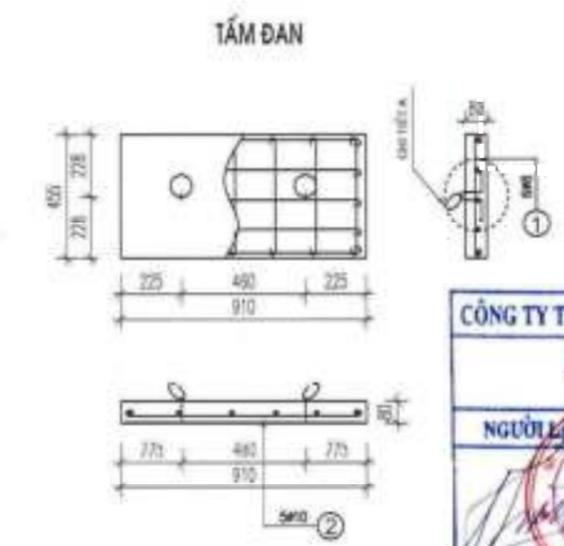
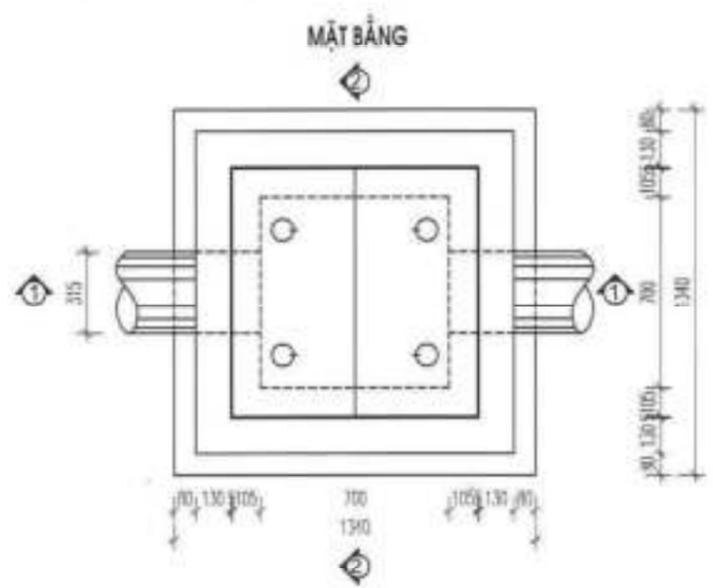
Địa điểm xây dựng (LOCATION): **LÔ CNA 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH YỖ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM**

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): **CHI TIẾT HỒ TỤ NƯỚC, GHI CHẮN RẮC**

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE): **/ 2016**

TỶ LỆ (SCALE): **BẢN VẼ (DRAWING NO): 1200-17-GT-10**

CHI TIẾT GA THU NƯỚC THẢI, CỐNG D315 (GA LOẠI 6)

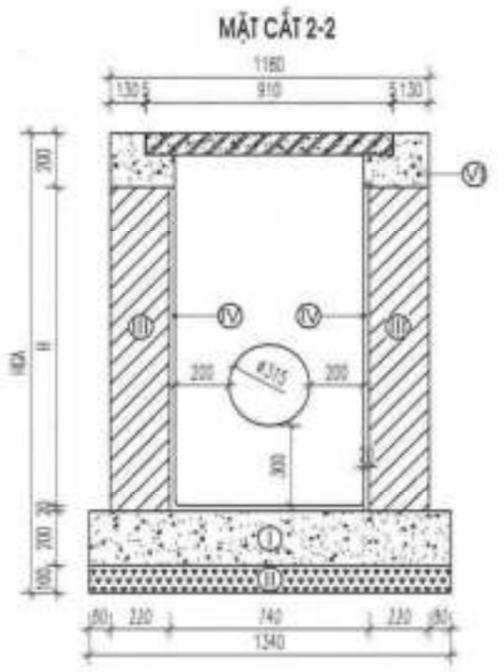
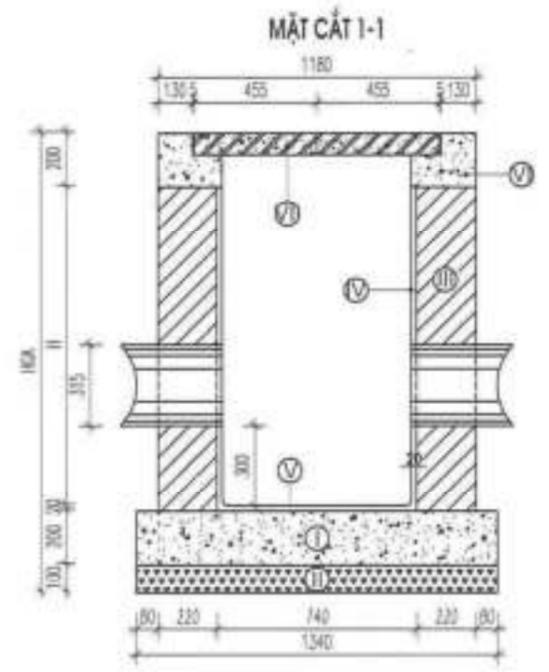


CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP	SẴN ĐẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

GIÁM ĐỐC
[Signature]



- Chú ý:**
- I: BÊ TÔNG M200, ĐÁ 1X2
 - II: Đệm lớp đá 2X4 lót mỏng dày 10 cm
 - III: XÂY GẠCH CHẾ GÁC VIM M75
 - IV: TRÁT VIM M75, DÂY 2 CM
 - V: LĂNG VIM M75, DÂY 2 CM
 - VI: BÊ TÔNG M200, ĐÁ 1X2
 - VII: TẤM ĐÀN BÊ TÔNG M200, ĐÁ 1X2
- CÁC GA CÓ CHIỀU CAO H THAY ĐỔI, XEM TRƯỚC ĐỌC THOÁT NƯỚC
 - LIÊN KẾT CÁC CỐT THÉP BẰNG HAI, HOẶC ĐUỐC
 - CHI TIẾT MỐC CẦU SAU KHI ĐỔ BÊ TÔNG XONG PHẢI ẤN CHÌM XƯƠNG



TÊN C. KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ TIẾT, TH		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG TƯỜNG (KG)
					I C. KIỆN	T. BỐ		
Màn đan	1	910 415 910	8	835	6	12	6.42	2.829
	2	910 870 910	10	990	5	10	9.90	6.098
	3	80 80	8	251.2	2	4	1.0048	0.396
	4	10 80 80	8	251.4	2	4	1.0056	0.397

- TRỌNG LƯỢNG THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH D ≤ 10 = 11.392 KG

SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ (PROJ. EST.): VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÂN ĐỊA CHỈ (ADD.): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÂN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGNED BY): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM		
ĐỊA CHỈ (ADD.): 2/51 ĐƯỜNG 2 THÁNG 4, PHƯỜNG AN HÒA, QUẬN BÌNH AN - TP. HỒ CHÍ MINH TEL: (84) 031 280 222 EMAIL: HAINAM.VN@GMAIL.COM		
GIÁM ĐỐC K.S. ĐÀO VĂN NAM	CHỖ TRỊ KẾ K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG	CHỖ TRỊ KẾ K.T.S. NGUYỄN THỊ KIM DUNG
THIẾT KẾ + VẼ K.S. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH	KIỂM TRA K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG	(Signatures)
HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC		
TÊN DỰ ÁN (PROJECT): NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): LÔ CN4.4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VÀ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): CHI TIẾT GA THU		
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	/ 2016	
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO): L200-17-01-11	

CHI TIẾT GA THU NƯỚC THẢI, CỐNG D200

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm
 NGƯỜI LẬP: [Signature] NHÀ ĐẦU TƯ CÔNG: [Signature] TƯ VẤN GIÁM SÁT: [Signature]
 GIÁM ĐỐC: [Signature]

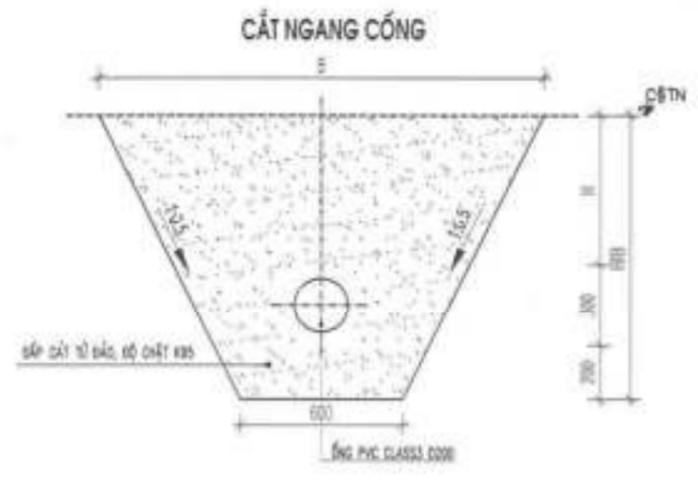
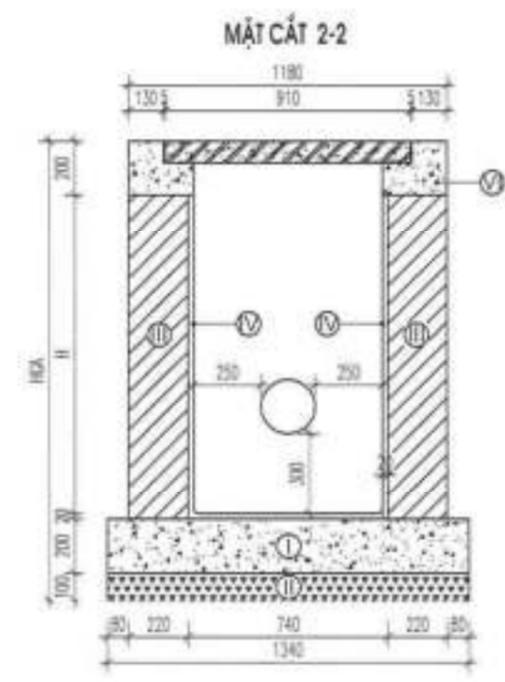
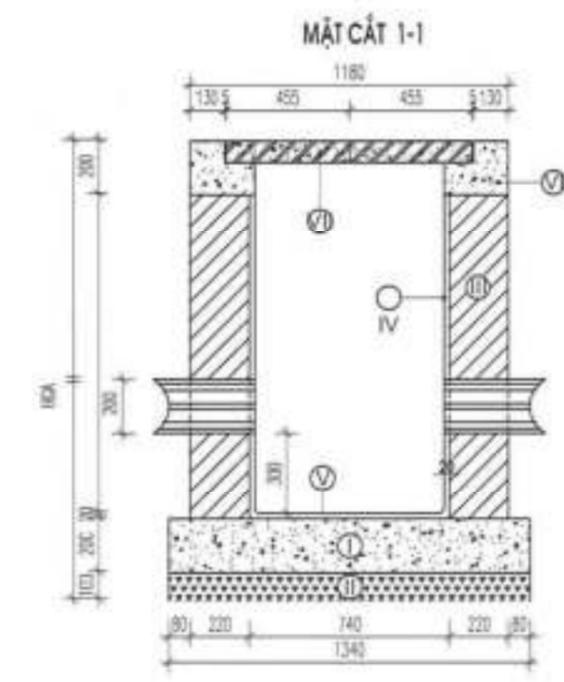
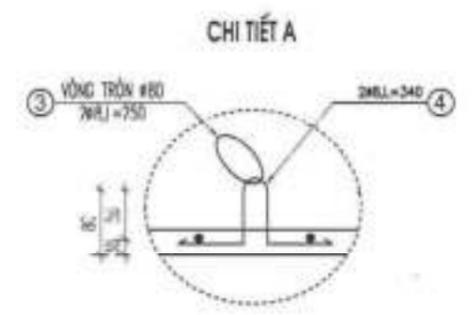
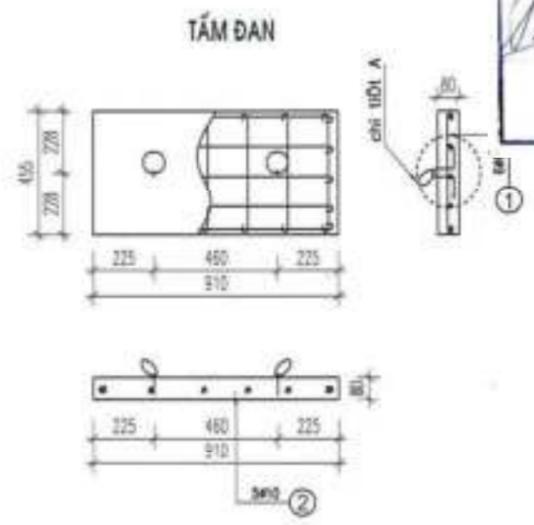
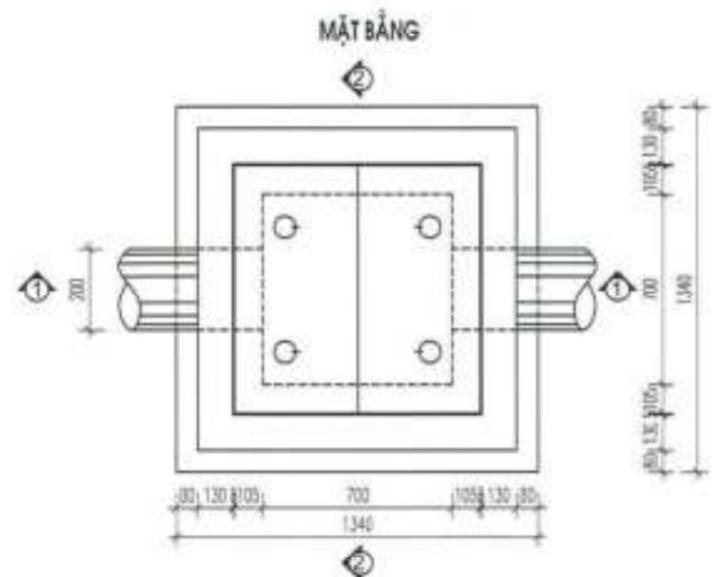
SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:
 CHỦ ĐẦU TƯ: [Signature]
VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÂN
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÂN
 ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: [Signature]

AN
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM
 ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: [Signature]

GIÁM ĐỐC: [Signature]
 K.S. ĐẠO VĂN NAM
 CHỦ TRÌ KC: [Signature]
 K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG
 CHỦ TRÌ KT: [Signature]
 K.T.S. NGUYỄN THỊ KIM DUNG
 THIẾT KẾ + VẼ: [Signature]
 K.S. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH
 KIỂM TRA: [Signature]
 K.S. NGUYỄN GIANG TÙNG

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVIC
 TÊN DỰ ÁN (PROJECT):
 NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHIẾM VIỆC
 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: [Address]
 LÔ CN4-4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VÀ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM
 TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):
CHI TIẾT GA THU
 NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE): / 2016
 TỶ LỆ (SCALE): BẢN VẼ (DRAWING NO): 1200-17-QT-11



- GHI CHÚ:
 I: BỂ TÔNG M200, ĐÁ 1X2
 II: ĐEM LỚP ĐÁ 2X4 LỚT MÓNG DÀY 10 CM
 III: XÂY GẠCH CHỈ SẮC VÌM M75
 IV: TRÁT VÌM M75, DÀY 2 CM
 V: LĂNG VÌM M75, DÀY 2 CM
 VI: BỂ TÔNG M200, ĐÁ 1X2
 VII: TẤM DAN BỂ TÔNG M200, ĐÁ 1X2
 - CÁC GA CÓ CHÉU CAO H THAY ĐỔI, XEM TRẮC ĐỌC THOÁT NƯỚC
 - LIÊN KẾT CÁC CỘT THÉP BẰNG HÀM, HOẶC BUỘC.
 - CHI TIẾT MỐC CẦU SAU KHI ĐỔ BỂ TÔNG XONG PHẢI ẨM CHẤM XƯNG.

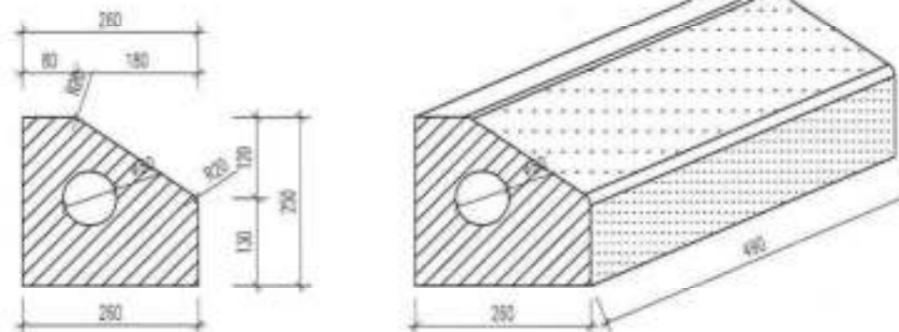
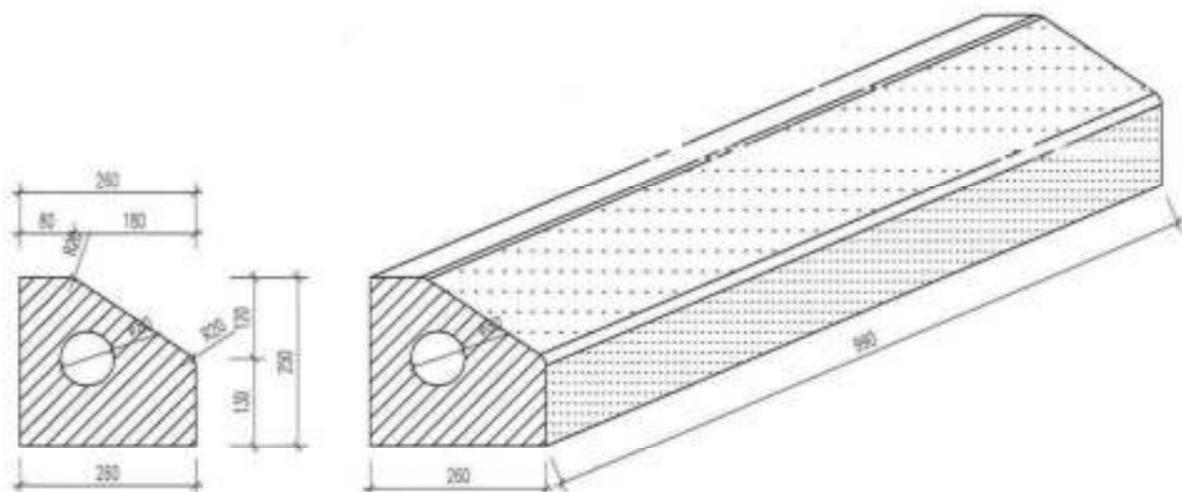
TÊN C. KIỆN	SỐ HẸU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG TƯỜNG LƯỢNG (KG)
					I C. KIỆN	T. BỘ		
VÀNH THÉP (V. THÉP)	1	Ø1180 - 415 - Ø8	8	836	6	12	6.42	2.829
	2	Ø1180 - 870 - Ø8	10	990	5	10	9.90	6.098
	3	Ø1180 - 201.2	8	201.2	2	4	1.0048	0.396
	4	Ø1180 - 251.4	8	251.4	2	4	1.0056	0.397

TỔNG LƯỢNG THÉP CỎ ĐƯỜNG KÍNH D = Ø1180 = 11.392 KG

CHI TIẾT VIÊN BÓ VÍA, VIÊN ĐAN RÃNH

CẤU TẠO BÓ VÍA LOẠI 1M

CẤU TẠO BÓ VÍA LOẠI 0.5M



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm
 NGƯỜI LẬP: *[Signature]* NHÀ TRẦU THI CÔNG: *[Signature]* TƯ VẤN GIÁM SÁT: *[Signature]*
 GIÁM ĐỐC: *[Signature]*
 NGUYỄN ĐÌNH HÙNG

GHI CHÚ:

- CẤU TẠO VIÊN BÓ VÍA HẸ, VIÊN ĐAN RÃNH BT M200, BÉ 1X2
- BÓ VÍA LOẠI 1 DÙNG CHO ĐƯỜNG THƯỜNG
- BÓ VÍA LOẠI 2 DÙNG CHO ĐƯỜNG CÔNG VÀ ĐẠM VƯỢT NỔI
- VÁN KHUÔN VIÊN BÓ VÍA LOẠI 1M: 0.6X1.2
- VÁN KHUÔN VIÊN BÓ VÍA LOẠI 0.5M: 0.47X1.2

CẤU TẠO VIÊN ĐAN RÃNH



SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER):
VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÂN
 ĐỊA CHỈ (ADDRESS):

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGN UNIT):



CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM

ĐỊA CHỈ (ADDRESS):
 THƯA 2/ST ĐƯỜNG 1/9 PHƯỜNG VĂN PHONG QUẬN AN - HP
 TEL: (84) 031.380.229 FAX: (84) 031.380.430
 EMAIL: HAINAM@GMAIL.COM NGUYEN@HAINAM.VN

GIÁM ĐỐC:
KS. ĐÀO VĂN NAM

CHỦ TRƯỞNG:

KS. NGUYỄN GIANG TÙNG

CHỦ TRƯỞNG:

KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

THIẾT KẾ + VẼ:

KS. NGUYỄN KHẮC BÌNH

KIỂM TRA:

KS. NGUYỄN GIANG TÙNG

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC

TÊN DỰ ÁN (PROJECT):

NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION):

LÔ CH4E, KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LỘ
 ĐỒNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):

**CHI TIẾT VIÊN BÓ VÍA,
 VIÊN ĐAN RÃNH**

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):

/ 2016

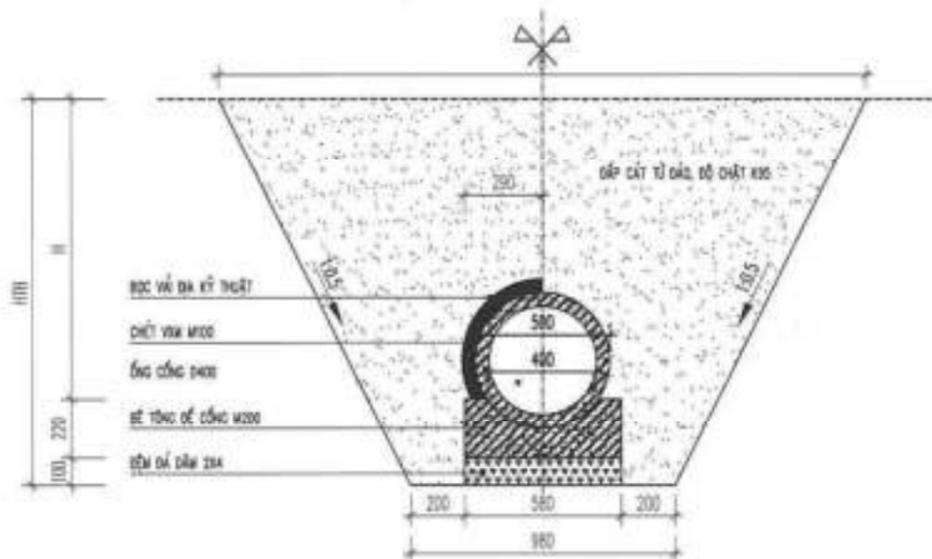
TỶ LỆ (SCALE):

BẢN VẼ (DRAWING NO):

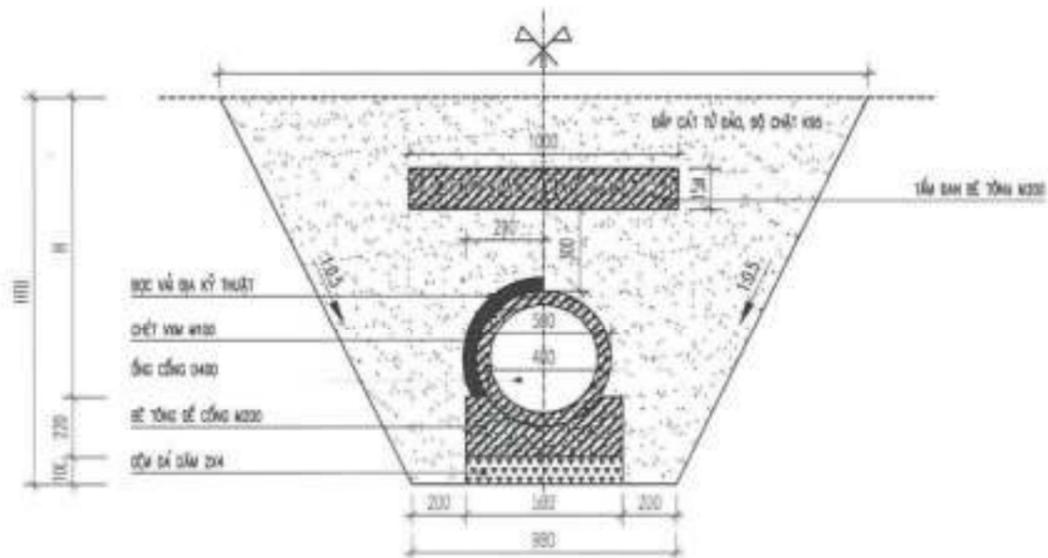
1200-17-C1-01

CẮT NGANG CỐNG, CHI TIẾT CỐNG D400

MẶT CẮT NGANG CỐNG D400 TRÊN VÀ HỀ
VÀ DƯỚI ĐƯỜNG CỬU HÓA SAU XƯƠNG CHÍNH
1/2 CẮT QUA MỐI NỐI 1/2 KHÔNG CẮT QUA MỐI NỐI



MẶT CẮT NGANG CỐNG D400 DƯỚI ĐƯỜNG VÀ TRÊN MẶT BÃI
KHÔNG LÂM DƯỚI ĐƯỜNG CỬU HÓA SAU XƯƠNG CHÍNH
1/2 CẮT QUA MỐI NỐI 1/2 KHÔNG CẮT QUA MỐI NỐI



GHI CHÚ:

- LIÊN KẾT ĐẦU NHỮNG THÀNH CỐT THÉP SẴNG HẸM HOẶC ĐƯỢC
- ỐNG CỐNG DÙNG LOẠI BTCT LƯỚI TÂM D400-H10 TRÊN VÀ HỀ, D400-H30 TRÊN MẶT BÃI VÀ DƯỚI LƯỜNG ĐƯỜNG
- BÊ TÔNG ĐỐC CỐNG DÙNG M300 BÀ 1X2
- MỖI ĐOẠN CỐNG 2M THÌ ĐƯỢC KẼ TRÊN 2 BỂ CỐNG

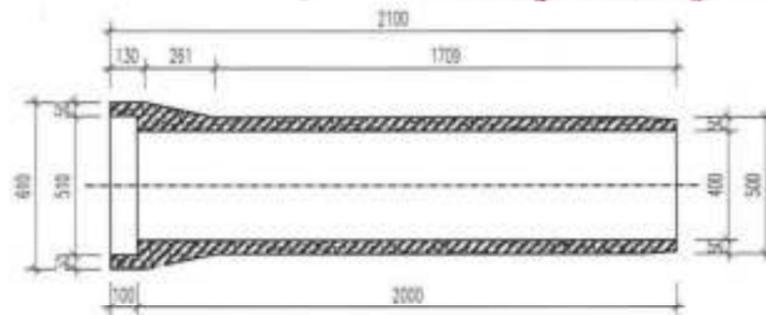
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

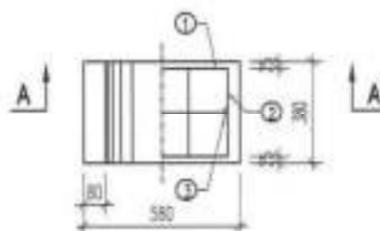
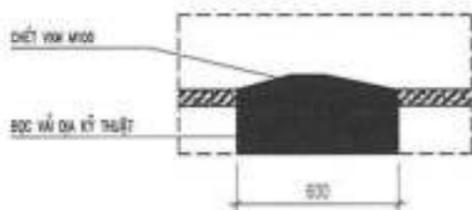
NGƯỜI LẬP: *[Signature]* NHÀ ĐẦU TƯ CÔNG: *[Signature]* TƯ VẤN GIÁM SÁT: *[Signature]*

GIÁM ĐỐC: *[Signature]*

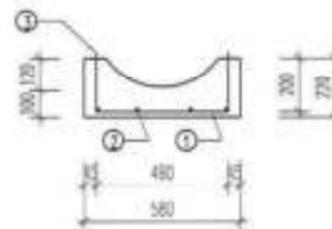


CHI TIẾT ĐỂ CỐNG D400

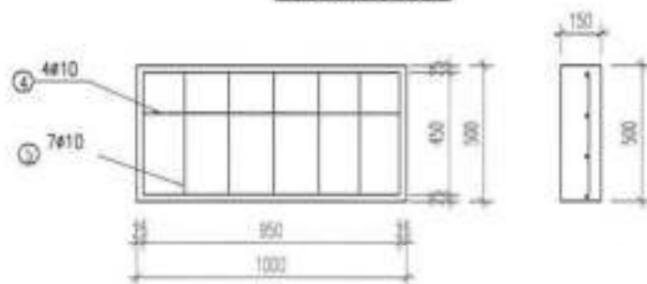
CHI TIẾT MỐI NỐI CỐNG



MẶT CẮT A-A



TẤM ĐẠN BÊ TÔNG



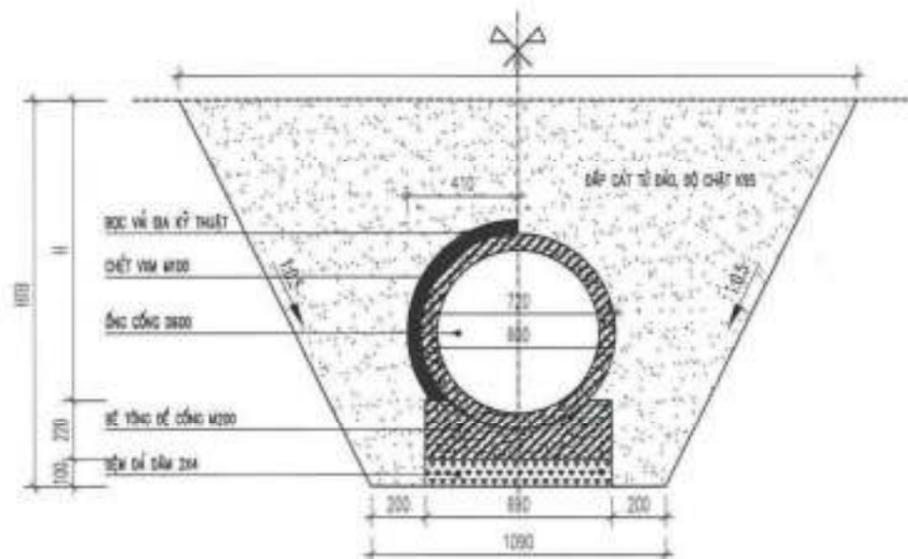
SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ: VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN		
ĐỊA CHỈ: (ADD) TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÀN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG		
ĐỊA CHỈ (ADD): HAI NAM CÔNG TY CỔ PHẦN THỜI 2/51 ĐƯỜNG LÂM - P. ĐÔNG LỘ - QUẬN HẢI PHONG - TP. HẢI PHÒNG TEL: (84) 031.360.0000 FAX: (84) 031.360.0000 EMAIL: HAINAM@VIBAVIETNAM.COM.VN		
GIÁM ĐỐC: KS. ĐÀO VĂN NAM CHỦ TRÌ KČ: KS. NGUYỄN GIANG TÙNG CHỦ TRÌ KT: KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG THIẾT KẾ + VẼ: KS. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH KIỂM TRA: KS. NGUYỄN GIANG TÙNG		
HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTČ		
TÊN DỰ ÁN (PROJECT): NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): LÔ C/4.4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): CHI TIẾT CỐNG		
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	/ 2016	
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO):	
	1200-17-C3-02	

CẮT NGANG CỐNG, CHI TIẾT CỐNG D600

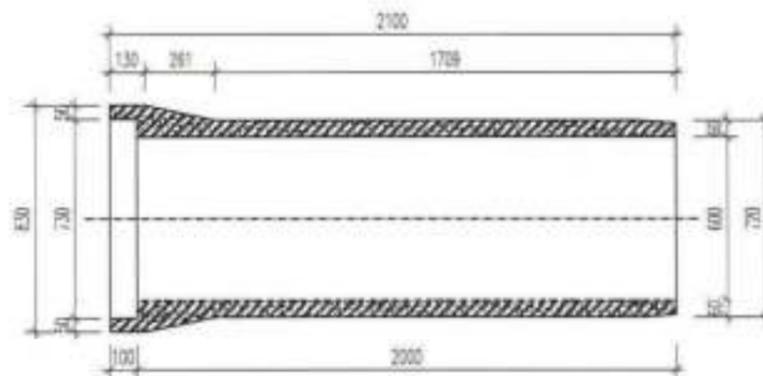
MẶT CẮT NGANG CỐNG D600 TRÊN VÍA HÈ

1/2 CẮT QUA MỐI NỐI

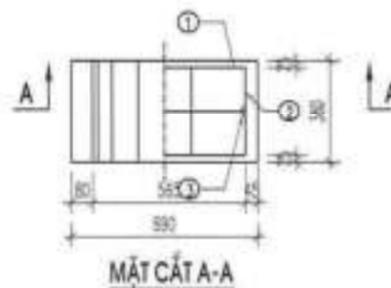
1/2 KHÔNG CẮT QUA MỐI NỐI



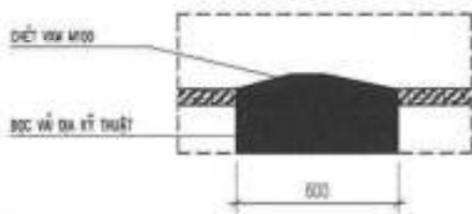
CHI TIẾT CỐNG D600



CHI TIẾT ĐẾ CỐNG D600



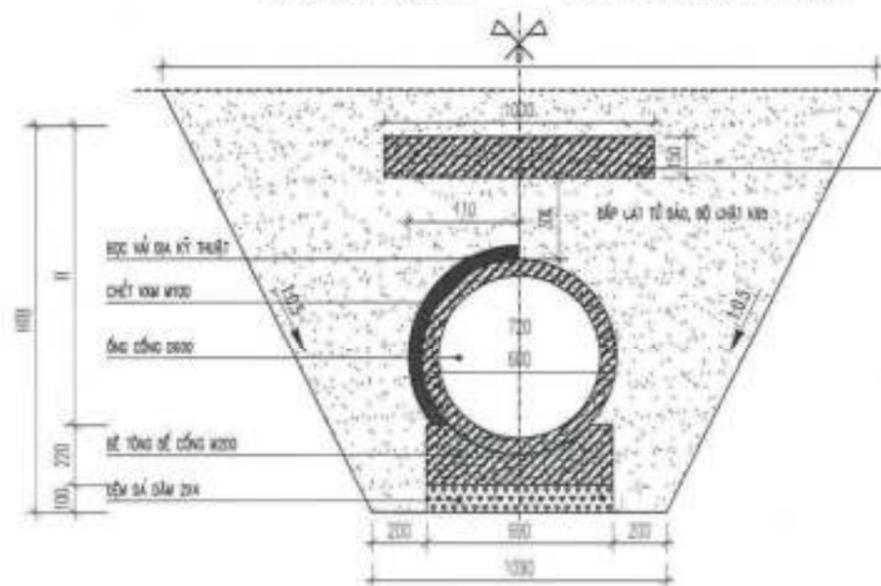
CHI TIẾT MỐI NỐI CỐNG



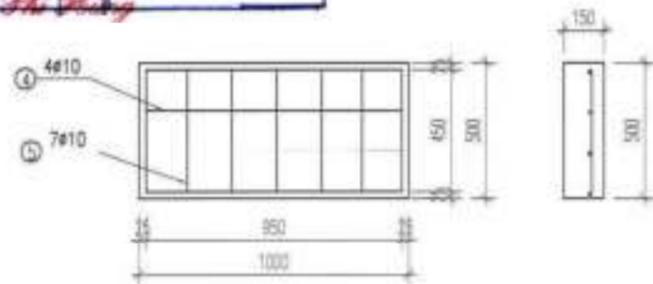
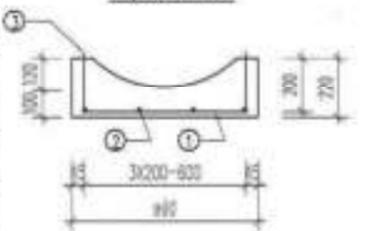
MẶT CẮT NGANG CỐNG D600 DƯỚI ĐƯỜNG VÀ TRÊN MẶT BÃI

1/2 CẮT QUA MỐI NỐI

1/2 KHÔNG CẮT QUA MỐI NỐI



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm
 NGƯỜI LẬP: **SƯU TRƯU THI CÔNG** TƯ VẤN GIÁM SÁT
 GIÁM ĐỐC: **Ngô Phú Hoàng**



GHI CHÚ:

- LIÊN KẾT SÀU NHỮNG THÀNH CỐT THÉP BẰNG HÀN HOẶC BÚC
- ỐNG CỐNG DÙNG LOẠI BTCT U TÂM Ø600-Ø10 TRÊN VÍA HÈ, Ø800-Ø100 TRÊN MẶT BÃI VÀ DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG
- BỂ TÔNG ĐỐC CỐNG DÙNG M300 Ø4 1X2
- MỖI ĐOẠN CỐNG 2M THÌ ĐƯỢC KẼ TRÊN 2 ĐẾ CỐNG

SỬA ĐỔI - REVISION

SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ: **VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN**

ĐỊA CHỈ: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÀN**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG**



CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM

ĐỊA CHỈ (ADD): **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔ PHẠM CỐT LẮP**

GIÁM ĐỐC: **KS. ĐÀO VĂN NAM**

CHỦ TRƯỞNG: **KS. NGUYỄN GIANG TÙNG**

CHỦ TRƯỞNG: **KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG**

THIẾT KẾ + VẼ: **KS. NGUYỄN KHẮC BÌNH**

KIỂM TRA: **KS. NGUYỄN GIANG TÙNG**

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTG

TÊN DỰ ÁN (PROJECT):

NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): **LỘ CNA 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM**

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):

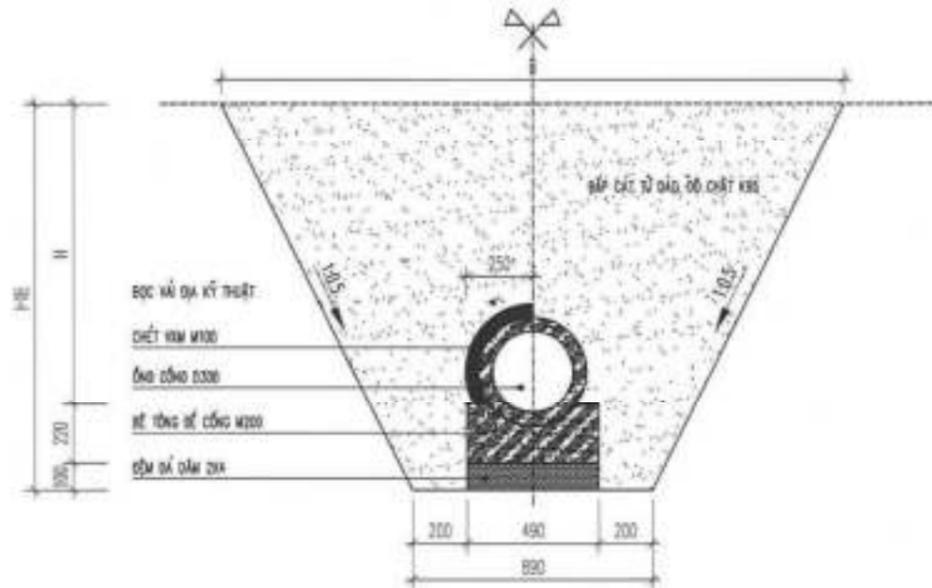
CHI TIẾT CỐNG

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE): / 2016

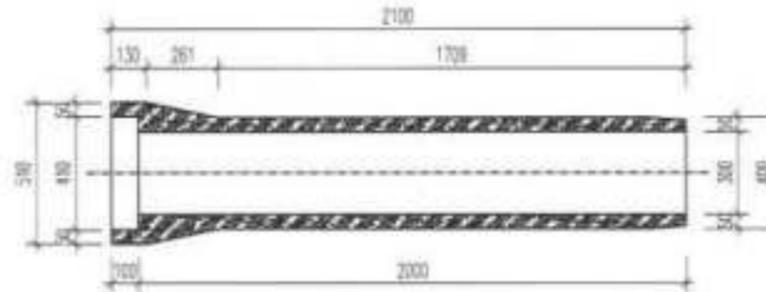
TỶ LỆ (SCALE): BẢN VẼ (DRAWING NO.):

L200-17-CT-03

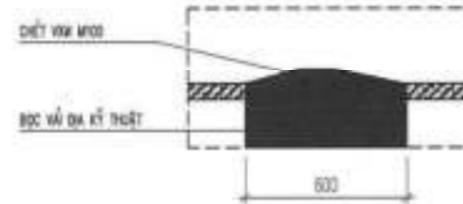
MẶT CẮT NGANG CỐNG D300 TRÊN VÍA HÈ
VÀ DƯỚI ĐƯỜNG
1/2 CẮT QUA MỐI NỐI 1/2 KHÔNG CẮT QUA MỐI NỐI



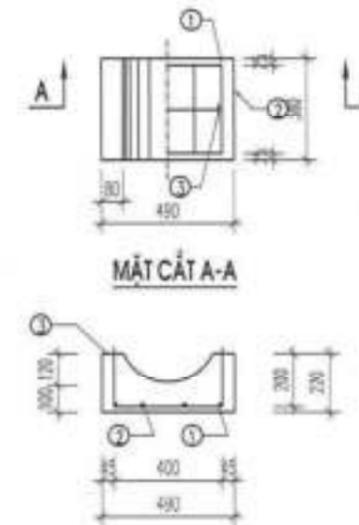
CHI TIẾT CỐNG D300



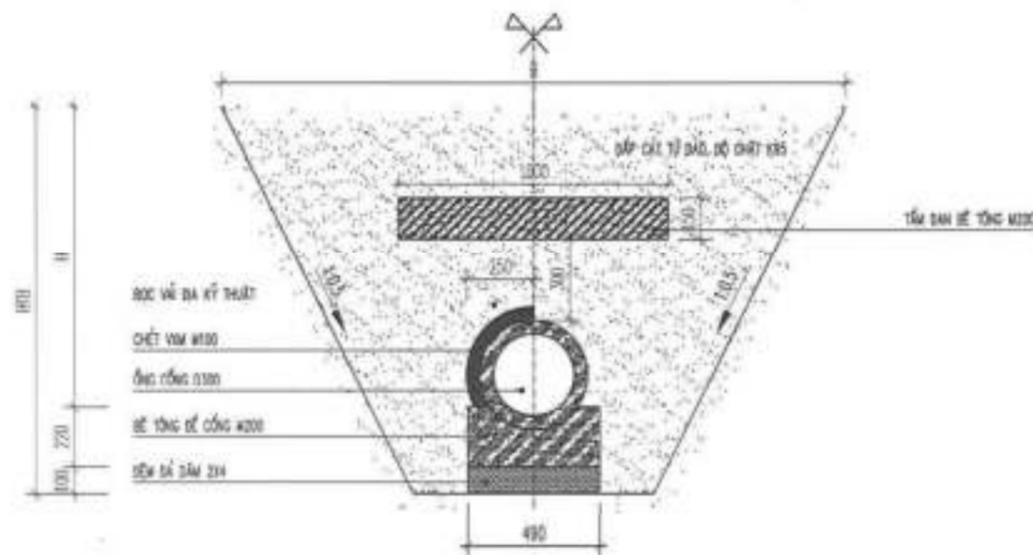
CHI TIẾT MỐI NỐI CỐNG



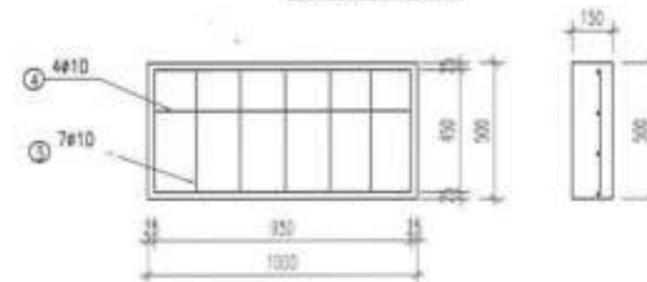
CHI TIẾT ĐỂ CỐNG D400



MẶT CẮT NGANG CỐNG D300 DƯỚI ĐƯỜNG VÀ TRÊN MẶT BÃI
VÀ DƯỚI ĐƯỜNG
1/2 CẮT QUA MỐI NỐI 1/2 KHÔNG CẮT QUA MỐI NỐI



TẤM ĐÀN BÊ TÔNG



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

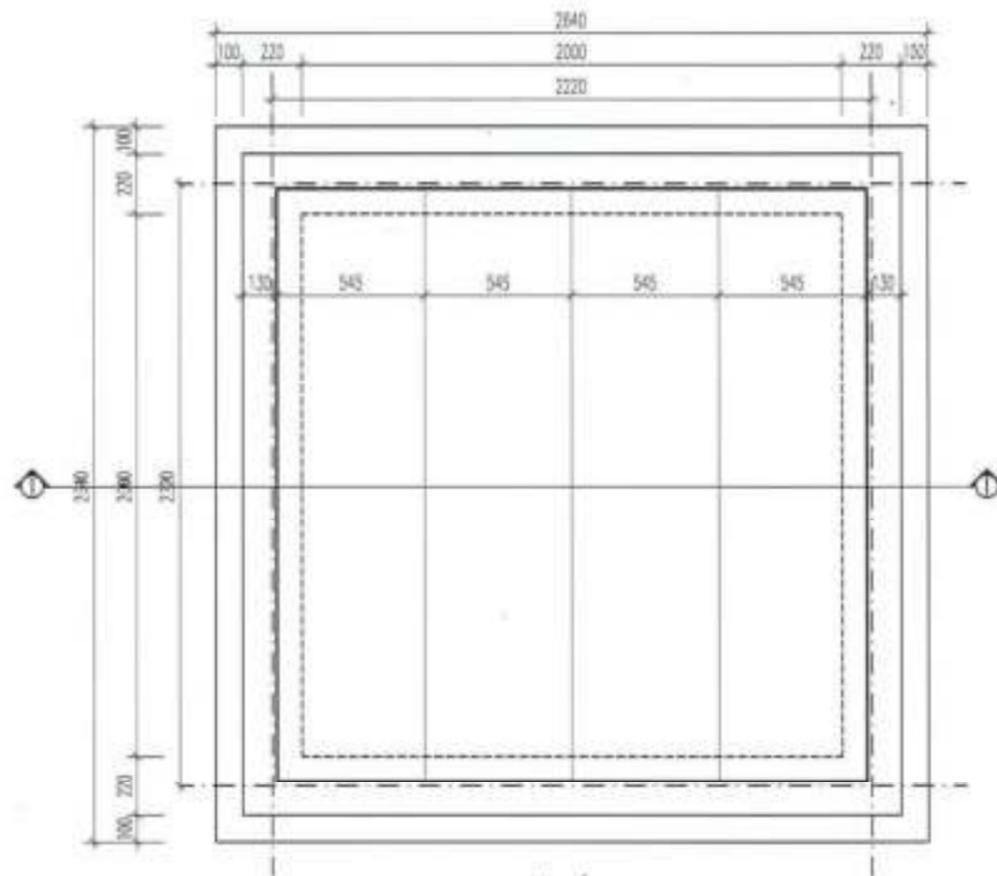
NGƯỜI LẬP: NGƯỜI TRƯU THỊ CÔNG: TƯ VẤN GIÁM SÁT:

GIÁM ĐỐC: Ngô Phú Hoàng

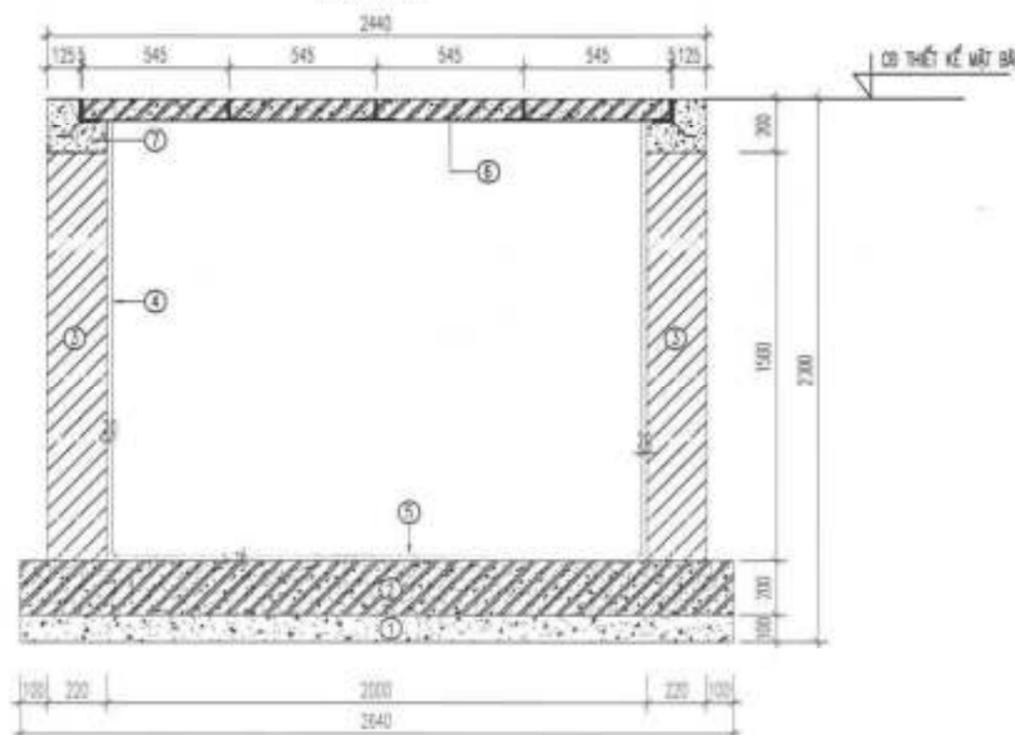
SỬA ĐỔI - REVISION		
SỐ NO	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION
LƯU CHỮ:		
CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER): VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HẠN		
ĐỊA CHỈ (ADDRESS): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HẠN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (DESIGN UNIT): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI NAM		
ĐỊA CHỈ (ADDRESS): THỜA 2/51 ĐƯỜNG SỐ 1, K. SÔNG LAM, Q. HẢI AN - HP TEL: (84) 031 3804372 FAX: (84) 031 3804322 EMAIL: HAINAM@GMAIL.COM; HAINAM@HOTMAIL.COM; HAINAM@YAHOO.COM.VN		
GIÁM ĐỐC	KS. ĐÀO VĂN NHẬT	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRƯỞNG	KS. NGUYỄN GIANG TÙNG	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRƯỞNG KT	KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ + VẼ	KS. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	KS. NGUYỄN GIANG TÙNG	<i>[Signature]</i>
I HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC		
TÊN DỰ AN (PROJECT): NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHF		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION): LÔ CN4 4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME): CHI TIẾT CỐNG		
NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	/ 2016	
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO):	
(200-17-CT-03)		

BỂ CHỨA NƯỚC THẢI

MẶT BẰNG BỂ



MẶT CẮT 1-1



GHI CHÚ:

- 1: BTXM LỚT M100, DÃ 4X5
- 2: BÊ TÔNG M250, DÃ 1X2
- 3: XÂY GẠCH CHẾ ĐẶC VHM M75
- 4: TRÁT VHM M75, DÃY 2 CM
- 5: LÃNG VHM M75, DÃY 2 CM
- 6: BÊ TÔNG VHM ĐAN M250, DÃ 1X2
- 7: BÊ TÔNG M250, DÃ 1X2

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI CHẤM THỬ CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

GIÁM ĐỐC
[Signature]
Ngô Phi Hùng

SỬA ĐỔI - REVISION

SỐ NO.	NGÀY DATE	XÁC NHẬN DESCRIPTION

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ (PROJECT OWNER):
VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN
ĐỊA CHỈ (ADDRESS):
M.S.Đ. 000817800
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT VIỆT HÀN



CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
HẢI NAM

ĐỊA CHỈ (ADDRESS):
THỨA 2/51 ĐƯỜNG 2/5 Đ. GIANG LÊN - H. AN - H. HP
TEL: (040) 031.380.079
EMAIL: HANAM@VTVN.VN

GIÁM ĐỐC KS. ĐÀO VĂN NAM	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ KC KS. NGUYỄN GIANG TÙNG	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ KT KTS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ + VẼ KS. NGUYỄN KHẮC ĐÌNH	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA KS. NGUYỄN GIANG TÙNG	<i>[Signature]</i>

HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC

TÊN DỰ ÁN (PROJECT):
NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (LOCATION):
LÔ CN4 4E - KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ
ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ (DRAWING NAME):

CHI TIẾT BỂ CHỨA NƯỚC THẢI

NGÀY HOÀN THÀNH (COMPLETED DATE):	/ 2016
TỶ LỆ (SCALE):	BẢN VẼ (DRAWING NO): L200-17-CT-04

SỬA ĐỔI... REVISION
 SỐ QUAY XÁC NHẬN
 NO PART 4 DESCRIPTION

ĐƠN ĐƠN

CHỖ ĐẤU TỰ SẢN SỬA SỬA SỬA
 VỊNH CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀM
 BINA CHẾ BIẾN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ (PERSONNEL)



CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 HẢI NAM

ĐƠN CHẾ BIẾN
 Nhà số 30/3 Đường Lũy 7 - Phường Lũy 7 - Quận 7 - TP. Hồ Chí Minh
 TEL: 0903 01 30 30 FAX: 0903 01 30 30
 EMAIL: hainam@hainam.vn

GIÁM ĐỐC
 NGUYỄN VĂN HAI

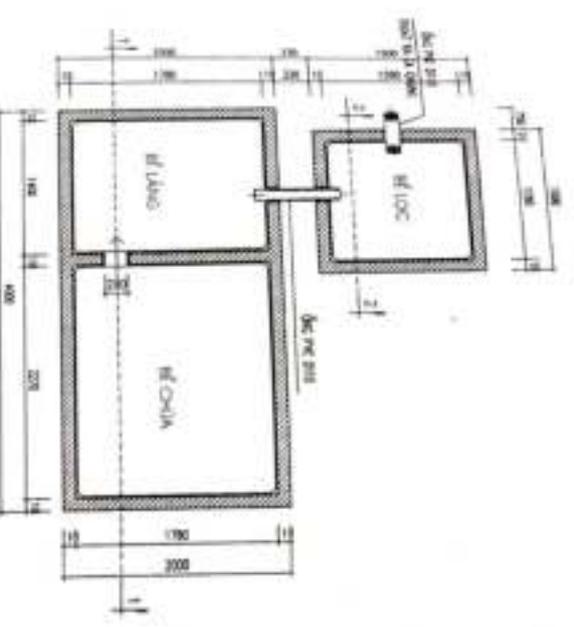
CHIEF TRUCK
 NGUYỄN VĂN HAI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC AN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày: tháng năm
 NGƯỜI CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ HOÀN CÔNG
 NGƯỜI CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ HOÀN CÔNG

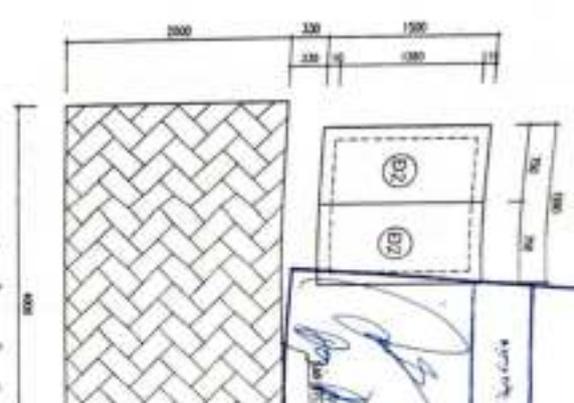
Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC AN
 NGƯỜI CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ HOÀN CÔNG
 NGƯỜI CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ HOÀN CÔNG

Handwritten signature: Nguyễn Văn Hải

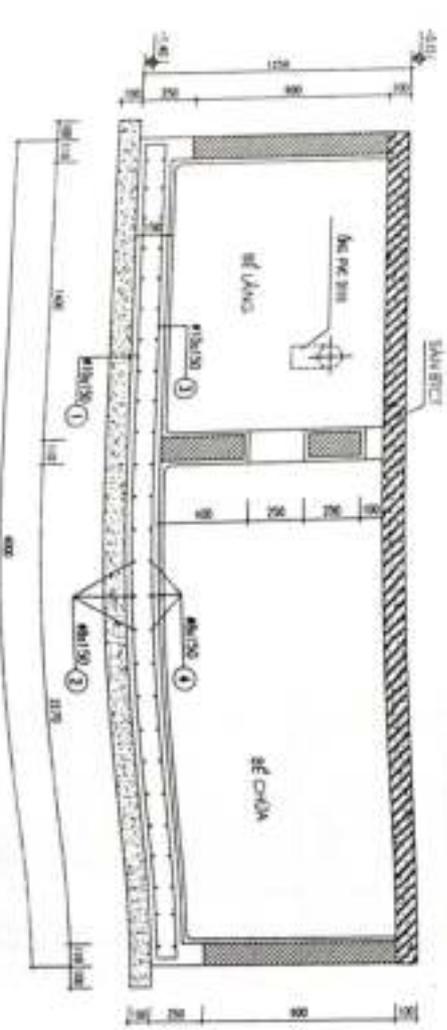
Handwritten signature: Nguyễn Văn Hải



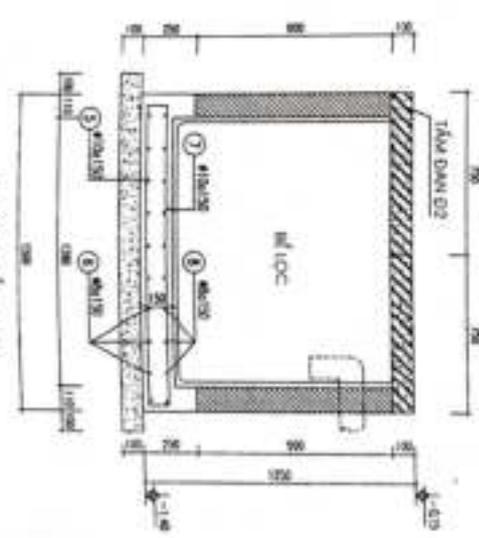
MẶT BẰNG BẾ PHƠI



MẶT BẰNG BẾ PHƠI



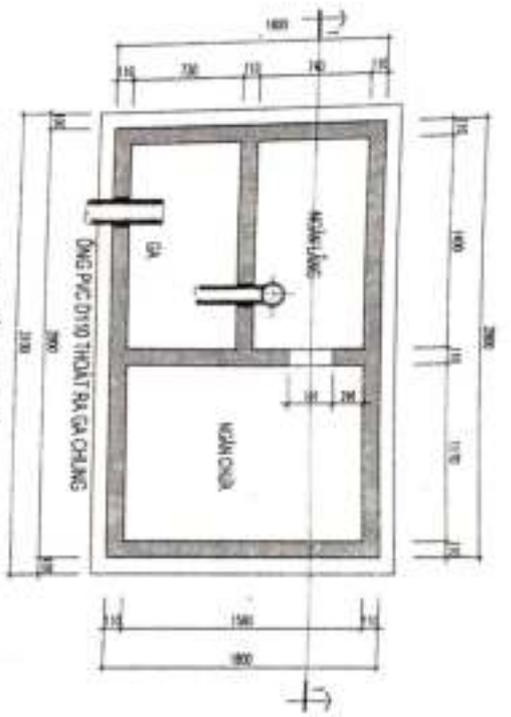
MẶT CẮT 1-1



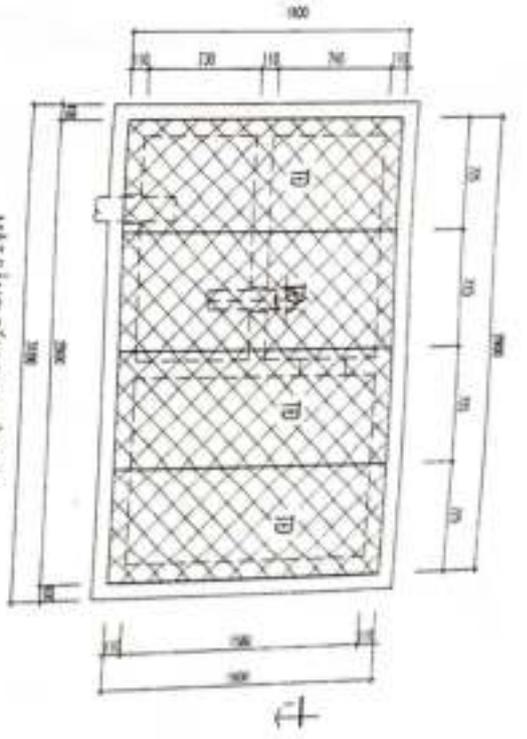
MẶT CẮT 2-2

NGƯỜI CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ HOÀN CÔNG
 NGUYỄN VĂN HAI
 NGÀY: 1 / 2015

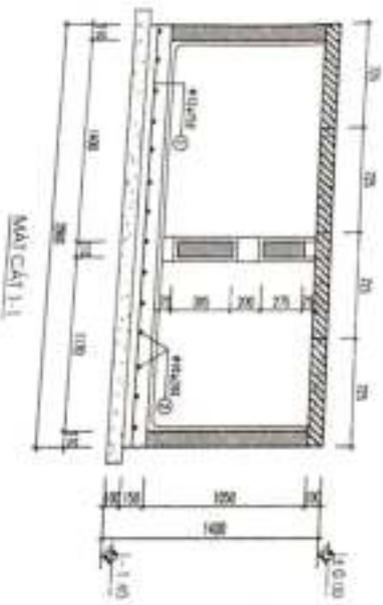
CHIEF TRUCK
 NGUYỄN VĂN HAI



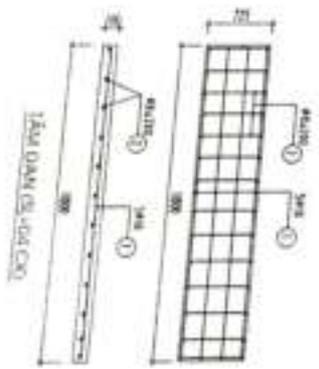
MẶT BẰNG BẾ PHỐT



MẶT BẰNG TẤM DAN BẾ PHỐT



MẶT CẮT 1:1



MẶT CẮT 1:1

BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP

TÊN C KIỆN (HỆU)	SỐ KIỆN (HỆU)	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	QUANG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)
					1	TỔNG		
TẤM DAN BẾ PHỐT	1	2850	12	2850	13	13	37.05	32.89
	2	1750	10	1750	15	15	26.25	16.18
TẤM DAN BẾ PHỐT	1	1750	10	1750	5	20	35	21.58
	2	200	8	800	10	40	32.8	12.94

- Trọng lượng thép có đường kính ≤ 10: 50.70 kg
- Trọng lượng thép có đường kính ≤ 12: 32.89 kg
- Trọng lượng thép có đường kính > 12: 16.18 kg
- Trọng lượng thép có đường kính > 16: 21.58 kg

BA. V. HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

Người lập

Người giám sát thi công

Người giám sát thực

Giám đốc

Nguyễn Văn Khoa



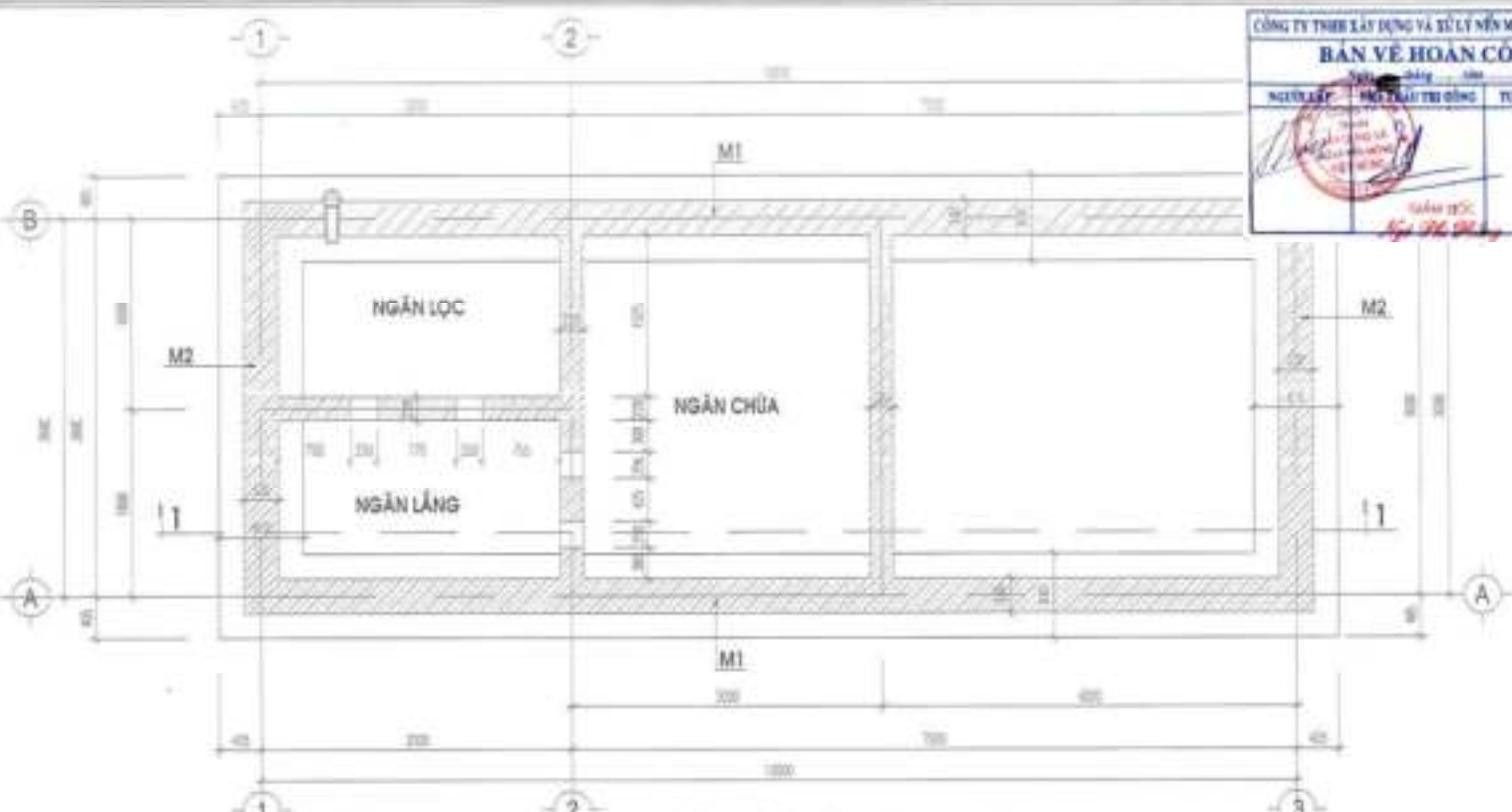
CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẮT CỎ
HÀNG VIỆT NAM

Địa chỉ	Số điện thoại
1000/24/20/20	



CÔNG TY THIẾT KẾ DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HẠN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm		
NGƯỜI LẬP	NGƯỜI CHẤM TRỌNG	TỰ VẤN GIÁM ĐỐC
Họ tên: NGUYỄN VĂN AN		

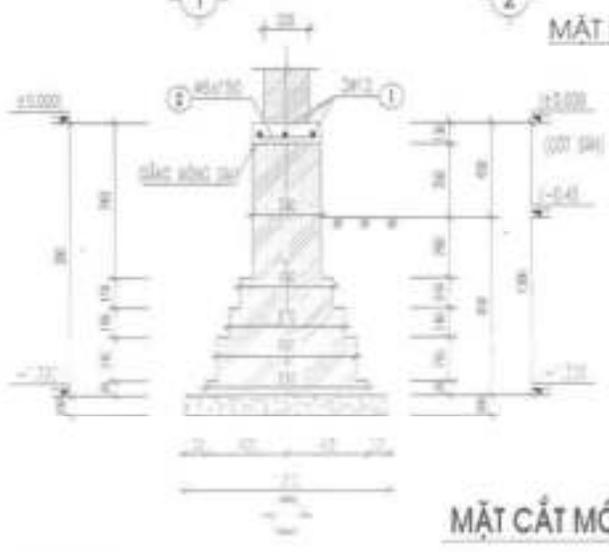
HẠNG MỤC: NHÀ VỆ SINH



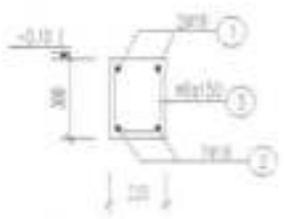
CÔNG TY THIẾT KẾ DỰNG VÀ SỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT BẮC
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 NGƯỜI LẬP: *[Signature]* NGƯỜI KIỂM TRA: *[Signature]* TỰ VẤN GIÁM KẾT: *[Signature]*
 NGÀY: *[Date]* SỐ: *[Number]*

CÔNG TY: VIỆT BẮC	
CHỖ ĐAU TƯ: <i>[Signature]</i>	TRÁCH NHIỆM KỸ THUẬT: <i>[Signature]</i>
VIỆT BẮC	
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HÀ NỘI	
CHỦ THIẾT KẾ: <i>[Signature]</i>	CHỦ THIẾT KẾ: <i>[Signature]</i>
CHỦ KIỂM TRA: <i>[Signature]</i>	CHỦ KIỂM TRA: <i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ: <i>[Signature]</i>	THIẾT KẾ: <i>[Signature]</i>
KIỂM TRA: <i>[Signature]</i>	KIỂM TRA: <i>[Signature]</i>
HỒ SỰ THIẾT KẾ BVTC	
TÊN DỰ ÁN: <i>[Text]</i>	
NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ NHÁ VỆ	
MÀ SẼM MÁY DÙNG: <i>[Text]</i>	
LÝ DO: <i>[Text]</i>	
TÊN BẢN VẼ: <i>[Text]</i>	
MẶT BẰNG KẾT CẤU MÓNG NHÀ VỆ SINH	
Ngày: <i>[Date]</i>	Scale: <i>[Scale]</i>

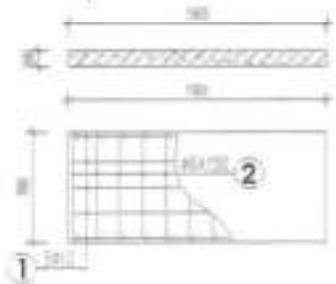
MẶT BẰNG KẾT CẤU MÓNG NHÀ VỆ SINH



MẶT CẮT MÓNG M1, M2



DẮM DM1 (L=3.22M)



TẦM ĐƠN Đ1 (16 CK)

GHI CHÚ:

- Tất cả các kích thước đều tính theo trục.
- Tất cả các kích thước đều tính theo trục.
- Tất cả các kích thước đều tính theo trục.
- Tất cả các kích thước đều tính theo trục.
- Tất cả các kích thước đều tính theo trục.



CHỦ ĐẦU TƯ :

VHE CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VHE

HẠNG MỤC :

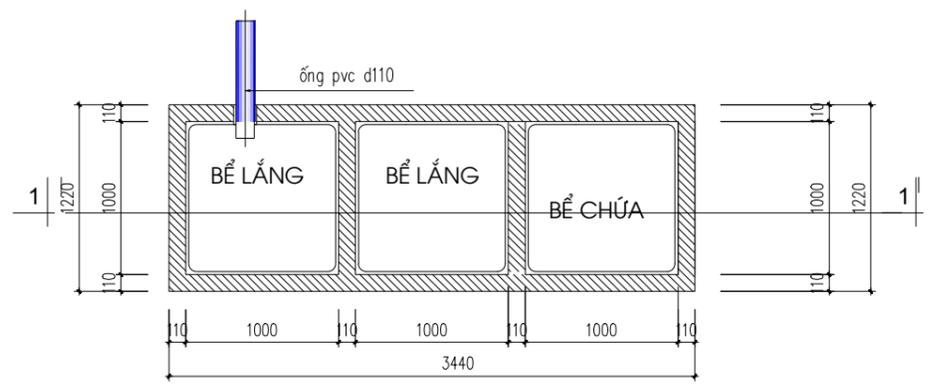
NHÀ LÀM VIỆC 03 TẦNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :

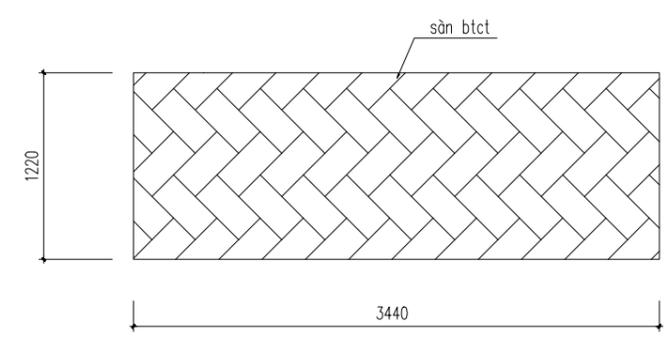
LÔ CN4.4E, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ
ĐÔNG HẢI 2 - HẢI AN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM

CÁC LẦN SỬA ĐỔI:

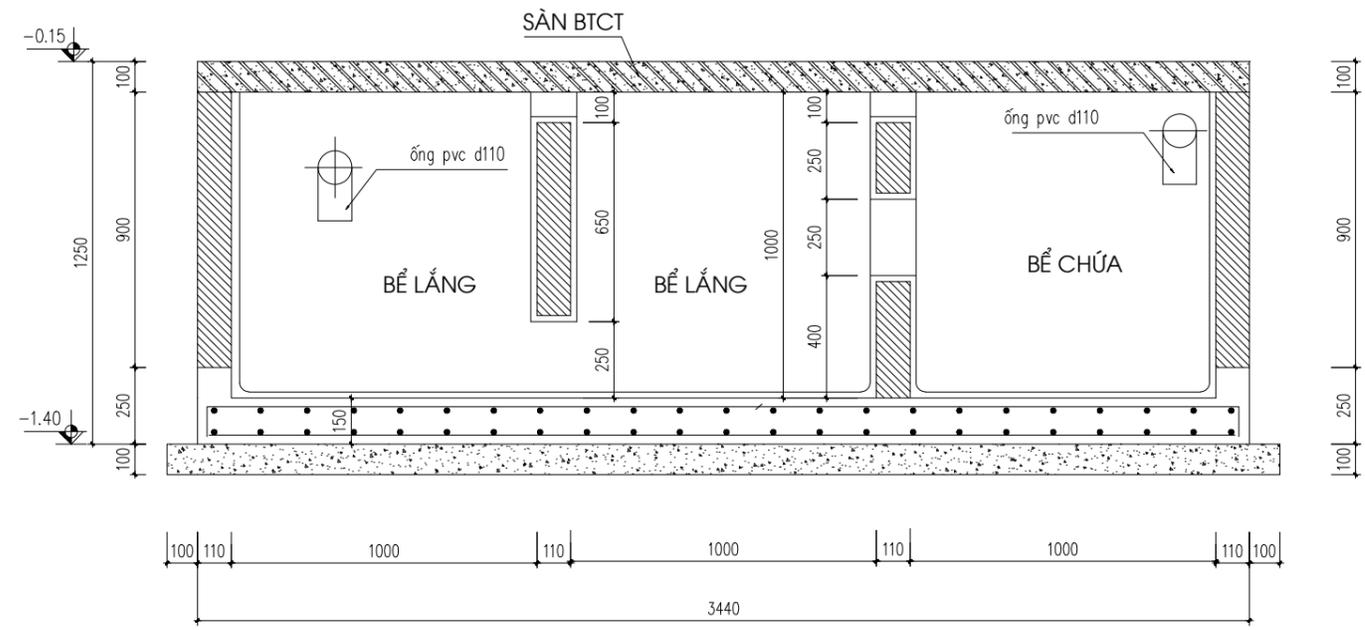
NGÀY	CHI TIẾT SỬA ĐỔI



MẶT BẰNG BỂ LỌC MỠ



MẶT BẰNG BỂ LỌC MỠ



MẶT CẮT 1-1

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG VIỆT HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI CHẤU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

GIÁM ĐỐC
[Signature]

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG B.I.C.O

ĐỊA CHỈ: SỐ 15/4 NGUYỄN VĂN HỜI - HẢI AN - HP
Tel/fax: 0313.804008
E-mail: Congtybico@gmail.com

P.GIÁM ĐỐC:	
VŨ VĂN KHÁNH	
CNTK:	
VŨ VĂN KHÁNH	
CHỦ TRÌ:	
NGUYỄN V. TRỌNG	
THIẾT KẾ:	
VŨ THANH TUẤN	
KIỂM:	
TRẦN VĂN ĐỨC	

GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN :

BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ :

CHI TIẾT BỂ LỌC MỠ

TỈ LỆ		BẢN VẼ
NGÀY HT	2016	L200-01-KC-07A

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ 379

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH

XỬ LÝ KHÍ THẢI CHỨA DUNG MÔI SƠN CÔNG SUẤT 8.000-16.000M³/H

CÔNG TRÌNH

: XỬ LÝ KHÍ THẢI CHỨA DUNG MÔI SƠN CÔNG SUẤT 8.000-16.000 M³/H

HẠNG MỤC

: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CHỨA DUNG MÔI SƠN CÔNG SUẤT 8.000-16.000 M³/H

ĐỊA ĐIỂM

: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN, LÔ ĐẤT SỐ CN4.4E, KCN ĐÌNH VŨ
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ

: CÔNG TY TNHH SSH VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

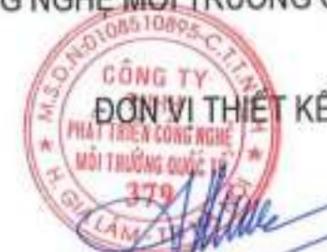
: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ 379

CHỦ ĐẦU TƯ



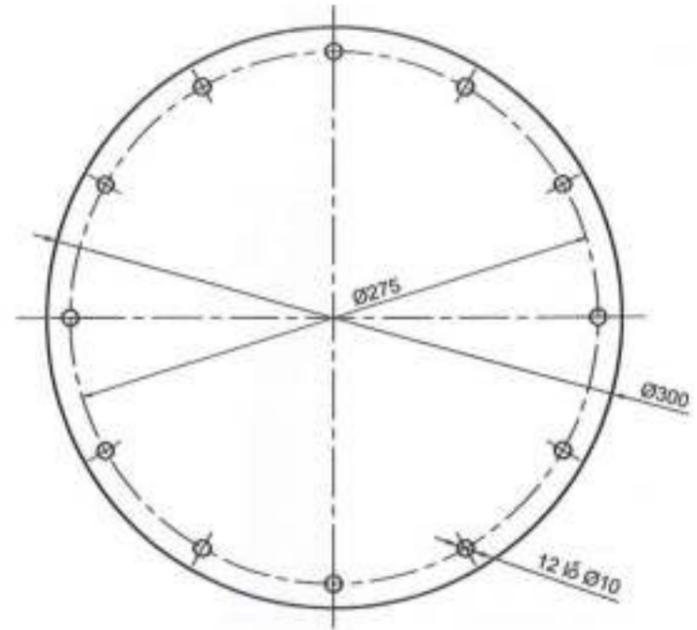
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đào Đăng Kiên



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

GIÁM ĐỐC
Trần Phước Long



YÊU CẦU KỸ THUẬT

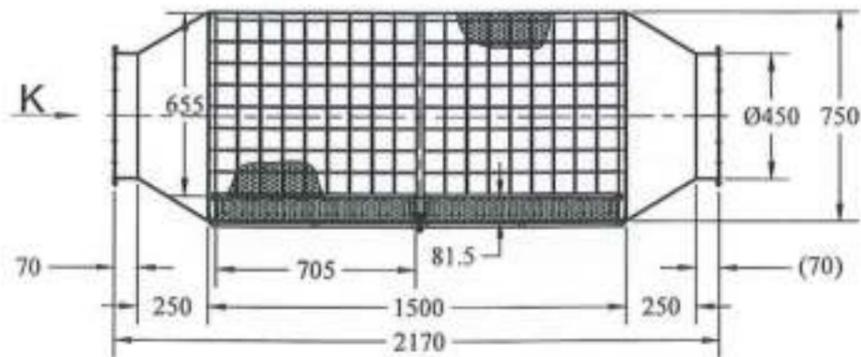
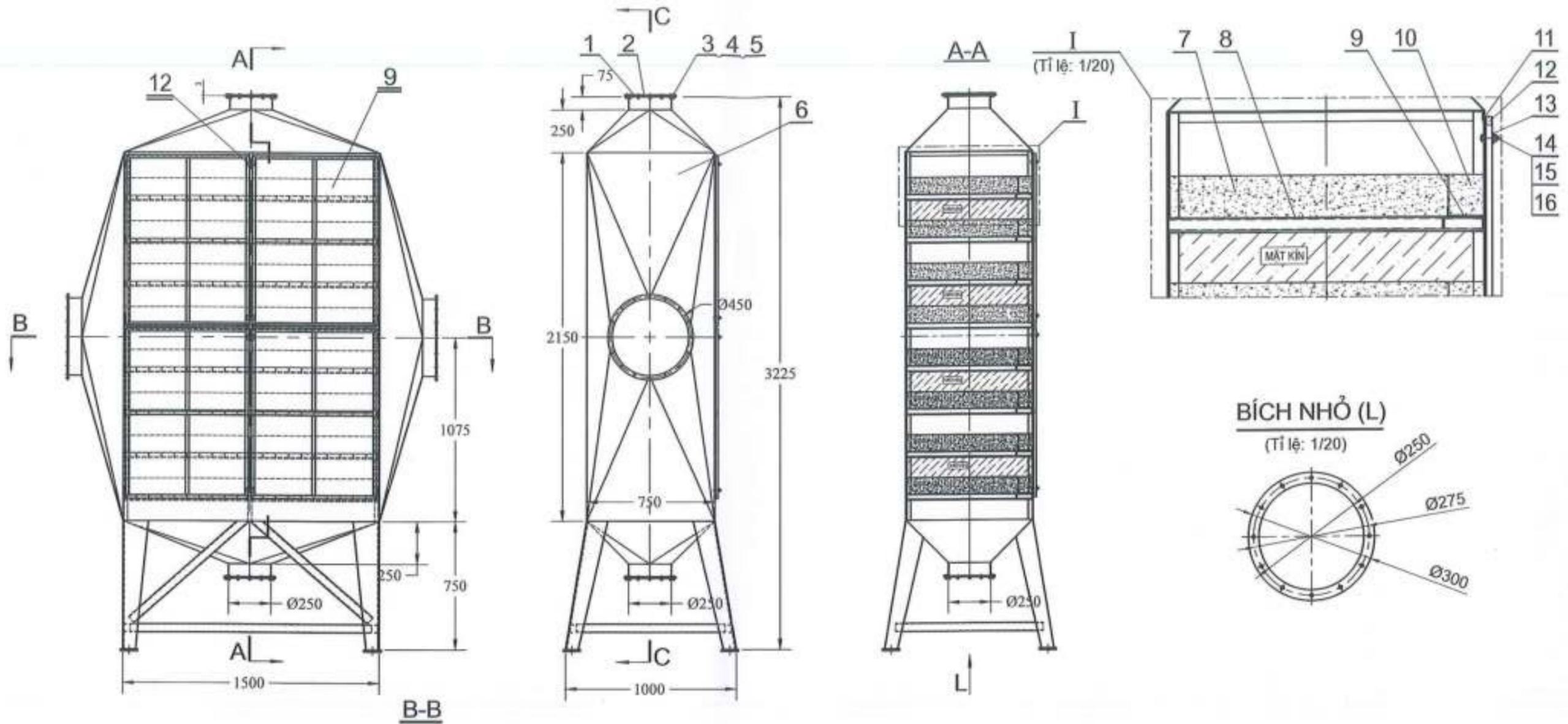
- Vị trí các lỗ khoan phân bố trên vòng tâm sai lệch $\pm 0.2\text{mm}$.
- Lằm cùn các cạnh sắc.

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ 379

THÁP HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH

Giám đốc	Trần Phước Long		
CHĐA	Đặng Doãn Núi		
Chủ trì TK	Đặng Doãn Núi		
Kiểm tra	Đặng Doãn Núi		
Thiết kế	Bùi Xuân Bình		
Ngời vẽ	Bùi Xuân Bình		

BÍCH CẨM Ø300	Khối lượng	Tỉ lệ
	11 Kg	1:5
	Số tờ: 01	Tờ số: 01
Số lượng: 02	MTTL-ST-XLK-CK-04-02	
Nguyên liệu: Thép CT3		



7		Than hoạt tính	Lớp than h.tính	08	58,5	468	
6	MTTL-ST-XLK-CK-04-03	Thân tháp	CT3	01			
5		Vòng đệm M10	CT3	24	-	-	
4		Đai ốc M10	CT5	24	-	-	
3		Bu lông M10x40	CT5	24	-	-	
2	MTTL-ST-XLK-CK-04-02	Gioăng cao su Ø300	Cao su	02	0.15	0.3	
1	MTTL-ST-XLK-CK-04-01	Bích cam Ø300	CT3	02	11	22	
TT	Kí hiệu b.Vẽ	Tên gọi	Nguyên liệu	Số lg	1 cái	cả bộ	Ghi chú
					Khối lượng (Kg)		

16		Vòng đệm 16	CT3	04	-	-	
15		Đai ốc M16	CT5	04	-	-	
14		Bulông M16x70	CT5	04	-	-	
13	MTTL-ST-XLK-CK-04-08	Đệm xẻ	CT3	04	0.3	1.3	
12	MTTL-ST-XLK-CK-04-07	Cửa	CT3	04	98	392	
11	MTTL-ST-XLK-CK-04-06	Gioăng cửa	Cao su	04	1.1	4.4	
10	MTTL-ST-XLK-CK-04-05	Khay than di động	CT3	16	13.6	218	
9	MTTL-ST-XLK-CK-04-04	Lới đỡ than phụ	CT3	08	20	160	chung bản vẽ
8	MTTL-ST-XLK-CK-04-04	Lới đỡ than chính	CT3	08	20	160	

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ 379

THÁP HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH

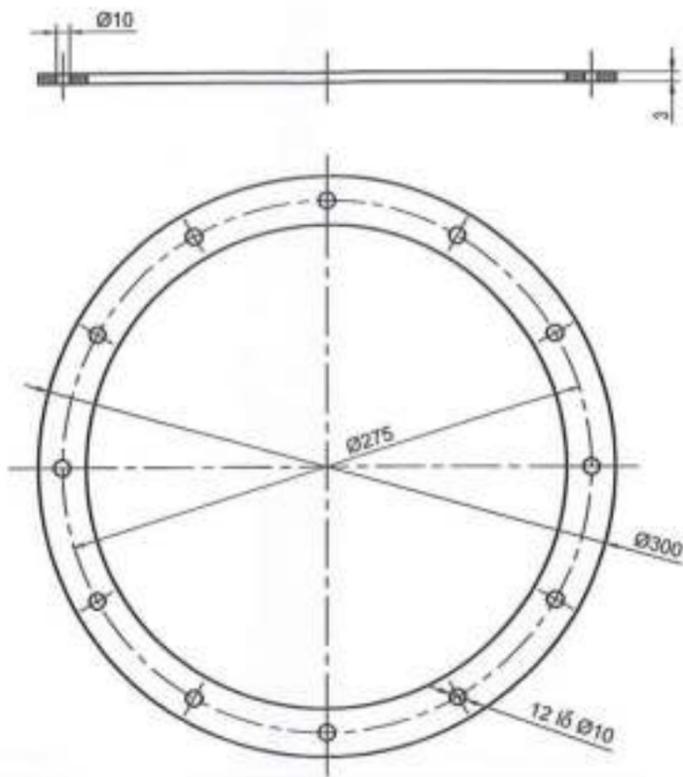
BẢN TỔNG THỂ

Giám đốc: Trần Phước Long
 CNĐA: Đặng Doãn Nười
 Chủ trì TK: Đặng doãn Nười
 Kiểm tra: Đặng Doãn Nười
 Thiết kế: Bùi Xuân Bình
 Người vẽ: Bùi Xuân Bình

Số lượng: 01
 Nguyên liệu:

Khối lượng	Tỉ lệ
1.100 Kg (Không kể than)	1:50
Số tờ: 02	Tờ số: 01

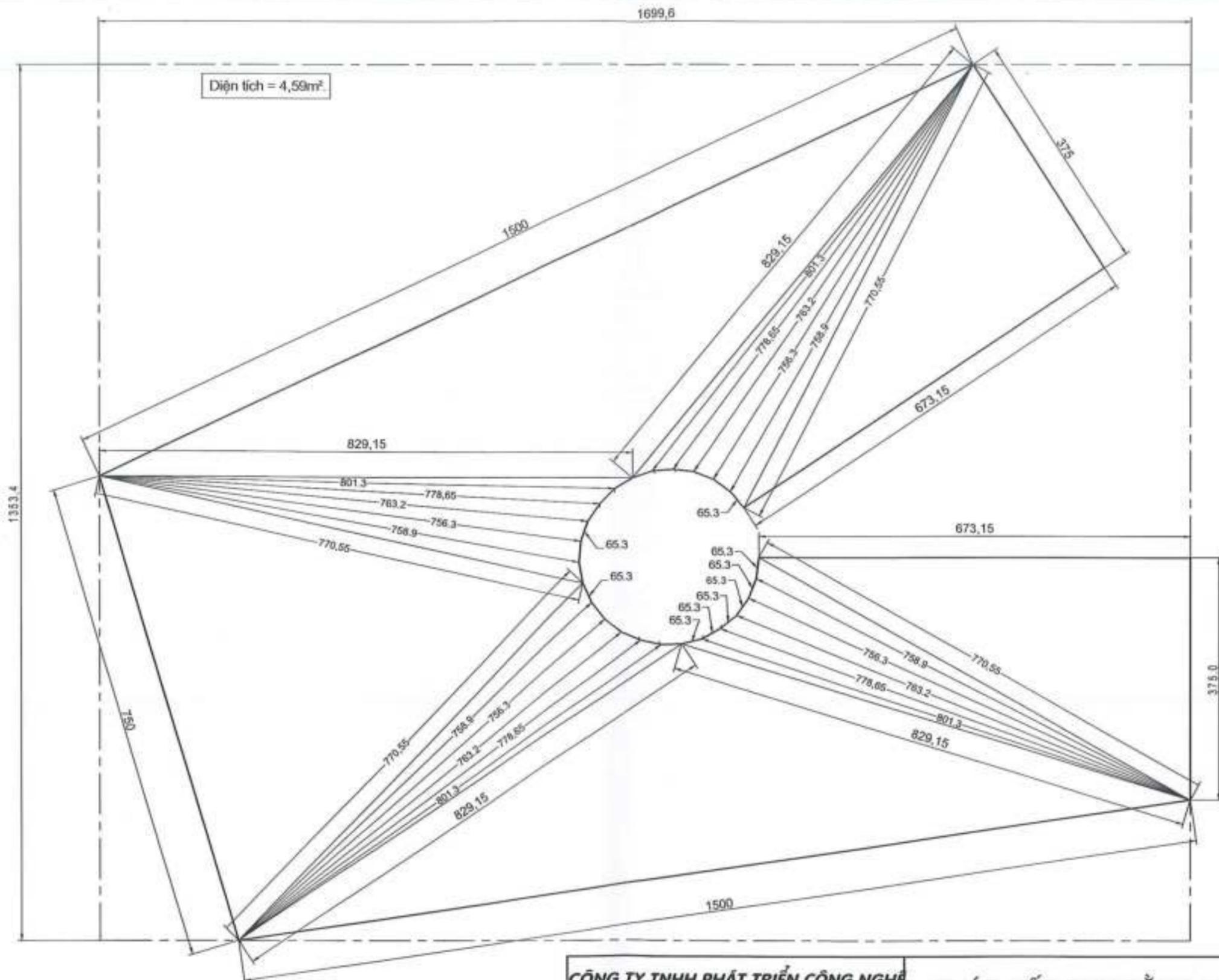
MTTL-ST-XLK-CK-04-00



YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Cao su làm gioăng phải mới, bền, đủ độ dẻo.
- Giới hạn bền khi đứt không nhỏ hơn 40Kg/cm².
- Độ giãn dài tổng đối khi đứt không nhỏ hơn 300%.
- Độ giãn dài sau khi đứt không lớn hơn 25%.
- Độ cứng theo邵: 40-50.

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ 379				THÁP HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH			
Giám đốc	Trần Phước Long			GIOĂNG CAO SU Ø300	Khối lượng	Tỉ lệ	
CNDA	Đặng Doãn Núi				0,15 Kg	1:5	
Chủ trì TK	Đặng Doãn Núi				Số tờ: 01	Tờ số: 01	
Kiểm tra	Đặng Doãn Núi				Số lượng: 02		
Thiết kế	Bùi Xuân Bình				Nguyên liệu: Cao su		
Ngồi vẽ	Bùi Xuân Bình			MTTL.ST-XLK-CK-04-02			



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ 379

THÁP HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH

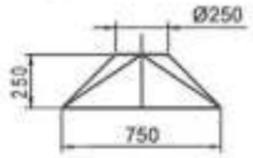
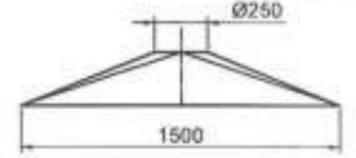
KHAI TRIỂN

CÔNG THU 1

Khối lượng: 105 Kg

Tỉ lệ: 1:5

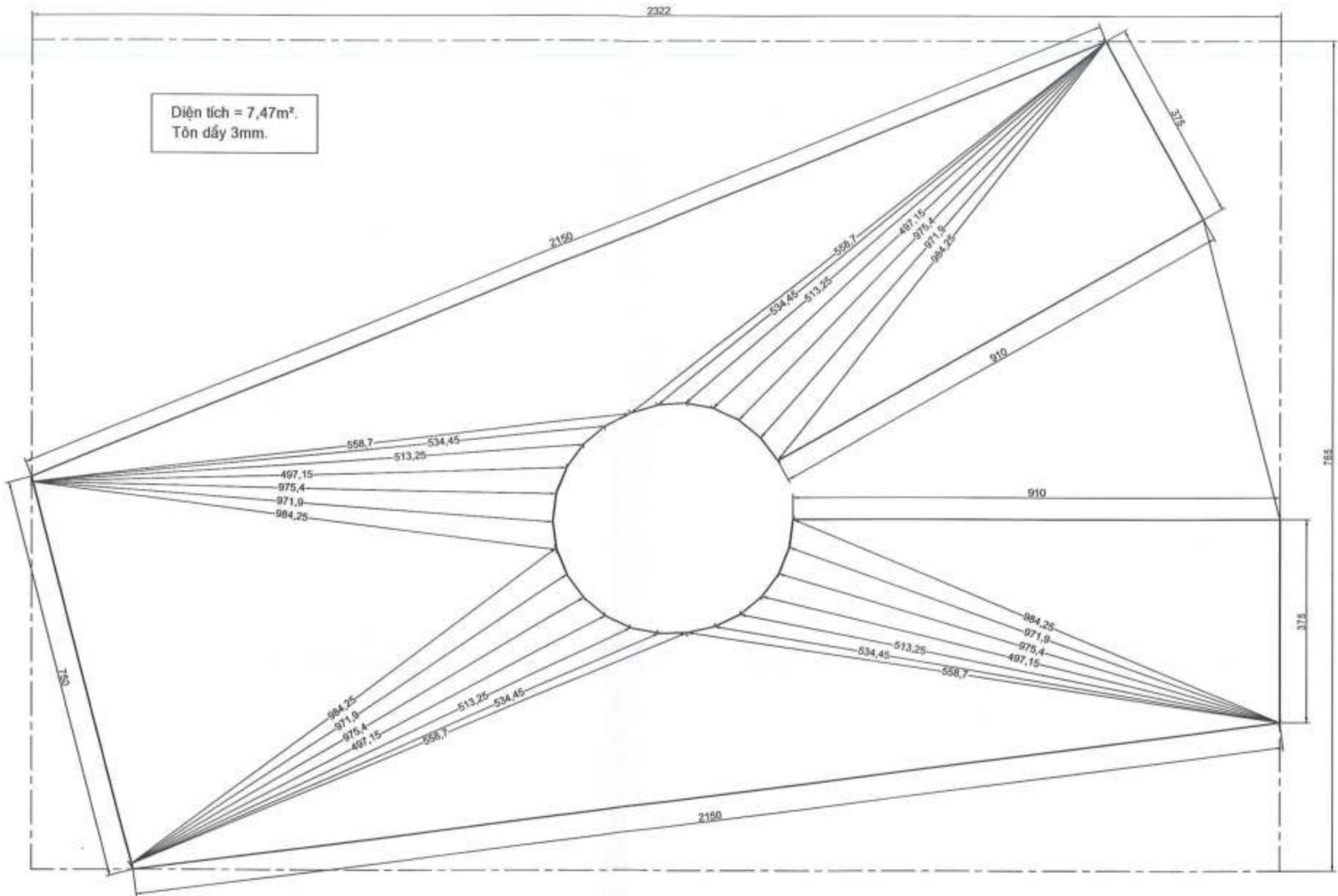
Số tờ: 02 / Tờ số: 05



Giám đốc	Trần Phước Long		
CNĐA	Đặng Doãn Núi		
Chủ trì TK	Đặng Doãn Núi		
Kiểm tra	Đặng Doãn Núi		
Thiết kế	Bùi Xuân Bình		
Ngời vẽ	Bùi Xuân Bình		

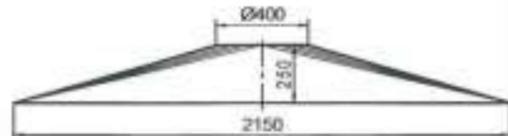
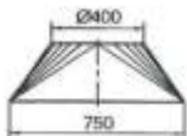
KHAI TRIỂN	
CÔNG THU 1	
Số lượng: 02	
Nguyên liệu: Thép CT3	

MTTL.ST-XLK-CK-04-03	
-----------------------------	--

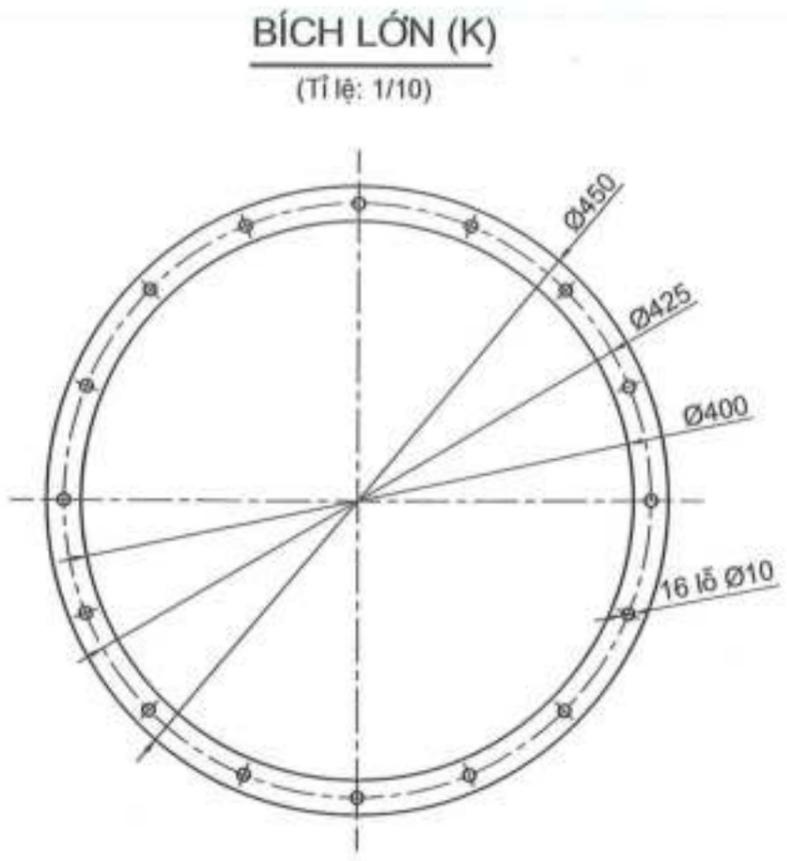
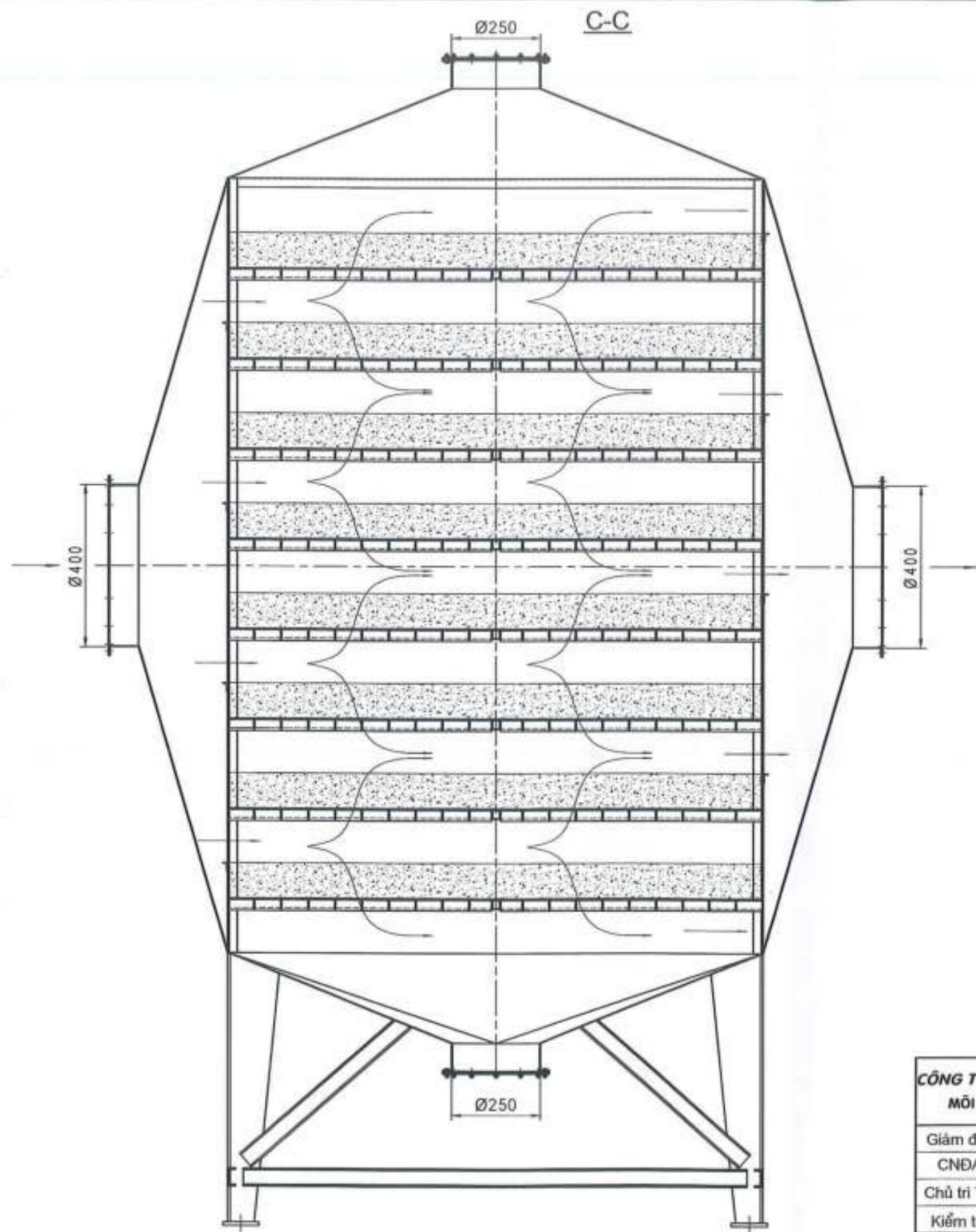


Diện tích = 7,47m².
Tôn dày 3mm.

CÔNG THU 2
(Tỷ lệ 1/40)



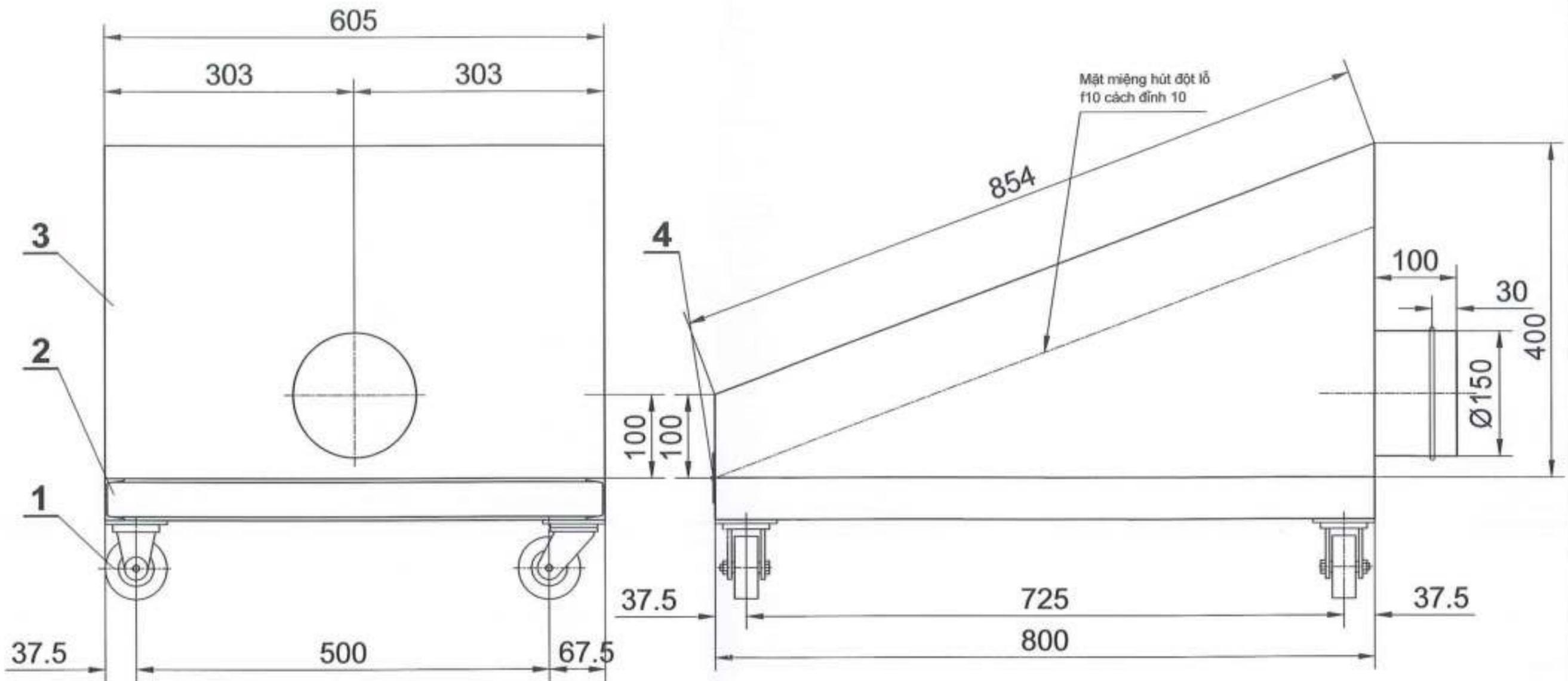
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ 379				THÁP HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH		
Giám đốc	Trần Phước Long			KHAI TRIỂN CÔNG THU 2	Khối lượng	Tỉ lệ
CNDA	Đặng Doãn Núi				145 Kg	1:5
Chủ trì TK	Đặng Doãn Núi				Số tờ: 02	Tờ số: 05
Kiểm tra	Đặng Doãn Núi					
Thiết kế	Bùi Xuân Bình			Số lượng: 02	MTTL.ST-XLK-CK-04-03	
Ngồi vẽ	Bùi Xuân Bình			Nguyên liệu: Thép CT3		



GHI CHÚ

- Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính có cấu tạo gồm có:
 Thân tháp trong đó bố trí 8 sàn vỉ (lưới lỗ Ø3) song song với nhau. Trên các vỉ lỗ đục chất lớp than hoạt tính dày khoảng 200mm - định kì sẽ thay hoặc làm sạch lại.
 Giữa các vỉ than bố trí các vách chặn để khí cần làm sạch đi qua các lớp than (xem mặt cắt A-A).

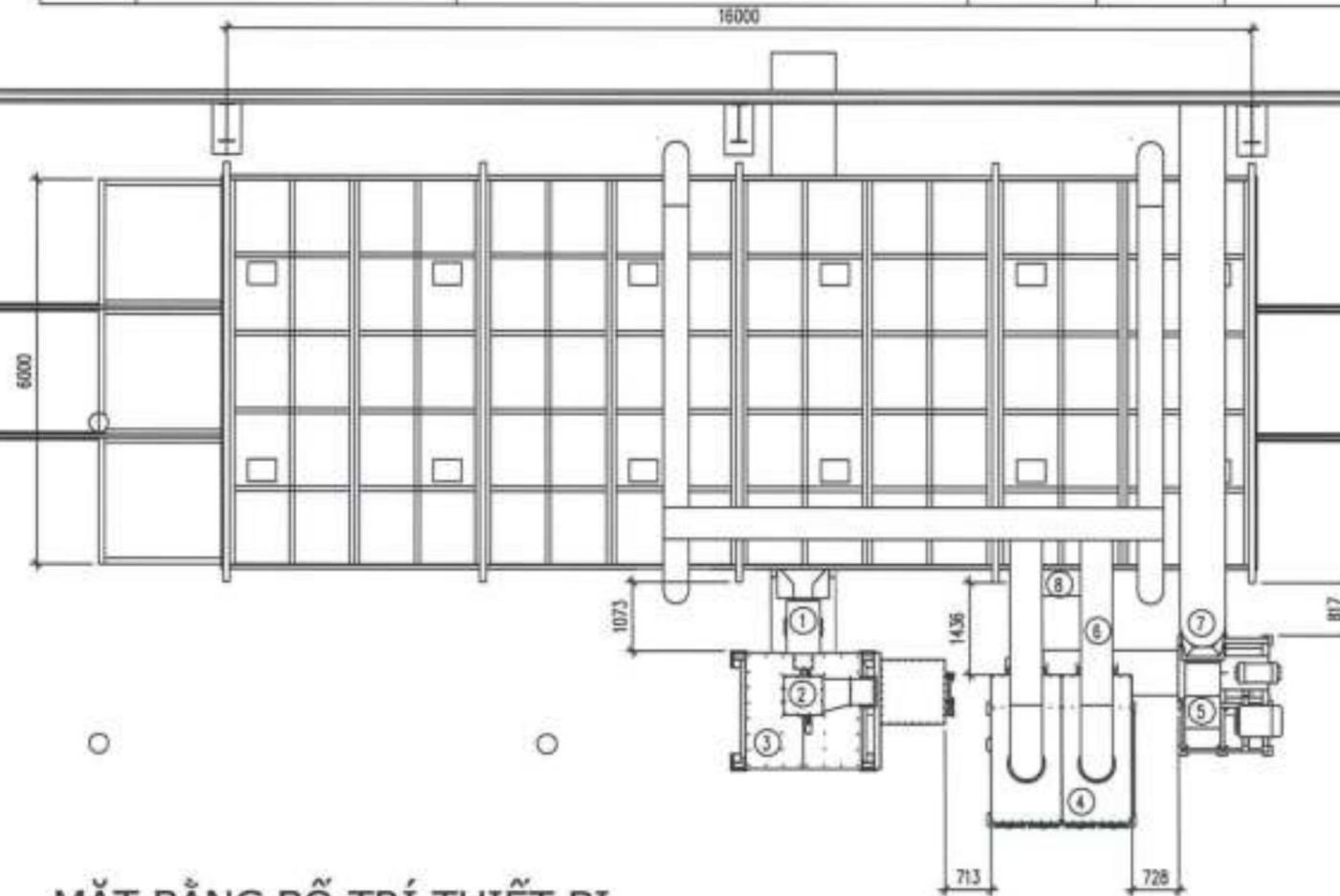
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ 379			THÁP HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH		
Giám đốc	Trần Phước Long		BẢN TỔNG THỂ	Khối lượng	Tỉ lệ
CNDA	Đặng Doãn Núi			1.100 Kg (Không kể than)	1:50
Chủ trì TK	Đặng Doãn Núi			Số tờ: 02	Tờ số: 01
Kiểm tra	Đặng Doãn Núi				
Thiết kế	Bùi Xuân Bình		Số lượng: 01	MTTL.ST-XLK-CK-04-00	
Ngời vẽ	Bùi Xuân Bình		Nguyên liệu:		



							MT379			THÁP HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH		
5							Giám đốc	Trần Phước Long	Phễu hút	Khối lượng	Tỉ lệ	
4	Bàn lễ	CT3		02		Mua	CNĐA	Đặng Doãn Nười		35 kg	1:10	
3	Thân phễu	CT3	Thép tấm dày 3mm	01	20.8	20.8	Chủ trì TK	Đặng Doãn Nười		Số tờ: 01	Tờ số: 01	
2	Khung phễu	CT3	U50x32x4x7- L2900mm	01	4.9	14.2	Kiểm tra	Đặng Doãn Nười		Số lượng: 01		
1	Bánh xe	CT3	F75	04			Thiết kế	Bùi Xuân Bình	Nguyên liệu: Thép CT3	MTTL.ST-XLK-CK-04-07		
TT	Tên gọi	Nguyên liệu	Kích thước	Số lg	1 cái	cả bộ	Ghi chú	Ngời vẽ	Bùi Xuân Bình			
					Khối lượng (Kg)							

BẢNG KÊ CHI TIẾT

STT	TÊN CHI TIẾT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT / ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	GẦU TẢI	700mm(L)x400mm(W)x7000(H) / 3Hp	BỘ	1	
2	BỘ VỆ SINH HẠT	600mm(L)x1200mm(W)	BỘ	1	
3	BÓN CHỨA TRUNG TÂM	10 tấn	BỘ	1	
4	TỦ BỤI	2300mm(L)x2000mm(W)x4500(H)	BỘ	1	
5	QUẠT HÚT BỤI	22 kW	BỘ	1	
6	ÔNG HÚT BỤI	Ø500mm	BỘ	1	
7	ÔNG TUẦN HOÀN	Ø700mm	BỘ	1	
8	TỦ ĐIỀU KHIỂN	800mm(L)x300mm(W)x1000(H)	BỘ	1	
9	BÓN PHUN BÍ	1000 Lít	BỘ	1	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ



ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Đăng Kiên



ĐẠI DIỆN CỦA BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Dũng

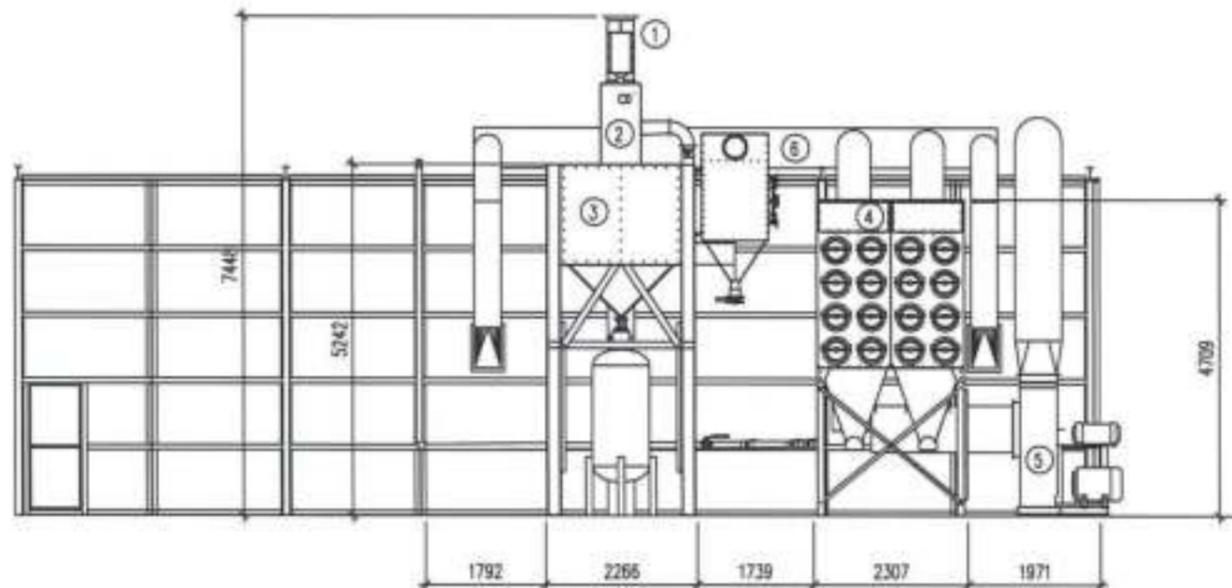
Số nhà		Tên nhà	
Mặt bằng thiết bị			
Hạng mục		Số lượng	
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	A	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	B	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	C	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	D	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	E	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	F	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	G	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	H	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	I	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	J	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	K	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	L	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	M	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	N	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	O	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	P	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	Q	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	R	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	S	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	T	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	U	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	V	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	W	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	X	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	Y	Hệ thống
<input type="checkbox"/> Hệ thống	<input type="checkbox"/> Hệ thống	Z	Hệ thống

VIỆT HẠN ENGINEERING CO., LTD. (VHE)
 CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VIỆT HẠN
 01 NGUYỄN VĂN THƯỜNG, P. 11, Q. TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT

STT	TÊN CHI TIẾT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT / ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	GẦU TÁI	700mm(L)x400mm(W)x7000(H) / 3Hp	BỘ	1	
2	BỘ VỆ SINH HẠT	600mm(L)x1200mm(W)	BỘ	1	
3	BỒN CHỨA TRUNG TÂM	10 tấn	BỘ	1	
4	TỦ BỤI	2300mm(L)x2000mm(W)x4500(H)	BỘ	1	
5	QUẠT HÚT BỤI	22 kW	BỘ	1	
6	ÔNG HÚT BỤI	Ø500mm	BỘ	1	
7	ÔNG TUẦN HOÀN	Ø700mm	BỘ	1	
8	TỦ ĐIỀU KHIỂN	800mm(L)x300mm(W)x1000(H)	BỘ	1	
9	BỒN PHUN BỊ	1000 Lít	BỘ	1	



MẶT ĐỨNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ



ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Đăng Kiên

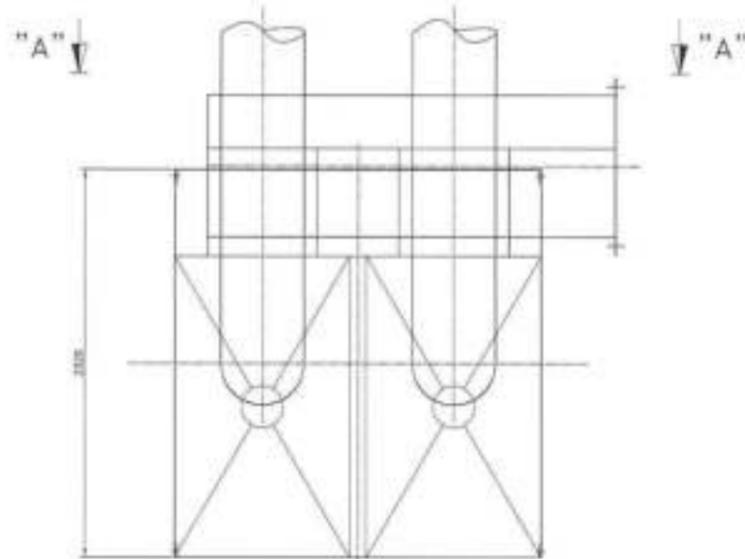


ĐẠI DIỆN CỦA BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Dũng

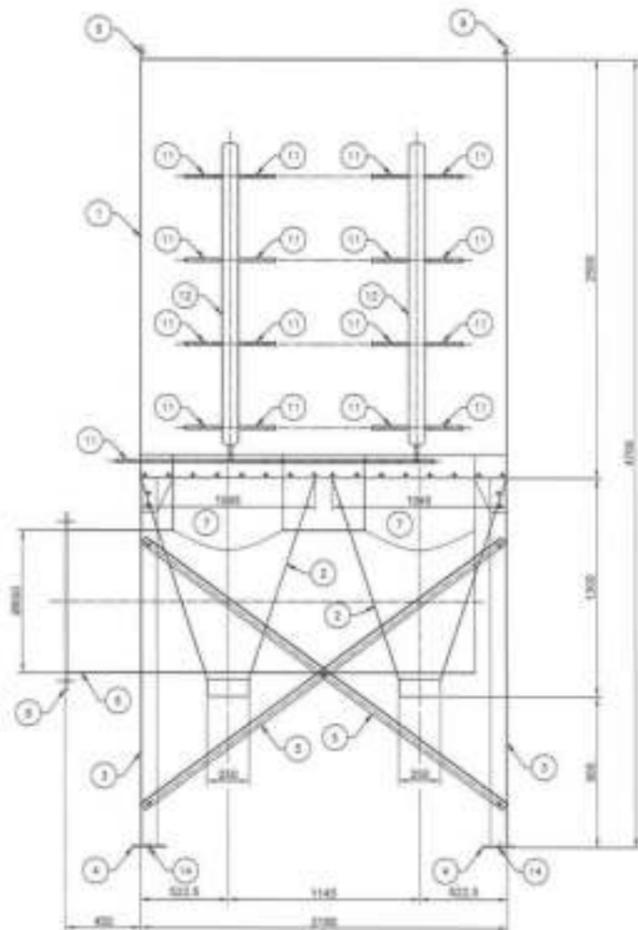
Số hiệu:		TÊN TÀI LIỆU:	
TÊN LIỆU THAM KHẢO:			
MATERIALS		QUY ĐỊNH	CHỈ ĐỊNH
<input type="checkbox"/> HỒN TH	<input type="checkbox"/> HỒN TH	A. HỒN TH	
<input type="checkbox"/> HỒN TH	<input type="checkbox"/> HỒN TH	B. HỒN TH	
<input type="checkbox"/> HỒN TH	<input type="checkbox"/> HỒN TH	C. HỒN TH	
<input type="checkbox"/> HỒN TH	<input type="checkbox"/> HỒN TH	D. HỒN TH	
<input type="checkbox"/> HỒN TH	<input type="checkbox"/> HỒN TH	E. HỒN TH	
<input type="checkbox"/> HỒN TH	<input type="checkbox"/> HỒN TH	F. HỒN TH	
Số hiệu:			
VIỆT HẠN ENGINEERING CO., LTD. (VHE)			
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VIỆT HẠN			
31 HÀNG DƯƠNG T. P. HẢI PHÒNG, T. P. HẢI PHÒNG, T. P. HẢI PHÒNG			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
TÊN	CHỨC VỤ	THỜI GIAN	CHỖ

STT	TÊN CHI TIẾT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VI	SỐ LƯỢNG
1	VỎ TỦ	3tx2190x2320x2500	BỘ	1
2	PHẾU TỦ	3tx1045x1300x250	BỘ	2
3	CỘT ĐỖ	L100x100x8-2188L	CÁI	4
4	TẤM CHÂN ĐÉ	12tx200x200	CÁI	4
5	GIĂNG CHÉO	L50x50x5-1600L	CÁI	8
6	ỐNG XẢ	Ø850-2500L	CÁI	1
7	ỐNG XẢ	415x560x3t	CÁI	2
8	MẶT BÍCH	Ø1050x15t	CÁI	1
9	MÃ CẦU	20x100x100	CÁI	4
10	LỖI LỌC	Ø400	CÁI	16
11	ỐNG KHÍ	Ø25	BỘ	1
12	ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ	Ø100	BỘ	1
13	ỐNG GOM BỤI	Ø500	BỘ	2
14	BULONG MÓNG	M20	BỘ	8

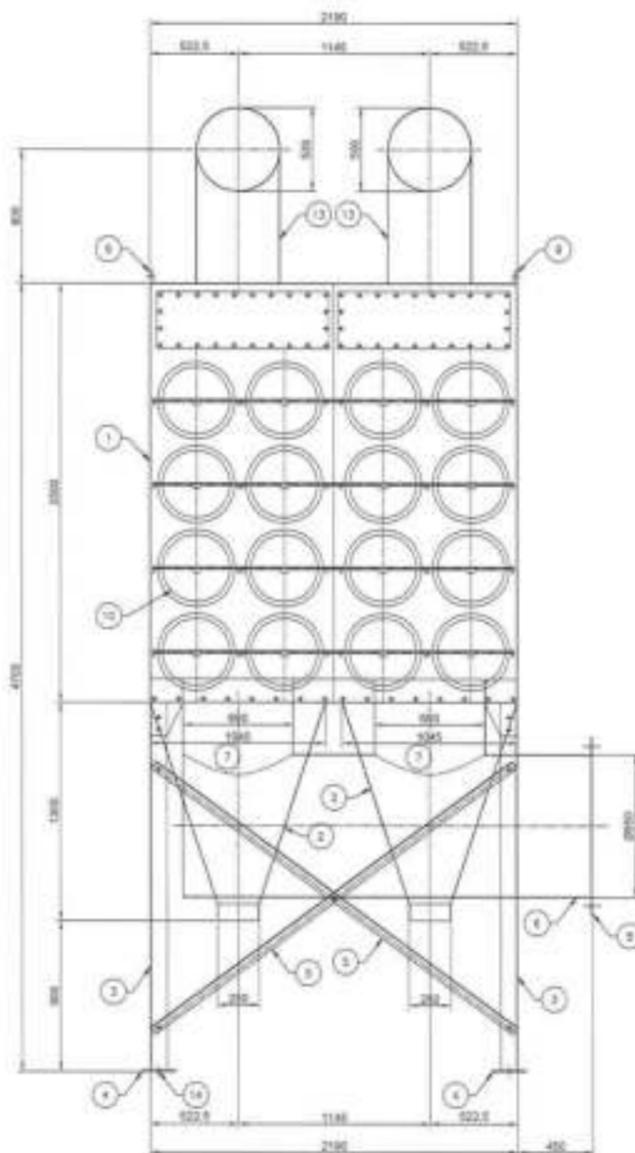


CHI TIẾT BULONG MÓNG

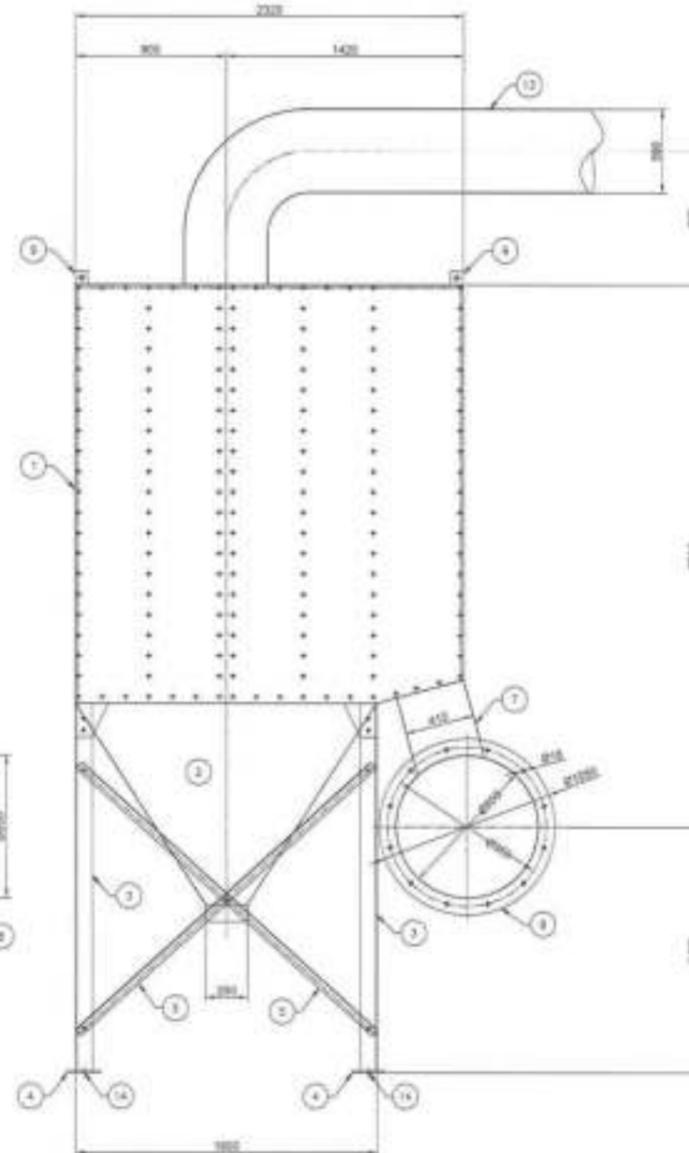
MẶT BẢNG TỦ GOM BỤI



MẶT CẮT A-A



MẶT ĐỪNG BỐ TRÍ TỦ GOM BỤI



MẶT BÊN BỐ TRÍ TỦ GOM BỤI



ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Bằng Hiến



ĐẠI DIỆN CỦA BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Dương

Số hiệu:		Tên tài liệu:	
Tên chi tiết/khối:			
Mặt vạt vế:		Mặt vạt vế:	
<input type="checkbox"/> Hình 1a	<input type="checkbox"/> Hình 1b	<input type="checkbox"/> Hình 1c	<input type="checkbox"/> Hình 1d
<input type="checkbox"/> Hình 1e	<input type="checkbox"/> Hình 1f	<input type="checkbox"/> Hình 1g	<input type="checkbox"/> Hình 1h
<input type="checkbox"/> Hình 1i	<input type="checkbox"/> Hình 1j	<input type="checkbox"/> Hình 1k	<input type="checkbox"/> Hình 1l
<input type="checkbox"/> Hình 1m	<input type="checkbox"/> Hình 1n	<input type="checkbox"/> Hình 1o	<input type="checkbox"/> Hình 1p
Mô tả:		Mô tả:	
<p>VIỆT HAN ENGINEERING CO., LTD. (VHE)</p> <p>CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VIỆT HAN</p> <p>31 NGUYỄN ĐỨC THẮNG, P. 12, Q. TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH</p>			
<p>BẢN VẼ HOÀN CÔNG TỦ GOM BỤI</p>			
Tỷ lệ:	Ngày:	Tháng:	Năm: